

Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh

(Ưu Bà Tắc Giới Kinh)

Hán Dịch : Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch : HT Tịnh Nghiêm

Nguồn

<http://www.tangthuphathoc.com>

Chuyển sang ebook 11-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Giới Thiệu Kinh Ưu Bà Tắc Giới

I. Sự quan hệ giữa Phật giáo và nhân sinh:

II. Địa vị của quyển kinh này trong Phật pháp:

III. Mục đích giảng giải bộ kinh này:

Phẩm Một - Tập Hội

Phẩm Hai - Phát Tâm Bồ Đề

Phẩm Ba - Tâm Đại Bi

Phẩm Bốn - Giải Thoát

Phẩm Năm - Ba Loại Bồ Đề

Phẩm Sáu - Tu Tập Nghiệp Ba Mươi Hai Tướng

Phẩm Bảy - Phát Nguyện

Phẩm Tám - Bồ Tát Giả Danh Bồ Tát Thực Nghĩa

Phẩm Chín - Tâm Kiên Cố Của Bồ Tát Thực Nghĩa

Phẩm Mười - Lợi Mình Lợi Người

Phẩm Mười Một - Trang Nghiêm Mình và Người

Phẩm Mười Hai - Trang Nghiêm Phước Đức Trí Tuệ

Phẩm Mười Ba - Thâu Phục Đệ Tử

Phẩm Mười Bốn - Thọ Giới

Phẩm Mười Lăm - Tịnh Giới

Phẩm Mười Sáu - Trừ Ác

Phẩm Mười Bảy - Cúng Dường Tam Bảo

Phẩm Mười Tám - Sáu Ba La Mật

Phẩm Mười Chín - Bồ Thí Ba La Mật
Phẩm Hai Mươi - Thanh Tịnh Tam Quy Y
Phẩm Hai Mươi Một - Bát Quan Trai Giới
Phẩm Hai Mươi Hai - Ngũ Giới
Phẩm Hai Mươi Ba - Thi La Ba La Mật
Phẩm Hai Mươi Bốn - Nghiệp
Phẩm Hai Mươi Lăm - Nhân Nhục Ba La Mật
Phẩm Hai Mươi Sáu - Tinh Tiến Ba La Mật
Phẩm Hai Mươi Bảy - Thiên Ba La Mật
Phẩm Hai Mươi Tám - Bát Nhã Ba La Mật

Giới Thiệu Kinh Ưu Bà Tắc Giới

Trong lịch sử truyền giáo của Ấn Độ và Trung Hoa, vai trò của người cư sĩ luôn luôn ở địa vị thứ yếu. Tương truyền, sự hưng khởi của Phật giáo Đại thừa ở Ấn Độ, là do sự bất mãn của cư sĩ tại gia đối với nếp sinh hoạt bảo thủ của Tăng đoàn Thanh văn thời bấy giờ. Như chúng ta thấy, trong nhiều kinh điển Đại thừa vào thời sơ kỳ, các nhân vật chính đều là cư sĩ tại gia, như kinh Duy Ma Cật, kinh Thắng Man, v.v... Điều này chứng tỏ có sự quật khởi của hàng cư sĩ tại gia trong lịch sử truyền bá của Đạo Phật.

Khi Đạo Phật truyền sang Trung Hoa, Phật giáo lại y cựu là Phật giáo của hàng ngũ xuất gia, còn vai trò của cư sĩ lại trở lui vào địa vị rất là thứ yếu. Hơn nữa, trong lịch sử hoằng truyền giới luật ở nước Tàu, giới luật của hàng cư sĩ rất ít có người quan tâm đến. Phật giáo nước Tàu tuy tự hào là Đại thừa, nhưng tinh thần Đại thừa không được phát huy đúng mức. Ngài Thái Hư Đại sư, một bậc cao tăng hiện đại của Trung Hoa, vào khoảng thập niên 1930, có đến thăm viếng các quốc gia Phật giáo Nam truyền, sau khi trở lại Đại lục, ngài đã than rằng: "Nước Tàu tuy mang danh là Đại thừa, nhưng tinh thần lại thực sự là Tiểu thừa; còn các nước Nam truyền, tuy mang danh là Tiểu thừa, nhưng tinh thần lại thực sự là Đại thừa." Tại sao nói như vậy? Bởi ngài thấy các nhà sư Trung

Hoa, có một tinh thần gần như tiêu cực, không chịu tham gia vào các hoạt động phước lợi cho xã hội nhân quần, mà chỉ hầu như tránh né quần chúng, lo tu cho chóng, hầu mau mau ra khỏi sinh tử luân hồi, vãng sanh Tịnh độ. Không chỉ những người tu Tịnh độ có thái độ như thế, mà ngay cả các người tu Thiên hay các tông phái khác cũng đều như thế. Điều này là một sự lệch lạc trầm trọng của tinh thần Bồ tát đạo.

Trước đời Đường Vũ Tông, các trào lưu tư tưởng Đại thừa rất phổ cập trong nhân gian. Các đại tự viện do các cao tăng trụ trì thường tọa lạc trong các thành phố lớn, thành thử, Phật giáo vẫn còn giữ được mối liên hệ mật thiết với quần chúng. Khi Đường Vũ Tông phá diệt Phật giáo vào năm 845, hầu hết những tự viện tại các đô thị đều bị phá hủy, kinh điển bị thiêu đốt, tăng ni bị bắt hoàn tục. Nói chung, các tông phái đều bị thiệt hại nặng nề, trừ Thiên tông. Lý do là vì các tu viện Thiên tông phần lớn đều ở chốn thâm sơn cùng cốc, thành thử tránh được sự dòm ngó của triều đình. Do đó, từ đời Ngũ Đại về sau, nhất là trong đời Triệu Tống, sau khi có một vị hoàng đế ra sắc lệnh khuyến cáo các vị xuất gia nên ẩn trú tại sơn lâm tu hành, thì phần lớn các chùa chiền đều được xây cất nơi thâm sơn hẻo lánh. Trong các đô thị, chỉ còn lại những ngôi chùa của các thầy chuyên đi cúng đám (Tàu gọi là ứng phó tăng). Tinh thần xa lánh trần thế của người xuất gia trở thành một phong khí rất thịnh hành thời bấy giờ. Thịnh hành đến nỗi, những kẻ xuất gia trú ngụ nơi đô thị đều bị châm biếm mỉa mai. Ngạn ngữ Tàu có câu:

Ninh tọa thâm sơn cơ ngạ tử,
Bất tác nhân gian ứng phó tăng.

Nghĩa là chẳng thà ngồi chịu chết trong núi sâu, chứ không chịu làm ông thầy cúng nơi chốn nhân gian. Hàm ý của hai câu trên rất phong phú, và có thể giải thích nhiều cách, thế nhưng, tựu trung, ý nghĩa chính vẫn là muốn nói rằng những người tu hành chân chánh phải là những kẻ xa lánh trần tục, và hơn nữa, nếu như chúng ta

nhận xét kỹ, sẽ thấy rằng quan niệm tu hành thời bấy giờ đã lưu lộ những tư tưởng yếm thế tiêu cực của Tiểu thừa. Từ đó trở đi, sự quan hệ giữa người xuất gia và quần chúng càng ngày càng trở nên phai nhạt. Mọi người bắt đầu có cái nhìn lệch lạc về Phật giáo, cho rằng những người xuất gia là những kẻ bất hiếu, chán đời, vô trách nhiệm đối với xã hội; thậm chí, còn miệt thị những kẻ xuất gia là sâu mọt, là ký sinh trùng của xã hội. Những quan niệm lệch lạc về Phật giáo như vậy, vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Còn về phần những người xuất gia, vì quá tha thiết với tâm trạng mong cầu giải quyết vấn đề sinh tử đại sự, cho nên cũng ít có người quan tâm đến vấn đề hoằng dương Phật pháp, hoặc phát triển tinh thần chân thực của Đại thừa. Sự diễn giảng kinh điển trở thành khô cứng, hoặc chỉ chú trọng đến phần *đàm huyền thuyết diệu*, hoặc chỉ thuần là sự những *giải thích danh tướng*. Những bộ kinh được ưa chuộng nhất trong thời bấy giờ là Hoa Nghiêm, Thủ Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Duy Ma Cật, v.v... Thế nhưng, các nhân vật tiêu biểu như Đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, Long Nữ trong kinh Pháp Hoa, Trưởng giả Duy Ma Cật trong kinh Duy Ma Cật, đều bị nâng cao đến chín tầng mây, đều trở thành các vị Bồ tát bất khả tư nghì, không còn quan hệ gì đến hiện thực nhân gian nữa. Những ước mơ, nguyện vọng, khắc khoải được gửi gắm trong những lời nghi vấn thiết tha nồng nhiệt của Đồng tử Thiện Tài: "Thế nào để tu Bồ tát hạnh, hành Bồ tát đạo", đã biến thành những cụm mây trắng bệch trôi lững lờ vào những ngõ hoang vu. Ý nghĩa của hai chữ Đại thừa thực sự đã biến thành rỗng tuếch.

Còn nếu bàn về phương diện giới luật của Bồ tát tại gia cũng như xuất gia, thì thịnh hành nhất là bộ kinh Bồ tát giới Phạm Võng. Thế nhưng, sự diễn giảng của bộ kinh này cũng bị kẹt vào những lỗi lầm vừa mới nêu trên. Nếu chúng ta có cơ hội đọc sách chú giải của những bậc cổ đức, sẽ thấy phần lớn đều chỉ là những sự huyền đàm về cảnh giới Lô Xá Na, còn phần giải thích các điều giới thì lại hoàn toàn là sự phân tích danh tướng một cách máy móc, y như trong các bộ luật của Tiểu thừa. Thực sự mà nói, các

điều giới trong các bộ Luật chỉ là những công cụ cho người thọ giới dùng làm phương tiện trong cuộc hành trình thực thi Bồ tát đạo, mà tự chúng không phải là mục tiêu cứu cánh. Đến như giới luật của Bồ tát tại gia như bộ kinh Ưu Bà Tắc Giới, thì lại càng ít có người để ý đến. Bộ kinh này, tuy đã được ngài Đàm Vô Sấm dịch từ đời Lưu Tống (khoảng năm 420 AD), thế mà mãi đến cuối đời nhà Thanh (khoảng năm 1900 AD) vẫn không có một bộ chú giải nào cho bộ kinh này được ghi vào Đại tạng Trung Hoa. Điều này chứng tỏ bộ kinh này không được coi trọng trong lịch sử Phật giáo nước Tàu.

Theo truyền thống Phật giáo Trung Hoa, mọi người đều cho rằng bộ Bồ tát giới Phạm Võng có thể áp dụng chung cho hai hàng tại gia và xuất gia, kỳ thực, nếu xét cho kỹ vấn đề không phải hoàn toàn như vậy. Trước khi đi vào chi tiết của vấn đề này, chúng ta sẽ nói sơ lược về sự hoằng truyền của các bộ giới luật Bồ tát trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Nếu kiểm kê trong Đại tạng Phật giáo, chúng ta sẽ thấy, giới luật Bồ tát có năm bộ chính:

(1) Phạm Võng Bồ Tát Giới, giảng về mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Dao Tần (khoảng năm 410AD). Bộ này áp dụng chung cho hai hàng Bồ tát tại gia và xuất gia.

(2) Bồ Tát Thiện Giới Kinh, giảng về tám giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, do ngài Cầu Na Bạt Ma dịch vào đời Lưu Tống. Bộ này chỉ áp dụng cho hàng Bồ tát xuất gia.

(3) Du Già Bồ Tát Giới, giảng về bốn giới trọng, bốn mươi ba giới khinh, do ngài Huyền Tráng dịch vào đời Đường. Bộ này áp dụng chung cho hai hàng Bồ tát tại gia và xuất gia.

(4) Địa Trì Bồ Tát Giới, giảng về bốn giới trọng, bốn mươi một giới khinh, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Lưu Tống. Bộ này áp dụng chung cho hai hàng Bồ tát tại gia và xuất gia.

Hai bộ (3) và (4) là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản tiếng Phạn. Về phương diện văn chương, thì bản của ngài Huyền Tráng có phần đặc sắc, thế nhưng, về phương diện bình dị, dễ hiểu, thì bộ của ngài Đàm Vô Sấm có phần trội hơn.

(5) Ưu Bà Tắc Giới Kinh, giảng về sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh, cũng do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Lưu Tống. Bộ này chỉ áp dụng cho hàng Bồ tát tại gia.

Theo truyền thuyết, bộ Phạm Võng là bộ kinh cuối cùng mà ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch, và cũng theo truyền thuyết, thì sau khi phiên dịch bộ kinh này, ngài đã truyền thọ giới Bồ tát cho hơn ba trăm người tại Tiêu Dao Viên. Nếu đúng như truyền thuyết đã nói, thì ngài La Thập là người đầu tiên hoằng truyền Đại thừa Bồ tát giới ở Trung Hoa, thế nhưng lại có người cho rằng ngài Đàm Vô Sấm mới đích thực là người đầu tiên Đại thừa giới luật ở Trung quốc. Công bình mà nói, nếu ngài Đàm Vô Sấm không phải là người đầu tiên, thì ít ra ngài cũng là một đại công thần trong lịch sử hoằng truyền Đại thừa giới luật ở nước Tàu. Như chúng ta thấy, các bộ kinh Đại thừa mà ngài phiên dịch, nhất là bộ kinh Đại Bát Niết Bàn, đã có công lao trong việc thiết lập nền móng cho tư tưởng Đại thừa ở nước Tàu. Sau này, ngài Trí Khải Đại sư, tổ thứ ba của tông Thiên Thai, đã đưa bộ kinh này lên ngang hàng với bộ kinh Pháp Hoa là bộ kinh chủ yếu của tông Thiên Thai.

Trở lại vấn đề mà chúng ta muốn tìm hiểu là địa vị của kinh Ưu Bà Tắc giới. Như trên đã nói sơ qua, suốt hơn một ngàn năm, bộ kinh này không có một địa vị nào đáng kể trong các bộ kinh được chú giải ở Trung Quốc, mãi cho đến đầu thế kỷ hai mươi, vào đời Dân Quốc, mới có ngài Thái Hư Đại sư, một bậc cao tăng hiện đại, một người có nguyện vọng chấn hưng Phật giáo Đại thừa, thực sự hoằng dương. Phật giáo Trung Quốc thời bấy giờ có thể nói là đã hoàn toàn thoát ly với xã hội hiện thực. Tuy cũng có các bậc cao tăng như ngài Ấn Quang Đại sư, ngài Hoằng Nhất Đại sư, v.v... đang cực lực hoằng dương Phật pháp, thế nhưng những nỗ

lực của các ngài cũng chỉ là những sự vá vúi tạm thời, chứ không thể nào là sự chinh đốn toàn bộ cục diện của Phật giáo. Đến ngài Thái Hư Đại sư, vì muốn cứu vãn Phật giáo, bằng cách đưa Phật giáo trở lại nhân gian, không thể để cho quần chúng tiếp tục hiểu lầm là đạo Phật cũng giống như các ngoại đạo thờ thần thờ quỷ khác, ngài bèn chủ trương **Nhân sinh Phật giáo**, nghĩa là Phật giáo lấy nhân sinh làm căn bản, chứ không mơ mộng viển vông trong những huyền tưởng cao vời, xa lìa đời sống hiện thực của quần chúng.

Trong bài giảng về bộ kinh này, Thái Hư Đại sư tóm lược quan điểm của ngài, mà chúng ta có thể phân làm ba đoạn chính, như sau:

I. Sự quan hệ giữa Phật giáo và nhân sinh:

a. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe: Thực sự mà nói, Đức Phật thuyết pháp, không phải chỉ vì loài người trên địa cầu này, mà là vì tất cả chúng sanh. Cho nên trong kinh có nói: “Vì tất cả chúng sanh trong cùng tận hư không vô biên thế giới mà thuyết pháp.” Hiện nay Phật pháp được lưu truyền trên thế giới này là do Đức Phật Thích Ca, bậc thị hiện thành Phật trong nhân gian, giảng nói. Tuy cũng chỉ là một loại chúng sanh, thế nhưng loài người lại có những ý nghĩa thù thắng. Đức Phật Thích Ca thị hiện thân người thuyết pháp, phần lớn là nhắm vào loài người mà nói. Đức Phật nói: "Thân người khó được, Phật pháp khó nghe," là muốn xác định rằng sinh ra làm người không phải dễ dàng. Nếu dùng Phật pháp quan sát loài người, thì quả thật loài người có nhiều ưu điểm. Thế nhưng, sinh được làm người chưa chắc được nghe Phật pháp. Nếu như không nghe được Phật pháp, sẽ không biết được giá trị của nhân sinh, và như thế, cả một đời người sẽ trở thành luống uổng. Cần phải nghe Phật pháp thì mới biết được: sự tạo nghiệp sẽ đưa đến quả báo, đời này qua đời khác, nối tiếp tương tục. Có nhân có quả thì mới sanh được thân người, thế nhưng thân người lại là vô thường. Nếu như trong đời người, hoặc làm ác,

hoặc làm thiện, hoặc phát tâm cầu giải thoát, hoặc phát tâm Bồ đề, tức có thể chuyển sinh vào ác thú, thiện thú, hoặc thành A la hán, Bích chi phật, nhẫn đến thành Bồ tát hoặc thành Phật. Đây là do nghe được Phật pháp, mới biết được ý nghĩa sâu rộng của nhân sinh, và do đây mới thấy được quan hệ mật thiết giữa Phật pháp và nhân sinh.

b. Nhân loại là chìa khóa của các sự tội phúc, phạm thánh: Con người chỉ là một loại trong vô số loại chúng sinh. Phật pháp thường chia chúng sinh làm mười loại, tức là tứ thánh, lục phàm. Tứ thánh là A la hán, Bích chi phật, Bồ tát và Phật. Bốn bậc thánh này đã vượt thoát được luân hồi sanh tử, còn những chúng sanh đang ở trong luân hồi thì gọi là lục phàm, tức là trời, người, a tu la, ngạ quỷ, súc sanh và địa ngục. Trong lục phàm, chỉ có trời là cao hơn người, còn ở dưới người thì có bốn loài: a tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, còn gọi là bốn ác thú, tức là những chúng sanh đang thọ ác báo. A tu la, dịch là phi thiên, loại này, người bình dân thường gọi là thần, có phước báo gần như trời, nhưng không có uy đức như loài trời. Loại này tính tình hung hăng, ưa thích đấu tranh, thành thử thường hay thọ khổ. Dưới nữa là loài súc sanh, tức là loại chim muông cầm thú, mà chúng ta thường gọi là động vật. Đây là loại chúng sanh [duy nhất] mà loài người thấy được. Ngoài ra còn những chúng sanh mà loài người không thấy được, tức là chúng sanh ở cõi u minh, là hai loài ngạ quỷ và địa ngục. Hai loại chúng sanh này toàn là thọ khổ báo. Nói chung, trong mười loại chúng sanh, người và trời đứng ở chính giữa. Về phương diện hưởng thọ phước báo loài trời tội hơn loài người, thế nhưng về phương diện năng lực sáng tạo của thân tâm, thì loài trời lại kém hẳn loài người. Nếu tạo nghiệp ác thì có thể sẽ trong nhiều đời nhiều kiếp thọ ác báo, còn nếu tạo nghiệp thiện, hoặc gặp được Tam bảo, nghe pháp, trì giới, v.v..., thì có thể sẽ trong nhiều đời nhiều kiếp hưởng thọ phước báo. Hơn nữa, từ địa vị phàm phu vượt lên địa vị thánh nhân, thì chỉ có loài người là có thể làm được. Điều này trong nhiều kinh luận khác đã nói rõ.

Từ dị sanh tánh [tức lục phàm] mà có thể sanh khởi thánh đạo, thì chỉ có loài người mới có khả năng, còn các loài loài dị sinh khác không thể làm được, do vì loài người có thể tu tập bố thí, trì giới, đa văn, v.v..., rất nhiều công đức, mà dù là loài trời cũng không thể sánh bằng. Đây là công năng thù thắng của nhân loại, cho nên gọi nhân loại là chìa khóa mở vào bốn đường thánh cùng năm đường phàm kia. Ý nghĩa như thế của nhân sinh, chỉ có Phật giáo là phát huy đến chỗ cùng cực. Nếu không có Phật pháp thì không thể biết được loài người có hy vọng siêu phàm nhập thánh.

c. Giảng sinh nhân gian thành Phật thuyết pháp: Phật pháp là do Đức Thích Ca Mâu Ni nói ra, sau khi Ngài giảng sinh nhân gian, chứng thành Phật quả. Đức Phật có ba thân, là pháp tính thân, thọ dụng thân, và biến hóa thân. Pháp tính thân và thọ dụng thân của Phật bao trùm khắp mọi nơi, không có hình tướng để có thể thấy được. Còn như biến hóa thân, thị hiện tám tướng thành đạo [1], tức là thân của Đức Phật mà nhân loại có thể nhìn thấy. Thân này là do Bồ tát tối hậu thân, từ trời Đâu xuất giảng sinh nhân gian, xuất gia tu đạo, thành Phật thuyết pháp. Từ tám tướng thành Phật này mới có Phật pháp được lưu truyền. Thế nhưng, Phật pháp không những lưu truyền ở nhân gian, mà còn lưu truyền ở thiên cung, long cung, v.v... Nhân vì sự thị hiện thành Phật, thuyết pháp độ sinh đều ở tại nhân gian, do đó chúng ta thấy được Phật pháp và nhân gian có một quan hệ mật thiết. Trưởng giả Bùi Huru, khi viết bài tựa cho kinh Viên Giác, đã có câu: "*Chư thiên chánh lạc, tu la phương sân, quỷ thần trầm u tù chi khổ, súc sinh hoài duật dừ chi bi, kỳ năng chinh tâm lực, thú Bồ đề, duy nhân đạo vi năng.*" Nghĩa là: loài trời chỉ lo hưởng lạc, tu la thì sân hận đấu tranh, quỷ thần chìm trong cõi khổ não tối tăm, súc sanh thì sống trong nỗi sợ hãi kinh hoàng. Còn như có thể tu sửa thân tâm, tiến bước trên con đường Bồ đề, thì chỉ có loài người là có khả năng. Cho nên biết rằng, Phật pháp tuy là vì tất cả chúng sanh, thế nhưng từ sự quan hệ thù thắng mà nói, thì loài người là chỗ Phật pháp có thể nương cậy, còn Phật pháp lại là vật cần thiết nhất cho loài

người. Cho nên nhân sinh đối với Phật pháp, cần phải nghiên cứu thấu triệt, và y vào đó mà tu hành.

II. Địa vị của quyển kinh này trong Phật pháp:

Sự lưu hành của Phật điển, đại khái có thể chia làm ba tạng: kinh, luật, luận. Lại còn những trước tác của các bậc cổ đức được xếp vào tạp tạng, thành thử tổng cộng có bốn tạng. Quyển kinh Ưu Bà Tắc Giới này thuộc về kinh tạng. Chữ kinh, tiếng Phạn là Tu đa la, tức là sự kết tập tất cả những gì mà Đức Phật đã giảng nói, để lưu truyền tại thế gian. Quyển kinh này có địa vị nào trong các kinh điển của Phật giáo? Ở đây chúng ta sẽ lần lượt phân tích.

a. Ngũ thừa cộng pháp và Đại thừa bất cộng pháp: Phật pháp có thể chia làm ba loại: (i) Ngũ thừa cộng pháp, tức là pháp chung cho người, trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Trong ngũ thừa cộng pháp này, trời người là cơ sở cho Tam thừa xuất thế kia. (ii) Tam thừa cộng pháp, tức là pháp chung cho sự thoát ly sinh tử luân hồi, tức là pháp Tứ đế của Thanh văn, pháp Thập nhị nhân duyên của Duyên giác, và pháp Lục độ của Bồ tát. (iii) Đại thừa bất cộng pháp, tức là pháp phát tâm Bồ đề, quảng độ chúng sanh, tu học lục độ vạn hạnh để thành Phật. Quyển kinh này, trong ba loại trên, vì có tên Ưu Bà Tắc Giới, nên có thể xếp vào Ngũ thừa cộng pháp; thế nhưng, vì giảng giải về phát Bồ đề tâm, tu học lục độ, quảng độ chúng sanh, cho nên lại có thể xếp vào Đại thừa bất cộng pháp. Chúng ta có thể cho rằng quyển kinh này, vừa là Ngũ thừa cộng pháp, vừa là Đại thừa bất cộng pháp. Bởi vì những kẻ thọ trì giới pháp của bộ kinh này, thì được gọi là Bồ tát ưu bà tắc.

b. Trong ba phần cảnh, hành, quả, quyển kinh này đặc biệt chú trọng thực hành: Phần chủ yếu của quyển kinh này, trong ba phần cảnh, hành, quả, là thuyết minh về phần nào? Trong kinh điển của Phật giáo, nói rộng về phần tính tướng của các pháp, thì được gọi là cảnh; nói rộng về trì giới, tu hành lục độ, thì gọi là hành; còn nếu nói rộng về phần phước trí trang nghiêm, công đức

của Phật, thì gọi là quả. Trong các kinh điển Phật giáo, hoặc có kinh chú trọng về cảnh, hoặc có kinh chú trọng về hành, hoặc chú trọng về quả, lại có kinh chú trọng đến hai, hoặc cả ba phần. Quyển kinh này chú trọng đến sự thọ trì giới hạnh, do đó trong ba phần cảnh hành quả, có thể nói quyển kinh này chú trọng về hành.

c. Lấy giới ưu bà tắc làm trung tâm: Quyển kinh này giảng giải về giới ưu bà tắc, cho nên có thể nói là lấy giới ưu bà tắc làm trung tâm. Hai chữ ưu bà là dịch âm, dịch nghĩa là thanh tín, hoặc dịch là cận sự, hoặc dịch là thiện túc. Nói một cách tổng quát, tức là những đệ tử của Đức Phật, có lòng tin trong sạch, thân cận hộ trì Phật pháp. Chữ tắc, cũng là dịch âm, ý muốn chỉ nam tính. Quyển kinh này được giảng giải là do một vị nam cư sĩ chất vấn, nếu luận về tính chất, cũng có thể gọi là Ưu Bà Di Giới kinh; chữ di, là chỉ nữ tính. Bởi vì giới ưu bà tắc không phân biệt đối tượng là nam hay nữ. Quyển kinh này nói về Phật pháp, quan hệ đến tất cả pháp mà Đức Phật đã chứng đắc, thế nhưng lại dùng giới ưu bà tắc làm trung tâm điểm, cho nên phải dùng đây làm đầu mối để quán thông tất cả. Từ quan điểm này mà nhìn, chúng ta có thể nói: từ phẩm Phát Tâm Bồ Đề cho đến phẩm Thọ Giới, là nói rộng về sự thọ giới cho những kẻ có khả năng; từ phẩm Tịnh Giới cho đến phẩm Bát Nhã Ba La Mật, là nói về sự tu hành của kẻ đã thọ giới ưu bà tắc. Cho nên gọi là Ưu bà Tắc Giới Kinh.

Lấy Bồ tát tại gia làm trung tâm: Kinh Ưu bà Tắc Giới, hay nhất nên gọi là Kinh Bồ tát tại gia. Chúng ta có thể thấy, như trong phẩm Tập Hội đã nói rõ: "**Kẻ tại gia phát tâm Bồ đề, thù thắng hơn quả vị A la hán, Bích chi Phật.**" Lại trong phần cuối của mỗi phẩm đều có đoạn: "Kẻ tại gia phát tâm Bồ đề, v.v... đều khó khăn hơn kẻ xuất gia." Quyển kinh này, tuy quán thông tất cả Phật pháp, thế nhưng, chung cuộc vẫn lấy Bồ tát tại gia làm trung tâm điểm. Trong kinh tán thán Bồ tát tại gia phát tâm Bồ đề, thì từ cõi trời Tứ Thiên Vương cho đến cõi trời A Ca Ni Trá, đều hoan hỷ vui mừng, tôn trọng [kẻ phát tâm] như bậc thầy của trời người. Trong kinh lại có nói: "**Kẻ xuất gia không phải lo việc sinh kế, thọ dụng sự cúng**

dường của trời người, cho nên đối với pháp Bồ thí ba la mật khó có thể thành tựu viên mãn." Do đó, kinh này được Bồ tát tại gia đặc biệt tôn sùng.

III. Mục đích giảng giải bộ kinh này:

a. Vì muốn kiến lập nhân gian Đại thừa Phật giáo: Trong phần sự quan hệ giữa Phật pháp và nhân sinh, chúng ta đã nói rõ giữa Phật giáo và nhân sinh có một ý nghĩa thâm thiết. Nếu như xét kỹ ý chỉ chân chánh của Phật pháp, thì bất cứ sự chứng đắc, hay tuyên dương giáo pháp nào, đều là Phật pháp Đại thừa. Cho nên muốn hoằng dương Phật pháp, nên dùng nhân loại thế gian mà hoằng dương Đại thừa Phật pháp. Hơn nữa, chỉ có nhân sinh là đang cần Đại thừa Phật pháp nhất, cho nên phải kiến lập nhân gian Đại thừa Phật giáo. Quyển kinh này có thể làm quy củ, mô phạm cho tất cả nam tử, nữ nhân đầy đủ thiện căn, tu hành thành tựu đạo Bồ tát tại gia. Nếu như mọi người y vào kinh này, phát tâm tu hành, lợi mình lợi người, thì nhân gian Đại thừa Phật giáo sẽ do đây mà được kiến lập, nhân loại trên thế giới cũng nhờ sự lợi ích của Đại thừa Phật pháp, mà được hưởng hạnh phúc của sự hòa bình an lạc.

b. Vì muốn đề xướng sự tu hành thực tiễn: Trong các người học Phật, do sự nỗ lực nghiên cứu, hoặc có kẻ trở thành một học giả của một tông phái, hoặc có kẻ trở thành một bác học Phật giáo. Tuy đây cũng là sự kiện mà Phật giáo đang cần, thế nhưng tông chỉ của Phật pháp, xưa nay vẫn là sự tu hành thành Vô thượng giác, chứng thực thấu triệt tính tướng của các pháp, rồi từ đó khai thị tính tướng của các pháp, dẫn đạo kẻ khác tu hành thực tiễn, hy vọng những kẻ khác cũng sẽ chứng thực thấu triệt tính tướng của các pháp mà thành Vô thượng giác. Vì thế các pháp mà Đức Phật giảng nói đều là chú trọng đến sự thực tiễn tu hành. Như trong phẩm Tập Hội đã giảng rõ: "Thể tính của Bồ tát không phải đã tự sẵn có, cũng không phải nương vào Đức Phật mới có, mà là do nhân duyên phải tâm tu hành mới có." Đây là điểm nhấn mạnh đến sự thực hành rất đặc sắc của quyển kinh này. Hôm nay vì muốn đề

xướng những người phát tâm học Phật nên thực tiễn tu hành, cho nên chọn quyển kinh này để giảng giải.

Từ căn bản giới học bắt đầu tu lên: Bồ tát chia làm hai hạng, một là tại gia, hai là xuất gia. Số người xuất gia rất ít, còn số người tại gia thì rất đông. Quyển kinh này là y vào kẻ tại gia mà phát huy sự cần thiết của giới học, cho nên đây là điều có thể phổ cập đến nhân loại một cách hay nhất. Thế nhưng trong tam học giới định tuệ, trước tiên nên lấy giới học làm căn bản để tu tập, nghĩa là do giới sinh định, y vào định phát tuệ. Giới là căn bản của định tuệ. Sau khi sinh định, thì giới sẽ tương ứng với định mà trở thành định cộng giới; sau khi phát tuệ, thì giới lại tương ứng với tuệ mà trở thành đạo cộng giới. Giới có thể sinh định, là do sau khi đầy đủ giới hạnh, lý đắc tâm an, trong tâm thường sinh hoan hỷ an lạc, do an lạc mà tâm định, y vào định thể nghiệm quan sát nên phát sanh trí tuệ, tức là vô lậu thánh trí. Do đó, tu học Phật pháp phải lấy giới học làm căn bản mà tu lên.

c. Vì muốn từ pháp lục độ phổ thông mà tu tập: Người Tàu có thói quen là muốn nhảy vượt, mà không muốn bị trói buộc vào một trình tự nào hết, hơn nữa, lại ít quan tâm đến sự thực hành bằng con đường phổ thông bình dị. Những người học Phật ưa thích chọn một bộ kinh để nghiên cứu, hay chọn một tông phái nào đó để tu tập, rồi lại tự cho mình là cao hơn tất cả, đối với các bộ kinh khác, hoặc các tông phái khác, thường sinh khởi sự tranh biện thị phi. Quyển kinh này, trong phẩm Lục Ba La Mật, có giảng rõ là chúng ta nên tu phá lục độ, là phương pháp phổ thông mà các vị Bồ tát thường tu. Hơn nữa, lạc còn phá xích những quan niệm sai lệch khác, như có người cho rằng không nhất định có pháp lục độ, hay cho rằng lục độ có thể hợp thành tứ độ, hoặc lục độ hợp thành nhất độ, v.v... Đại khái mà nói, trên phương diện đàm huyền thuyết diệu, thì mọi sự mọi vật đều có thể viên dung, một tức là tất cả, tất cả tức là một, một độ có thể thống nhiếp tất cả độ, tất cả độ có thể nhiếp vào một độ. Thế nhưng trên căn bản, trước tiên phải thành lập tướng đặc thù của mỗi độ, rồi sau đó mới có thể thể hội cái lý

tương tương nhiếp tương dung. Thế nên, phải từ phương diện sáu độ mà tu tập, thì mới có thể tiến bước trên con đường rộng rãi bằng phẳng, từ địa vị phàm phu, tiến qua các giai vị Bồ tát mà thành Phật.

Phần trên chúng ta trình bày sơ lược về quan điểm của ngài Thái Hư khi ngài giảng bộ kinh này tại Nam Kinh vào năm 1935. Từ những nhận xét mà ngài đã đưa ra, chúng ta có thể xác định được địa vị xứng đáng của bộ kinh này. Nhất là trong thời buổi hiện tại, khi mà thế lực của tầng đoàn càng lúc càng suy vi, và vai trò của người Phật tử tại gia càng lúc càng trở nên trọng yếu. Quyển kinh này có thể nói là cẩm nang, là quyển sách gối đầu cho người tại gia phát tâm học tập Bồ tát đạo. Bối cảnh của bộ kinh này rất bình dị, rất thực tế, không phải như những bộ Bồ tát giới khác. Chẳng hạn như bộ Phạm Võng Bồ Tát Giới là do Đức Lô Xá Na giảng cho các vị Đại Bồ tát trên cõi trời A Ca Ni Trá, hoặc là bộ Du Già Bồ Tát Giới là do Bồ tát Di Lặc giảng cho ngài Vô Trước trên cung trời Đâu Suất, hoặc như bộ Bồ Tát Thiện Giới Kinh là do Đức Thích Ca giảng cho các vị Đại Bồ tát tại Kỳ Viên Tinh xá. Chỉ riêng bộ Ưu Bà Tắc giới này là Đức Phật giảng cho một vị cư sĩ tại gia, khi vị này bày tỏ thắc mắc về ý nghĩa của sự lễ lạy sáu phương theo phong tục Bà la môn. Đối tượng đã là người phàm, thì dĩ nhiên con đường mà Đức Như Lai vạch ra cho sự tu hành Bồ tát đạo cũng phải thực tế, có thể thực hiện được. Đây không phải là cảnh giới của những kẻ siêu phàm, mà chỉ là cảnh giới của những kẻ bằng xương bằng thịt như chúng ta. Thế nên, muốn tu Bồ tát hạnh, học Bồ tát đạo, chúng ta những kẻ học Phật sơ cơ, không cần phải bước vào những cảnh giới mênh mông huyền diệu của Đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, hoặc đòi hỏi phải có những năng lực siêu nhiên như trưởng giả Duy Ma Cật trong kinh Duy Ma Cật, mà chỉ cần chúng ta có một ý hướng, một lòng tin nhiệt thành đối với Tam Bảo, một nghị lực vững chãi, và điều quan trọng hơn hết là phải biết rõ mục tiêu mà mình muốn tìm đến. Lòng tin là bước đầu quan trọng hơn hết trong việc học Phật. Kinh Hoa Nghiêm có câu: “Tín vi đạo nguyên công đức

mẫu”, lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ của tất cả công đức. Lòng tin ở đây không phải như lòng tin mà ngoại đạo đã đề xướng, mà là như đã nói ở phần trên, chữ tin ở đây là sự tin sâu lý như quả. Ngay trong phẩm đầu tiên là phẩm Tập hội, Đức Thế Tôn đã đả phá thuyết tự nhiên và thuyết vô nhân của ngoại đạo, đưa tất cả về thuyết duyên sinh. Sau khi chúng ta thấu rõ thuyết duyên sinh: “cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không”, từ đây sẽ thấu rõ các pháp là không có tự tính, là vô ngã, là khổ. Minh đã như thế, thì kẻ khác cũng sẽ như thế. **Từ sự thể ngộ như vậy, chúng ta sẽ phát khởi tâm từ bi, nguyện mình và chúng sinh đều sẽ được thoát khỏi sự vô thường, khổ não này, và do đây mà phát tâm Bồ đề, nguyện độ chính mình và tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo.**

[1] Tám tướng: Có hai thuyết chính là: (a) Giáng sinh, nhập thai, trụ thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn. (b) Giáng sinh, nhập thai, xuất thai, xuất gia, hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn.

Phẩm Một - Tập Hội

Tôi nghe như vậy, một thưở nọ Đức Phật ở Tinh xá Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ Đà, tại nước Xá Vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khuru tăng, năm trăm vị tỳ khuru ni, một ngàn ưu bà tặc, và năm trăm người ăn mày.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có một vị trưởng giả tên Thiện Sinh, bạch với Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Phái ngoại đạo Lục sư thường dạy rằng: “Nếu mỗi buổi sáng kính lạy sáu phương, thì sẽ được sống lâu, giàu có. Vì sao? Cõi phương đông thuộc về trời Đế Thích; nếu người nào cúng dường, sẽ được trời Đế Thích bảo hộ và giúp đỡ. Cõi phương nam thuộc về vua Diêm la; nếu người nào cúng dường, sẽ được vua Diêm la bảo hộ và giúp đỡ. Cõi phương tây thuộc về trời Bà lâu na; nếu người nào cúng dường, sẽ được trời

Bà lâu na bảo hộ và giúp đỡ. Cõi phương bắc thuộc về trời Câu tỳ la; nếu người nào cúng dường, sẽ được trời Câu tỳ la bảo hộ và giúp đỡ. Cõi phương dưới thuộc về trời Lửa; nếu người nào cúng dường, sẽ được trời Lửa bảo hộ và giúp đỡ. Cõi phương trên thuộc về trời Gió; nếu người nào cúng dường, sẽ được trời Gió bảo hộ và giúp đỡ.”

Kính bạch Đức Thế Tôn! Trong Phật pháp cũng có sáu phương như vậy chăng?

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Trong Phật Pháp cũng có sáu phương, tức là sáu pháp Ba la mật. Phương đông tức là Bồ thí Ba la mật. Vì sao? Phương đông đại biểu sự mới bắt đầu của một ngày, đem đến ánh sáng chói lọi của trí tuệ. Phương đông lại thuộc về tâm chúng sinh. Nếu người nào cúng dường Bồ thí Ba la mật, sẽ được sống lâu và giàu có. Phương nam tức là Trì giới Ba la mật. Vì sao? Trì giới Ba la mật đại biểu phía mặt. Nếu người nào cúng dường, sẽ được sống lâu và giàu có. Phương tây tức là Nhẫn nhục Ba la mật. Vì sao? Phương tây ở về phía sau, tượng trưng cho tất cả pháp ác đều bị bỏ lại ở phía sau. Nếu người nào cúng dường, sẽ được sống lâu và giàu có. Phương bắc tức là Tinh tiến Ba la mật. Vì sao? Phương bắc tượng trưng cho sự chiến thắng các pháp ác. Nếu người nào cúng dường, sẽ được sống lâu và giàu có. Phương dưới tức là Thiên định Ba la mật. Vì sao? Vì xuyên qua thiên định, chúng sinh có thể chân chánh quán sát ba đường dữ. Nếu người nào cúng dường, sẽ được sống lâu và giàu có. Phương trên tức là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì trên tức là vô thượng, vô sinh. Nếu người nào cúng dường, sẽ được sống lâu và giàu có. Thiện nam tử! Sáu phương đều thuộc về tâm của chúng sinh, không phải như bọn ngoại đạo Lục Sư đã nói.”

- Ai có thể cúng dường sáu phương như vậy?

- Thiện nam tử! Chỉ có Bồ tát mới có thể cúng dường.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Do nghĩa gì mà gọi là Bồ tát?

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Người đã giác ngộ được gọi là Bồ tát, người có tính giác ngộ được gọi là Bồ tát.”

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu người đã giác ngộ được gọi là Bồ tát, như vậy lúc chưa cúng dường sáu phương, thì thế nào được gọi

là Bồ tát? Nếu vì có tính giác ngộ mà được gọi là Bồ tát, thì ai có tính ấy? Nếu như, người có tính này mới có thể cúng dường sáu phương, còn không có tính này không thể cúng dường, Đức Như Lai không thể nói là sáu phương thuộc về tâm chúng sinh.

- Thiện nam tử! Không phải được giác ngộ mà gọi là Bồ tát. Vì sao? Người được giác ngộ thì gọi là Phật, còn trước khi giác ngộ thì gọi là Bồ tát.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh không có tính giác ngộ, cũng như chúng sinh không có tính trời, người, sư tử, cọp, sói, chó, v.v... Do trong đời này hòa hợp nhiều nhân duyên của nghiệp lành mà chúng sinh được thân người, trời; hoặc hòa hợp nhiều nhân duyên của nghiệp ác mà sinh vào loài bàng sinh, như sư tử chẳng hạn. Bồ tát cũng như vậy, do sự hòa hợp nhiều nhân duyên của nghiệp lành, lại phát tâm Bồ đề, nên gọi là Bồ tát. Giả sử có người nói rằng tất cả chúng sinh đều có tính Bồ tát, nghĩa này không đúng. Vì sao? Nếu đã có tính Bồ tát thì không cần tu tập những nhân duyên nghiệp lành bằng cách cúng dường sáu phương.

Thiện nam tử! Nếu chúng sinh đã có sẵn tính Bồ tát, thì chắc không có người mới phát tâm cũng như có người thoái tâm. Do vô lượng nhân duyên nghiệp lành mà phát tâm Bồ đề, nên mới gọi là có tính Bồ tát.

Thiện nam tử! (1) Có những chúng sinh tu theo ngoại đạo, vì không thích lý thuyết điên đảo của bọn họ mà phát tâm Bồ đề; (2) hoặc có chúng sinh ở nơi vắng lặng, nhờ nhân duyên thiện căn trong tâm mà phát tâm Bồ đề; (3) hoặc có chúng sinh quán sát lỗi lầm của sinh tử mà phát tâm Bồ đề; (4) hoặc có chúng sinh thấy nghe điều ác mà phát tâm Bồ đề; (5) hoặc có chúng sinh biết rõ sự tham dục, sân hận, ngu si, bồng sển, ganh ghét của mình, vì muốn đối trị mà phát tâm Bồ đề; (6) hoặc có chúng sinh thấy bọn tiên ngoại đạo có năm phép thần thông mà phát tâm Bồ đề; (7) hoặc có chúng sinh muốn biết thế giới là hữu biên hoặc vô biên mà phát tâm Bồ đề; (8) hoặc có chúng sinh thấy nghe cảnh giới không thể nghĩ bàn của Như Lai mà phát tâm Bồ đề; (9) hoặc có chúng sinh khởi tâm thương xót cứu độ mọi loài mà phát tâm Bồ đề; (10) hoặc có chúng sinh vì yêu mến mọi loài mà phát tâm Bồ đề.

Thiện nam tử! Tâm giác ngộ có ba bậc: thượng, trung và hạ. Nếu chúng sinh quyết định có tính giác ngộ, làm sao lại nói có ba bậc? Chúng sinh bậc hạ có thể phát tâm bậc trung, chúng sinh bậc trung có thể phát tâm bậc thượng, chúng sinh bậc thượng có thể phát tâm bậc trung, và chúng sinh bậc trung có thể phát tâm bậc hạ. Chúng sinh siêng tu vô lượng pháp lành, có thể tăng lên bậc thượng, nếu không siêng tu thì sẽ sụt xuống bậc hạ. Nếu khéo tu tiến thì gọi là không thoái lui, nếu không khéo tu tiến thì gọi là thoái lui. Nếu trong tất cả thời gian thường vì tất cả chúng sinh tu tập hạnh lành thì gọi là người không thoái chuyển, ngược lại, thì gọi là người thoái chuyển; những Bồ tát thoái chuyển gọi là người có tâm thoái lui, khiếp sợ. Nếu có người nào, trong tất cả thời gian vì tất cả chúng sinh mà tu pháp lành, được quả vị bất thoái, ta sẽ thọ ký người ấy nhất định không bao lâu sẽ được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử! Ba bậc giác ngộ không có tính nhất định, nếu có tính nhất định, thì người phát tâm Thanh văn, Duyên giác không thể phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Thiện nam tử! Giống như chúng tăng không có tính nhất định, tính của ba bậc giác ngộ cũng như thế. Nếu có người nói: “Giác ngộ có tính nhất định”, người đó là ngoại đạo. Vì sao? Vì bọn ngoại đạo không tin nhân quả, như trời Tụ tại của họ, phủ nhận cả nhân lẫn quả.

Thiện nam tử! Nếu có người nói tính Bồ tát giống như tính của vàng, nhất định hiện hữu trong kim khoáng, do sự tinh lọc mà hiển hiện được công dụng của vàng. Đây là thuyết của ngoại đạo Phạm chí. Vì sao? Bọn Phạm chí thường cho rằng trong hạt Ni câu đà đã có cây Ni câu đà, và trong tròng mắt có lửa và đá. Do đó bọn Phạm chí thừa nhận không có nhân cũng không có quả. Nhân tức là quả, và quả tức là nhân. Hạt Ni câu đà đã có sẵn cây Ni câu đà. Đây là thuyết nhân quả của bọn Phạm chí. Nhưng điều này không đúng. Vì sao? Nhân thì nhỏ mà quả thì to. Và lại, nếu nói trong con mắt nhất định có lửa, mắt sẽ bị đốt cháy, làm sao có thể thấy được?

Thiện nam tử! Bọn Phạm chí cho rằng: “Có tức là vĩnh viễn có, không tức vĩnh viễn là không, không chẳng thể sinh khởi, còn có

thì vĩnh viễn không diệt.” Nếu trong khoáng có tính của vàng, vàng không thể gọi là tính, mà tính cũng không thể gọi là vàng.

Thiện nam tử! Do nhiều nhân duyên nên có sự hòa hợp, vì hòa hợp nên trước vốn là không mà sau mới có. Nếu vậy, bọn Phạm chí cho rằng: “không tức vĩnh viễn là không”, nghĩa này là thế nào? Lại như vàng hòa hợp với thủy ngân, vàng bị biến đổi. Nếu vậy, như bọn Phạm Chí cho rằng: “có thì vĩnh viễn không diệt”, nghĩa này là thế nào? Nếu nói chúng sinh có sẵn tính Bồ tát, đây là thuyết của ngoại đạo, không phải thuyết của đạo Phật.

Thiện nam tử! Ví như do nhân duyên hòa hợp mà có tác dụng của vàng, tính Bồ tát cũng giống như vậy. Chúng sinh có tâm tư duy, gọi là tâm mong cầu, dùng tâm mong cầu đó, cùng với nhân duyên thiện nghiệp mà phát tâm Bồ đề, như vậy gọi là tính Bồ tát.

Thiện nam tử! Ví như chúng sinh trước kia không có tâm giác ngộ, sau này mới có, tính Bồ tát cũng vậy, trước không sau có. Thế nên, không thể nói quyết định có tính Bồ tát.

Thiện nam tử! Bất cứ người nào cầu trí tuệ rộng lớn đều gọi là Bồ tát. Bởi vì họ muốn biết sự chân thực của tất cả các pháp, vì muốn được sự trang nghiêm rộng lớn, vì muốn tâm được kiên cố, độ vô lượng chúng sinh, và vì không tiếc thân mệnh, nên được gọi là Bồ tát tu hạnh Đại thừa.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là thoái chuyển, hai là không thoái chuyển. Người đã tu tập nghiệp ba mươi hai tướng, gọi là không thoái chuyển; nếu chưa thể tu tập, gọi là thoái chuyển. Lại có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia, phụng trì tám giới trọng, hoàn toàn thanh tịnh, gọi là Bồ tát không thoái chuyển. Bồ tát tại gia, phụng trì sáu giới trọng, hoàn toàn thanh tịnh, cũng gọi là Bồ tát không thoái chuyển.

Thiện nam tử! Phước đức của bọn ngoại đạo đoạn được tâm tham dục, thù thắng hơn phước đức của chúng sinh trong cõi dục giới; Tu đà hoàn thù thắng hơn bọn ngoại đạo dị kiến; Tư đà hàm thù thắng hơn Tu đà hoàn; A na hàm thù thắng hơn Tư đà hàm; A la hán thù thắng hơn A na hàm; Bích chi phật thù thắng hơn A la hán; người tại gia phát tâm Bồ đề, lại thù thắng hơn Bích chi phật. Người xuất gia phát tâm Bồ đề không khó, người tại gia phát tâm

Bồ đề, quả thật không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc. Lúc người tại gia phát tâm Bồ đề, thì từ cõi trời Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, tất cả đều kinh ngạc vui mừng, nói như thế này: “Hôm nay chúng ta đã có được vị Thầy của trời người!”

Phẩm Hai - Phát Tâm Bồ Đề

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh vì sao phát tâm Bồ đề?”

- Thiện nam tử! (1) Vì hai việc nên phát tâm Bồ đề: một là tăng tuổi thọ, hai là thêm tài sản. (2) Lại có hai việc: một là vì không muốn chủng tính Bồ đề đoạn tuyệt, hai là vì muốn đoạn trừ phiền não tội khổ của chúng sinh. (3) Lại có hai việc: một là tự quán sát mình trong vô lượng đời chịu bao nhiêu là khổ não mà vẫn không được lợi ích, hai là tuy có chư Phật xuất hiện nhiều như số cát sông Hằng, các ngài cũng không thể độ thoát mình, mà chính mình phải tự độ. (4) Lại có hai việc: một là tu các nghiệp lành, hai là những nghiệp lành đã tu sẽ không mất. (5) Lại có hai việc: một là vì muốn vượt hơn tất cả quả báo của trời người, hai là vì muốn vượt hơn tất cả quả báo của Nhị thừa. (6) Lại có hai việc: một là vì cầu đạo Giác ngộ nên nhận chịu nhiều khổ não, hai là vì muốn được vô lượng sự lợi ích rộng lớn. (7) Lại có hai việc: một là quán sát chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở quá khứ, vị lai, đều giống như mình, hai là quán sát thâm sâu rằng Bồ đề là pháp có thể chứng được, vì thế phát tâm tu tập. (8) Lại có hai việc: một là quán sát Bồ tát lục trụ, tuy có tâm thoái chuyển, vẫn còn thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác, hai là siêng năng truy cầu quả vị Vô thượng Chánh giác. (9) Lại có hai việc: một là mong tất cả chúng sinh đều được giải thoát, hai là mong quả báo giải thoát của chúng sinh vượt hơn quả báo của ngoại đạo. (10) Lại có hai việc: một là không xả bỏ tất cả chúng sinh, hai là xa lìa tất cả phiền não. (11) Lại có hai việc: một là vì đoạn trừ khổ não của chúng sinh trong đời này, hai là vì ngăn chặn khổ đau của chúng sinh trong đời sau.

(12) Lại có hai việc: một là vì muốn đoạn trừ sự chướng ngại của trí tuệ, hai là vì muốn đoạn trừ thân chướng của chúng sinh.

Thiện nam tử! Do năm việc mà phát tâm Bồ đề: một là gần gũi bạn lành, hai là trừ tâm nóng giận, ba là tuân lời thầy dạy, bốn là sinh lòng thương xót, năm là tu hành tinh tiến. Lại có năm việc phát tâm Bồ đề: một là không thấy lỗi người, hai là tuy thấy lỗi người, nhưng tâm không nghĩ nhớ đến, ba là tuy làm việc lành, vẫn không sinh lòng kiêu mạn, bốn là thấy người làm lành, không sinh lòng ghen ghét, năm là quán sát tất cả chúng sinh, tưởng như con một của mình.

Thiện nam tử! Người trí sau khi phát tâm Bồ đề, có thể hủy diệt nghiệp ác to như núi Tu Di. Người trí vì ba việc mà phát tâm Bồ đề: một là vì thấy chúng sinh thọ khổ trong đời ác năm trước, hai là vì thấy Đức Như Lai có đạo lực thần thông không thể nghĩ bàn, ba là vì nghe tám thứ âm thanh vi diệu của Đức Như Lai. Lại do hai việc: một là biết rõ sự khổ đau của thân mình, hai là hiểu rõ chúng sinh khổ như mình khổ, vì muốn đoạn trừ sự khổ cho họ, cũng như trừ sự khổ cho chiềnh mình.

Thiện nam tử! Nếu có người phát tâm Bồ đề, phải biết người đó có thể lễ lạy sáu phương, và sẽ được sống lâu, giàu có. Điều này không giống như bọn ngoại đạo đã nói.

Phẩm Ba - Tâm Đại Bi

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bọn ngoại đạo Lục sư không nói nhân quả, Đức Như Lai lại nói nhân có hai thứ: một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Như Đức Thế Tôn vừa nói, nguyên nhân phát tâm Bồ đề là sinh nhân hay liễu nhân?”

- Thiện nam tử! Ta vì chúng sinh, hoặc nói một nhân, hai nhân, ba nhân, bốn nhân, năm nhân, hoặc nói sáu, bảy, cho đến mười hai nhân. Nói một nhân tức là sinh nhân. Hai nhân là sinh nhân và liễu nhân. Ba nhân là phiền não, nghiệp chướng và khí thế giới. Bốn nhân tức là bốn Đại. Năm nhân tức là năm chi vị lai của mười hai nhân duyên. Sáu nhân như trong kệ kinh đã nói. Bảy nhân như

trong kinh Pháp Hoa đã nói. Tám nhân tức là tám chi hiện tại của mười hai nhân duyên. Chín nhân như trong kinh Đại Thành đã nói. Mười nhân, như Đức Như Lai đã giảng cho ưu bà tắc Ma Nam. Mười một nhân, như trong kinh Trí Ấn đã nói. Mười hai nhân tức là mười hai nhân duyên.

Thiện nam tử! Tất cả pháp hữu lậu có vô lượng vô biên nhân. Tất cả pháp vô lậu cũng có vô lượng vô biên nhân. Người trí, vì muốn biết tất cả, nên phát tâm Bồ đề. Đức Như Lai, vì biết tất cả, nên được gọi là Nhất thiết trí.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh phát tâm Bồ đề, hoặc do sinh nhân, hoặc do liễu nhân, hoặc do cả hai. Nay ông nên biết, sinh nhân tức là tâm Đại bi, vì tâm Đại bi nên mới phát tâm Bồ đề, vì thế tâm Đại bi là sinh nhân.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào tu tập tâm Đại bi?

- Thiện nam tử! (1) Người trí thấy rõ tất cả chúng sinh bị chìm đắm trong biển lớn sinh tử chịu nhiều khổ não, vì muốn cứu vớt nên sinh tâm Đại bi; (2) lại thấy chúng sinh chưa được mười Lục, bốn pháp Vô úy, tâm Đại bi, ba Niệm, [\[5\]](#) v.v..., bèn nghĩ như vậy: “Ta làm thế nào để cho họ được đầy đủ”, nên sinh tâm Đại bi; (3) lại tuy thấy chúng sinh lòng đầy oán thù cay độc mà vẫn xem họ như người thân thuộc, nên sinh tâm Đại bi; (4) lại thấy chúng sinh mê mờ chánh đạo, không có người dẫn dắt, nên sinh tâm Đại bi; (5) lại thấy chúng sinh bị chìm đắm trong vũng bùn ngũ dục, không cách nào ra khỏi, mà lại còn buông lung phóng dật, nên sinh tâm Đại bi; (6) lại thấy chúng sinh thường bị của cải, vợ con ràng buộc, không thể xả bỏ, nên sinh tâm Đại bi; (7) lại thấy chúng sinh do sắc đẹp, sức mạnh, sống lâu mà sinh lòng kiêu mạn, nên sinh tâm Đại bi; (8) lại thấy chúng sinh bị ác tri thức, như bọn Lục sư chẳng hạn, dối gạt, mà vẫn tưởng là quyến thuộc, nên sinh tâm Đại bi; (9) lại thấy chúng sinh trong ba cõi, tuy chịu nhiều khổ não mà vẫn tham luyến, nên sinh tâm Đại bi; (10) lại thấy chúng sinh tạo nghiệp thân khẩu ý xấu xa, độc ác, nhân đây chịu nhiều quả báo khổ não, mà vẫn mê muội, nên sinh tâm Đại bi; (11) lại thấy chúng sinh thêm khát ngũ dục như người khát uống nước mặn, nên sinh tâm Đại bi; (12) lại thấy chúng sinh tuy muốn cầu vui mà không tạo nhân vui,

tuy không thích khổ mà ưa gây nhân khổ, muốn hưởng cảnh vui cõi trời mà lại thiếu giới hạnh, nên sinh tâm Đại bi; (13) lại thấy chúng sinh đối với sự vật không ngã, ngã sở, mà tưởng là ngã, ngã sở, nên sinh tâm Đại bi; (14) lại thấy chúng sinh lưu chuyển một cách vô định trong năm cõi, nên sinh tâm Đại bi; (15) lại thấy chúng sinh sợ sinh, già, chết, mà cứ tạo nghiệp sinh, già, chết, nên sinh tâm Đại bi; (16) lại thấy chúng sinh thân tâm chịu nhiều thống khổ mà vẫn tạo nghiệp, nên sinh tâm Đại bi; (17) lại thấy chúng sinh đau khổ khi ân ái bị chia lìa, mà vẫn không chịu dứt sự ân ái, nên sinh tâm Đại bi; (18) lại thấy chúng sinh ở trong sự tăm tối của vô minh, mà không biết thắp sáng đèn trí tuệ, nên sinh tâm Đại bi; (19) lại thấy chúng sinh bị lửa phiền não đốt cháy, mà không chịu cầu nước thiền định tam muội, nên sinh tâm Đại bi; (20) lại thấy chúng sinh vì thú vui ngũ dục mà tạo vô lượng nghiệp ác, nên sinh tâm Đại bi; (21) lại thấy chúng sinh, tuy biết sự thống khổ của ngũ dục, mà vẫn cầu mãi không thôi, như người đói ăn cơm có thuốc độc, nên sinh tâm Đại bi; (22) lại thấy chúng sinh ở trong đời ác, gặp vua bạo ngược, chịu nhiều khổ sở, mà vẫn buông lung, nên sinh tâm Đại bi; (23) lại thấy chúng sinh lưu chuyển trong tám cảnh khổ, nhưng vẫn không biết cách đoạn trừ gốc khổ, nên sinh tâm Đại bi; (24) lại thấy chúng sinh, đối với cảnh đói khát, lạnh nóng, không được tự tại, nên sinh tâm Đại bi; (25) lại thấy chúng sinh hủy phạm giới luật, bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên sinh tâm Đại bi; (26) lại thấy chúng sinh hình dáng, sức lực, tuổi thọ, an ổn và biện tài, không được tự tại, nên sinh tâm Đại bi; (27) lại thấy chúng sinh thân thể tàn khuyết, nên sinh tâm Đại bi; (28) lại thấy chúng sinh, sinh ở nơi biên địa, không tu pháp lành, nên sinh tâm Đại bi; (29) lại thấy chúng sinh, sinh nhằm đời đói khát, thân thể ốm gầy, cướp đoạt lẫn nhau, nên sinh tâm Đại bi; (30) lại thấy chúng sinh, sinh trong kiếp đao binh, giết hại lẫn nhau, lòng ác độc hừng hẫy, sẽ chịu vô lượng quả báo khổ, nên sinh tâm Đại bi; (31) lại thấy chúng sinh, gặp Phật ra đời nói Pháp thanh tịnh như mùi vị Cam lộ, mà không biết tu học, nên sinh tâm Đại bi; (32) lại thấy chúng sinh, tin thầy tà bạn ác, không chịu nghe lời thầy hay bạn lành, nên sinh tâm Đại bi; (33) lại thấy chúng sinh,

giàu có, của cải tràn đầy, mà không chịu bố thí, nên sinh tâm Đại bi; (34) lại thấy chúng sinh, cây sâu cuốc bẫm, buôn tảo bán tần, nhọc nhằn gian khổ, nên sinh tâm Đại Bi; (35) lại thấy chúng sinh, cha mẹ, anh em, vợ con, tôi tớ, quyền thuộc không thương mến nhau, nên sinh tâm Đại bi.

Thiện nam tử! (36) Người trí nên quán sát sự vui thiên định của cõi trời Phi tướng Phi phi tướng, giống như sự khổ địa ngục, mà tất cả chúng sinh đều phải nhận chịu, nên sinh tâm Đại bi.

Thiện nam tử! (1) Trước khi đắc đạo, quán sát như thế, gọi là tâm Bi; nếu đã đắc đạo, thì gọi là tâm Đại bi. Vì sao? Lúc chưa đắc đạo, dù có quán sát, sự quán sát chỉ có giới hạn, chúng sinh cũng có giới hạn, cho nên gọi là tâm Bi; khi đã đắc đạo, sự quán sát cùng chúng sinh đều vô hạn, cho nên gọi là tâm Đại bi. (2) Hơn nữa, lúc chưa đắc đạo, tâm Bi vẫn còn bị lay chuyển, thế nên gọi là tâm Bi; khi đã đắc đạo, tâm Bi không còn bị lay chuyển, nên gọi là tâm Đại bi. (3) Khi chưa đắc đạo, không thể cứu vớt tất cả chúng sinh, nên gọi là tâm Bi; khi đã đắc đạo, có thể cứu vớt tất cả, nên gọi là tâm Đại bi. (4) Lúc chưa đắc đạo, tâm Bi chưa tương ứng với trí tuệ, nên gọi là tâm Bi; khi đã đắc đạo, tâm Bi tương ứng với trí tuệ, nên gọi là tâm Đại bi.

Thiện nam tử! Người trí tu tâm Đại bi, tuy chưa thể đoạn trừ khổ não cho chúng sinh, đã có vô lượng lợi ích.

Thiện nam tử! Sáu pháp Ba la mật đều lấy tâm Đại bi làm gốc.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là Bồ tát xuất gia, hai là Bồ tát tại gia. Bồ tát xuất gia tu tập tâm Đại bi không khó, Bồ tát tại gia tu tập tâm Đại bi mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Thiện nam tử! Người tại gia nếu không tu tập tâm Đại bi, không thể đắc giới Ưu bà tắc. Sau khi tu tập tâm Đại bi, sẽ được đắc giới.

Thiện nam tử! Bạc xuất gia chỉ có thể tu trọn vẹn năm pháp Ba la mật, không thể tu trọn vẹn Bố thí Ba la mật. Người tại gia thì có thể tu trọn cả sáu pháp. Vì sao? Vì họ trong tất cả thời gian, có thể tu tập bố thí tất cả. Vì thế, người tại gia trước tiên phải tu tâm Đại bi. Nếu đã tu tập tâm Đại bi, người đó sẽ được đầy đủ trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiên định và trí tuệ. Nếu tu tâm Đại bi, vật khó bố

thí có thể bố thí, điều khó nhẫn nhịn có thể nhẫn nhịn, những việc khó làm đều có thể làm. Do đây biết rằng, tất cả các pháp lành, đều lấy tâm Đại bi làm gốc.

Thiện nam tử! Nếu có người tu tập tâm Đại bi như vậy, phải biết người ấy có thể phá tan nghiệp ác to như núi Tu di, không bao lâu sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy dù tu chút thiện, sẽ được quả lành như núi Tu di.

Phẩm Bốn - Giải Thoát

- Thiện nam tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hạnh Đại bi, phải biết người ấy sẽ được một pháp thể, gọi là giải thoát phần.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Cái gọi là pháp thể đó có nghĩa gì?

- Thiện nam tử! Pháp thể đó, nghĩa là thân khẩu ý. Thân khẩu ý này, từ phương tiện mà có được. Phương tiện có hai loại: một là tai nghe, hai là suy nghĩ. Lại có ba loại: một là bố thí, hai là giữ giới, ba là nghe nhiều Phật Pháp.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói, từ ba phương tiện được giải thoát phần. Nếu vậy, ba phương tiện đó có số lượng nhất định không?

- Thiện nam tử! Không có số lượng nhất định. Vì sao? Có người ở trong vô lượng đời, đem vô lượng của cải bố thí cho vô lượng chúng sinh, mà vẫn không được giải thoát phần; lại có người chỉ trong một lần, đem một nắm bột bố thí cho một kẻ ăn mày, mà lại được giải thoát phần. Có người ở nơi vô lượng Phật thọ trì giới luật, mà vẫn không được giải thoát phần; lại có người chỉ trong một ngày một đêm thọ trì tám giới mà lại được giải thoát phần. Có người trong vô lượng đời, ở nơi vô lượng Phật, thọ trì đọc tụng mười hai phần giáo, mà vẫn không được giải thoát phần; lại có người chỉ đọc một bài kệ bốn câu mà lại được giải thoát phần. Vì sao? Vì tâm của tất cả chúng sinh không giống nhau.

Thiện nam tử! Nếu có người không thể nhất tâm quán sát tội lỗi của sinh tử, cùng sự an lạc của Niết bàn, những người như vậy, tuy đầy đủ bố thí, giữ giới, nghe nhiều Phật pháp, chung cuộc cũng

không được giải thoát phần. Nếu như có thể nhàm lìa tội lỗi của sinh tử, thấy rõ công đức an lạc của Niết bàn, những người như vậy, tuy ít bố thí, ít trì giới, ít nghe Phật pháp, mà vẫn có thể được giải thoát phần.

Thiện nam tử! Hành giả ở trong ba trường hợp có thể được giải thoát phần: một là lúc Phật xuất thế, hai là lúc Bích chi Phật xuất thế, ba là nếu không có Phật hoặc Bích chi Phật xuất thế, thì lúc vị trời Sắc cứu cánh nói pháp giải thoát, người ấy nghe xong, liền được giải thoát phần.

Thiện nam tử! Ta lúc xa xưa, khi mới phát tâm, tuy không gặp Phật hoặc Bích chi Phật, nhưng được nghe trời Tịnh cư nói pháp giải thoát, nghe xong ta liền phát tâm Bồ đề.

Thiện nam tử! Pháp giải thoát như vậy, không phải các trời cõi dục có thể chứng được. Vì sao? Vì họ buông lung theo ngũ dục. Cũng không phải các trời cõi sắc có thể chứng được. Vì sao? Vì họ không có ba phương tiện. Lại cũng chẳng phải là chỗ chứng ngộ của trời cõi vô sắc. Vì sao? Vì họ không có thân, khẩu, mà pháp thể ấy chiùnh là thân khẩu ý. Người ở châu Bắc cầu lô cũng không chứng được. Vì sao? Vì họ không có ba phương tiện. Chỉ có ba hạng người được giải thoát phần, tức là Thanh văn, Duyên giác, và Bồ tát. Chúng sinh nếu gặp được thiện tri thức, thì có thể chuyển đổi giải thoát Thanh văn thành giải thoát Bích chi Phật, chuyển đổi giải thoát Bích chi Phật thành giải thoát Bồ tát. Giải thoát phần của Bồ tát thì không còn thoái chuyển hoặc hư hoại.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Người thuyết pháp làm thế nào để phân biệt rõ người nào được giải thoát phần, người nào chưa được giải thoát phần?

- Thiện nam tử! Có hai hạng người được giải thoát phần, tức là Bồ tát tại gia và Bồ tát xuất gia. Hai hạng người đó, chí tâm nghe pháp, nghe xong liền thọ trì. Nghe sự khổ của ba đường ác, tâm sinh sợ hãi, lông tóc dựng đứng, nước mắt tuôn trào, phát lòng kiên quyết thọ trì trai giới, cho đến tội rất nhỏ cũng không dám phạm. Nên biết người ấy là người được giải thoát phần.

Thiện nam tử! Bọn ngoại đạo tuy được định Phi tướng phi phi tướng, sống lâu vô lượng kiếp, nếu như không được giải thoát

phần, nên quán sát bọn họ chỉ là người cỡi địa ngục. Lại nếu có người, tuy ở địa ngục A tỳ, lâu vô lượng kiếp, chịu tất cả sự thống khổ khốc liệt nhất, nhưng nếu được giải thoát phần, nên quán sát người ấy như người cỡi Niết bàn.

Thiện nam tử! Vì thế ta đối với ông Uất Đầu Lam Phát sinh tâm thương xót, còn đối với ông Đề Bà Đạt Đa thì không lo lắng gì cả.

Thiện nam tử! Như ông Xá Lợi Phất, trong sáu vạn kiếp cầu đạo Bồ đề, sở dĩ bị thoái chuyển là vì chưa được giải thoát phần, dù thế, căn cơ vẫn còn hơn hàng Duyên giác lợi căn.

Thiện nam tử! Giải thoát phần có ba bậc: hạ, trung và thượng. Bậc hạ là Thanh văn, bậc trung là Duyên giác, bậc thượng tức là chư Phật.

Thiện nam tử! Có người chuyên cần cầu giới Ưu bà tắc, trong vô lượng kiếp, tuy y như điều đã nghe mà thực hành, mà vẫn không được giới. Có người xuất gia cầu giới Tỳ khuru, giới Tỳ khuru ni, trong vô lượng kiếp, tuy y như điều đã nghe mà thực hành, mà cũng chẳng được giới. Vì sao? Vì không được giải thoát phần. Họ chỉ có thể gọi là tu tập giới luật, mà không thể gọi là nghiêm trì giới luật.

Thiện nam tử! Các vị Bồ tát được giải thoát phần, tuy không còn tạo nghiệp sinh vào ba cõi, mà vẫn thường nguyện sinh vào các cõi có thể làm được lợi ích cho chúng sinh. Nếu biết chắc mình có nghiệp sinh về cõi trời, liền hồi hướng nghiệp ấy cầu sinh cõi người. Nghiệp ấy chiềnh là bố thí, trì giới và tu định.

Thiện nam tử! Nếu Thanh văn được giải thoát phần, không quá ba đời sẽ được giải thoát. Bậc Bích chi phật cũng thế. Các vị Bồ tát được giải thoát phần, dù trải qua vô lượng thân, nhưng luôn luôn không thoái chuyển. Tâm không thoái chuyển này, vượt hẳn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Nếu được giải thoát phần như vậy, tuy ít bố thí mà vẫn được vô lượng quả báo. Ít trì giới, ít nghe pháp cũng giống như vậy. Người ấy giả sử ở trong ba đường ác, cũng không giống như chúng sinh ở trong ba cõi ấy thọ khổ. Nếu các vị Bồ tát được giải thoát phần như vậy thì được gọi là Điều nhu địa. Vì sao gọi là Điều

nhu địa? Vì tất cả phiền não từ từ trở nên yếu thế. Đây cũng được gọi là ngược dòng sinh tử.

Thiện nam tử! Có bốn hạng người: một là thuận dòng sinh tử, hai là nghịch dòng sinh tử, ba là không thuận không nghịch, bốn là đến bờ bên kia.

Thiện nam tử! Giải thoát phần này, đối với hàng Thanh văn, gọi là Nhu nhuyển địa; đối với Bồ tát cũng gọi là Nhu nhuyển địa, lại gọi là Hoan hỉ địa. Vì nghĩa nào mà gọi là Hoan hỉ địa? Vì nghe Pháp nên không thoái chuyển. Lại còn gọi là Bồ tát chân thực. Vì nghĩa nào mà gọi là Bồ tát chân thực? Vì thường làm cho chúng sinh khởi tâm giác ngộ. Các vị Bồ tát đó, tuy biết rõ sách vở ngoại đạo, tự mình không thọ trì, cũng không dạy cho người khác. Họ không được gọi là người hoặc trời, cũng không thuộc vào năm nẻo. Đây gọi là tu hành đạo không chướng ngại.

Thiện nam tử! Tâm Bồ Đề có bốn hạt giống: một là không tham của cải, hai là không tiếc thân mệnh, ba là tu hạnh nhẫn nhục, bốn là thương xót chúng sinh.

Thiện nam tử! Có năm việc làm tăng trưởng hạt giống Bồ Đề: một là không nên tự khinh, cho rằng mình không thể được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hai là thọ khổ, tâm không hối hận; ba là siêng năng tu hành, chưa từng ngơi nghỉ; bốn là cứu vớt chúng sinh đang chịu vô lượng khổ não; năm là thường ca ngợi công đức vi diệu của Tam Bảo. Người trí khi tu tập tâm Bồ đề, thường nên tu tập năm việc trên. Lại có sáu pháp làm cho hạt giống Bồ đề nảy nở tốt tươi, tức là Bồ thí Ba la mật, cho đến Bát nhã Ba la mật. Sáu pháp Ba la mật này, do vì một việc mà được tăng trưởng, đó là sự không phóng dật. Bồ tát nếu phóng dật, sẽ không tăng trưởng sáu pháp Ba la mật này. Nếu không phóng dật thì sẽ tăng trưởng.

Thiện nam tử! Bồ tát khi cầu Bồ đề, lại có bốn việc: (1) một là gần gũi bạn lành, (2) hai là tâm bền chắc không lay chuyển, (3) ba là có thể làm những hạnh khó làm, (4) bốn là thương xót chúng sinh. Lại có bốn việc: (5) một là thấy người khác được lợi ích, tâm sinh vui mừng; (6) hai là thường vui vẻ khen ngợi công đức người khác; (7)

ba là thường thích tu tập pháp lục niệm; (8) bốn là thường nói lỗi lầm của sinh tử.

Thiện nam tử! Thật là phi lý nếu có người cho rằng không có tám pháp này mà được Bồ đề.

Thiện nam tử! Bồ tát khi vừa phát tâm Vô thượng Bồ đề, liền được gọi là ngôi phước điền vô thượng. Vì Bồ tát đó đã vượt lên tất cả sự vật thế gian và tất cả chúng sinh.

Thiện nam tử! Tuy có người nói rằng trong vô lượng thế giới có vô lượng Phật, nhưng Phật đạo rất khó thành tựu. Vì sao? Thế giới vô biên, chúng sinh vô biên, nên chư Phật cũng vô biên. Giả sử Phật đạo dễ thành, chỉ một Đức Phật Thế Tôn cũng có thể hóa độ tất cả chúng sinh, và như vậy thì thế giới và chúng sinh đều có hạn lượng.

Thiện nam tử! Lúc Đức Phật ra đời, có thể độ chín vạn chín na do tha chúng sinh; mỗi một vị đệ tử Thanh văn của Phật độ một na do tha chúng sinh, mà số chúng sinh vẫn không thể độ hết được, vì thế gọi là vô biên. Do đó, trong kinh Thanh văn, ta nói không có mười phương chư Phật. Vì sao? Vì sợ các chúng sinh xem thường Phật đạo. Thánh đạo của chư Phật không nằm trong các pháp thế gian. Nên biết, lời của Như Lai không phải hư vọng, Như Lai không có tâm ghen ghét, chỉ vì Phật đạo khó thành, nên nói là không có chư Phật ở mười phương.

Thiện nam tử! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ đề, mà không thể tu hành thành tựu đạo Bồ tát. Nếu có người hỏi: “Nếu hiện tại có vô lượng chư Phật, tại sao trong kinh chỉ nói hai đời quá khứ và vị lai có vô lượng Phật, mà không nói hiện tại có vô lượng Phật?”

Thiện nam tử! Ta nói rằng ở trong một thế giới, thì đời quá khứ và vị lai có vô lượng Phật, còn đời hiện tại chỉ có một Đức Phật.

Thiện nam tử! Người nào thấu rõ nghĩa chân thực sẽ thành tựu Phật đạo. Tuy vô lượng chúng sinh tu hành Phật đạo, phần lớn đều thoái chuyển. Nếu có một người thành tựu giải thoát, người đó hiếm có, như hoa Yêm la kết trái, và như trứng cá chuyển biến thành cá lớn.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia được giải thoát phần, điều này không khó. Bồ tát tại gia

được giải thoát phần, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Năm - Ba Loại Bồ Đề

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn đã nói, Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ đề có ba loại: Thanh văn Bồ đề, Duyên giác Bồ đề, và Phật Bồ đề. Nếu thành tựu Bồ đề gọi là Phật, tại sao Thanh văn, Bích chi phật không được gọi là Phật? Nếu người giác ngộ pháp tính được gọi là Phật, Thanh văn, Duyên giác cũng giác ngộ pháp tính, tại sao không được gọi là Phật? Nếu người chứng được Nhất thiết trí được gọi là Phật, Thanh văn, Duyên giác cũng chứng được Nhất thiết trí, tại sao không được gọi là Phật? Ở đây nói Nhất thiết trí tức là bốn Thánh đế.”

- Thiện nam tử! Bồ đề có ba loại: một là từ sự nghe Pháp mà chứng ngộ; hai là từ sự suy tư mà chứng ngộ, ba là từ sự tu hành mà chứng ngộ. Thanh văn từ sự nghe Pháp mà chứng ngộ, nên không gọi là Phật. Bích chi phật từ sự suy tư mà chứng ngộ ít phần, nên gọi là Bích chi phật. Chư Phật là bậc không thầy, cũng không nhờ nghe Pháp, hoặc suy tư, mà chỉ do sự tu hành mà giác ngộ tất cả, thế nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Vì thấu rõ pháp tính, nên gọi là Phật. Pháp tính có hai loại: một là tổng tướng, hai là biệt tướng. Hàng Thanh văn chỉ biết tổng tướng, nên không gọi là Phật. Bích chi phật, tuy đồng với Thanh văn biết tổng tướng, nhưng chẳng phải do sự nghe Pháp, nên gọi là Bích chi phật. Đức Như Lai Thế Tôn, thấu rõ tất cả tổng tướng, biệt tướng. Không do sự nghe Pháp, suy tư, không nương vào thầy, chỉ nương vào sự tu hành mà được giác ngộ.

Thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn trí tuệ viên mãn, biết tất cả các pháp. Thanh văn, Duyên giác tuy biết rõ bốn Thánh đế, nhưng trí tuệ chưa viên mãn, do nghĩa này nên không gọi là Phật. Đức Như Lai Thế Tôn trí tuệ viên mãn, biết tất cả các pháp, nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Như ba con thú: thỏ, ngựa và hương tượng, lội qua sông Hằng. Chân thỏ không chạm đến đáy sông, nổi trên mặt nước mà bơi qua. Chân ngựa thì có lúc chạm đến đáy sông, có lúc không chạm. Chân hương tượng thì lúc nào cũng chạm đến đáy sông. Ở đây, sông Hằng tượng trưng dòng sông mười hai nhân duyên. Khi hàng Thanh văn vượt qua dòng sông mười hai nhân duyên, cũng giống như thỏ qua sông; khi hàng Duyên giác vượt qua, cũng giống như ngựa qua sông; khi Đức Như Lai vượt qua, cũng giống như loài hương tượng qua sông. Vì thế Đức Như Lai được gọi là Phật. Thanh văn, Duyên giác tuy đoạn phiền não, nhưng chưa đoạn tập khí. Còn Đức Như Lai đã nhổ tận gốc của tất cả phiền não và tập khí, nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Sự nghi có hai loại: một là phiền não nghi, hai là vô ký nghi. Hàng Nhị thừa tuy đoạn được phiền não nghi, nhưng chưa đoạn được vô ký nghi. Như Lai đoạn hết cả hai sự nghi, nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Thanh văn chán sự nghe nhiều, Duyên giác nhàm sự nghĩ sâu, chỉ có Đức Phật, đối với hai việc này, tâm không nhàm chán, bởi thế nên gọi là Phật. Ví như vật sạch để trong đồ đựng sạch, trong ngoài đều sạch. Thanh văn, Duyên giác, trí tuệ tuy thanh tịnh, nhưng thân tâm không thanh tịnh. Như Lai không phải thế, trí tuệ và thân tâm đều thanh tịnh, thế nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Sự thanh tịnh có hai loại: một là trí tuệ thanh tịnh, hai là đức hạnh thanh tịnh. Thanh văn, Duyên giác tuy có trí tuệ thanh tịnh, nhưng đức hạnh không thanh tịnh. Đức Như Lai Thế Tôn trí tuệ, đức hạnh đều thanh tịnh, thế nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Công hạnh của Thanh văn, Duyên giác có giới hạn, còn công hạnh của Đức Như Lai Thế Tôn thì không có giới hạn, thế nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn, trong một niệm trừ diệt hai chướng: một là trí chướng, hai là giải thoát chướng, thế nên gọi là Phật. Đức Như Lai đầy đủ trí nhân và trí quả, thế nên gọi là Phật.

Thiện nam tử! Như Lai nói Pháp, không có hai lời, cũng không làm lẫn, trí tuệ vô ngại, biện tài vô ngại, đầy đủ nhân trí, thời trí, tướng trí. Như Lai không có che dấu, không cần ai che chở, cũng

không ai có thể nói lỗi. Như Lai biết hết phiền não của chúng sinh, nhân duyên khởi phiền não, cùng nhân duyên diệt phiền não. Như Lai không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, và có lòng thương thâm thiết, cứu vớt chúng sinh khổ não. Như Lai đầy đủ mười Lực, bốn pháp Vô úy, tâm Đại bi, ba Niệm, cùng sức lực của thân tâm thấy đều viên mãn.

Thiện nam tử! Sức lực của thân tâm đều viên mãn là thế nào? Ví như trời Đao Lợi có một thành lớn tên là Thiện Kiến. Thành ấy bề rộng mười vạn dặm, có trăm vạn cung điện. Số các vị trời ở trong thành có đến mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu. Trong ba tháng mùa hạ, vua Đế Thích muốn đến rừng Ba Lợi Chát Đa du ngoạn. Trên núi Kiên Đà, có con hương tượng bảy đầu tên là Y La Bát Na. Vua Đế Thích vừa động niệm, thì voi kia đã biết, và liền đến chỗ Đế Thích. Tất cả các vị trời trong thành đều ngồi trên đầu của voi mà đến rừng Ba Lợi Chát Đa, cách thành khoảng năm mươi do tuần, du ngoạn. Sức mạnh của voi Y La Bát Na hơn tất cả các hương tượng. Giả sử tụ tập một vạn tám ngàn thớt voi như Y La Bát Na, sức mạnh đó chẳng qua chỉ bằng sức lực của một lóng tay của đức Phật. Phải nên biết rằng, sức mạnh của thân Phật mạnh hơn tất cả sức lực của chúng sinh. Thế giới không ngăn mé, chúng sinh không ngăn mé, tâm lực của Đức Như Lai cũng không ngăn mé. Bởi vậy chỉ có Đức Như Lai được tôn xưng là Phật, mà chẳng phải hàng Nhị thừa có thể được xưng là Phật.

Và cũng vì thế mà Đức Như Lai được tôn xưng là bậc Vô Thượng Sư, bậc Đại Trượng Phu; là Hương Tượng, Sư Tử, Long Vương trong loài người; là bậc Điều Ngự, bậc Đạo Sư, bậc Đại Thuyền Sư, bậc Đại Y Sư, là vua trong loài Đại Ngưu, là Ngưu Vương trong loài người, cũng gọi là Liên Hoa Thanh Tịnh, là bậc Không Thầy Tự Ngộ, làm Nhãn Mục cho chúng sinh. Lại cũng gọi là bậc Đại Thí Chủ, Đại Sa Môn, Đại Bà La Môn. Là bậc trí giới, tâm trí tịch tĩnh, tinh tiến tu hành, đã đến bờ bên kia, và đạt đến giải thoát. Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy đã được Bồ đề, đều không được những việc như trên. Bởi thế, chỉ có những bậc đầy đủ đức hạnh như trên mới được tôn xưng là Phật.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia phân biệt ba loại Bồ đề không khó. Bồ tát tại gia phân biệt ba loại Bồ đề, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Sáu - Tu Tập Nghiệp Ba Mươi Hai Tướng

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Phật đã dạy, thân lực của Bồ tát khi nào được thành tựu?”

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Thiện nam tử! Bồ tát lúc mới bắt đầu tu nghiệp ba mươi hai tướng, liền được thành tựu thân lực.

Thiện nam tử! Hành giả lúc tu tập hạnh nghiệp như vậy được gọi là Bồ tát. Vì Bồ tát này được hai tam muội: một là tam muội giải thoát, hai là tam muội hiện hữu trong ba cõi. Lại được hai tam muội: một là tam muội biết đời quá khứ, hai là tam muội sinh ra nhân của Chánh pháp.

Thiện nam tử! Bồ tát lúc bắt đầu tu tập hạnh nghiệp ba mươi hai tướng, cho đến lúc thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong khoảng trung gian, nghe nhiều Phật pháp không biết nhàm chán. Bậc Đại Bồ tát khi tu hành nghiệp ba mươi hai tướng, lúc tu mỗi tướng, đều đem trăm phước trang nghiêm. Khi tu tập tâm Bồ đề được năm mươi phước, và đến khi viên mãn lại được thêm năm mươi phước, vì thế gọi là một trăm loại phước đức.

Thiện nam tử! Tất cả phước đức của thế gian, không bằng công đức của một lỗ chân lông của Đức Như Lai. Công đức của tất cả chân lông của Như Lai, không bằng công đức của một vẻ đẹp trong tám mươi vẻ đẹp. Tụ hợp tất cả công đức của tám mươi vẻ đẹp, không bằng công đức của một tướng trong ba mươi hai tướng. Tất cả công đức của các tướng, không bằng công đức của tướng Bạch hào. Công đức của tướng Bạch hào lại không bằng công đức của tướng Vô kiến đỉnh.

Thiện nam tử! Bồ tát thường ở trong vô lượng kiếp, vì tất cả chúng sinh làm lợi ích lớn, chí tâm siêng năng làm tất cả nghiệp lành, vì thế thành tựu đầy đủ Như Lai vô lượng công đức. Ba mươi hai

tướng đó, tức là quả báo của tâm Đại bi. Chuyển luân thánh vương tuy cũng có ba mươi hai tướng, nhưng không được rõ ràng và hoàn bị như của Đức Phật. Nghiệp thể của ba mươi hai tướng đó tức là thân khẩu ý. Chỉ có người ở ba châu: Đông thắng thân châu, Nam thiệm bộ châu, và Tây ngưu hóa châu, mới có thể tu nghiệp ba mươi hai tướng đó, chứ không phải người cõi trời, hay người ở Bắc cầu lô châu, vả lại, phải là thân người nam, không phải là thân người nữ, mới được ba mươi hai tướng này. Các vị Đại Bồ tát tu nghiệp ba mươi hai tướng được viên mãn, tức là viên mãn ba A tăng kỳ kiếp, sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện nam tử! Khi xưa ta ở nơi Đức Phật Bảo Đỉnh, viên mãn A tăng kỳ kiếp thứ nhất, ở Đức Phật Nhiên Đăng, viên mãn A tăng kỳ kiếp thứ hai, và ở Đức Phật Ca Diếp, viên mãn A tăng kỳ kiếp thứ ba.

Thiện nam tử! Ta ở Đức Cổ Phật Thích Ca Mâu Ni, mới bắt đầu phát tâm Vô thượng Bồ đề. Sau khi phát tâm, ta đã cúng dường chư Phật, nhiều như số cát trong vô lượng sông Hằng; trồng các căn lành, tu tập đạo hạnh, gìn giữ giới luật, siêng năng, và nghe nhiều Phật pháp.

Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát sau khi tu nghiệp ba mươi hai tướng ấy, tự biết mình sẽ chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rõ ràng như xem quả Am ma lặc trong lòng bàn tay. Nghiệp ba mươi hai tướng tuy cố định, thể nhưng, khi tu tập các nghiệp này, không cần phải theo thứ tự nhất định.

(1) Hoặc có người nói, Đức Như Lai trước tiên được tướng con mắt như mắt Ngưu Vương. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, ưa đem cặp mắt hiền từ nhìn chúng sinh, vì thế nên trước tiên được tướng mắt như Ngưu Vương, và kế đó được các tướng khác; (2) hoặc có người nói, Đức Như Lai trước tiên được tướng tám thứ Phạm âm, kế đó được các tướng khác. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thường dùng lời nhỏ nhẹ, lời chào đón, lời chân thực, dạy dỗ chúng sinh, vì thế nên trước tiên được tướng tám thứ Phạm Âm; (3) hoặc có người nói, Đức Như Lai trước tiên được tướng Vô kiến đỉnh, kế đó được các tướng khác. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, cúng dường

sur trường, chư Phật, Bồ tát, cúi đầu lễ bái, phá tâm kiêu mạn, vì thế nên trước tiên được tướng Vô kiến đỉnh; (4) hoặc có người nói, Đức Như Lai trước tiên được tướng lông Bạch hào, kể đó được các tướng khác. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, đã không dôi gạt tất cả chúng sinh, vì thế nên trước tiên được tướng lông Bạch hào. Ngoại trừ Đức Phật Thế Tôn, không người nào có thể nói rành rẽ nghiệp của các tướng đó như vậy.

Hoặc có người theo thứ lớp nói rằng: (1) Đức Như Lai trước tiên được tướng lòng bàn chân bằng phẳng, và kể đó được các tướng khác. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, bố thí, giữ giới, tu tập đạo hạnh, tâm không lay động, vì thế nên trước tiên được tướng lòng bàn chân bằng phẳng; (2) được tướng ấy rồi, kể đến được lòng bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, cúng dường cha mẹ, sư trưởng, bạn lành, đúng như pháp ủng hộ tất cả chúng sinh, vì thế lòng bàn chân, bàn tay đều có tướng bánh xe ngàn căm; (3) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng ngón tay thon dài. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, chí tâm thọ trì giới ưu bà tắc thứ nhất và thứ tư, vì thế được tướng ngón tay thon dài, và tướng gót chân đầy đặn; (4) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng hai vai đầy đặn. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, tùy thuận lời dạy của sư trưởng, cha mẹ, bạn lành, vì thế được tướng hai vai đầy đặn; (5) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng màng lưới giữa các ngón tay và chân. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, đem pháp Tứ nhiếp nhiếp thọ chúng sinh, thế nên được tướng màng lưới giữa các ngón tay và chân; (6) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng tay chân mềm mại hơn các tướng khác của thân thể. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, dùng tay thoa bóp, tắm rửa thân thể của cha mẹ, sư trưởng, làm sạch cầu nhơ, lại dùng dầu thơm thoa xức, vì thế nên được tướng tay chân mềm mại; (7) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng lông trên thân đều xoay lên về phía phải. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thường dạy dỗ chúng sinh, khiến tu bố thí, giữ giới và làm các việc lành, thế nên được tướng lông xoay lên về phía phải; (8) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng bắp đùi như Lộc vương. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, chí tâm nghe Pháp, chí tâm nói Pháp, vì muốn

phá tan các tội lỗi sinh tử, thế nên được tướng bắp đùi như Lộc vương; (9) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng thân thể tròn trịa, như cây Ni câu đà. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thường bố thí thuốc men cho tất cả chúng sinh có bệnh, thế nên được tướng thân thể tròn trịa; (10) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng cánh tay dài quá đầu gối. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, không bao giờ lừa dối tất cả Hiền thánh, cha mẹ, sư trưởng, bạn bè, cùng bậc thiện tri thức, thế nên được tướng cánh tay dài quá đầu gối; (11) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng Âm tàng của Tượng vương, Mã vương. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thấy người sợ hãi liền che chở, nâng đỡ họ, thường sinh tâm hổ thẹn, không nói lỗi người, lại khéo che tội cho họ, thế nên được tướng Âm tàng như vậy; (12) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng thân mềm mại, mỗi chân lông chỉ mọc một sợi lông. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, gần gũi người trí, ưa nghe và đàm luận Chánh pháp, nghe xong vui vẻ tu hành, lại hay sửa sang đường xá, nhặt dọn gai góc, thế nên được tướng da thịt mịn màng, mỗi chân lông mọc một sợi lông; (13) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng thân màu hoàng kim. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thường bố thí chúng sinh nhà cửa, giường chiếu, thức ăn, đèn đuốc, thế nên được tướng thân màu hoàng kim; (14) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng bảy chỗ trên thân tròn đầy. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, dù chỗ đáng giận cũng không sinh lòng giận, vui vẻ bố thí những gì mà chúng sinh mong muốn, thế nên được tướng bảy chỗ trên thân tròn đầy; (15) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng chỗ những khớp xương đều viên mãn. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, khéo phân biệt tướng lành dữ, lời nói không sai lầm, không nói lời vô nghĩa, thường nói Pháp thích hợp với căn cơ chúng sinh, nếu không thì không nói, thế nên được tướng chỗ những khớp xương viên mãn; (16), (17) được tướng ấy rồi, kể đến được hai tướng: một là thân trên, hai là hai má, đều như tướng của sư tử. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, tự mình không nói đâm thọc, lại dạy người khác không nói đâm thọc, thế nên được hai tướng như thế; (18), (19), (20) được tướng ấy rồi, kể đến được ba

tướng: một là có bốn mươi cái răng, hai là răng thật trắng, ba là răng mọc khít và bằng nhau. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, dùng mười pháp lành giáo hóa, chúng sinh thọ rồi, tâm sinh vui mừng, lại thường ưa ca tụng công đức người khác, thế nên được ba tướng như vậy; (21) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng bốn răng nanh trắng sạch. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, tu tập tâm từ bi của cõi dục giới, thường hay suy ngẫm pháp lành, thế nên được tướng bốn răng nanh trắng sạch; (22) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng vị giác thù thắng nhất. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, không đợi người xin rồi sau mới bố thí, thế nên được tướng vị giác thù thắng nhất; (23), (24) được tướng ấy rồi, kể đến được hai tướng: một là tướng nhục kế, hai là tướng lưỡi rộng dài. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, chí tâm thọ trì pháp Thập thiện, đồng thời giáo hóa chúng sinh, thế nên được hai tướng như thế; (25) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng Phạm âm. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, tự mình không nói lời ác, dạy dỗ người khác không nói lời ác, thế nên được tướng Phạm âm; (26) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng cặp mắt xanh biếc như Ngưu vương. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, đem cặp mắt từ ái nhìn chúng sinh, thân thù bình đẳng, thế nên được tướng cặp mắt xanh như Ngưu vương; (27) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng Bạch hào. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, giảng nói Chánh pháp, chân thực không hư dối, thế nên được tướng Bạch hào; (28) được tướng ấy rồi, kể đến được tướng Vô kiến đỉnh. Vì sao? Lúc tu hạnh Bồ tát, trong vô lượng đời, thường cung kính lễ bái tất cả Hiền thánh, sư trưởng, cha mẹ, tôn trọng, ca ngợi, cung kính, cúng dường, thế nên được tướng Vô kiến đỉnh.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu nghiệp ba mươi hai tướng, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu nghiệp ba mươi hai tướng, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Bảy - Phát Nguyện

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Ai là người có thể tu nghiệp ba mươi hai tướng?”

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Thiện nam tử! Người trí có thể tu.”

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là người trí?

- Thiện nam tử! Người trí là người có thể phát nguyện rộng lớn vô thượng.

Bậc Đại Bồ tát sau khi phát tâm, tất cả nghiệp lành của thân khẩu ý, đều hồi hướng, đều nguyện vì chúng sinh, nguyện trong tương lai được thành Phật, tất cả chúng sinh cũng được thành Phật. Bậc Đại Bồ tát thường gần gũi chư Phật, Thanh văn, Duyên giác, cùng những bậc thiện tri thức, cúng dường, cung kính, thưa hỏi Phật Pháp thâm sâu, thọ trì không xao lãng.

Các vị Đại Bồ tát ấy phát nguyện rằng: “Con nay gần gũi chư Phật, Thanh văn, Duyên giác, và bạn lành. Thà thọ vô lượng khổ não dữ dội, nhưng quyết không thoái chuyển đạo Bồ đề. Chúng sinh nếu dùng lòng độc ác đến đánh đập, chửi rủa, hủy nhục con, nguyện con nhờ nhân duyên này, tăng trưởng tâm từ bi, không sinh niệm ác. Nguyện con đời sau, bất cứ chỗ nào, đều không thọ thân người nữ, không căn, hai căn, hoặc làm thân nô tỳ. Lại nguyện thân con được sức lực tự tại để lĩnh đạo người khác, mà không để cho họ sai sử con. Nguyện thân con không bị tàn khuyết, xa lìa bạn ác, không sinh vào nước dữ, bộ lạc dã man, mà thường sinh vào dòng họ cao sang, dung nhan tuấn tú, của báu tự tại. Nguyện được tâm ý hiền hòa, tự tại, cương nghị và dũng mãnh, nếu nói ra điều gì, người nghe đều vui nhận. Nguyện xa lìa các chướng ngại, không còn phóng dật, lìa bỏ tất cả nghiệp ác của thân khẩu ý, thường vì chúng sinh mà làm tất cả sự lợi ích. Nguyện con vì muốn lợi ích chúng sinh, không tham tiếc thân mệnh, không vì thân mệnh mình mà tạo nghiệp ác, khi làm lợi cho chúng sinh, không cầu sự trả ơn. Nguyện thường hay thọ trì mười hai phần giáo, sau khi thọ trì, đem dạy người khác. Nguyện con có thể dẹp tan sai lầm và nghiệp ác của chúng sinh. Nguyện con đối với tất cả sự việc trên đời, không ai hơn được, sau khi được hơn tất cả, dùng phương tiện đó giáo

hóa chúng sinh. Nguyên khéo trị các chứng bệnh nặng nơi thân tâm của chúng sinh. Nguyên khi thấy người chia ly, giúp cho hòa hợp, thấy người sợ hãi, tìm cách che chở, cứu vớt, kẻ đó nói pháp lành, khiến họ nghe xong, tâm ý nhu hòa phục thiện. Nguyên con khi thấy chúng sinh đói khát, bố thí thân mình, làm cho họ được no đủ, nguyện họ không sinh tâm tham ác, khi ăn thân này, nguyện họ không tham luyến, như ăn cây cỏ. Nguyên thường hay cúng dường sư trưởng, cha mẹ, bạn lành và bậc Hiền đức, đối người thân, kẻ thù, tâm thường bình đẳng. Nguyên thường tu pháp lục niệm, quán vô ngã, và mười hai nhân duyên. Nguyên con lúc không có ngôi Tam Bảo, thường ở nơi tịch tĩnh, tu tập tâm từ bi. Nguyên tất cả chúng sinh, hoặc nghe tên, hoặc nhìn thấy, hoặc xúc chạm vào thân con, đều được xa lìa phiền não.” Bồ tát tuy biết rằng, ngoại trừ quả vị Vô thượng Bồ đề, không nên cầu quả báo nào khác, thế nhưng vì chúng sinh nên vẫn mong cầu, hầu làm lợi ích rộng lớn cho họ. Thiện nam tử! Bồ tát nếu lập đại nguyện như vậy, phải biết người đó là vị trưởng giả đầy đủ vô thượng pháp tài, đang cầu ngôi vị Pháp vương mà chưa được.

Thiện nam tử! (1) Bậc Đại Bồ tát làm tròn ba việc thì được gọi là vị trưởng giả đầy đủ pháp tài: một là tâm không ưa thích kinh điển ngoại đạo; hai là tâm không tham luyến cảnh vui sinh tử; ba là thường ưa thích cúng dường Tam Bảo. (2) Lại có ba việc: một là vì chúng sinh thọ khổ, tâm không hối hận; hai là đầy đủ trí tuệ vi diệu vô thượng; ba là khi đủ pháp lành, không sinh kiêu mạn. (3) Lại có ba việc: một là vì chúng sinh mà chịu khổ địa ngục, nhưng vẫn xem như thọ sự vui của cõi Tam thiên; hai là thấy người khác được lợi, tâm không sinh ghen ghét; ba là không vì quả báo trong sinh tử mà tạo nghiệp lành. (4) Lại có ba việc: một là thấy người thọ khổ, xem như chính mình thọ; hai là làm tất cả điều lành đều vì chúng sinh; ba là khéo lập phương tiện độ người thoát khổ. (5) Lại có ba việc: một là quán sát sự vui trong sinh tử xem như rắn độc; hai là ưa trong cảnh sinh tử làm lợi ích chúng sinh; ba là quán Vô sinh pháp nhãn có nhiều công đức. (6) Lại có ba việc: một là vì lợi ích chúng sinh mà bố thí thân thể; hai là bố thí mạng sống; ba là bố thí của cải. (7) Lại có ba việc: một là nghe nhiều Phật pháp không

nhàm chán; hai là nhẫn chịu cảnh ác; ba là dạy người khác tu nhẫn nhục. (8) Lại có ba việc: một là hay xét lỗi mình; hai là khéo che lỗi người; ba là ưa tu tâm từ. (9) Lại có ba việc: một là chí tâm thọ trì cấm giới; hai là dùng pháp Tứ nhiếp thân phục chúng sinh; ba là lời nói dịu dàng không thô bạo. (10) Lại có ba việc: một là đem Phật pháp bố thí chúng sinh; hai là đem tài sản bố thí chúng sinh; ba là khuyến khích chúng sinh bố thí tài sản và Phật pháp. (11) Lại có ba việc: một là thường đem pháp Đại Thừa giáo hóa chúng sinh; hai là thường tu tập để thăng tiến; ba là không khinh mạn chúng sinh. (12) Lại có ba việc: một là dù đầy phiền não, nhưng vẫn nhẫn chịu được; hai là tuy biết phiền não nhiều lỗi lầm, lòng vẫn an vui không nhàm chán; ba là tuy mình còn đầy đủ phiền não, vẫn có thể diệt trừ phiền não cho người khác. (13) Lại có ba việc: một là thấy người được lợi, vui như mình được; hai là được sự an vui, không giữ riêng mình hưởng thọ; ba là đối giáo pháp Tiểu Thừa, không sinh tâm tự mãn. (14) Lại có ba việc: một là nghe sự khổ hạnh của Bồ tát, tâm không kinh sợ; hai là có người đến xin, không bao giờ từ chối; ba là không bao giờ nghĩ mình hơn tất cả.

Thiện nam tử! Bồ tát nếu quán nhân, quán quả, quán nhân quả, hay là quán quả nhân, Bồ tát đó có thể đoạn trừ nhân quả thế gian. Nếu Bồ tát có thể đoạn trừ nhân quả, chứng được nhân quả, thì gọi là pháp quả, là vua của các pháp, tự tại với các pháp.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia lập nguyện như vậy, điều này không khó. Bồ tát tại gia lập nguyện như vậy, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Tám - Bồ Tát Giả Danh Bồ Tát Thực Nghĩa

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật đã dạy, Bồ tát có hai hạng: một là Bồ tát giả danh, hai là Bồ tát thực nghĩa. Thế nào gọi là Bồ tát giả danh? (Thế nào là Bồ tát thực nghĩa?)”

- Thiện nam tử! Chúng sinh phát tâm Bồ Đề rồi, được gọi là Bồ tát giả danh, nếu ưa học pháp thuật, cùng đọc tụng kinh điển của ngoại đạo, lại đem pháp ấy giáo hóa chúng sinh. Không thích tu tâm Từ bi, vì thân mệnh mình mà giết hại chúng sinh. Tham mê sinh tử, thường tạo nghiệp mong hưởng cảnh vui hữu lậu. Không có lòng tin, lại sinh tâm nghi ngờ Tam Bảo. Tham tiếc giữ gìn thân mệnh, không thể nhẫn nhục. Lời nói cộc cằn, hối hận, buông lung, sinh lòng tự khinh, nghĩ mình không thể được quả Vô Thượng Bồ Đề. Đối với phiền não, sinh lòng khiếp sợ, không chịu siêng tu phương tiện tiêu diệt phiền não. Thường sinh lòng bòn sẻn, ganh ghét, giận dữ, gằn gỏi bạn ác, biếng nhác, loạn tâm. Ưa ở trong vô minh, không tin pháp Lục độ. Không chịu tu phước đức, không chịu quán sinh tử. Thường ưa nghe theo lời ác của người khác. Những người như vậy được gọi là Bồ tát giả danh.

Thiện nam tử! Lại có chúng sinh phát tâm mong cầu quả vị Vô Thượng Bồ Đề, nghe nói phải siêng năng tu tập gian khổ, trải qua vô lượng kiếp sau đó mới được, nghe rồi sinh lòng hối tiếc. Tuy thân tu hành đạo nghiệp, mà tâm không chân thực. Không biết hổ thẹn, không có lòng thương người. Hay thờ phụng ngoại đạo, giết dê tế trời. Dù có chút ít lòng tin, tâm không bền chắc. Vì sự vui ngũ dục mà tạo rất nhiều tội ác. Ý vào sắc đẹp, tuổi thọ và tài sản mà sinh tâm kiêu mạn. Hành động điên đảo, không đem lại lợi ích. Vì ham thú vui sinh tử mà bố thí, vì muốn sinh cõi trời mà giữ giới, vì muốn sống lâu mà tu thiên định. Những người như vậy gọi là Bồ tát giả danh.

Thiện nam tử! Bồ tát thực nghĩa là người có thể nghe hiểu nghĩa lý sâu xa, ưa gần bạn lành, ưa cúng dường sư trưởng, cha mẹ, bạn lành; ưa nghe mười hai phần giáo của Như Lai, thọ trì, đọc tụng, biên chép, suy tư nghĩa lý. Vì nhân duyên cầu Pháp, không tiếc thân mệnh, vợ con, của cải. Tâm ý kiên cố, thương xót chúng sinh. Nói lời dịu dàng, lời chào đón, lời chân thật. Không nói lời thô ác hoặc đâm thọc. Không tự khinh chiềm mình. Bố thí rộng rãi không hề lưỡng lự. Thường ưa dùi mài lưỡi gươm trí tuệ. Học tập kinh sách ngoại đạo, chỉ vì muốn phá dẹp và siêu việt tà kiến. Rành rẽ phương tiện điều phục chúng sinh. Ở giữa đám đông, tâm không

khiếp sợ. Thường dạy chúng sinh rằng đạo Bồ Đề dễ được, làm cho người nghe không sinh lòng lo sợ, mà siêng năng tu hành. Coi thường phiền não, không để cho phiền não lay động mình. Tâm không buông lung, thường tu nhẫn nhục. Vì muốn đắc quả vị Niết Bàn mà trì giới và tu tập tinh tiến. Nguyên làm người phục dịch cho chúng sinh, làm cho họ được an ổn, vui sướng. Vì người khác chịu khổ, tâm không sinh hối hận. Thấy người thoái thất tâm Bồ Đề, sinh lòng thương xót. Cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não, quán sát lỗi lầm và tội ác của sinh tử. Có thể viên mãn sáu pháp Ba la mật vô thượng. Làm mọi sự việc đều hơn chúng sinh. Lòng tin vững chắc, tu tập từ bi mà không mong cầu quả báo. Đối với người thân kẻ thù, tâm coi như một. Lúc bố thí tài vật tâm thường bình đẳng, lúc thí xả thân mình cũng thế. Vì biết tướng hữu vi là vô thường, nên không tiếc thân mệnh. Dùng pháp Tứ nhiếp thân phục chúng sinh. Biết rõ Thế tục để nên tùy thuận chúng sinh. Khi vì chúng sinh mà thọ khổ, tâm không lay động như núi Tu di. Tuy thấy chúng sinh tạo nhiều nghiệp ác, ít người làm lành, nhưng vẫn không bỏ rơi họ. Đối với Tam Bảo không sinh lòng nghi, thường ưa cúng dường. Lúc có ít tài vật, trước bố thí người nghèo, sau cúng dường Tam Bảo. Làm việc gì, trước đều vì người nghèo, sau mới vì người giàu. Ưa khen ngợi sự hay của người, vì họ mà giảng Phật pháp, hầu mở đường cho họ đến Niết Bàn. Muốn người khác học tất cả các kỹ thuật. Thấy người học hơn mình, tâm sinh vui mừng. Không nghĩ đến lợi mình, mà thường nghĩ đến việc lợi người. Tất cả nghiệp lành thân khẩu ý, đều không vì chiền mình, mà vì chúng sinh. Đây gọi là Bồ tát thực nghĩa.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia muốn thành Bồ tát thực nghĩa, điều này không khó. Bồ tát tại gia muốn thành Bồ tát thực nghĩa, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Chín - Tâm Kiên Cố Của Bồ Tát Thực Nghĩa

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát thực nghĩa làm sao biết mình là Bồ tát thực nghĩa?”

- Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát lúc tu khổ hạnh, trước hết phải nên tự giữ tâm mình.

Thiện nam tử! Ta nhớ thuở xưa lúc còn tu hạnh Bồ tát, trước theo ngoại đạo học pháp khổ hạnh, hết lòng tu tập, tâm không thoái chuyển. Trong vô lượng đời, dùng tro bôi thân, mỗi ngày ăn một hạt mè, hạt đậu. Dùng chông gai, cây đá làm chỗ lót nằm. Lấy phân cùng nước tiểu làm thuốc trị bệnh. Trong mùa hè nóng bức, dùng năm thứ lửa đốt thân. Trong mùa đông buốt giá, dùng nước đá chà xát vào thân. Hoặc ăn cỏ, rễ, nhánh, lá, quả; hoặc ăn đất, hoặc hít gió. Lúc tu những sự khổ hạnh như vậy, thân mình thân người đều không lợi ích. Tuy thế, tâm vẫn không thoái sụt, mà còn vượt hơn tất cả khổ hạnh của ngoại đạo.

Thiện nam tử! Ta thuở xưa vì bốn việc mà hy sinh thân mệnh: một là vì muốn phá phiền não của chúng sinh; hai là vì muốn làm chúng sinh được an vui; ba là vì muốn phá trừ sự tham đắm thân thể; bốn là vì muốn báo ơn sinh dưỡng của cha mẹ. Bồ tát nếu không tiếc thân mệnh, quyết định biết mình là Bồ tát thực nghĩa.

Thiện nam tử! Trong quá khứ, vì cầu Chánh pháp, ta đã khoét thân làm ba ngàn sáu trăm ngọn đèn. Lúc bấy giờ, ta tuy vẫn còn đầy phiền não, thân thể đau đớn, nhưng vì muốn chúng sinh được độ thoát sinh tử, ta tự an ủi khiến lòng kiên quyết, không sinh tâm thoái chuyển. Lúc đó được đầy đủ ba việc: một là rốt ráo không còn thoái chuyển; hai là trở thành Bồ tát thực nghĩa; ba là được chúng sinh gọi là bậc không thể nghĩ bàn. Đây gọi là Bồ tát không thể nghĩ bàn. Lại nhớ khi xưa vì cầu Chánh pháp, trong một đại kiếp, khắp thân chịu sự thống khổ của hàng ngàn mọt nhọt. Lúc đó, ta tuy vẫn còn đầy phiền não, thân thể đau đớn, nhưng vì muốn chúng sinh đều được độ thoát, ta tự an ủi, khiến lòng kiên quyết, không sinh tâm thoái chuyển. Đây gọi là Bồ tát không thể nghĩ bàn. Khi xưa ta vì một con bò câu mà bố thí thân mệnh của mình. Lúc bấy giờ ta còn đầy phiền não, thân thể đau đớn, nhưng vì muốn chúng sinh được độ thoát, ta tự an ủi, khiến lòng kiên quyết,

không sinh tâm thoái chuyển. Đây gọi là Bồ tát không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử! Tất cả bạn ác, phiền não và nghiệp, chiền là người bạn làm trang nghiêm đạo nghiệp của Bồ tát. Vì sao? Vì tất cả phàm phu không có trí tuệ và chánh niệm, nên đem phiền não làm kẻ oán địch; còn Bồ tát đầy đủ trí tuệ và chánh niệm, nên đem phiền não làm người bạn đạo. Trường hợp bạn ác và nghiệp cũng tương tự như thế.

Thiện nam tử! Người đã đoạn phiền não, thì không còn phải thọ thân trong các cõi ác. Thế nên, Bồ tát tuy thị hiện làm nghiệp ác, thực sự không phải do thân khẩu ý làm ra, mà là do sức mạnh của thế nguyện. Như vì muốn điều phục loài bàng sinh, do thế nguyện mà thọ thân thú dữ. Bồ tát tuy thị hiện thọ thân cầm thú, hiểu rõ tiếng người, lời pháp, lời chân thực, lời không thô ác, lời không vô nghĩa; tâm thường thương xót, tu tập từ bi, lòng không buông lung. Đây gọi là Bồ tát không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử! Thuở xưa lúc ta thọ thân gấu, dù vẫn còn đủ phiền não, nhưng ta không còn bị phiền não lay chuyển. Vì sao? Vì ta đầy đủ chánh niệm, thương xót chúng sinh, ủng hộ Chánh pháp, tu hành pháp hạnh. Thọ thân trâu, chim, thỏ, rắn, rồng, voi, kim xí điều, bò cạp, nai, vượn, dê, gà, chim trĩ, khổng tước, anh vũ, các loài cóc nhái. Lúc ta thọ thân chim, thú như vậy, tuy vẫn còn đủ phiền não, nhưng phiền não đối với ta không còn sức tự tại. Vì sao? Vì ta đầy đủ chánh niệm, thương xót chúng sinh, ủng hộ Chánh pháp, tu hành pháp hạnh.

Thiện nam tử! Trong đời đói khổ, ta lập đại nguyện, do nguyện lực mà thọ thân làm loài cá lớn, làm cho chúng sinh khỏi sự đói khát. Người nào ăn thịt ta, đều tu hành, tư duy chánh đạo, không phạm tội ác. Trong đời nhiều tật dịch, ta lập đại nguyện, do nguyện lực mà thọ thân làm cây thuốc. Những người bệnh tật thấy, nghe, hoặc chạm đến thân ta, hoặc ăn da, thớ, máu, thịt, xương, tủy của ta thì bệnh hoạn đều lành.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát thọ khổ như vậy, tâm không thoái chuyển, gọi là Bồ tát thực nghĩa.

Lúc Bồ tát tu hành sáu pháp Ba la mật, chung qui không mong cầu quả báo, chỉ lấy sự lợi ích chúng sinh làm sự nghiệp. Bồ tát thấy rõ lỗi lầm của sinh tử, nhưng vẫn ưa ở trong sinh tử để làm lợi ích chúng sinh, khiến cho họ được an vui. Bồ tát hiểu rõ niềm vui của giải thoát, sự lỗi lầm của sinh tử, mà vẫn có thể ở trong sinh tử, đây là hạnh không thể nghĩ bàn của họ. Bồ tát làm việc gì, không cầu báo ơn; còn đối với người làm ơn cho mình, thì thường nghĩ đến sự trả ơn.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh thường cầu tự lợi, Bồ tát làm việc thường mong lợi người. Đây là hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ tát.

Thiện nam tử! Bọn ngoại đạo lúc giáo hóa chúng sinh, hoặc dùng lời hung ác, đánh đập, nhục mạ, xua đuổi, sau đó mới điều phục. Bồ tát không phải thế, lúc giáo hóa chúng sinh, không dùng lời thô tục, lời giận dữ, lời vô ích, mà chỉ dùng lời nhỏ nhẹ, lời chân thực mà giáo hóa họ. Chúng sinh nghe rồi, như hoa sen xanh dưới ánh trăng, như hoa sen đỏ dưới ánh mặt trời.

Thiện nam tử! Lúc Bồ tát bố thí, tuy ít tiền của, thấy nhiều người đến xin, không sinh tâm chán ghét. Đây là hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ tát. Dù dạy dỗ người mù, điếc, câm, ngọng, ngu si, hoặc người dã man, hung ác, nhưng tâm vẫn không nhàm chán. Đây là hạnh không thể nghĩ bàn của Bồ tát.

Thiện nam tử! Bồ tát có bốn việc không thể nghĩ bàn: một là có thể đem vật yêu quý bố thí cho người khác; hai là tuy đầy đủ phiền não, mà vẫn nhẫn được việc ác; ba là thấy đại chúng chia rẽ, có thể khiến hòa hợp; bốn là dù lúc sắp chết, nếu thấy người ác, liền nói pháp để chuyển đổi họ. Đây là bốn việc không thể nghĩ bàn của Bồ tát. Lại có ba việc không thể nghĩ bàn: một là thường quở trách tất cả phiền não; hai là ở trong phiền não, nhưng vì chúng sinh nên không xả bỏ phiền não; ba là dù đầy đủ phiền não và phiền não nghiệp mà vẫn không dám buông lung. Đây là ba việc không thể nghĩ bàn của Bồ tát. Lại có ba việc không thể nghĩ bàn: một là lúc muốn bố thí, tâm sinh vui mừng; hai là lúc bố thí, chỉ vì người mà không cầu quả báo; ba là lúc bố thí xong, tâm thường an vui, không sinh nuôi tiếc. Đây là ba việc không thể nghĩ bàn của Bồ tát.

Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát lúc tu hạnh như vậy, nên tự quán sát tâm mình: “Tôi là Bồ tát giả danh hay Bồ tát thực nghĩa?” Chúng sinh nếu làm được những việc như vậy, nên biết đó là Bồ tát thực nghĩa.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia làm những việc ấy, điều này không khó. Bồ tát tại gia làm những việc ấy, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười - Lợi Mình Lợi Người

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ đề là gì? Đạo Bồ đề là gì?”

Đức Phật dạy: “Thiện nam tử! Xa lìa Bồ đề không có Đạo Bồ đề, xa lìa Đạo Bồ đề không có Bồ đề. Đạo Bồ đề tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Đạo Bồ đề. Vượt hơn tất cả quả vị của Thanh văn, Duyên giác gọi là Bồ đề, cũng gọi là Đạo Bồ đề.”

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Đạo quả của Thanh văn, Duyên giác tức là Bồ đề, tức là Đạo Bồ đề. Tại sao gọi là vượt hơn?

- Thiện nam tử! Đạo của Thanh văn, Duyên giác không được rộng lớn, không phải là giác ngộ tất cả, bởi vậy Bồ đề, Đạo Bồ đề được gọi là vượt hơn đạo của Thanh văn, Duyên giác. Giống như trong tất cả kinh sách thế gian, mười hai phần giáo của Đức Như Lai là cao hơn hết. Vì sao? Vì lời nói trong kinh không sai lầm, không điên đảo. Đạo của Nhị thừa so với Đạo Bồ đề cũng giống như thế.

Thiện nam tử! Đạo Bồ đề tức là Học, cũng tức là Học quả. Vì sao gọi là Học? Tu học đạo Bồ đề, chưa được đầy đủ tâm không thoái chuyển gọi là Học, đã được quả vị không thoái chuyển gọi là Học quả. Lúc chưa chứng được Định hữu, gọi là Học; sau khi chứng được Định hữu, trong A tăng kỳ kiếp thứ ba, gọi là Học quả. Trong A tăng kỳ kiếp đầu tiên vẫn còn chưa có thể bố thí tất cả tài sản, bố thí trong tất cả thời gian, và bố thí đến tất cả chúng sinh. Trong A tăng kỳ kiếp thứ hai, đã có thể bố thí tất cả tài sản, nhưng vẫn chưa thể bố thí trong tất cả thời gian, hoặc bố thí đến tất cả chúng sinh.

Trong hai giai đoạn này gọi là Học. Đến A tăng kỳ kiếp thứ ba, có thể bỏ thí tất cả tài sản, bỏ thí trong tất cả thời gian, và bỏ thí đến tất cả chúng sinh, đây gọi là Học quả.

Thiện nam tử! Bỏ tất lúc tu tập hạnh bỏ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ gọi là Học. Đến lúc tất cả đều viên mãn gọi là Học quả.

Thiện nam tử! Có hạnh bỏ thí mà không phải là Ba la mật, có hạnh Ba la mật mà không phải là Bỏ thí Ba la mật, có hạnh bỏ thí mà cũng là Ba la mật, có hạnh không phải bỏ thí mà cũng không phải Ba la mật.

Thiện nam tử! Hạnh bỏ thí mà không phải là Ba la mật là hạnh bỏ thí của Thanh văn, Duyên Giác, tất cả phàm phu ngoại đạo, cùng các vị Bồ tát trong hai A tăng kỳ kiếp đầu. Hạnh Ba la mật mà không phải là Bỏ thí Ba la mật, như Trì giới Ba la mật cho đến Bát Nhã Ba la mật. Hạnh bỏ thí mà cũng là Ba la mật, tức là hạnh bỏ thí của các vị Bồ tát trong A tăng kỳ kiếp thứ ba. Hạnh không phải bỏ thí mà cũng không phải Ba la mật, tức là hạnh trì giới, tu định, nhẫn nhục, từ bi của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Hạnh bỏ thí mà không phải là ba la mật gọi là Học, hạnh bỏ thí mà cũng là Ba la mật gọi là Học quả.

Thiện nam tử! Bồ đề tức là Tận trí và Vô sinh trí. Vì muốn được hai trí này mà chuyên tâm tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, gọi là Học. Đã chứng Bồ đề, gọi là Học quả. Trước tiên tự điều phục các căn của mình, sau đó điều phục người khác, gọi là Học. Đã được giải thoát, lại độ chúng sinh được giải thoát, gọi là Học quả. Tu tập mười Lục, bốn Vô sở úy, Đại bi, ba Niệm, gọi là Học. Được đầy đủ mười tám Pháp bất cộng gọi là Học quả. Vì lợi mình lợi người mà tạo tác các nghiệp lành, gọi là Học. Làm lợi chúng sinh rồi, gọi là Học quả. Học tập pháp thế gian gọi là Học, học tập pháp xuất thế gian gọi là Học quả. Nếu vì chúng sinh mà không bỏn sẻn thân thể, tài sản, gọi là Học; còn nếu vì chúng sinh mà không bỏn sẻn thân thể, tài sản, thọ mệnh, gọi là Học quả. Có thể giáo hóa chúng sinh tạo nghiệp trời, người, gọi là Học. Giáo hóa chúng sinh tạo nghiệp vô lậu, gọi là Học quả. Có thể bỏ thí chúng sinh tất cả tài sản, gọi là Học. Bỏ thí chúng sinh Phật pháp, gọi là

Học quả. Tự phá bỏ sên, tham lam, ganh ghét, gọi là Học. Phá bỏ sên, tham lam, ganh ghét cho người khác, gọi là Học quả. Thọ trì năm thiện căn, tu tập chánh niệm, gọi là Học. Dạy người khác tu tập thành tựu năm thiện căn và chánh niệm, gọi là Học quả.

Thiện nam tử! Bồ tát có tín căn, làm lợi mình xong, lại làm lợi ích cho người. Nếu chỉ làm lợi cho mình, không phải là chân thực tự lợi. Làm lợi cho người mới là chân thực tự lợi. Vì sao? Bạc Đại Bồ tát vì lợi người khác, đối với thân thể, thọ mệnh, tài sản, không sinh lòng bỏ sên, đó là tự lợi. Bồ tát biết rằng, nếu đem Bồ Đề của hàng Thanh văn, Duyên giác giáo hóa chúng sinh, chúng sinh không tiếp nhận, bèn đem sự an lạc của trời người mà giáo hóa họ, đây là lợi người. Lợi ích người khác chiền là lợi mình. Nếu Bồ tát không thể làm lợi ích cho mình và người, mà chỉ làm lợi mình, đây là bậc hạ. Vì sao? Vì Bồ tát đó, đối với giáo pháp, tài sản, sinh tâm tham luyến, vì vậy không thể tự làm lợi mình. Hành giả nếu làm người khác chịu khổ não, riêng mình hưởng sự an vui, Bồ tát như vậy, không thể lợi người. Nếu Bồ tát không tu tập bố thí, trì giới, nghe nhiều, dù có dạy người khác cũng chỉ gọi là lợi người mà không lợi mình. Nếu đầy đủ năm thiện căn, sau đó đem dạy người khác, đó là Bồ tát làm lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Lợi ích có hai loại: một là đời này, hai là đời sau. Bồ tát nếu làm lợi ích đời này, không gọi là thực sự lợi ích. Nếu làm lợi ích đời sau tức là có thể làm cho mình và người đều được lợi ích.

Thiện nam tử! Sự an lạc có hai loại: một là an lạc thế gian, hai là an lạc xuất thế gian. Phước đức cũng thế. Bồ tát nếu đầy đủ hai sự an lạc và phước đức để giáo hóa chúng sinh, thì gọi là lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát đầy đủ một pháp thì có thể lợi mình lợi người, đó là sự không phóng dật. Lại có hai pháp có thể làm lợi mình lợi người: một là thường nghe Phật pháp, hai là suy tư Phật pháp. Lại có ba pháp có thể làm lợi mình lợi người: một là thương xót chúng sinh, hai là siêng năng tu hành, ba là đầy đủ chánh niệm. Lại có bốn pháp có thể làm lợi mình lợi người, tức là bốn uy nghi. Lại có năm pháp có thể làm lợi mình lợi người: một là đức tin, hai

là giữ giới, ba là thường nghe Phật pháp, bốn là bố thí, năm là trí tuệ. Lại có sáu pháp có thể làm lợi mình lợi người, tức là sáu niệm. Lại có bảy pháp có thể làm lợi mình lợi người, tức là phá hoại bảy loại kiêu mạn.

Thiện nam tử! Nếu Bồ tát thấy sa môn, bà la môn, trưởng giả, nam nữ, hoặc trong đại chúng có người làm lỗi, trước nên tùy thuận ý của họ, rồi sau mới nói pháp làm họ được điều phục. Nếu Bồ tát không biết rằng trước nên tùy thuận chúng sinh, rồi sau mới thuyết pháp, đây là Bồ tát bậc hạ.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là ưa gần gũi bạn lành, hai là không ưa gần gũi bạn lành. Người ưa gần gũi bạn lành có thể làm lợi mình lợi người, còn người không ưa gần gũi bạn lành, ắt không thể làm lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Có hai loại Bồ tát ưa gần bạn lành: một là ưa cúng dường, hai là không ưa cúng dường. Người ưa cúng dường có thể lợi mình lợi người, người không ưa cúng dường, không thể lợi mình lợi người. Người ưa cúng dường lại có hai hạng: một là chuyên tâm nghe Phật pháp, hai là không chuyên tâm nghe Phật pháp. Người chuyên tâm nghe Phật pháp có thể lợi mình lợi người, người không chuyên tâm nghe Phật pháp không thể lợi mình lợi người. Người chuyên tâm nghe Phật pháp lại có hai hạng: một là hay hỏi nghĩa lý, hai là không hay hỏi nghĩa lý. Người hay hỏi nghĩa lý, có thể lợi mình lợi người, người không hay hỏi nghĩa lý không thể lợi mình lợi người. Người hay hỏi nghĩa lý lại có hai hạng: một là chí tâm thọ trì, hai là không thọ trì. Người chí tâm thọ trì, có thể lợi mình lợi người, người không thọ trì, không thể lợi mình lợi người. Người chí tâm thọ trì lại có hai hạng: một là hay suy tư nghĩa lý, hai là không suy tư nghĩa lý. Người suy tư nghĩa lý có thể lợi mình lợi người, người không suy tư nghĩa lý không thể lợi mình lợi người. Người suy tư nghĩa lý lại có hai hạng: một là hiểu rõ nghĩa lý, hai là không hiểu rõ nghĩa lý. Người hiểu rõ nghĩa lý có thể lợi mình lợi người, người không hiểu rõ nghĩa lý không thể lợi mình lợi người. Người hiểu rõ nghĩa lý lại có hai hạng: một là sống đúng Chánh pháp, hai là không sống đúng Chánh pháp. Người sống đúng Chánh pháp có thể làm lợi mình lợi người, người không sống

đúng Chánh pháp, không thể lợi mình lợi người. Người sống đúng Chánh pháp lại có hai hạng: một là đầy đủ tám trí, hai là không đầy đủ tám trí. Tám trí là gì? Một là trí biết pháp, hai là trí biết nghĩa, ba là trí biết thời tiết nhân duyên, bốn là trí biết đủ, năm là trí biết mình và người khác, sáu là trí biết tất cả sự vật, bảy là trí biết căn cơ chúng sinh, tám là trí biết sự cao thấp. Người đầy đủ tám trí nói ra điều gì đều đầy đủ mười sáu việc: Một là nói đúng thời, hai là nói một cách thành tâm, ba là nói có thứ lớp, bốn là nói hòa hợp, năm là nói có nghĩa lý, sáu là nói vui vẻ, bảy là nói tùy theo ý người nghe, tám là nói mà không coi thường người nghe, chín là nói mà không trách mắng người nghe, mười là nói đúng như Chánh pháp, mười một là nói lợi mình lợi người, mười hai là nói mà không tán loạn, mười ba là nói hợp với nghĩa lý, mười bốn là nói lời chân chánh, mười lăm là nói rồi không sinh lòng kiêu mạn, mười sáu là nói mà không cầu phước báo thế gian. Những người như vậy có thể nghe người khác nói pháp; lúc nghe người khác nói pháp có đủ mười sáu việc: Một là nghe đúng thời, hai là thích nghe pháp, ba là nghe một cách thành tâm, bốn là nghe một cách cung kính, năm là nghe mà không tìm lỗi của người nói, sáu là không vì biện luận mà nghe, bảy là không vì thắng người khác mà nghe, tám là lúc nghe không coi thường người nói, chín là lúc nghe không khinh thường Phật pháp, mười là lúc nghe, không tự khinh mình, mười một là vì muốn xa lìa ngũ cái mà nghe, mười hai là vì muốn thọ trì, đọc tụng mà nghe, mười ba là vì muốn diệt trừ ngũ dục mà nghe, mười bốn là vì muốn đầy đủ lòng tin mà nghe, mười lăm là vì muốn điều phục chúng sinh mà nghe, mười sáu là vì muốn đoạn trừ văn căn mà nghe.

Thiện nam tử! Người có đủ tám trí, có thể nói pháp và nghe pháp. Những người như vậy có thể lợi mình lợi người. Người không đủ tám trí không được gọi là người lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Người nói pháp cũng có hai hạng: Một là thanh tịnh, hai là không thanh tịnh. Người không thanh tịnh cũng có năm việc: Một là vì lợi mà nói pháp, hai là vì muốn được báo ân mà nói pháp, ba là vì muốn hơn người khác mà nói pháp, bốn là vì muốn được quả báo thế gian mà nói pháp, năm là đem tâm nghi pháp mà

nói pháp. Người nói pháp thanh tịnh cũng có năm việc: Một là trước cho ăn rồi sau mới nói pháp, hai là vì muốn Tam Bảo hưng long mà nói pháp, ba là vì muốn đoạn phiền não cho mình cho người mà nói pháp, bốn là vì muốn phân biệt tà chánh mà nói pháp, năm là vì muốn người nghe được sự thù thắng mà nói pháp. Thiện nam tử! Người nói pháp không thanh tịnh gọi là người bán thỉu, là người bán pháp, là người ô nhục, là người lầm lạc, là người đánh mất ý nghĩa của sự nói pháp. Người nói pháp thanh tịnh gọi là người trong sạch, nói lời chánh đáng, nói lời chân thực, và là nơi qui tụ của Chánh pháp.

Thiện nam tử! Người nào biết toàn bộ mười hai phần giáo, thanh minh luận, nhân minh luận, trong nhân minh lại biết nhân, biết dụ, biết chỗ chủ trương của mình và của người, người đó là người thuyết pháp chánh đáng. Người nghe có bốn hạng: Một là nghe ít hiểu nhiều, hai là hiểu theo sự phân biệt của chánh mình, ba là hiểu theo bản ý của người nói, bốn là hiểu theo từng chữ, từng câu. Đức Như Lai vì ba hạng người đầu mà thuyết pháp, không vì hạng người thứ tư. Vì sao? Vì họ không phải là pháp khí. Bốn hạng người trên được phân làm hai loại: Một là đã thuần thực, hai là chưa thuần thực. Người đã thuần thực là người đã được điều phục, người chưa thuần thực là người sẽ được điều phục.

Thiện nam tử! Giống như rừng cây có bốn loại: Một là dễ chặt mà khó nhổ gốc, hai là khó chặt mà dễ nhổ gốc, ba là dễ chặt lại dễ nhổ gốc, bốn là khó chặt lại khó nhổ gốc. Người tại gia cũng có bốn hạng: Một là dễ điều phục mà khó giúp họ tiến bộ, hai là khó điều phục nhưng lại dễ giúp họ tiến bộ, ba là dễ điều phục lại dễ giúp họ tiến bộ, bốn là khó điều phục lại khó giúp họ tiến bộ. Bốn hạng người như vậy, được chia làm ba loại: Một là quở trách rồi điều phục, hai là dùng lời nhỏ nhẹ điều phục, ba là dùng cả hai, quở trách cùng dùng lời nhỏ nhẹ, mà điều phục. Lại có hai loại: một là tự mình có thể điều phục, không nhờ người khác, hai là tự mình không thể điều phục, mà phải cần người khác. Lại có hai loại: Một là dùng sự bố thí điều phục, hai là dùng chú thuật điều phục. Sự điều phục lại có hai loại: Một là nhân lúc vui mừng, hai là nhân lúc đau khổ. Lúc thuyết pháp cho bốn hạng người như thế,

cần phải có hai phương tiện: Một là biết rành việc thế gian, hai là giúp đỡ phục dịch cho họ.

Thiện nam tử! Bồ tát nếu biết hai phương tiện như thế, ắt có thể làm lợi mình lợi người. Nếu không biết, ắt không thể làm lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát, vì muốn lợi người, trước học kinh điển ngoại đạo, sau mới học mười hai phần giáo. Chúng sinh nếu nghe mười hai phần giáo, ắt sẽ nhờm chán kinh điển ngoại đạo. Lại vì chúng sinh nói sự lỗi lầm của phiền não, sự giải thoát khỏi phiền não, khen ngợi đức hạnh của bạn lành, quở trách lỗi lầm của bạn ác, tán thán công đức của bố thí, hủy báng lỗi lầm của bần sần. Bồ tát thường nên ở chỗ tịch tĩnh tu hành, khen ngợi công đức của sự tịch tĩnh, thường tu tập Phật pháp, tán thán sự tu tập Phật pháp. Nếu được như vậy, gọi là lợi mình lợi người.

Bồ tát tại gia, trước phải tự điều phục mình. Nếu không tự điều phục, ắt không nên xuất gia. Bồ tát tại gia có thể độ được nhiều người, Bồ tát xuất gia không được như vậy. Vì sao? Nếu không có hàng tại gia, ắt không có hàng xuất gia trong ba Thừa. Người xuất gia trong ba Thừa tu tập đạo hạnh, giữ giới, tụng kinh, ngồi thiền, đều do người tại gia hộ trì.

Thiện nam tử! Có Đạo và sự trang nghiêm cho Đạo. Đạo tức là sự tu tập Phật pháp, trang nghiêm cho Đạo tức là người tại gia. Bồ tát xuất gia vì người tại gia mà tu hành đạo nghiệp, người tại gia từ bậc xuất gia mà tu học Phật pháp. Người tại gia phần lớn tu tập hai pháp: Một là thọ trì, hai là bố thí. Người xuất gia cũng tu tập hai pháp: Một là đọc tụng, hai là giảng dạy.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát tu tập cả bốn pháp: thọ trì, bố thí, đọc tụng, giảng dạy. Như vậy gọi là lợi mình, lợi người. Bồ tát nếu muốn vì chúng sinh mà nói nghĩa thâm sâu của pháp giới, trước tiên nên nói pháp thế gian, sau đó nói nghĩa thâm sâu của pháp giới. Vì sao? Vì dễ giáo hoá. Bạc Đại Bồ tát nên chăm sóc cuộc sống tâm linh của chúng sinh. Nếu không chăm sóc, ắt không thể thấu phục tất cả chúng sinh. Bồ tát cũng phải chăm sóc thân mình. Nếu không chăm sóc, cũng không thể thấu phục chúng sinh. Bồ tát tuy không tham luyện thân mệnh, tài sản, mà lại chăm sóc thân

mệnh, tài sản, đều vì muốn thâm phục chúng sinh. Bậc Đại Bồ tát, trước tiên nên tự trừ ác, sau đó dạy người khác trừ ác. Nếu không tự trừ ác, ắt không thể dạy người khác trừ ác. Bởi thế, Bồ tát trước tiên nên tu tập bố thí, giữ giới, biết đủ, tinh tiến tu hành, sau đó dạy người khác. Nếu Bồ tát không tự mình tu hành, không thể giảng dạy người khác.

Thiện nam tử! Căn cơ của chúng sinh có ba loại: thượng, trung, hạ. Căn cơ của Bồ tát cũng có ba loại: thượng, trung, hạ. Bồ tát hạ căn, chỉ có thể giáo hóa người hạ căn, không thể giáo hóa người trung căn cùng thượng căn. Bồ tát trung căn, có thể giáo hóa người trung căn, hạ căn, mà không thể giáo hóa người thượng căn. Bồ tát thượng căn có thể giáo hóa cả ba.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: Một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập lợi mình lợi người, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập lợi mình lợi người, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Một - Trang Nghiêm Mình và Người

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bậc Đại Bồ tát đầy đủ bao nhiêu pháp mới có thể làm lợi mình lợi người?”

- Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát đầy đủ tám pháp, có thể làm lợi mình lợi người. Tám pháp đó là gì? Một là tuổi thọ lâu dài, hai là dung nhan tuyệt thế, ba là sức lực mạnh mẽ, bốn là dòng dõi tôn quý, năm là của cải tràn đầy, sáu là làm thân người nam, bảy là ăn nói hùng hồn, tám là ở giữa đám đông không sợ.

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Bồ tát được tuổi thọ lâu dài, nhẫn đến ở giữa đám đông không sợ?”

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát: (1) trong vô lượng đời tu tâm từ bi không giết hại, do nhân duyên này được thọ mệnh lâu dài; (2) trong vô lượng đời thường bố thí y phục, đèn đuốc, do nhân duyên này được dung nhan tuyệt thế; (3) trong vô lượng đời thường trừ diệt sự kiêu mạn, do nhân duyên này sinh vào

dòng dõi tôn quý; (4) trong vô lượng đời thường bố thí các món ăn uống, do nhân duyên này được sức lực mạnh mẽ; (5) trong vô lượng đời thường ưa nói pháp, do nhân duyên này được của cải tràn đầy; (6) trong vô lượng đời chê trách thân người nữ, do nhân duyên này được thân người nam; (7) trong vô lượng đời chuyên tâm giữ giới, do nhân duyên này ăn nói hùng hồn; (8) trong vô lượng đời cúng dường Tam Bảo, do nhân duyên này ở giữa đám đông không sợ.

Tám pháp như vậy, có ba nhân duyên: Một là vật bố thí thanh tịnh, hai là tâm thanh tịnh, ba là phước điền thanh tịnh. Thế nào gọi là vật bố thí thanh tịnh? Vật ấy chẳng phải là vật do trộm cướp; chẳng phải vật mà bậc Thánh ngăn cấm; chẳng phải vật chung của nhiều người; chẳng phải vật của Tam Bảo; chẳng phải vật trước đã bố thí cho một người, sau lấy lại đem cho nhiều người; chẳng phải vật trước đã bố thí cho nhiều người, sau lấy lại đem cho một người; chẳng phải vật có được bằng sự náo loạn, dối gạt, hay chèn ép người khác. Đây gọi là vật bố thí thanh tịnh. Thế nào gọi là tâm thanh tịnh? Lúc bố thí không vì quả lành trong cõi sinh tử, hoặc muốn được danh tiếng hơn người khác, hoặc muốn được sắc đẹp, sức lực, tài sản, hoặc muốn gia phong lưu truyền bất tuyệt, quyền thuộc đông nhiều, mà chỉ vì muốn trang nghiêm Bồ Đề, muốn điều phục chúng sinh mà bố thí. Đây gọi là tâm thanh tịnh. Thế nào gọi là phước điền thanh tịnh? Nếu người nhận bố thí đã xa rời tám điều tà ngụy, đây gọi là phước điền thanh tịnh.

Thiện nam tử! Vì ba nhân duyên như thế, cho nên đầy đủ tám pháp.

Thiện nam tử! Bồ tát cầu sống lâu, vì muốn chúng sinh khen ngợi giới không sát sinh; Bồ tát cầu dung nhan tuyệt thế, vì muốn chúng sinh thấy mặt đều vui mừng; Bồ tát cầu dòng dõi tôn quý, vì muốn chúng sinh khởi lòng cung kính; Bồ tát cầu sức lực mạnh mẽ, vì muốn trì giới, tụng kinh, ngồi thiền; Bồ tát cầu của cải tràn đầy, vì muốn điều phục chúng sinh; Bồ tát cầu thân người nam, vì muốn thành pháp khí để chứa đựng pháp lành; Bồ tát cầu ăn nói hùng hồn, vì muốn chúng sinh nghe lời dạy dỗ của mình; Bồ tát cầu ở giữa đám đông không sợ, vì muốn phân biệt pháp chân thực.

Thiện nam tử! Bồ tát đầy đủ tám pháp như vậy có thể lợi mình lợi người. Nếu có thể làm được như vậy, gọi là hạnh chân thực.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát có tám pháp, thọ trì đủ mười pháp lành, ưa đem mười pháp dạy dỗ người. Cũng thế, Bồ tát thọ trì đủ giới Ưu bà tắc, ưa đem giới pháp dạy dỗ người. Tuy được dung nhan tuyệt thế, nhưng không vì vậy mà sinh tâm kiêu mạn; tuy giữ giới thanh tịnh, nghe nhiều, tinh tiến, sức lực mạnh mẽ, dòng dõi tôn quý, của cải dồi dào, cũng không vì vậy mà sinh tâm kiêu mạn. Không đem những sự huyền hoặc để lừa dối chúng sinh; không sinh tâm phóng dật, thường tu pháp lục hòa. Bồ tát đầy đủ những pháp như vậy, tuy là người tại gia, mà không khác gì người xuất gia. Bồ tát như vậy, quyết định không vì người khác mà làm điều ác. Vì sao? Vì tâm hồ thẹn vững chắc.

Thiện nam tử! Người tại gia, giả sử trong một đời thọ trì giới Ưu bà tắc như vậy, tuy đời sau sinh vào nơi không có Tam Bảo, quyết không tạo những ác duyên. Vì sao? Có hai nhân duyên: Một là có trí tuệ, hai là không phóng dật.

Thiện nam tử! Trong đời sau, ở chỗ ác mà không tạo nghiệp ác, có bốn nhân duyên: Một là hiểu rõ lỗi lầm của phiền não, hai là không chiều theo phiền não, ba là có thể chịu đựng được sự khổ đau, bốn là không sinh tâm khiếp sợ. Bồ tát nếu đầy đủ bốn pháp như vậy, không bị sự khổ cùng tất cả phiền não làm lay động.

Thiện nam tử! Bồ tát đời cảnh không lay động, có năm nhân duyên: Một là ưa tu tập pháp lành, hai là phân biệt rõ sự thiện ác, ba là gần gũi Chánh pháp, bốn là thương xót chúng sinh, năm là thường biết đời trước.

Thiện nam tử! Nếu Bồ tát đầy đủ tám pháp, khi nghe người chê bai, hủy báng, tâm có thể nhẫn thọ. Nếu nghe người khen ngợi, lại cảm thấy hồ thẹn. Lúc tu hành đạo nghiệp, lòng tuy vui mừng, nhưng không sinh kiêu mạn; có thể điều phục người ác, thấy nhóm đông chia rẽ, có thể làm cho họ hòa hợp. Phô bày việc tốt của người, che dấu điều quấy của họ. Không nói ra những điều mà người khác hồ thẹn. Nghe việc bí mật của người, không đem nói với người khác. Không vì việc đời mà thè thốt. Nhận chút ít ân của người, thường nghĩ trả ơn thật nhiều. Đối kẻ oán địch, thường sinh

tâm lành. Nếu người thân, kẻ oán đồng chịu khổ, cứu kẻ oán địch trước. Thấy người chửi rủa mình, lại đem lòng thương xót. Thấy người đến trộm của, mặc nhiên không khua động. Thấy người đến đánh mình, sinh lòng từ bi. Coi tất cả chúng sinh như cha mẹ. Thà mất thân mạng, quyết không nói dối. Vì sao? Vì biết rõ quả báo. Xem phiền não như kẻ thù, nhìn pháp lành như quyến thuộc. Nếu đối với pháp của ngoại đạo khởi tâm tham luyến, bèn lập tức quán sát lỗi lầm của sự tham đắm. Đối với các phiền não khác cũng như vậy. Tuy ở lâu với kẻ ác, quyết không bao giờ thân thiện với họ. Tuy không ở chung với người lành, nhưng không bao giờ xa cách. Tuy cúng dường cha mẹ, sư trưởng, nhưng không vì đó mà làm việc ác. Lúc thiếu tiền của, thấy người đến xin, không sinh tâm nhàm ghét. Tuy không gần gũi kẻ ác, mà vẫn sinh lòng thương xót. Nếu kẻ ác đến hại, đem điều lành đền đáp. Lúc hưởng cảnh vui, không khinh người khác. Thấy người chịu khổ, không sinh vui mừng. Thân nghiệp thanh tịnh, giữ bốn uy nghi, lại đem pháp ấy dạy dỗ chúng sinh. Khẩu nghiệp thanh tịnh, đọc tụng mười hai phần giáo của Như Lai, lại đem pháp ấy dạy dỗ chúng sinh. Ý nghiệp thanh tịnh, tu bốn vô lượng tâm, lại đem pháp ấy dạy dỗ chúng sinh. Nếu nhân chịu khổ mà người khác được vui sướng, cũng vui vẻ cam chịu sự khổ ấy. Sự việc ở đời, đối với Bồ tát tuy không lợi ích, nhưng vì chúng sinh, Bồ tát bèn học hỏi tất cả. Những chỗ học hỏi, đều là cao nhất thế gian. Tuy được thông thái, nhưng không sinh lòng kiêu mạn. Đem chỗ mình đã biết, siêng năng dạy dỗ chúng sinh, muốn cho việc ấy lưu truyền không dứt. Đối người thân bạn bè, không khiến họ làm ác. Ưa đem tám pháp dạy dỗ chúng sinh. Nói nhân nói quả, quyết không lầm lẫn. Lúc cùng người yêu mến chia ly, tâm không buồn khổ, vì biết quán sát việc đời vô thường. Lúc hưởng sự vui sướng, tâm không đắm mê, vì biết quán pháp hữu vi là vô thường, là khổ.

Thiện nam tử! Bồ tát đầy đủ tám pháp, ắt có thể thực thi những việc như vậy.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: Một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập tám pháp, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu

tập tám pháp, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Hai - Trang Nghiêm Phước Đức Trí Tuệ

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào để trang nghiêm cho mình và người?”

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Thiện nam tử! Bồ tát có hai pháp, có thể trang nghiêm cho mình và người: Một là phước đức, hai là trí tuệ.”

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà được hai pháp trang nghiêm này?

- Thiện nam tử! Bồ tát tu tập sáu pháp Ba la mật, sẽ được hai pháp trang nghiêm: bố thí, trì giới, tinh tiến, được gọi là phước đức trang nghiêm; nhẫn nhục, thiên định, trí tuệ, được gọi là trí tuệ trang nghiêm. Lại có sáu pháp làm nhân cho hai pháp trang nghiêm này, tức là pháp lục niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, gọi là trí tuệ trang nghiêm; niệm giới, niệm thí, niệm thiên, gọi là phước đức trang nghiêm.

Thiện nam tử! Bồ tát đầy đủ hai pháp trang nghiêm này, có thể lợi mình lợi người. Vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường ác, mà trong tâm vẫn không sinh sâu khổ, hối hận. Nếu có thể đầy đủ hai pháp trang nghiêm này, sẽ được phương tiện thiện xảo vi diệu, thấu rõ pháp thế gian và xuất thế gian.

Thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm tức là trí tuệ trang nghiêm, trí tuệ trang nghiêm tức là phước đức trang nghiêm. Vì sao? Vì người có trí tuệ, có thể tu pháp lành, đầy đủ mười điều thiện, thu hoạch được sự giàu có cùng sự tự tại. Vì được hai việc này, nên có thể làm việc lợi mình lợi người.

Người có trí tuệ, tất cả những sự học hỏi đều hơn người khác, do nhân duyên này, được sự giàu có và tự tại. Bồ tát đầy đủ hai pháp như vậy, có thể trong đời này và đời sau làm lợi cho mình và người. Người trí có thể phân biệt pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp thế gian tức là tất cả học thuyết cùng thiên định của

phàm phu; pháp xuất thế gian là sự hiểu biết về năm âm, mười hai nhập, mười tám giới. Bồ tát hiểu rõ nhân duyên của hai pháp, nên có thể lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Bồ tát tuy biết rõ những sự vui sướng thế gian chỉ là huyễn dối không thực, nhưng lại có thể tạo những nhân duyên cho những sự vui trên đời. Vì sao? Vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Thiện nam tử! Hai pháp trang nghiêm này, có hai nguyên nhân chánh: Một là tâm từ, hai là tâm bi. Tu hai nhân này, tuy vẫn tiếp tục trôi lăn trong sinh tử, nhưng tâm không sinh hối tiếc. Lại nữa, Bồ tát đầy đủ hai pháp, có thể làm trang nghiêm Vô thượng Bồ đề: Một là không tham luyến sinh tử, hai là quán sát thâm sâu pháp giải thoát, thế nên có thể làm lợi ích trong hai đời. Hiểu rõ pháp tướng, được trí tuệ rộng lớn, làm cho của cải cùng thọ mệnh của mình và người đều được tăng trưởng.

Thiện nam tử! Bạc Đại Bồ tát đầy đủ hai pháp như vậy, bất cứ khi nào làm việc bố thí, đều không sinh sự hối tiếc. Thấy những sự ác, cũng đều nhẫn nhịn được. Bồ tát lúc bố thí, quán sát hai loại ruộng: Một là ruộng phước, hai là ruộng bản cùng. Bồ tát vì muốn tăng trưởng phước đức, thế nên bố thí cho người bản khổ; vì muốn tăng trưởng trí tuệ vô thượng, thế nên cúng dường Tam Bảo; vì muốn tăng trưởng nhân duyên cho tất cả sự phước lạc, thế nên cúng dường Tam Bảo; vì muốn xa lìa nhân duyên của tất cả sự nghèo khổ, thế nên bố thí cho người bản cùng. Bồ tát nếu bố thí cho người thân quyến, chiùnh là vì muốn trả ơn cho họ. Bồ tát nếu bố thí cho kẻ oán thù, chiùnh là vì muốn tiêu trừ sự thù hận. Bạc Đại Bồ tát thấy người đến xin, xem như con một của mình, vì thế tùy sức mình nhiều ít đều đem bố thí, thế nên gọi là Bố thí Ba la mật. Bồ tát lúc bố thí, xả bỏ tâm sển tiếc, thế nên gọi là Trì giới Ba la mật. Có thể nhẫn chịu những lời cay nghiệt của người đến xin, thế nên gọi là Nhẫn nhục Ba la mật. Tự tay mình đem bố thí cho người đến xin, thế nên gọi là Tinh tiến Ba la mật. Chuyên tâm nhất ý, quán sát sự giải thoát, thế nên gọi là Thiên định Ba la mật. Không còn phân biệt người thân kẻ thù, thế nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Thiện nam tử! Như những chúng sinh, lúc khởi tâm tham mà giết hại, trong một niệm đầy đủ mười hai nhân duyên; Bồ tát, lúc bố thí cũng thế, trong một niệm đầy đủ sáu Ba la mật, thế nên gọi là trang nghiêm công đức và trí tuệ.

Lại nữa, bậc Đại Bồ tát tạo tác nhân duyên cho những pháp không cùng chung với bậc Tiểu thừa, gọi là phước đức trang nghiêm; dạy dỗ chúng sinh làm cho họ được ba loại Bồ đề, gọi là trí tuệ trang nghiêm.

Lại nữa, thiện nam tử! Bồ tát có thể điều phục chúng sinh, gọi là trí tuệ trang nghiêm, cùng với chúng sinh nhẫn chịu sự khổ não, gọi là phước đức trang nghiêm. Bồ tát có thể làm cho chúng sinh xả bỏ những ác kiến, nên gọi là trí tuệ trang nghiêm; có thể giáo hóa chúng sinh làm cho họ tăng trưởng lòng tin, bố thí, trì giới, nghe nhiều Phật pháp, trí tuệ, nên gọi là phước đức trang nghiêm.

Lại nữa, thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát đầy đủ năm pháp, có thể trang nghiêm Vô thượng Bồ đề. Thế nào là năm pháp? Một là lòng tin, hai là lòng bi, ba là can đảm, bốn là đọc sách vở thế gian không biết nhàm chán, năm là học tập nghề nghiệp thế gian không biết mỏi nhọc.

Thiện nam tử! Bồ tát đầy đủ hai pháp trang nghiêm, sẽ có được bảy tướng. Thế nào là bảy tướng? Một là tự biết lỗi mình, hai là không nói lỗi của người khác, ba là ưa chăm sóc người bệnh, bốn là ưa bố thí người nghèo, năm là được tâm Bồ đề, sáu là tâm không buông lung, bảy là bất cứ lúc nào cũng thường chuyên tâm tu tập sáu pháp Ba la mật.

Thiện nam tử! Lại có bảy tướng: Một là ưa dạy dỗ kẻ oán thù, hai là dạy dỗ họ không hề biết nhàm chán, ba là làm cho nhân duyên giải thoát của chúng sinh được chín muồi, bốn là đem hết tất cả những điều học hỏi dạy cho người khác, mà không tham cầu sự cung kính cúng dường, năm là có thể nhẫn chịu tất cả những sự ác, sáu là không bao giờ nói những điều mà người khác không vui, bảy là thấy những người phá giới cùng những người tệ ác, tâm không hờn giận, mà thường sinh lòng thương xót.

Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát biết rõ bảy tướng này, thì có thể lợi mình lợi người.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập hai pháp trang nghiêm, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập hai pháp trang nghiêm, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Ba - Thâu Phục Đệ Tử

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát sau khi đầy đủ hai pháp trang nghiêm, làm sao thâu phục đệ tử của mình?”
- Thiện nam tử! Bồ tát nên dùng pháp Tứ nhiếp thâu phục họ, làm cho họ rời xa điều ác, tăng trưởng pháp lành. Một lòng dạy dỗ, xem họ như đứa con một của mình, mà không cầu sự trả ơn, không vì tiếng tăm, không vì lợi dưỡng, cũng không cầu sự vui cho chiềnh mình.

Thiện nam tử! Bồ tát nếu không dùng những sự việc như vậy mà thâu phục đệ tử, thì đó là người tệ ác, là Bồ tát giả danh, không phải Bồ tát thực nghĩa, là chiêm đà la, là người bản thủ hôi thối, phá hoại Phật pháp. Chư Phật mười phương sẽ không đoái hoài những người như vậy.

Thiện nam tử! Bồ tát phải nên tùy lúc mà dạy dỗ khuyên răn. Tùy lúc, tức là lúc đệ tử khởi tâm tham sân si. Lúc họ khởi tâm tham, nên dạy họ những phương pháp đối trị, giúp cho họ trừ diệt tâm tham. Trừ diệt sân, si, cũng giống như thế. Kế đó dạy họ học mười hai phần giáo, thiền định, tam muội, phân biệt nghĩa lý thâm sâu, điều phục thân tâm, làm cho họ tu pháp lục niệm, không được buông lung. Khi đệ tử bệnh phải chăm sóc cho họ, mà không sinh tâm chán ghét. Nhẫn chịu những lời mắng nhiếc, hủy báng, nhục mạ, cùng sự thống khổ của thân tâm. Giả sử đệ tử bị khổ nạn, phải cứu vớt làm họ hết khổ, tiêu trừ tâm tệ ác nghi ngờ của họ. Khéo biết căn cơ của đệ tử là lợi căn, trung căn hay độn căn. Dạy đệ tử độn căn làm cho họ sinh lòng tin đối với Phật pháp, đối với người trung căn, dạy dỗ làm cho họ thuần thực, đối với người lợi căn, dạy dỗ làm cho họ được giải thoát. Nếu Bồ tát siêng năng dạy dỗ đệ tử như vậy, thì gọi là Bồ tát thực nghĩa, là người lành, là hoa Phân đà

lợi, là hương tượng trong loài người, là bậc Điều ngự trượng phu, là bậc Đại thuyên sư.

Thiện nam tử! Chẳng thà thọ ác giới, trong một ngày giết vô lượng chúng sinh, quyết không nuôi dưỡng đệ tử ác mà mình không thể dạy dỗ. Vì sao? Phạm giới ác, chỉ liên hệ đến thân mình, còn nuôi đệ tử ác mà không dạy dỗ, có thể khiến cho vô lượng chúng sinh làm ác, có thể làm chúng sinh hủy báng vô lượng pháp lành vi diệu, phá hòa hợp tăng, làm cho nhiều chúng sinh phạm tội ngũ nghịch. Do đó, còn ác liệt hơn tội ác luật nghi.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng, một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia có hai loại đệ tử: một là xuất gia, hai là tại gia. Bồ tát tại gia chỉ có một loại đệ tử tại gia.

Bồ tát xuất gia dạy đệ tử xuất gia mười hai phần giáo, tùy chỗ phạm tội, dạy họ sám hối. Lại dạy họ tám loại trí tuệ: Một là trí biết pháp, hai là trí biết nghĩa, ba là trí biết thời, bốn là trí biết đủ, năm là trí biết chiùnh mình, sáu là trí biết người khác, bảy là trí biết căn cơ chúng sinh, tám là trí khéo phân biệt.

Thiện nam tử! Bậc Đại Bồ tát, nếu có thể dạy dỗ, điều phục đệ tử xuất gia như thế, cả thầy lẫn trò đều được vô lượng lợi ích. Thầy trò như thế, có thể hưng long Tam Bảo. Vì sao? Vì đệ tử đó, biết tám trí rồi, có thể siêng năng cúng dường sư trưởng, hòa thượng, bậc trưởng lão có đức hạnh; biết nghe lời lành, siêng năng đọc tụng, lại hay giảng nói Phật pháp, tâm không phóng túng, điều phục chúng sinh, thường hay chăm sóc những người bệnh khổ, bố thí cho người bần cùng, thiếu thốn.

Thiện nam tử! Bồ tát xuất gia, nếu có đệ tử tại gia, cũng nên dạy pháp không phóng dật. Không phóng dật, tức là tu hành Chánh pháp, cúng dường cha mẹ, cùng các bậc thầy, hòa thượng, những bậc tuổi tác cao, những bậc có đức hạnh, đem đến sự an vui cho họ. Đem tâm chí thành thọ giới, không dám hủy phạm. Nhận vật của người gởi, không được chuyên quyền. Có thể nhận chịu sự hung hăng của người khác. Không bao giờ nói lời ác cùng lời vô nghĩa. Thương xót chúng sinh. Đối với quốc vương, trưởng giả, quan lớn, thường sinh tâm cung kính, nể sợ. Có thể tự điều phục vợ con, quyến thuộc, phân biệt người thân, kẻ thù. Không khinh

thường chúng sinh, trừ diệt sự kiêu mạn, không gàn bần ác, ăn uống có chừng mực, giảm trừ lòng tham, ít muốn biết đủ, không lân la đến chỗ tranh cãi, ngay đến lúc giỡn hớt cũng không nói lời ác. Như vậy gọi là pháp không phóng dật. Bồ tát xuất gia nếu nuôi đệ tử tại gia, trước nên dạy dỗ, răn nhắc pháp không phóng dật; thường cùng với đệ tử chia xẻ nỗi vui buồn. Nếu đệ tử tại gia nghèo khổ thiếu thốn, ngoại trừ sáu vật của người xuất gia, nếu họ cần dùng vật gì, đều nên cung cấp cho họ mà không sển tiếc. Nếu họ có bệnh tật, nên đi tìm những vật mà họ cần dùng. Lúc săn sóc bệnh cho họ, không nên sinh tâm nhàm chán. Nếu Bồ tát tự mình không có của, nên đi khắp nơi tìm kiếm; nếu tìm không được, nên mượn vật Tam Bảo. Sau khi lành bệnh, người đệ tử tại gia phải trả lại gấp mười lần, như pháp của nước Xá Vệ của vua Ba Tư Nặc. Nếu người đệ tử tại gia không thể trả được, nên bảo họ rằng: “Ông nay mượn của Tam Bảo rất nhiều, nếu không thể trả được, ông nên phải siêng năng tu tập quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, hoặc phát tâm Bồ đề, hoặc dạy được mọi người sinh lòng tin trong sạch đối với Phật pháp, hoặc diệt trừ được sự thấy biết tà ác sâu nặng của họ.” Nếu Bồ tát xuất gia dạy đệ tử tại gia những sự việc như thế, cả hai thầy trò đều sẽ được vô lượng lợi ích.

Thiện nam tử! Bồ tát tại gia nếu nuôi dưỡng đệ tử tại gia, trước tiên cũng nên dạy pháp không phóng dật. Không phóng dật có nghĩa là cúng dường cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng, người già cả, người có đức hạnh; lại cũng cung cấp cho anh em, bạn bè, quyến thuộc, người sắp đi xa, hoặc người nơi xa đến. Khi ăn, nên đem thức ăn đến phân phát đầy đủ cho kẻ tôi tớ, sau đó tự mình mới dùng. Lại làm cho họ tin tưởng Tam Bảo, chia xẻ sự khổ vui với họ. Không bao giờ tự hưởng một mình. Tùy thời ban thưởng cho họ, không để họ đói lạnh. Không bao giờ đánh chửi, hoặc dùng roi gậy làm họ khổ sở. Nên dùng lời mềm dịu mà dạy dỗ khuyên răn. Nếu họ có bệnh, phải nên săn sóc. Những gì mà họ cần, nên đi tìm cho. Phải dạy cho họ những việc thế gian. Khi họ lập gia thất, nên đi tìm chỗ xứng đáng, đừng chọn chỗ thấp hèn. Dạy cho họ năm bộ kinh của Như Lai. Thấy người ly tán, nên làm cho họ hòa hợp. Đã hòa hợp xong, nên làm cho họ tăng trưởng lòng thiện. Đối với tất cả bậc

xuất gia, trong đạo cũng như ngoài đạo, tùy ý cúng dường, không nên lựa chọn. Vì sao? Trước nên dùng pháp bố thí dẫn dụ, sau đó mới điều phục họ. Dùng sáu pháp Hòa kính mà khuyên dụ họ. Nếu đệ tử vì cầu tiền của mà kinh doanh, làm ruộng, hay làm việc cho chánh phủ, Bồ tát dạy họ phải nên chuyên tâm làm cho đúng pháp. Đã được tiền của, phải dạy họ giữ tiền đúng cách, và nên ham thích bố thí tu tập phước đức. Thấy đệ tử làm đúng như lời dạy, tâm sinh hoan hỷ. Đây gọi là pháp không phóng dật. Bồ tát tại gia nếu có thể dạy dỗ đệ tử tại gia như thế, thầy trò đều được vô lượng lợi ích. Thiện nam tử! Nếu Bồ tát tại gia được thế lực làm vua nước lớn, nên bảo hộ dân chúng, coi như con một. Dạy họ xa lìa việc ác, tu tập pháp lành. Thấy kẻ làm ác, tuy trừng phạt khiển trách, nhưng không sát hại họ. Đánh thuế dân chúng, chỉ thu một phần sáu tài vật của họ. Thấy người sân giận, dạy họ tu pháp nhẫn nhục và không buông lung. Dùng lời nhỏ nhẹ dạy dỗ dân chúng, lại khéo phân biệt người lành kẻ dữ. Không tùy tiện tra hỏi người có tội. Nếu có tiền của, tùy lực phân phát cho nhân dân. Tùy sức đọc tụng năm bộ kinh. Khéo giữ gìn thân mệnh, của cải. Có thể dạy dỗ chúng sinh, không cho làm ác. Thấy người nghèo khổ, sinh lòng thương xót. Đối với lãnh thổ của mình, thường tu pháp biết đủ. Quyết định không tin lời sàm tấu, hoặc hủy báng. Không dùng điều phi pháp bóc lột nhân dân. Như pháp bảo vệ quốc gia, xa lìa bảy điều ác: một là không ưa cờ bạc, hai là không thích săn bắn, ba là không thích rượu chè, bốn là tâm không háo sắc, năm là không nói lời thô, sáu là không nói lời đâm thọc, bảy là không bóc lột tài sản nhân dân. Thường hay cúng dường những bậc xuất gia. Có thể làm cho người dân trong nước đối với nhà cầm quyền khởi tâm cung kính. Tin tưởng nhân quả. Thấy người hơn mình, không sinh lòng ghen ghét. Thấy mình hơn người, cũng không sinh lòng kiêu mạn. Hay nghĩ việc trả ơn. Thọ ơn nhỏ, đền ơn lớn. Có thể điều phục sáu căn, làm sạch ba nghiệp. Khen ngợi người lành, khiển trách kẻ ác. Trước khi nói lời gì, đều suy nghĩ kỹ. Lời nói nhỏ nhẹ. Nếu tự mình không đủ thế lực, thì có thể lệ thuộc nước khác một cách đúng pháp. Lúc chiếm nước người, không dùng bốn thứ binh. Khi chúng sinh sợ hãi, có thể cứu hộ. Thường dùng pháp Tứ nhiếp thâu

phục chúng sinh. Khéo phân biệt tất cả pháp tướng. Đối với người không tin, dùng lời dịu dàng mà nhiếp phục họ.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia nuôi dạy hai loại đệ tử, điều này không khó. Bồ tát tại gia nuôi dạy đệ tử tại gia, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Bốn - Thọ Giới

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát tại gia làm thế nào để được thọ giới Ưu bà tắc?”

- Thiện nam tử! Bồ tát tại gia nếu muốn được thọ giới Ưu bà tắc, trước hết nên theo thứ lớp cúng dường lễ lạy sáu phương: đông, tây, nam, bắc, dưới và trên.

Phương đông tức là cha mẹ. Nếu có người cúng dường cha mẹ: quần áo, thức ăn, giường chiếu, thuốc men, phòng nhà, cửa báu, cung kính, lễ bái, ca ngợi, tôn trọng, v.v..., người đó là người cúng dường phương đông. Cha mẹ cũng phải đem năm việc đền đáp: Một là hết lòng thương yêu; hai là không bao giờ lừa dối con cái; ba là giao hết của cải; bốn là gả con cho nhà dòng dõi; năm là dạy con rành rõi việc đời.

Phương nam tức là sư trưởng. Nếu có người cúng dường sư trưởng: quần áo, thức ăn, giường chiếu, thuốc men, tôn trọng, ca ngợi, cung kính, lễ bái, thức khuya dậy sớm, học hỏi tu tập lời dạy hay của thầy, v.v..., người đó là người cúng dường phương nam. Sư trưởng cũng đem năm việc đền đáp: Một là dạy dỗ không để lãng phí thì giờ; hai là dạy hết những điều mình đã biết; ba là thấy học trò hơn mình, không sinh lòng ghen ghét; bốn là giới gấm học trò đến những bậc thầy hay, bạn tốt; năm là khi chết, giao hết tài sản cho trò.

Phương tây tức là người vợ. Nếu có người cung cấp vợ mình: quần áo, thức ăn, giường chiếu, thuốc men, anh lạc, đồ trang sức, v.v..., người đó là người cúng dường phương tây. Người vợ nên dùng mười bốn việc đền đáp: Một là làm bất cứ việc gì đều phải tận tâm;

hai là thường siêng năng làm việc không biếng nhác; ba là làm bất cứ việc gì đều hoàn tất; bốn là làm việc đều nhanh chóng, không phí thì giờ; năm là thường chăm sóc khách khứa; sáu là quét dọn nhà cửa ngăn nắp; bảy là yêu kính chồng con, nói lời mềm dịu; tám là dùng lời nhỏ nhẹ dạy dỗ tôi tớ; chín là khéo giữ tiền của; mười là thức khuya dậy sớm; mười một là khéo léo trong việc nấu nướng; mười hai là khéo nghe lời dạy bảo; mười ba là khéo che lỗi cho chồng; mười bốn là khéo chăm sóc khi chồng đau bệnh.

Phương bắc tức là bạn lành. Nếu có người cúng dường bạn lành, tùy sức cung cấp, cung kính, nói lời mềm dịu, lễ bái, ca ngợi, v.v..., người đó là người cúng dường phương bắc. Bạn lành nên dùng bốn việc báo đáp: Một là dạy dỗ tu tập pháp lành; hai là làm cho xa lìa pháp ác; ba là cứu giúp khi gặp sợ hãi; bốn là làm cho xa lìa sự phóng dật.

Phương dưới tức là tôi tớ. Nếu có người cung cấp quần áo, thức ăn, thuốc men cho tôi tớ, không đánh đập, mắng nhiếc họ, v.v..., người đó là người cúng dường phương dưới. Tôi tớ nên dùng mười việc báo đáp: Một là không làm điều lỗi; hai là không đờ sai bảo mới làm; ba là làm việc gì phải cho xong; bốn là làm nhanh chóng không để mất thì giờ; năm là chủ tuy nghèo khổ cũng không rời bỏ; sáu là dậy sớm; bảy là giữ gìn đồ đạc, không để thất lạc; tám là nhận ơn dù ít, đền đáp rất nhiều; chín là chí tâm kính mến; mười là khéo dấu việc xấu của chủ.

Phương trên tức là Sa môn, Bà la môn, v.v... Nếu có người cúng dường Sa môn, Bà la môn quần áo, thức ăn, nhà cửa, thuốc men, cứu giúp khi họ lâm cảnh hiểm nguy, cúng dường thức ăn lúc họ đói khát, khéo che đậy lỗi lầm, cung kính, lễ bái, tôn trọng, khen ngợi công đức của họ, v.v..., người đó là người cúng dường phương trên. Bậc xuất gia nên đem năm việc báo đáp: Một là dạy dỗ làm sinh lòng tin; hai là dạy dỗ làm tăng trưởng trí tuệ; ba là dạy dỗ làm tăng trưởng bố thí; bốn là dạy giữ giới; năm là dạy dỗ làm cho nghe nhiều hiểu rộng.

Nếu có người cúng dường sáu phương, người đó tăng trưởng tài sản, tuổi thọ, có thể thọ trì giới Ưu bà tắc.

Thiện nam tử! Nếu có người thọ giới Ưu bà tắc vì muốn tăng trưởng của cải và tuổi thọ, trước hết họ phải hỏi ý kiến cha mẹ. Nếu cha mẹ đã bằng lòng, kế đến nên báo cho vợ con và tôi tớ. Nếu vợ con tôi tớ đều bằng lòng, kế đó nên thưa với nhà vua. Nếu nhà vua đã cho phép, họ có thể đến bất cứ vị xuất gia nào đã phát tâm Bồ đề, cúi đầu làm lễ, cung kính thưa rằng: “Kính bạch Đại đức, con là trượng phu, đầy đủ thân người nam, nguyện thọ giới Bồ tát Ưu bà tắc. Cúi xin Đại đức từ bi cho con thọ giới.”

Lúc đó vị Tỳ khuru nên hỏi như sau: “Cha mẹ, vợ con, tôi tớ của ông và nhà vua đã cho phép chưa?”

Nếu người đó trả lời đã cho phép, nên hỏi tiếp: “Ông có thiếu nợ của Tam Bảo hoặc của người khác hay không?”

Nếu trả lời không, nên hỏi tiếp: “Thân thể hay tâm thần của ông có bệnh hoạn gì không?”

Nếu trả lời không, nên hỏi tiếp: “Ông có phá hoại phạm hạnh của Tỳ khuru hoặc Tỳ khuru ni hay không?”

Nếu trả lời không, nên hỏi tiếp: “Ông có tạo tội ngũ nghịch hay không?”

Nếu trả lời không, nên hỏi tiếp: “Ông có nghe trộm pháp hay không?”

Nếu trả lời không, nên hỏi tiếp: “Ông có phải là người hai căn, hoặc vô căn hay không? Ông có phá hoại Bát quan trai? Khi cha mẹ đang bị đau bệnh, ông lại bỏ đi mà không săn sóc? Trộm cắp tài sản của hiện tiền tăng? Nói đâm thọc? Nói lời thô ác? Đối với cha mẹ, chị em có làm điều loạn luân hay không? Có ở trước đại chúng nói dối hay không?”

Nếu người ấy trả lời không, lúc ấy nên bảo họ rằng: “Giới Ưu bà tắc rất khó giữ gìn. Vì sao? Vì giới ấy làm nền tảng cho giới Sa di, giới Tỳ khuru, và giới Bồ tát, nhân đến làm nền tảng cho sự chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Người nào chí tâm thọ trì giới Ưu bà tắc, người đó sẽ được vô lượng lợi ích của sự thọ giới. Nếu như hủy phạm giới pháp, thì sẽ trong vô lượng đời sinh vào ba đường ác, chịu vô lượng khổ não. Nay ông muốn được vô lượng lợi ích, có thể chí tâm thọ trì hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên nói tiếp: “Giới Ưu bà tắc này rất khó thọ trì. Nếu đã quy y Phật, thà mất thân mệnh, quyết không quy y trời thần quỷ vật, v.v... Nếu đã quy y Pháp, thà mất thân mệnh, quyết không quy y kinh sách ngoại đạo. Nếu đã quy y Tăng, thà mất thân mệnh, quyết không quy y thầy tà, bạn ác. Ông có thể chí tâm quy y Tam Bảo như thế hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên nói tiếp: “Thiện nam tử! Giới Ưu bà tắc này rất khó thọ trì, nếu có người nào quy y Tam Bảo, người ấy phải bỏ thí cho chúng sinh sự không sợ. Người nào có thể bỏ thí sự không sợ cho chúng sinh, người ấy sẽ được giới Ưu bà tắc, hẳn đến chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Ông có thể bỏ thí sự không sợ như thế cho chúng sinh hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp: “Có năm điều làm cho chúng sinh không được tăng trưởng tài sản thọ mệnh. Năm điều ấy là gì? Một là tham việc sát hại, hai là tham việc trộm cắp, ba là tà dâm, bốn là nói dối, năm là uống rượu. Tất cả chúng sinh, nhân vì sát hại sinh mệnh, mà đời này mang quả báo xấu xí, ốm yếu, tiếng xấu bêu rêu, tuổi thọ ngắn ngủi, tiền của hao mòn, quyền thuộc chia lìa, bị các bậc Hiền thánh chê trách, người khác không tin dùng, người khác làm ác, mình bị tội lây. Đây là quả báo đời này. Khi bỏ thân này rồi, sẽ bị đọa địa ngục, chịu nhiều sự khổ não, đói lạnh, đời sống dài lâu trong địa ngục, xấu xí ốm yếu, tiếng xấu đồn xa, đây là quả báo đời sau. Nếu được thân người, hình mạo xấu xí, yếu mệnh nghèo khổ. Vì sức mạnh ác nghiệp của người đó ảnh hưởng đến hoàn cảnh bên ngoài, mà ngũ cốc cùng hoa quả đều bị tổn giảm; tai ương của người đó vạ lây đến mọi người trong cả một thiên hạ.

Thiện nam tử! Nếu người ưa trộm cắp, cũng sẽ bị quả báo hình mạo xấu xí, ốm yếu, tiếng xấu đồn xa, yếu mệnh, tiền của tiêu hao, quyền thuộc chia lìa, người khác mất của thường hay nghi mình, tuy gần gũi người khác nhưng họ không tin cậy, lại còn thường bị các bậc Hiền thánh quở trách. Đây gọi là quả báo hiện tại. Sau khi bỏ thân này, sẽ bị đọa vào địa ngục, nhận thọ hình mạo xấu xí, tiếng xấu đồn xa, đói khát, khổ não, nhận chịu sự thống khổ lâu dài. Đây gọi là quả báo đời sau. Nếu được sinh làm người, bản cùng thiếu thốn, nếu được tiền của đều bị mất mát. Cha mẹ, anh

em, vợ con thầy đều ghét bỏ. Thân thường chịu sự khổ sở, trong tâm lại thường sầu não không nguôi. Vì sức mạnh ác nghiệp của người đó ảnh hưởng đến hoàn cảnh bên ngoài mà mọi người chung quanh tuy ăn uống đầy đủ, mà vẫn ốm yếu, tiêu tụy; tai ương của người đó vạ lây đến tất cả mọi người.

Thiện nam tử! Nếu có người ưa nói dối, người ấy sẽ bị quả báo ăn nói thô tục, hình thù xấu xí, lời nói dù chân thực nhưng người khác vẫn không tin. Mọi người đều chán ghét, không muốn thấy mặt. Đây gọi là quả báo hiện đời. Sau khi mất thân này, sẽ bị đọa vào địa ngục, nhận chịu sự thống khổ dữ dội của đói khát và thiêu đốt. Đây gọi là quả báo đời sau. Nếu được sinh làm người, sứt môi méo miệng, tuy nói lời chân thực, người khác không tin tưởng, và tìm cách lánh xa. Dù nói Chánh pháp, người khác cũng không thích nghe. Vì sức mạnh ác nghiệp của người ấy ảnh hưởng đến hoàn cảnh bên ngoài mà sự sinh sản của các loài vật đều bị giảm bớt.

Thiện nam tử! Nếu có người ưa uống rượu, người ấy hiện đời hay mất mát tiền của, thân tâm đều nhiều bệnh tật, tiếng xấu đồn xa, tổn giảm trí tuệ, tâm không biết hổ thẹn, dung mạo xấu xí, thân thể ốm yếu, thường bị mọi người chê trách, xa lánh, không thể tu pháp lành. Đây là ác báo hiện đời của sự uống rượu. Sau khi mất thân này, sẽ bị đọa địa ngục, nhận chịu vô lượng thống khổ của sự đói khát, v.v... Đây là quả báo đời sau. Nếu sinh làm người, tâm thường cuồng loạn, không thể buộc tâm tư duy pháp lành. Vì sức mạnh ác nghiệp của người ấy ảnh hưởng đến hoàn cảnh, mà tất cả vật dụng bên ngoài đều hư nát.

Thiện nam tử! Nếu có người ưa tà dâm, người ấy không thể giữ gìn thân mình cũng như thân người khác, và thường thường bị người khác nghi ngờ. Làm mọi việc gì, cũng đều gian dối. Bất cứ lúc nào cũng thường nhận chịu sự khổ não. Tâm thường tán loạn, không thể tu pháp lành. Hay mất mát của cải, vợ con đều chán ghét, tuổi thọ ngắn ngủi. Đây là quả báo hiện đời của sự tà dâm. Sau khi mất thân này, sẽ bị đọa vào địa ngục. Chịu vô lượng thống khổ của sự ốm yếu, đói khát, dung mạo xấu xí, v.v..., trong thời gian lâu dài. Đây gọi là quả báo đời sau. Nếu sinh làm thân người, hình mạo xấu xí, ốm yếu, ăn nói thô tục, mọi người đều xa lánh, không thể

giữ gìn vợ con. Vì nghiệp lực của người ấy ảnh hưởng đến hoàn cảnh, nà tất cả những sự vật bên ngoài đều không được tự tại.

Thiện nam tử! Ông có thể xa lìa năm pháp ác này hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, có bốn pháp không nên làm. Bốn pháp đó là gì? Không nên gian dối vì những nhân duyên sau: Một là tham lam, hai là giận dữ, ba là ngu mê, bốn là khiếp sợ. Ông có thể xa lìa bốn ác pháp này hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, có năm chỗ không nên tới lui: Một là chỗ của bọn hàng thịt, hai là chốn lầu xanh, ba là chỗ bán rượu, bốn là chỗ của vua, năm là chỗ của kẻ đê tiện. Ông có thể xa lánh năm chỗ như thế hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, có năm việc không nên làm: Một là không được bán sinh mạng, hai là không buôn bán vũ khí, ba là không buôn bán thuốc độc, bốn là không được bán rượu, năm là không được ép dầu. Ông có thể lìa xa năm việc này hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Có ba việc không nên làm: Một là không nên làm nghề đan lưới, hai là không nên làm nghề thợ nhuộm, ba là không nên làm nghề thuộc da. Ông có thể xa lánh ba việc như thế hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, có hai việc không nên làm: Một là cờ bạc, hai là những việc ca hát nhảy múa, v.v... Ông có thể xa lánh hai việc như thế hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, không nên gần gũi bốn hạng người: Một là những người cờ bạc, hai là những người rượu chè, ba là những người gian dối, bốn là những người bán rượu. Ông có thể xa lánh bốn hạng người đó hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, không nên làm những việc phóng dật. Thế nào gọi là phóng dật? Nghĩa là không tu pháp lành trong những thời gian sau đây:

khi lạnh, nóng, đói, khát, khi ăn cơm no, buổi sáng, buổi tối, lúc sợ hãi, lúc làm việc, lúc dự định công việc, lúc mát, lúc được, lúc vui, lúc có giặc cướp, lúc lúa gạo mắc mớ, lúc bệnh hoạn, lúc còn trai tráng, lúc già nua, lúc giàu có, lúc nghèo nàn, lúc làm việc để sinh sống. Ông có thể xa lánh sự phóng dật như vậy hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, trước hết phải học những kiến thức thế gian, sau khi đã thông đạt, theo đúng pháp mà làm việc kiếm tiền. Nếu có tiền của nên chia làm bốn phần: một phần dùng để nuôi sống cha mẹ, vợ con, quyền thuộc và chiền mình, hai phần dùng để kinh doanh, một phần còn lại để dành, nhờ khi có việc cần dùng. Ông có thể làm được bốn việc như vậy hay không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Không nên giao gửi tiền bạc cho bốn chỗ: Một là người già, hai là những nơi xa xăm, ba là người xấu ác, bốn là người có quyền thế. Những nơi như vậy, không nên giao gửi tiền của. Ông có thể xa lánh được không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo tiếp rằng: “Thiện nam tử! Thọ giới Ưu bà tắc, nên xa lánh bốn hạng người ác: Một là ưa nói dối người khác, hai là ưa nói điều tà ngụy, ba là hạng người “khẩu phật tâm xà”, bốn là hạng người nói nhiều làm ít. Ông có thể xa lánh bốn hạng người như thế không?”

Nếu trả lời có thể, nên bảo người đó trong vòng sáu tháng, phải gần gũi, hầu hạ những bậc xuất gia có trí tuệ. Bậc trí tuệ đó cũng phải quán sát bốn uy nghi của người cầu thọ giới.

Nếu biết người cầu thọ giới có thể y theo lời dạy mà thực hành, sau khi hết sáu tháng, nên triệu tập chúng tăng đủ số hai mươi người, làm pháp yết ma.

Bậc trí tuệ bạch yết ma: “Các vị Đại đức Tăng, xin chú ý nghe! Nay có (nói tên người thọ giới), đến giữa chúng Tăng cầu thọ giới Ưu bà tắc. Trong sáu tháng nay, bốn uy nghi đều thanh tịnh, chí tâm thọ trì giới pháp thanh tịnh trang nghiêm. Người này là bậc đại trượng phu, thân người nam đầy đủ. Nếu chúng Tăng chấp nhận, xin tất cả im lặng. Còn vị nào không đồng ý, xin lên tiếng.”

Nếu chúng Tăng đã chấp nhận, bậc trí tuệ nên nói như sau: “Thiện nam tử! Chú ý nghe cho rõ ràng. Chúng Tăng đã hòa hợp, cho phép ông thọ trì giới Ưu bà tắc. Giới này là cội gốc của tất cả pháp lành. Người nào có thể thành tựu pháp này, sẽ đắc quả Tu đà hoàn, nhân đến quả A na hàm. Nếu như phá giới, sau khi mất đi, sẽ đọa vào ba đường ác.

Thiện nam tử! Giới Ưu bà tắc không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì sau khi thọ giới này, dù hưởng thọ ngũ dục, nhưng vẫn không chướng ngại quả Tu đà hoàn, cho đến quả A na hàm. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn. Ông có thể vì thương xót chúng sinh mà thọ giới này hay không?”

Nếu trả lời có thể, lúc ấy bậc trí giả nên vì người ấy mà nói pháp Tam quy y. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. Sau khi thọ pháp Tam quy, được gọi là ưu bà tắc. Tiếp đến, bậc trí tuệ nên bảo rằng: “Thiện nam tử! Lắng nghe cho kỹ. Đức Như Lai Chánh Giác nói giới Ưu bà tắc có nhiều trình độ thọ giới khác biệt, hoặc một phần, hoặc nửa phần, hoặc không có phần, hoặc nhiều phần, hoặc toàn phần. Nếu như ưu bà tắc, sau khi thọ Tam quy, không thọ năm giới, thì chỉ gọi là ưu bà tắc; nếu thọ Tam quy giữ một giới, thì gọi là ưu bà tắc một phần; nếu thọ Tam quy giữ hai giới, thì gọi là ưu bà tắc thiếu phần. Sau khi thọ Tam quy giữ hai giới, nếu phá một giới, thì gọi là không có phần. Nếu thọ Tam quy giữ ba giới, bốn giới, thì gọi là ưu bà tắc nhiều phần; nếu thọ Tam quy giữ năm giới, thì gọi là ưu bà tắc toàn phần. Nay ông muốn thọ giới ưu bà tắc một phần, hay giới ưu bà tắc nhiều phần?” Sau khi người thọ nói lên ý mình, bậc trí tuệ sẽ y theo sở thích của họ mà thọ giới.

Sau khi đã thọ giới, nên dạy tiếp rằng: “Giới pháp của ưu bà tắc, có sáu giới trọng. Thiện nam tử! (1) Sau khi thọ giới Ưu bà tắc, dù cho mất thân mạng, ngay đến loài trùng kiến, cũng không được giết hại. Nếu phạm giới giết hại, hoặc bảo người giết, hoặc tự mình giết, sẽ lập tức mất giới Ưu bà tắc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tắc phá giới, ưu bà tắc xú uế, ưu bà tắc cấu ô, ưu bà tắc chiêm đà la, ưu bà tắc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ nhất. (2) Sau khi thọ giới Ưu bà tắc, dù cho

mất thân mạng, ngay đến một đồng tiền, cũng không được trộm cắp. Nếu phạm giới trộm cắp sẽ lập tức mất giới Ưu bà tặc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tặc phá giới, ưu bà tặc xú ược, ưu bà tặc cầu ô, ưu bà tặc chiêm đà la, ưu bà tặc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ hai. (3) Sau khi thọ giới Ưu bà tặc, dù cho mất thân mạng, cũng không được đại vọng ngữ: “Tôi đã chứng được pháp quán bất tịnh”,..., hoặc: “Tôi đã chứng được thánh quả A na hàm”. Nếu phạm giới đại vọng ngữ sẽ lập tức mất giới Ưu bà tặc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tặc phá giới, ưu bà tặc xú ược, ưu bà tặc cầu ô, ưu bà tặc chiêm đà la, ưu bà tặc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ ba. (4) Sau khi thọ giới Ưu bà tặc, dù cho mất thân mạng, cũng không được tà dâm. Nếu phạm giới tà dâm sẽ lập tức mất giới Ưu bà tặc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tặc phá giới, ưu bà tặc xú ược, ưu bà tặc cầu ô, ưu bà tặc chiêm đà la, ưu bà tặc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ tư. (5) Sau khi thọ giới Ưu bà tặc, dù cho mất thân mạng, cũng không được rao nói tội lỗi của bốn chúng: tỳ khuru, tỳ khuru ni, ưu bà tặc, ưu bà di. Nếu phạm giới rao nói tội lỗi của bốn chúng sẽ lập tức mất giới Ưu bà tặc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tặc phá giới, ưu bà tặc xú ược, ưu bà tặc cầu ô, ưu bà tặc chiêm đà la, ưu bà tặc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ năm. (6) Sau khi thọ giới Ưu bà tặc, dù cho mất thân mạng, cũng không được bán rượ. Nếu phạm giới bán rượ sẽ lập tức mất giới Ưu bà tặc; trong hiện đời, còn không thể chứng được noãn pháp, hưởng hồ là thánh quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, hoặc A na hàm. Người đó là ưu bà tặc phá giới, ưu bà tặc xú ược, ưu bà tặc cầu ô, ưu bà tặc chiêm đà la, ưu bà tặc bị triền phược. Đây là giới trọng thứ sáu.

Thiện nam tử! Nếu ưu bà tặc sau khi thọ giới có thể hết lòng giữ gìn không cho hủy phạm thì sẽ đắc được thánh quả như trên. Thiện

nam tử! Giới Ưu bà tắc là ngọc anh lạc trang nghiêm, là hương thơm vi diệu xông khắp mọi nơi, là quỹ luật cho pháp thiện, ngăn chặn các pháp bất thiện, là kho tàng diệu bảo vô thượng, là chủng tính của dòng dõi tôn quý, là nơi đại tịch tĩnh, là vị cam lộ, là đất sanh ra thiện pháp. Chỉ cần chân thực phát tâm thọ giới đã được vô lượng vô biên lợi ích như vậy, huống chi là nhất tâm giữ gìn không cho hủy phạm.

Thiện nam tử! Như Đức Phật đã dạy: (1) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (2) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, ham mê uống rượu, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (3) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, gặp người bệnh khổ, sinh khởi ác tâm, bỏ phế không chăm sóc, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (4) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, thấy người đến xin, không tùy sức mình mà bố thí ít nhiều, để cho người đến xin ra về tay không, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (5) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, gặp các vị tỳ khuru, tỳ khuru ni, hoặc các vị ưu bà tắc thọ giới trước, không đứng dậy tiếp đón, lễ lạy, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (6) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, thấy tỳ khuru, tỳ khuru ni, ưu bà tắc, ưu bà di phạm giới, bèn sinh tâm kiêu mạn, cho rằng mình hơn họ, họ không bằng mình, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (7) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, mỗi tháng không thọ sáu ngày bát quan trai giới, không cúng dường Tam Bảo, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (8) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, trong vòng bốn mươi dặm có chỗ giảng kinh thuyết pháp mà không đến nghe, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(9) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, thọ dụng đồ dùng của chư tăng, như ngọa cụ, giường, ghế, v.v..., thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (10) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, nghi nước có trùng mà vẫn cố ý uống, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (11) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, đi một mình trong chỗ nguy hiểm, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (12) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, một mình ngủ đêm tại chùa ni, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (13) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, vì tiền của mà đánh đập chửi rủa tôi tớ, hoặc người ngoài, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (14) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, đem thức ăn thừa bố thí cho tỳ khưu, tỳ khưu ni, hoặc ưu bà tắc, ưu bà di khác, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (15) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, nuôi dưỡng mèo, chồn, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (16) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, nuôi dưỡng voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, hoặc các loại súc vật khác, không chịu tịnh thí cho người chưa thọ giới, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (17) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, không chứa sẵn tăng già lê, bình bát, tích trượng để cúng dường chúng Tăng, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (18) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, làm nghề canh tác sinh sống, không tìm chỗ nước sạch, đất cao ráo để trồng trọt, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi. (19) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, làm nghề mua bán: lúc bán hàng, một khi đã đồng ý giá cả, không được lật lọng, đem bán cho người trả giá đắt hơn; lúc mua hàng, nếu thấy

người bán cân lường gian lận, phải nói lỗi họ, để họ sửa đổi. Nếu không làm như thế, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(20) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, hành dâm không đúng chỗ, không đúng thời, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(21) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, làm nghề thương mại, công nghiệp, v.v..., không chịu nộp thuế, hoặc khai thuế gian lận, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(22) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, vi phạm luật pháp quốc gia, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(23) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, lúc lúa, trái cây, rau cải được mùa, không dâng cúng Tam Bảo trước, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(24) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, Tăng già không cho phép thuyết pháp, khen ngợi, mà vẫn cứ làm, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(25) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, ra đường đi trước các tỳ khưu, sa di, v.v..., thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(26) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, trong lúc phân phối thức ăn cho chư Tăng, sinh tâm thiên vị, lựa những món ngon, nhiều hơn phần người khác, để cúng dường thầy mình, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(27) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, nuôi tằm lấy tơ, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

(28) Nếu ưu bà tắc, sau khi thọ giới, đi đường gặp người bệnh, không tìm phương tiện chăm sóc, hoặc gửi gắm cho người khác chăm sóc, thì sẽ phạm tội sơ ý. Nếu không khởi tâm sám hối, sẽ bị đọa lạc. Đó là người nhiễm ô, tạo nghiệp sinh tử luân hồi.

Thiện nam tử! Nếu ưu bà tắc nào, có thể chí tâm thọ trì giới pháp này, người ấy là hoa Phân đà lợi trong hàng ưu bà tắc, là hương

thơm vi diệu trong hàng ưu bà tắc, là hoa sen trong sạch trong hàng ưu bà tắc, là trân báu chân thực trong hàng ưu bà tắc, là bậc đại trượng phu trong hàng ưu bà tắc.

Thiện nam tử! Đức Phật có dạy: Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia gọi là tỳ khưu hoặc tỳ khưu ni, Bồ tát tại gia gọi là ưu bà tắc hoặc ưu bà di. Bồ tát xuất gia trì giới xuất gia, điều này không khó. Bồ tát tại gia trì giới tại gia, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Lăm - Tịnh Giới

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính Bạch Đức Thế Tôn! Sau khi thọ giới rồi, làm thế nào để giữ giới thanh tịnh?”

Đức Phật bảo Thiện Sinh: “Thiện nam tử! Có ba pháp làm cho giới hạnh thanh tịnh: Một là tin Phật, Pháp, Tăng; hai là tin sâu như quả; ba là có tâm hiểu biết.

Lại có bốn pháp: Một là tâm từ; hai là tâm bi; ba là tâm không tham lam; bốn là làm ơn cho những người chưa làm ơn cho mình.

Lại có năm pháp: Một là đem điều thiện làm lợi ích cho kẻ oán thù; hai là thấy người lâm nạn, tìm cách cứu vớt; ba là vui vẻ bố thí dù người xin chưa hỏi; bốn là bố thí bình đẳng không phân biệt; năm là từ bi đối với tất cả, không phân biệt thân sơ.

Lại có bốn pháp: Một là không bao giờ tự khinh, cho rằng mình không thể được quả Bồ đề; hai là tâm ý kiên cố tu hành Phật đạo; ba là siêng năng tinh tiến tu tất cả thiện pháp; bốn là làm những việc lớn không bao giờ biết mỏi mệt hoặc hối tiếc.

Lại có bốn pháp: Một là tự học pháp lành, học xong đem dạy cho người khác; hai là xa lìa pháp ác, lại dạy cho người khác xa lìa; ba là khéo phân biệt các pháp thiện ác; bốn là đối với tất cả pháp, không sinh chấp trước.

Lại có bốn pháp: Một là biết tất cả pháp đều không có ngã và ngã sở; hai là biết tất cả nghiệp đều có quả báo; ba là biết pháp hữu vi đều là vô thường; bốn là biết từ khổ sinh lạc, từ lạc sinh khổ.

Lại có ba pháp: một là đối với chúng sinh, tâm không chấp trước; hai là dùng tâm bình đẳng ban sự vui cho chúng sinh; ba là làm đúng như lời mình nói.

Lại có ba pháp: một là có thể bỏ thí nhân của sự vui cho chúng sinh; hai là việc làm không cầu sự trả ơn; ba là tự biết mình quyết định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có ba pháp: một là vì chúng sinh mà nhận chịu rất nhiều khổ não; hai là chịu khổ cho chúng sinh theo thứ lớp; ba là chịu khổ cho chúng sinh không gián đoạn. Tuy nhận chịu sự khổ như vậy, tâm không bao giờ hối tiếc.

Lại có ba pháp: một là tuy chưa trừ được tâm tham, mà có thể bỏ thí vật mình yêu thích; hai là tuy chưa trừ được tâm sân, mà có thể nhẫn chịu sự ác độc của người khác; ba là tuy chưa trừ được tâm si, mà có thể phân biệt được pháp thiện ác.

Lại có ba pháp: một là biết rành phương tiện dạy dỗ chúng sinh, làm họ xa lìa pháp ác; hai là biết rành phương tiện dạy dỗ chúng sinh, làm họ tu hành pháp thiện; ba là dạy dỗ chúng sinh không bao giờ nhàm mỏi, hối tiếc.

Lại có ba pháp: một là khi giúp cho chúng sinh xa lìa thân khổ, không hề luyện tiếc thân mạng mình; hai là khi giúp chúng sinh xa lìa tâm khổ, không hề luyện tiếc thân mạng mình; ba là khi giúp chúng sinh tu hành pháp thiện, không hề luyện tiếc thân mạng mình.

Lại có ba pháp: một là lo việc người trước việc mình; hai là lo việc người, không quản ngày giờ; ba là khi lo việc người không lo lắng, sợ hãi.

Lại có ba pháp: một là tâm không đố kỵ; hai là thấy người khác sung sướng, tâm sinh vui mừng; ba là tâm lành tương tục không đoạn tuyệt.

Lại có ba pháp: một là thấy việc lành của người dù ít, tâm không bao giờ quên; hai là nhận ơn của người dù ít, mong đền trả thật nhiều; ba là trong vô lượng đời, thọ nhận vô lượng khổ, nhưng tâm vẫn kiên cố, không có ý thoái lui.

Lại có ba pháp: một là tuy biết rõ nẻo sinh tử nhiều hiểm nạn, nhưng vẫn không xả bỏ tất cả những sự nghiệp cứu độ chúng sinh;

hai là làm nơi nương tựa cho những chúng sinh chưa có nơi nương tựa; ba là thấy chúng sinh ác, lòng sinh thương xót, không phiền trách lỗi lầm.

Lại có ba pháp: một là gần gũi bạn lành; hai là nghe pháp không nhầm chán; ba là hết lòng học hỏi những điều mà thiện tri thức dạy bảo.

Lại có chín pháp: xa lìa ba pháp; trong ba thời không hôi tiếc; bỏ thí bình đẳng cho ba loại chúng sinh.

Lại có bốn pháp, tức là từ, bi, hỷ, xả.

Thiện nam tử! Nếu Bồ tát muốn dùng pháp lành như trên để thanh lọc tâm mình, cần phải ở trong hai thời: một là lúc Phật ra đời, hai là lúc Duyên giác ra đời.

Thiện nam tử! Pháp lành của chúng sinh, sinh từ ba nơi: một là nghe Chánh pháp, hai là tư duy Chánh pháp, ba là tu tập Chánh pháp. Pháp lành sinh ra do sự nghe và tư duy Chánh pháp, cần phải ở trong hai thời, còn pháp lành sinh ra do sự tu tập, không cần phải như thế.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia thanh tịnh giới hạnh, điều này không khó. Bồ tát tại gia thanh tịnh giới hạnh, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Sáu - Trừ Ác

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát sau khi thọ giới Ưu bà tắc, nếu có những ác duyên bất tịnh, cả trong lẫn ngoài, thì phải làm thế nào để xa lìa?”

- Thiện nam tử! Nếu Bồ tát có những ác duyên bất tịnh, cả trong lẫn ngoài, thì phải nên tu pháp Nhiếp Tâm Niệm Phật. Nếu như người ấy chí tâm tu pháp Niệm Phật, thì sẽ xa lìa những ác duyên, bất tịnh, cả trong lẫn ngoài, và đồng thời tăng trưởng từ bi, trí tuệ.

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Phải tu cách nào?

- Thiện nam tử! Nên quán Đức Như Lai có bảy pháp thù thắng: một là thân thù thắng; hai là sống đúng như pháp thù thắng; ba là

trí tuệ thù thắng; bốn là đầy đủ thù thắng; năm là chỗ làm thù thắng; sáu là không thể nghĩ bàn thù thắng; bảy là giải thoát thù thắng. (1) Thế nào là thân thù thắng? Thân của Đức Như Lai được trang nghiêm bởi ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Sức mạnh của mỗi ngón tay, địch với sức mạnh của một vạn tám ngàn con hương tượng Y La Bát Na. Chúng sinh ưa thích nhìn thân của Đức Như Lai không biết nhàm chán. Đây gọi là thân thù thắng. (2) Thế nào là sống đúng như pháp thù thắng? Đức Như Lai đã tự được lợi ích, lại còn thương xót, cứu tế, lợi ích vô lượng chúng sinh. Đây gọi là sống đúng như pháp thù thắng. (3) Thế nào trí tuệ thù thắng? Đức Như Lai có bốn trí vô ngại,[\[19\]](#) mà hàng Thanh văn, Duyên giác, không thể sánh kịp. Đây gọi là trí tuệ thù thắng. (4) Thế nào là đầy đủ thù thắng? Đức Như Lai đầy đủ công hạnh, thọ mệnh, giới hạnh, và tri kiến. Đây gọi là đầy đủ thù thắng. (5) Thế nào là chỗ làm thù thắng? Đức Như Lai Thế Tôn tu tập ba loại tam muội, chín loại thứ đệ định, không phải hàng Thanh văn, Duyên giác sánh kịp. Đây gọi là chỗ làm thù thắng. (6) Thế nào là không thể nghĩ bàn thù thắng? Đức Như Lai có sáu thứ thần thông, cũng không phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể sánh kịp, như mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ,... Đây gọi là không thể nghĩ bàn thù thắng. (7) Thế nào là giải thoát thù thắng? Đức Như Lai có đủ hai thứ giải thoát, diệt trừ trí tuệ chướng và phiền não chướng, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não; trí tuệ và nhân duyên đều được tự tại. Đây gọi là giải thoát thù thắng. Bởi thế, trong khế kinh, ngài Xá Lợi Phất đã từng tán thán Đức Như Lai có đầy đủ bảy pháp thù thắng. Đức Như Lai từ giai đoạn đầu tiên quán bất tịnh, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ giai đoạn tu tập công đức trang nghiêm, cho đến khi chứng quả giải thoát, đều vượt hơn hàng Thanh văn và Bích chi Phật, cho nên gọi Đức Như Lai là đấng Chí tôn Vô thượng. Đức Như Lai Thế Tôn tu tập Không tam muội, Diệt định tam muội, Tứ thiền, từ bi, quán Mười hai nhân duyên, đều là vì lợi ích chúng sinh. Đức Như Lai Chánh giác không nói hai lời, cho nên gọi là Như Lai. Từ lúc bắt đầu, tu tập công đức trang nghiêm, cho đến khi chứng thành đạo quả, đều giống như chư Phật quá khứ, cho nên gọi là Như Lai.

Vì được đầy đủ Chánh pháp vi diệu, có thể thọ nhận sự cúng dường của tất cả trời người, nên gọi là Ứng Cúng. Thấu rõ hai đế: thế đế và chân đế, nên gọi là Chánh Biến Tri. Tu trì tịnh giới, đầy đủ tam minh, nên gọi là Minh Hạnh Túc. Không còn thọ sinh trong ba cõi, nên gọi là Thiên Thệ. Thấu rõ chúng sinh và vũ trụ, nên gọi là Thế Gian Giải. Biết rõ phương tiện điều phục chúng sinh, nên gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Có thể làm cho chúng sinh không còn sợ hãi, dùng phương tiện giáo hóa làm cho họ lia khổ được vui, nên gọi là Thiên Nhân Sư. Biết tất cả các pháp và tất cả công hạnh, nên gọi là Phật. Có thể phá bốn thứ ma, nên gọi là Thế Tôn.

Hơn nữa, nên quán sát Đức Như Lai tu hành giới định tuệ đều là vì lợi ích chúng sinh. Trong vô lượng đời, Ngài đã làm lợi ích cho kẻ oán, người thân một cách bình đẳng. Ngài đã đoạn trừ tất cả phiền não, và biết rõ rằng mỗi một chúng sinh, nhiều khi chỉ vì một phiền não, mà phải thọ khổ trong vô lượng kiếp. Đức Như Lai vì chúng sinh mà có thể bỏ thí những việc khó bỏ thí, nhẫn nhục những việc khó nhẫn nhục. Đức Phật có hai sự thanh tịnh: một là trang nghiêm thanh tịnh, hai là quả báo thanh tịnh. Do thế lực của hai nhân duyên thanh tịnh đó, mà Đức Như Lai từ lúc sơ phát tâm, tu mười pháp lành, mười Ba la mật, cho đến lúc chứng được mười lực, mười đức hiệu, không có hàng nhân, thiên nào có thể nói lên được lỗi lầm của Ngài. Đức Như Lai đầy đủ tám vạn âm thanh, chúng sinh nghe đến, đều không nhầm chán. Do nhân duyên đó, mà đức Như Lai vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật.

Thiện nam tử! Nếu có Bồ tát thọ trì giới Ưu bà tắc, mà muốn giữ giới thanh tịnh, phải nên tu pháp Nhiếp Tâm Niệm Phật như vậy. Nếu tu Niệm Phật, người đó sẽ lìa các ác duyên bất tịnh, cả trong lẫn ngoài; tăng trưởng trí tuệ, đoạn trừ được tham sân si, và sẽ thành tựu đầy đủ tất cả các thiện pháp.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập pháp Nhiếp Tâm Niệm Phật, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập pháp Nhiếp Tâm Niệm Phật, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Bảy - Cúng Đường Tam Bảo

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát sau khi thọ giới Ưu bà tắc, làm thế nào để cúng dường Tam Bảo?”

- Thiện nam tử! Ruộng phước trên thế gian có ba loại: một là ruộng báo ân, hai là ruộng công đức, ba là ruộng bản cùng. Ruộng báo ân, tức là cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng; ruộng công đức, tức là tất cả những bậc tu hành, từ bậc chứng noãn pháp, cho đến bậc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ruộng bản cùng, tức là tất cả những người bản cùng, khốn khổ. Đức Như Lai Thế Tôn là hai loại ruộng phước: một là ruộng báo ân, hai là ruộng công đức. Pháp cũng như vậy, là hai loại ruộng phước giống trên. Chúng sinh lại là ba loại ruộng phước: một là ruộng báo ân, hai là ruộng công đức, ba là ruộng bản cùng. Do nhân duyên này, mà các Bồ tát sau khi thọ giới Ưu bà tắc, phải nên chí tâm siêng cần cúng dường Tam Bảo.

Thiện nam tử! Đức Như Lai là kho tàng của tất cả các pháp, cho nên người trí phải chí tâm siêng cần cúng dường các Đức Phật hiện còn tại thế, hoặc xá lợi, hoặc hình tượng, tháp miếu của các Ngài. Nếu ở nơi hoang vắng không có tượng tháp, thường phải nhớ tưởng, tôn trọng tán thán. Hoặc tự sức mình làm, hoặc khuyến khích người khác làm tượng, tháp. Lúc thấy người khác đang làm, sinh tâm vui mừng. Nếu như người đó đã có đầy đủ thế lực phước đức, phải nên dạy dỗ cho nhiều người khác cùng làm. Sau khi đã cúng dường, không nên tự khinh, hoặc khinh Tam Bảo. Không nên sai bảo người khác làm việc cúng dường cho mình, hoặc không nên vì muốn hơn người khác mà cúng dường. Lúc cúng dường, tâm không hối hận, tâm không sầu não, mà phải chấp tay ca ngợi, cung kính, tôn trọng tán thán Tam Bảo. Nếu dùng một đồng tiền, nhẫn đến vô lượng trân bảo, hoặc cúng dường một sợi tơ, nhẫn đến vô lượng tơ lụa, một cành hoa nhẫn đến vô lượng bông hoa, dùng một bài kệ ca ngợi nhẫn đến vô lượng bài kệ ca ngợi, lay một lay nhẫn đến vô lượng lay, đi nhiều một vòng nhẫn đến vô lượng vòng, cúng dường như thế, hoặc trong một thời, hoặc trong vô lượng thời, hoặc tự mình làm, hoặc làm cho người khác.

Thiện nam tử! Nếu có thể chí tâm cúng dường Phật pháp tăng như vậy, như lúc Ta còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, sự cúng dường cũng nên như thế, không nên có sự khác biệt. Khi gặp tháp miếu, nên dùng vàng, bạc, đồng, sắt, tràng phan, bảo cái, âm nhạc, hương, dầu, đèn mà cúng dường. Nếu thấy chim, thú giẫm đạp làm hư hỏng, cũng nên sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Nếu thấy chỗ gió lớn, nước, lửa làm hư hỏng, cũng nên sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Nếu tự mình không đủ sức, nên khuyên người khác tô, sửa. Khi tô, sửa, nên dùng chất liệu như vàng, bạc, đồng, thiết, đất, gỗ. Nếu có bụi bặm, phải quét tước, lau dọn, nếu có chỗ nhơ nhớp, nên dùng nước thơm mà rửa.

Nếu như xây dựng bảo tháp hoặc bảo tượng, xây xong, nên dùng các loại tràng phan, bảo cái, hương, hoa mà cúng dường. Nếu như không đủ khả năng sắm sửa trên bảo, thì có thể dùng cây, đất để xây dựng tượng tháp, xây xong cũng dùng tràng phan, bảo cái, hương hoa và các loại âm nhạc mà cúng dường.

Nếu trong tháp có cỏ cây, xác của chim thú chết, rác rưởi dơ bẩn, hoặc bông hoa mục rữa, nên dọn dẹp cho sạch sẽ. Nếu có hang rắn, hang chuột, thì phải lấp cho bằng. Những tượng bằng đồng, gỗ, đá, đất, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, v.v... thường phải lau rửa cho sạch, lấy hương thơm mà thoa lên. Tùy sức mình mà sắm sửa các loại anh lạc, trang hoàng cũng giống như tháp của chuyển luân thánh vương. Trong tịnh xá, nên dùng hương bột phết trên mặt đất. Nếu dùng đất sét trắng tạo tháp, tượng xong, nên dùng anh lạc, pha lê, chân châu, lụa, là, the, gấm, linh, khánh, v.v... mà cúng dường. Lúc họa tượng Phật, trong màu không được pha trộn keo, sữa, và trứng gà. Ngày cũng như đêm, nên dùng các thứ bông hoa, tràng hoa, gương sáng, hương bột, hương thoa, hương đốt, các loại âm nhạc, ca múa để cúng dường. Không nên giống như bọn ngoại đạo, đốt bơ, lúa mạch mà cúng dường. Không nên dùng bơ mà tô lên tháp, hay tượng Phật, cũng không nên dùng sữa để rửa tượng Phật. Không nên tạo tượng Phật bán thân. Nếu có tượng Phật hư hoại, nên che kín lại, kêu người đến tu bổ; sau khi đã hoàn hảo rồi mới đem bày ra. Thấy tượng hư hoại, cũng nên cung kính cúng dường, không khác gì bức tượng lành lặn. Những sự cúng dường như vậy,

phải tự mình đích thân làm; nếu tự mình không đủ sức, nên phụ giúp người khác làm, hoặc khuyên người khác phụ giúp mình làm. Nếu như có người đem châu báu trong bốn châu thiên hạ, cúng dường Như Lai; nhưng lại nếu có người hết lòng cung kính, tôn trọng tán thán công đức của Như Lai, thì phước đức của hai người đó bằng nhau không khác. Công đức của Đức Như Lai, tức là thân tâm đều hoàn hảo, thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp vi diệu, đầy đủ đạo hạnh, tâm có mười lục, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm, năm trí tam muội, ba loại pháp môn, mười một loại quán không, trí quán mười hai nhân duyên, vô lượng thiên định, đầy đủ bảy trí, và đã thành tựu sáu Ba la mật. Nếu người nào có thể dùng những pháp như vậy để ca ngợi Đức Phật, người đó là người chân thật cúng dường Phật.

Thế nào gọi là cúng dường Pháp? Thiện nam tử! Nếu có thể cúng dường mười hai phần giáo, gọi là cúng dường Pháp. Làm thế nào để cúng dường mười hai phần giáo? Nếu có thể chí tâm tin tưởng, thọ trì, đọc tụng, giảng giải, làm y như lời đã dạy, làm xong lại khuyên người khác làm theo, đây gọi là cúng dường mười hai phần giáo. Nếu có thể biên chép mười hai phần giáo, sau khi biên chép xong, dùng nhiều phẩm vật cúng dường, như cúng dường Phật. Nếu người đó, ngoại trừ lúc tắm rửa, có thể cúng dường, thọ trì, đọc tụng kinh điển như thế, người đó là người cúng dường Pháp. Lúc cúng dường Pháp, nên cung kính, tôn trọng, ca ngợi như cúng dường Phật.

Lại có pháp, như là một loại căn cơ Bồ tát, ba loại căn cơ Bích chi Phật, ba đế. Nếu có người tin như vậy, gọi là cúng dường pháp. Nếu có người cúng dường các vị Bồ tát tỳ khưu, hoặc các vị tu hạnh Tiểu thừa, từ Tu đà hoàn hướng, nhẫn đến A la hán, đây gọi là cúng dường Tăng.

Nếu có người có thể cúng dường Tam Bảo như thế, nên biết người đó không bao giờ xa lìa mười phương Như Lai, trong mọi hoạt động, đi đứng nằm ngồi, đều được gần gũi các Ngài.

Thiện nam tử! Nếu có người có thể theo lời dạy mà cúng dường ít nhiều cho ba loại ruộng phước, nên biết rằng người đó trong vô lượng đời, sẽ hưởng được nhiều lợi ích.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia cúng dường Tam Bảo, điều này không khó. Bồ tát tại gia cúng dường Tam Bảo, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Tám - Sáu Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Vừa rồi Đức Phật có nói sáu phương tức là sáu Ba la mật, người nào cúng dường sáu phương, sẽ được tăng trưởng tài sản, thọ mệnh. Những người như thế có những đặc tính như thế nào?”

Đức Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu người nào có thể không sên tiếc tất cả tài vật, thường làm lợi ích cho người khác, thường nghĩ đến việc bố thí, ưa thích bố thí, có được vật gì, không cần biết ít nhiều, liền đem cho người khác. Lúc bố thí, không coi thường thân mệnh và tài sản, không phân biệt người giữ giới hay phá giới. Thường ca ngợi sự bố thí. Thấy người khác bố thí, tâm sinh hoan hỷ, vui mừng, không hề ganh ghét. Khi có người đến xin, lòng thấy vui thích, liền đứng lên chào hỏi, nhắc ghế mời ngồi, dù người đó có hỏi han hay không, cũng liền ca ngợi quả báo của sự bố thí. Thấy người sợ hãi, có thể cứu hộ họ. Ở trong đời đói khát, thường ưa bố thí đồ ăn uống. Tuy làm việc bố thí, nhưng không cầu quả báo, cũng không mong được đền ơn. Không lừa dối chúng sinh, thường ca ngợi những công đức của Tam Bảo. Khi buôn bán, không bao giờ dùng cân non, hoặc trộn những phẩm chất xấu để dối gạt người. Không thích rượu chè, cờ bạc, việc trai gái, mà thường tu hạnh hổ thẹn, sám hối. Tuy giàu có mà tâm không phóng túng; thường tu bố thí, không sinh tâm kiêu mạn.

Thiện nam tử! Người nào có được những đặc tính như vậy, nên biết là người đó có thể cúng dường Bồ thí Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu người nào có thể thanh tịnh được hành động, lời nói, ý nghĩ, thường tu tâm nhu hòa, không làm điều quấy; giả như có làm, thường sinh lòng hổ thẹn, tin tưởng rằng nghiệp ác như vậy sẽ đưa đến quả báo dữ. Đối với điều thiện đã tu được, tâm

sinh vui mừng. Đối với tội nhỏ, cũng giữ gìn không cho phạm, giống như tội rất nặng. Giả như lỡ phạm, trong lòng khiếp sợ, lo buồn, hối hận. Không bao giờ giận dữ đánh đập, làm khổ chúng sinh. Gặp ai cũng dùng lời dịu dàng hỏi han trước. Nếu thấy chúng sinh, liền sinh tâm thương mến, lo lắng. Thường biết ơn và tìm cách trả ơn. Tâm không sên tiếc, không lừa dối chúng sinh. Làm ra tiền đúng như pháp. Ưa làm phước đức, thường chỉ dạy người khác tu tập những công đức mà mình đã làm được. Thấy người nghèo khổ, đem thân thay họ chịu khổ, thường tu tập hạnh từ bi, thương xót tất cả. Thấy người làm ác, có thể ngăn cấm, che chở. Thấy người làm thiện, chẳng những khen ngợi công đức quả báo, mà còn đem sức lực ra phụ giúp. Thấy người không được tự do, giúp cho họ được tự do. Thường tu tập hạnh xa lìa tâm giận dữ, nếu như đôi lúc khởi tâm giận dữ, liền biết tự trách và sám hối. Thường nói lời chân thật, lời dịu dàng, không nói những lời đâm thọc và vô nghĩa.

Thiện nam tử! Người nào có những đặc tính như vậy, phải biết người đó có thể cúng dường Trì giới Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu người nào có thể thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, giả sử có bị người ác làm hại, cũng chẳng hề khởi một niệm giận dữ, hơn nữa, quyết không bao giờ trả thù; nếu như đôi phương đến sám hối tạ tội, liền tha thứ ngay. Khi thấy chúng sinh, tâm thường hoan hỷ; nếu thấy người làm ác, sinh lòng thương xót. Khen ngợi quả báo của sự nhẫn nhục, quở trách sự giận dữ, giảng nói về quả báo khổ sở của sự giận dữ. Lúc tu tập hạnh bố thí và nhẫn nhục, thường hướng đến kẻ thù trước. Thường quán sát ngũ ấm chỉ là do các nhân duyên hòa hợp, nếu chỉ là do sự hòa hợp mà thành, thì tại sao lại sinh tâm giận dữ? Thường quán sát sâu xa sự giận dữ chỉ là nhân duyên cho sự thọ nhận vô lượng khổ trong ba đường ác trong đời vị lai. Nếu tạm thời sinh tâm giận dữ, liền sinh lòng hổ thẹn, lo sợ, sám hối. Thấy hạnh nhẫn nhục của người khác hơn mình, không sinh lòng ghen ghét.

Thiện nam tử! Người nào có những đặc tính như vậy, phải biết người đó có thể cúng dường Nhẫn nhục Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu có người nào không biếng nhác, không hưởng thọ, hoặc tham lam cảm giác khoái lạc của sự nằm ngò. Lúc làm những việc nhỏ, tâm ý chuyên chú như lúc làm những công đức to lớn. Bất cứ làm việc gì, đều phải làm cho hoàn tất. Lúc làm việc, không màng đến sự đói khát, nóng lạnh, đúng thời hay không đúng thời. Không bao giờ tự khinh. Làm một việc lớn chưa xong, không bao giờ khởi tâm hối tiếc; nếu hoàn tất một công việc, tự vui mừng đã làm xong. Khen ngợi quả báo của sự tinh tiến. Làm ra tiền đúng như pháp, tiêu xài hợp lý. Thấy người hay buông lung, thường nói cho họ biết quả báo không lành. Khéo dạy dỗ chúng sinh, khiến họ tu hành tinh tiến. Việc làm chưa xong, không bỏ dở giữa chừng. Lúc tu pháp lành, không bị người khác dao động.

Thiện nam tử! Nếu người nào có những đặc tính như vậy, phải biết người đó có thể cúng dường Tinh tiến Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu có người nào có thể thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, ưa ở chỗ vắng vẻ, hoặc trong hang, trong núi, trong rừng, hay trong nhà trống, không thích sự ồn ào, không tham luyện giường ghế, không ưa nói hoặc nghe chuyện tạp nhạp thế gian, không thích sự tham dục, giận dữ, ngu si. Thường mở lời trước, nói lời dịu dàng, thường ưa thích sự xuất gia, giáo hóa chúng sinh. Tất cả các phiền não của họ đều giảm bớt, xa lìa sự mơ tưởng viển vông; khi thấy kẻ oán thù, bèn tu tập từ tâm, thường ưa nói quả báo của thiên định. Nếu tâm phóng dật, tán loạn, thường sinh lòng lo sợ, hối hận. Thấy những người tu tà định, chỉ dẫn cho họ thấy rõ được sự sai lầm, khéo léo chỉ dẫn cho họ tu tập chánh định.

Thiện nam tử! Người nào có những đặc tính như thế, phải biết người đó có thể cúng dường Thiên định Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu có người có thể thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, học tập tất cả học vấn thế gian. Thường xa lìa tham sân si, không cuồng, không loạn. Thường cúng dường cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng, các bậc tuổi tác, đức hạnh, những người tu hạnh không phóng dật. Thường mở lời chào hỏi trước, nói năng nhỏ nhẹ, không lừa dối chúng sinh. Có thể phân biệt giảng nói đạo chánh, đạo tà, và quả báo thiện ác. Thường ưa thích chỗ vắng vẻ, xuất gia tu đạo, có thể dạy dỗ chúng sinh những kiến thức thế gian.

Thấy người có tài năng hơn mình, không bao giờ sinh lòng ghen ghét, nếu thấy mình hơn người khác, cũng không bao giờ sinh lòng kiêu mạn. Khi nhận chịu sự khổ não, tâm không lo buồn; khi hưởng thọ sự sung sướng, cũng không sinh lòng hoan hỷ.

Thiện nam tử! Người nào có những đặc tính như thế, phải biết người đó có thể cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Thiện nam tử! Mỗi phương có bốn đặc tính. Phương bố thí có bốn: một là điều phục chúng sinh, hai là xa lìa sự lỗi lầm, ba là lợi mình, bốn là lợi người. Nếu có người, trong bất cứ lúc nào, đều không tham tiếc của cải, cũng không phân biệt người thân kẻ thù, người đó có thể điều phục chúng sinh. Vì đối với của cải không tham tiếc, nên có thể bố thí; nhờ thế xa lìa được tính xấu bòn sẻn, đây gọi là xa lìa lỗi lầm. Lúc dự định bố thí, lúc đang bố thí, và lúc đã bố thí xong, tâm đều hoan hỷ, không sinh lòng nuối tiếc, do đây trong tương lai sẽ hưởng thọ được sự vui cõi người cõi trời, nhân đến sự vui Vô thượng, đây gọi là lợi mình. Có thể khiến cho người khác không còn chịu tất cả khổ não của sự đói khát, cho nên gọi là lợi người.

Phương trì giới có bốn: một là trang nghiêm quả vị Vô thượng Bồ đề, hai là xa lìa sự lỗi lầm, ba là lợi mình, bốn là lợi người. Trang nghiêm quả vị Vô thượng Bồ đề, nghĩa là từ giới Ưu bà tắc, nhân đến giới Bồ tát, đều có thể làm nền móng cho quả vị A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, cho nên gọi là trang nghiêm. Sau khi thọ giới, thì xa lìa được ác giới, cùng sự “không có giới”, đây gọi là xa lìa sự lỗi lầm. Nhờ trì giới, mà được sự vui trời người, nhân đến sự vui Vô thượng, đây gọi là lợi mình. Sau khi thọ giới, bố thí cho chúng sinh sự không sợ hãi, làm cho tất cả đều được lìa khổ được vui, đây gọi là lợi người.

Phương nhẫn nhục có bốn: một là trang nghiêm quả vị Vô thượng Bồ đề, hai là xa lìa sự lỗi lầm, ba là lợi mình, bốn là lợi người. Trang nghiêm quả vị Vô thượng Bồ đề, có nghĩa là nhờ sự nhẫn nhục mà tu tập được pháp lành, nhờ tu pháp lành mà chứng được sơ địa, nhân đến quả vị Vô thượng Bồ đề, đây gọi là trang nghiêm. Sau khi tu nhẫn nhục, có thể xa lìa sự sân hận ác độc, đây gọi là xa lìa lỗi lầm. Nhân vì sự nhẫn nhục mà được sự vui cõi trời, nhân

đến sự vui Vô thượng, đây gọi là lợi mình. Dạy dỗ chúng sinh tu pháp lành, làm cho họ xa lìa pháp ác, đây gọi là lợi người.

Phương thiên định có bốn: một là trang nghiêm Bồ đề, hai là xa lìa sự lỗi lầm, ba là lợi mình, bốn là lợi người. Trang nghiêm Bồ đề, nghĩa là do sức mạnh của sự tu tập thiên định mà được quả vị sơ địa, nhẫn đến quả vị A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, đây gọi là trang nghiêm. Do có thiên định mà tu vô lượng pháp lành, lìa xa sự nghĩ tưởng mê lung, gọi là xa lìa sự lỗi lầm. Do nhân duyên tu tập pháp xa ma tha, ưa thích sự vắng lặng, nên được sự vui cõi trời, nhẫn đến sự vui Vô thượng, đây gọi là lợi mình. Phá trừ được tâm tham dục, giận dữ, cuồng si của chúng sinh, đây gọi là lợi người.

Phương trí tuệ có bốn: một là trang nghiêm Bồ đề, hai là xa lìa sự lỗi lầm, ba là lợi mình, bốn là lợi người. Trang nghiêm Bồ đề, nghĩa là nhân vì trí tuệ mà được quả vị Sơ địa, nhẫn đến quả vị A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, đây gọi là trang nghiêm. Do tu tập trí tuệ, lìa xa vô minh, làm cho các phiền não không còn hoành hành, đây gọi là xa lìa sự lỗi lầm. Trừ diệt phiền não chướng và sở tri chướng, đây gọi là lợi mình. Dạy dỗ chúng sinh, làm cho họ được điều phục, đây gọi là lợi người.

Thiện nam tử! Hoặc có người cho rằng: “Ngoài giới không có nhân, ngoài tuệ không có định, do đây nói chỉ có bốn Ba la mật. Nếu có thể nhẫn nhục, không trả đũa lại, đây gọi là giới. Nếu tu thiên định, tâm không phóng dật, đây tức là trí tuệ. Cho nên giới tức là nhân, tuệ tức là định. Ngoài tuệ không có định, ngoài định không có tuệ, cho nên tuệ tức là định, định tức là tuệ. Ngoài giới không có tinh tiến, ngoài tinh tiến không có giới, cho nên giới tức là tinh tiến, tinh tiến tức là giới. Ngoài bố thí không có tinh tiến, ngoài tinh tiến không có bố thí, cho nên giới tức là tinh tiến, tinh tiến tức là giới. Cho nên không có sáu Ba la mật.” Điều này không đúng! Vì sao? Trí tuệ là nhân, bố thí là quả. Tinh tiến là nhân, trì giới là quả. Tam muội là nhân, nhẫn nhục là quả. Thế nhưng, nhân và quả không thể là một, do đó phải có sáu Ba la mật. Nếu có người cho rằng: “Giới tức là nhẫn nhục, nhẫn nhục tức là giới”, nghĩa này không đúng. Vì sao? Giới phải từ người khác mà lãnh thọ, nhẫn nhục thì không phải thế. Có người không thọ giới, nhưng

có thể nhẫn nhục những sự ác độc, vì chúng sinh mà nhẫn chịu vô số khổ não, trong vô lượng đời, thay cho chúng sinh nhận chịu sự khổ vô cùng, nhưng tâm vẫn không hồi hận thoái chuyển. Bởi thế, ngoài giới vẫn có sự nhẫn nhục.

Thiện nam tử! Tam muội tức là xa ma tha, còn trí tuệ tức là tỳ ba xá na. Xa ma tha, là sự chuyên tâm một cảnh, còn tỳ bà xá na là sự quán sát phân biệt. Trong mười hai phần giáo, ta đã có nói định khác với tuệ, cho nên biết rằng phải có sáu Ba la mật. Đức Như Lai trước tiên nói pháp Bồ thí Ba la mật là muốn điều phục chúng sinh. Vì muốn chúng sinh, trong khi bồ thí, tâm không còn sên tiếc, cho nên kể đến nói pháp Trì giới Ba la mật. Vì muốn chúng sinh, trong lúc bồ thí, có thể nhẫn thọ được sự mất mát tài sản, cho nên kể đến nói pháp Nhẫn nhục Ba la mật. Vì muốn chúng sinh, bất cứ giây phút nào, tâm đều vui vẻ làm việc bồ thí, cho nên kể đến nói pháp Tinh tiến Ba la mật. Vì muốn chúng sinh, trong lúc bồ thí, tâm ý chuyên nhất, không nghĩ tưởng tán loạn, cho nên kể đến nói pháp Thiền định Ba la mật. Vì muốn chúng sinh, trong lúc bồ thí, không cầu sự vui trong sinh tử, cho nên kể đến nói pháp Trí tuệ Ba la mật. Thiện nam tử! Thế nào gọi là Ba la mật? Lúc bồ thí không cầu quả báo, trong cũng như ngoài, cũng không phân biệt phước điền hay không phải phước điền, bồ thí tất cả tài sản, tâm không sên tiếc, không chọn lựa ngày giờ, cho nên gọi là Bồ thí Ba la mật. Tuy là tội nhỏ, dù mất thân mạng, cũng không hủy phạm, cho nên gọi là Trì giới Ba la mật. Dù cho người ác đến xâm phạm thân mình, vẫn có thể nhẫn thọ mà không sân hận, cho nên gọi là Nhẫn nhục Ba la mật. Trong ba tháng dùng một bài kệ tán thán đức Phật, không hề ngơi nghỉ, cho nên gọi là Tinh tiến Ba la mật. Chúng đắc đầy đủ Kim cương tam muội, cho nên gọi là Thiền định ba la mật.

Thiện nam tử! Lúc chúng đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, đầy đủ cả sáu Ba la mật, cho nên gọi là Trí tuệ Ba la mật.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia có thể thanh tịnh sáu Ba la mật, điều này không khó. Bồ tát tại gia có thể thanh tịnh sáu Ba la mật, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Mười Chín - Bồ Thí Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát sau khi đã tu sáu Ba la mật, có thể làm được những việc gì cho chúng sinh?”

- Thiện nam tử! Vị Bồ tát đó có thể cứu vớt những chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ.

Thiện nam tử! Nếu có người nào sinh tâm bòn sẻn đối với của cải, Phật pháp, hay thức ăn, phải nên biết người đó, ở trong vô lượng đời, sẽ bị quả báo nghèo khổ, bởi thế, Bồ tát khi tu hành Bồ thí Ba la mật, cần phải làm lợi ích cho chiềnh mình và mọi người.

Thiện nam tử! Nếu có người ưa thích bố thí, xem kẻ thù như người thân, giúp cho người không tự do được tự do, tin tưởng quả báo của sự bố thí và sự trì giới, người đó sẽ thành tựu quả báo của sự bố thí.

Thiện nam tử! Có người cho rằng “Sự bố thí chỉ là ý tưởng. Vì sao? Ý tưởng là cội gốc của sự bố thí.” Nghĩa này không đúng! Vì sao? Sự bố thí liên quan đến năm ấm. Tại sao như vậy? Do ba nghiệp thân, miệng, ý mà thành tựu sự bố thí. Sự bố thí, nếu lợi mình, lợi người, và lợi cho cả hai bên, thì phải liên quan đến cả năm ấm. Sự bố thí như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ đề. Quả báo chánh của sự bố thí là xa lìa phiền não, giàu có nhiều của cải; còn quả báo phụ của sự bố thí là được sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, sung sướng, và tài ăn nói. Quả báo bố thí có ba loại: một là vì vật bố thí thù thắng, đưa đến quả báo thù thắng; hai là vì phước điền thù thắng, đưa đến quả báo thù thắng; ba là vì người bố thí thù thắng, đưa đến quả báo thù thắng. Phước điền thù thắng, bao gồm các vị Tu đà hoàn hướng, nhân đến các vị hậu thân Bồ tát; bố thí những vị này, sẽ được quả báo thù thắng. Nếu vật bố thí đầy đủ màu sắc, hương thơm, mùi vị, cùng sự chạm xúc vi diệu, thì gọi là vật bố thí thù thắng; bố thí những vật như vậy được quả báo thù thắng. Nếu người bố thí có lòng tin nồng hậu, thuần thành, lại còn tu tập đầy đủ những hạnh bố thí, trì giới, nghe nhiều, trí tuệ, thì gọi là người bố thí thù thắng, người đó sẽ được quả báo thù thắng.

Thiện nam tử! Người trí thực hành năm loại bố thí: một là hết lòng bố thí, hai là tự tay mình bố thí, ba là bố thí với lòng tin, bốn là bố thí đúng lúc, năm là bố thí tài vật đúng như pháp.

Thiện nam tử! Hết lòng bố thí sẽ được những quả báo nào? Nếu người hết lòng bố thí, thì họ sẽ được của cải tràn đầy, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, voi, ngựa, trâu, dê, ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ, quyến thuộc đông nhiều. Người hết lòng bố thí sẽ được những quả báo như vậy! Tự tay mình bố thí sẽ được những quả báo nào? Nếu người tự tay mình bố thí, thì cũng sẽ được quả báo như vừa nói trên, và có thể tự mình hưởng dụng. Người tự tay mình bố thí sẽ được những quả báo như vậy! Người bố thí với lòng tin sẽ được những quả báo nào? Người bố thí với lòng tin sẽ được những quả báo như vừa nói trên, hơn nữa, thường được cha mẹ, anh em, họ hàng, cùng tất cả chúng sanh yêu mến. Người bố thí với lòng tin được những quả báo như vậy! Người bố thí đúng lúc sẽ được những quả báo nào? Người bố thí đúng lúc sẽ được những quả báo như vừa nói trên, hơn nữa, mọi việc mong cầu đều được toại nguyện. Người bố thí đúng lúc sẽ được những quả báo như vậy! Người bố thí tài vật đúng như pháp sẽ được những quả báo nào? Người bố thí đúng như pháp sẽ được những quả báo như vừa nói trên, hơn nữa, của cải không bị mất mát bởi sự xâm hại của nhà cầm quyền, giặc cướp, nước, lửa, v.v...

Nếu bố thí những vật màu sắc long lẫy, người đó sẽ được quả báo dung nhan đẹp đẽ; nếu bố thí những vật thơm tho, người đó sẽ được quả báo tiếng tăm long lẫy; nếu bố thí thức ăn ngon quý, người đó sẽ được quả báo người khác ưa gần gũi, sau khi gần gũi, sinh lòng yêu mến, kính trọng. Nếu bố thí vật mềm mại, người đó sẽ được quả báo những sự chạm xúc vi diệu nhất. Sau khi người xin nhận thọ, người bố thí sẽ được những quả báo như tuổi thọ, sắc đẹp, sức lực, an vui, và tài ăn nói.

Thiện nam tử! Có người cho rằng “Bố thí nơi tháp tượng, sẽ không được những quả báo, như tuổi thọ, sắc đẹp, sức lực, tài ăn nói, v.v..., vì không có người thọ nhận.” Điều này không đúng! Vì sao? Vì người bố thí có lòng tin. Người bố thí có lòng tin khi làm việc bố thí, cho nên phải được năm quả báo như vậy.

Thiện nam tử! Ví như một vị tỳ kheo tu tập lòng từ bi, tuy trên thực tế, không có người thọ nhận lòng từ bi của vị tỳ kheo đó, thế nhưng, vị tỳ kheo đó vẫn được vô lượng quả báo. Bồ thí nơi tháp tượng được năm quả báo, cũng giống như vậy.

Thiện nam tử! Như người trồng lúa, quyết chắc sẽ không sinh ra dưa; bồ thí nơi tháp tượng, cũng giống như vậy. Bởi vì đó là phước điền, nên được những quả báo như vậy. Cho nên ta nói: “Do ba nhân duyên: phước điền, tài vật, và người bồ thí, mà được quả báo.”

Thiện nam tử! Bồ thí có hai loại: một là pháp thí, hai là tài thí. Bồ thí Chánh pháp được hai loại quả báo là của cải châu báu và Chánh pháp; còn bồ thí của cải chỉ được quả báo của cải châu báu. Bồ tát vì hai sự kiện mà tu hành hai loại bồ thí này: một là làm cho chúng sinh xa lìa khổ não, hai là làm cho tâm của chúng sinh được điều phục.

Thiện nam tử! Lại có ba loại bồ thí: một là bồ thí Chánh pháp, hai là bồ thí sự không khiếp sợ, ba là bồ thí của cải. Bồ thí Chánh pháp, nghĩa là dạy bảo người khác thọ giới, xuất gia, tu hành, làm pháp bạch tứ yết ma, giảng nói Chánh pháp để phá hủy tà kiến, phân biệt giảng nói những điều chân thực không chân thực, giảng nói bốn sự điên đảo, cùng sự không phóng dật. Đây gọi là bồ thí Chánh pháp. Nếu Bồ tát thấy người nào bị nhà cầm quyền, sư tử, cọp, sói, chồn có nạn nước, lửa, trộm cướp, v.v..., làm khiếp sợ, bèn có thể cứu vớt họ. Đây gọi là bồ thí sự không khiếp sợ. Đối với của cải của mình, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc nhiều hoặc ít, đều không sanh tâm tham tiếc. Đối với của cải như trâu, dê, voi, ngựa, nhà cửa, giường ghế, cây cối, ao giếng, nô bộc, tôi tớ, trâu, lạc đà, xe cộ, kiệu cang, bình, chậu, nồi chảo, giường chiếu, tọa cụ, đồ đồng, đồ sắt, đồ sành, quần áo, đồ trang sức, đèn đuốc, hương, hoa, quạt, dù, mũ, dép, ghế, gậy, dây thừng, cây, bừa, búa, rìu, cò, cây, nước, đá, v.v..., tùy theo sở thích và nhu cầu của người xin, đều đem bồ thí; đây gọi là bồ thí của cải. Hơn nữa, nên xây chùa chiền hoặc tịnh thất bồ thí cho những người xuất gia, chỉ ngoại trừ việc bồ thí voi, ngựa.

Thiện nam tử! Có bốn điều chướng ngại cho sự bố thí: (1) tâm tham lam bôn sẻn, (2) không tu bố thí, (3) coi thường vật nhỏ, (4) cầu quả báo thế gian. Có hai pháp trừ được bốn sự chướng ngại này: (1) tu tập vô ngã, (2) tu tập vô thường.

Thiện nam tử! Nếu muốn ưa thích bố thí, phải diệt trừ năm việc: (1) tâm sân hận, (2) tâm san tham, (3) tâm ghen ghét, (4) tham tiếc thân mệnh, (5) không tin nhân quả. Diệt trừ được năm việc như thế, sẽ ưa thích bố thí. Người ưa thích bố thí, sẽ được năm điều lợi ích: (1) không bao giờ xa lìa bậc thánh nhân, (2) tất cả chúng sinh đều ưa nghe thấy, (3) vào trong đám đông tâm không sợ hãi, (4) được tiếng tăm tốt, (5) trang nghiêm quả Bồ đề.

Thiện nam tử! Bồ tát còn có tên là “Bố thí tất cả”. Người nào thường bố thí với tâm thanh tịnh, thì gọi là bố thí tất cả; tuy ít của cải, mà vẫn có thể bố thí, thì gọi là bố thí tất cả; đối với vật mình ưa thích, mà có thể phá trừ tâm sên tiếc để bố thí, thì gọi là bố thí tất cả; bố thí mà không cầu quả báo, thì gọi là bố thí tất cả; lúc bố thí, không phân biệt là phước điền hay không phước điền, thì gọi là bố thí tất cả; bố thí bình đẳng cho người thân kẻ thù, thì gọi là bố thí tất cả. Có hai loại đối tượng cho sự bố thí của Bồ tát: một là chúng sinh, hai là phi chúng sinh. Khi Bồ tát bố thí cho hai loại này, nhân đến thân mình cũng không tiếc nuôi, gọi là bố thí tất cả. Bồ tát do lòng thương xót mà bố thí, gọi là bố thí tất cả. Lúc khởi tâm bố thí, lúc đang bố thí, sau khi bố thí, đều không hối tiếc, gọi là bố thí tất cả. Đôi lúc, hoặc tự mình, hoặc bị người khác bắt buộc, cũng không đem những vật không thích đáng, chẳng hạn như rượu, thuốc độc, dao, gậy, gông xiềng, v.v..., để bố thí, mặc dù điều này làm cho người nhận vui mừng. Không bố thí người bệnh thức ăn, hoặc thuốc men không tinh khiết. Không trộm cướp đồ vật người khác, dù một đồng tiền, để đem bố thí. Bồ tát, lúc bố thí, tuy có quyền lực, cũng không bao giờ đánh mắng tôi tớ, làm cho họ sinh lòng hờn giận, khổ não. Bố thí của cải đúng pháp mà không mong cầu quả báo đời này hoặc đời sau. Sau khi bố thí, thường quán sát lỗi lầm của phiền não, quán sát sâu xa những công đức vi diệu của Niết bàn, không mong cầu điều gì khác hơn là Vô thượng Bồ đề.

Lúc bố thí cho người nghèo, khởi lòng thương xót; lúc bố thí cho bậc phước điền, sinh lòng cung kính; lúc bố thí cho người thân, bạn bè, không khởi tâm coi như của bỏ; nếu thấy người đến xin, biết được sự cần dùng của họ, cung cấp tùy theo sở cầu, mà không đợi người đó mở lời van xin. Vì sao? Bố thí mà không đợi người khác cầu xin, sẽ được vô lượng phước báo.

Thiện nam tử! Người bố thí có ba hạng: hạ, trung, thượng. Bậc hạ là người không tin nghiệp báo, tính tình keo kiệt, sợ hết của cải, thấy người đến xin, sinh lòng hiềm giận xua đuổi; bậc trung là người tuy tin nghiệp báo, nhưng vẫn còn sên tiếc, sợ hết của cải, thế nhưng thấy người đến xin thì vẫn bố thí; bậc thượng là người tin sâu nghiệp báo, không còn tâm sên tiếc, quán sát tài sản là vật vô thường, thấy có người đến xin, nếu còn của cải để bố thí, thì cảm thấy mừng rỡ, nếu không còn của cải để bố thí, tâm rất buồn rầu áy náy, đem thân mình đổi lấy tài vật để bố thí cho họ. Lại nữa, bậc hạ là người thấy người khác đến xin, ngoảnh mặt làm lơ, lại còn mắng chửi, hạ nhục; bậc trung là người tuy cũng bố thí, nhưng lại khinh khi coi rẻ người đến xin; còn bậc thượng là người tuy chưa xin đã bố thí, và bố thí một cách cung kính. Lại nữa, bậc hạ là người muốn quả báo hiện đời mà bố thí; bậc trung là người muốn quả báo đời sau mà bố thí; còn bậc thượng là người vì thương xót mà bố thí. Lại nữa, bậc hạ là người vì báo ơn mà bố thí; bậc trung là người vì muốn tạo nghiệp lành mà bố thí; còn bậc thượng là người vì muốn tăng trưởng kho tàng Chánh pháp mà bố thí. Lại nữa, bậc hạ vì háo thắng mà bố thí; bậc trung muốn người đến xin được như mình mà bố thí; còn bậc thượng thì không phân biệt người thân kẻ thù. Lại nữa, bậc hạ có của nói không có; bậc trung có nhiều nói ít; còn bậc thượng xin ít cho nhiều. Người bố thí không của cải cũng có ba bậc. Bậc hạ thấy người đến xin, khởi tâm giận dữ trách mắng; bậc trung thấy người đến xin, nói thẳng là không có; còn bậc thượng thấy người đến xin, hổ thẹn mình không có vật bố thí, lòng sinh lo buồn. Lại nữa, bậc hạ là người thường bị các bậc thánh hiền quở trách; bậc trung là người thường được các bậc thánh hiền thương xót; còn bậc thượng là người các bậc thánh hiền thấy mặt liền sinh lòng hoan hỷ.

Thiện nam tử! Người trí thực hành bố thí, vì muốn lợi mình lợi người, biết rằng tài vật đều là vô thường, vì muốn làm cho chúng sinh vui mừng, vì thương xót chúng sinh, vì muốn phá trừ tính bôn sển, không vì mong cầu quả báo đời sau, mà chỉ vì muốn trang nghiêm đạo Bồ đề. Vì thế, Bồ tát sau khi bố thí tất cả, không sinh lòng hối tiếc, không lo khánh tận của cải, không xem thường tài vật, không xem thường thân mình, cũng không lựa chọn ngày giờ, cũng không phân biệt người xin, thường tưởng nghĩ đến người xin, giống như người đói tưởng nghĩ đến thức ăn. Gần gũi bạn lành, hỏi han, thọ trì Chánh pháp. Thấy người đến xin, sinh lòng hoan hỷ, giống như người đem được của cải ra khỏi nhà đang bị cháy; vui mừng ca ngợi công đức bố thí; thường nói những lỗi lầm của sự tham luyến tài vật. Sau khi bố thí, sinh lòng vui mừng, giống như gửi gắm của cải cho người lành; lại còn nói với người đến xin: “Ông chiùnh thực là hạt nhân công đức của tôi. Hôm nay tôi sở dĩ bỏ được tâm bôn sển tham lam là do nhân duyên ông đến cầu xin.” Tức thời đối với người đến xin bằng tấm lòng thân ái. Sau khi bố thí, lại dạy người đến xin phải giữ gìn đúng pháp, siêng năng cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Bồ tát nếu ưa thích bố thí như vậy, thì có thể lìa xa sự phóng dật; dù cho có đem các bộ phận trên thân thể mà bố thí, cũng không bao giờ khởi một niệm xấu ác. Do đây mà được tăng trưởng từ bi hỷ xả. Không xem thường người xin, cũng không tự cao. Tự tâm vui mừng vì có thể bố thí đồ vật xứng với ý muốn của người xin. Tăng trưởng lòng tin, không còn nghi ngờ nghiệp báo.

Thiện nam tử! Nếu có thể như thế quán sát tướng vô thường của tài sản, quán sát chúng sinh như đứa con một của mình, thì người đó mới có thể làm việc bố thí.

Thiện nam tử! Người đó không còn bị tâm bôn sển làm lay động, giống như núi Tu Di không còn bị gió làm lay động. Những người như vậy, có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Người đó có thể đầy đủ Bố thí Ba la mật.

Thiện nam tử! Người trí, vì bốn việc mà ưa thích thực hành bố thí: (1) do bố thí mà có thể phá phiền não; (2) do bố thí mà phát nhiều

lời nguyện; (3) do bố thí mà được an lạc; (4) do bố thí mà được giàu có.

Thiện nam tử! Tâm không tham gọi là bố thí. Thế nào là không tham? Bố thí tức là hành nghiệp, tài vật tức là sự tạo tác. Bố thí mà đầy đủ hai yếu tố hành nghiệp và tạo tác, thì gọi là không tham. Nhân sự bố thí phá trừ phiền não, nghĩa là sự bố thí có thể phá trừ sự bôn sên, keo kiệt, giận dữ, ngu si. Thế nào là nhân sự bố thí phát nhiều lời nguyện? Bởi do sự bố thí, có thể phát nhiều thệ nguyện, hoặc thiện hoặc ác. Do thệ nguyện thiện ác này mà gặt quả báo hoặc thiện hoặc ác. Vì sao? Vì lực lượng của các thệ nguyện này chiêu cảm. Thế nào là do bố thí mà được an lạc? Bởi vì do sự bố thí mà được những quả vui ở cõi trời cõi người, nhãn đến quả vui vô thượng. Thế nào là do bố thí mà được giàu có? Bởi do sự bố thí mà tất cả điều nguyện cầu, như vàng, bạc, nhãn đến gia súc, đều được toại ý.

Thiện nam tử! Nếu có người ưa bố thí, người ấy sẽ trừ được năm pháp ác: (1) tà kiến, (2) không tín tâm, (3) buông lung, (4) bôn sên, (5) giận dữ và ngu si. Sau khi lìa pháp ác, tâm sinh vui mừng, do sự vui mừng mà dần dần được sự giải thoát chân chánh. Người đó hiện đời được bốn quả báo: (1) mọi người, dù kẻ oán thù, cũng thích thấy mặt, (2) tiếng tốt lan rộng khắp mọi nơi, (3) đứng trước đám đông không khiếp sợ, (4) tất cả người lành đều đến nương nhờ.

Thiện nam tử! Người nào sau khi tu tập bố thí, tâm không hồi hận, người đó dù bị khách trần phiền não làm cho đọa địa ngục, tuy ở nơi ác, nhưng không bị đói khát, do nhân duyên này mà không bị hai thứ khổ: (1) khổ ăn hòn sắt nóng, (2) khổ uống nước sắt sôi; nếu đọa vào súc sinh, thì thức ăn dễ tìm, không bị thiếu thốn; nếu đọa vào ngựa quý, thì không bị đói khát, mà thường được no đủ; nếu được thân người, thì thọ mệnh, sắc đẹp, sức lực, vui sướng, tài ăn nói, cùng lòng tin, giới hạnh, bố thí, đa văn, trí tuệ đều hơn người khác; tuy ở trong đời ác mà không làm ác, tuy gặp lúc tai họa mà vẫn tránh khỏi, tuy ở nơi nguy hiểm mà vẫn không sinh tâm lo sợ; nếu làm thân trời, được mười thứ thù thắng.

Thiện nam tử! Người trí vì hai việc mà bố thí: (1) điều phục tâm mình, (2) phá hoại tâm oán hận. Đức Như Lai cũng nhờ đây mà được gọi là bậc Vô Thượng Tôn.

Thiện nam tử! Người trí bố thí xong rồi, không cầu người xin tưởng nhớ mình, cũng không cầu danh tiếng, tránh được sự lo sợ, không cầu người lành đến nương nhờ mình, cũng không cầu quả báo trời người, mà thường quán sát hai việc: (1) đem tài sản không bền đổi lấy tài sản bền chắc, (2) không bao giờ chiều theo lòng bôn sên. Vì sao? Những của cải đó, nếu ta mất đi, cũng không đi theo ta, bởi vậy, phải nên tự tay mình bố thí, không nên vì mất của mà sinh buồn rầu, mà phải nên vì sự bố thí mà sinh tâm vui mừng.

Thiện nam tử! Người bố thí trước tiên nên thử thách tâm mình, đem của cải bố thí; sau khi tâm đã được điều phục, kế đó đem thân thể bố thí. Nhân vì hai sự bố thí đó, mà được hai pháp: (1) vĩnh viễn xa lìa ba cõi, (2) được giải thoát chân chánh.

Thiện nam tử! Giống như người đi xa, thân mang đồ vật nặng nề cực khổ, nếu vứt bỏ được ắt sinh vui mừng. Người tu hạnh bố thí, thấy người đến xin, xả bỏ tài sản bố thí, cũng giống như vậy.

Thiện nam tử! Người trí thường nghĩ như thế này: “Nếu muốn mang vật này theo ta qua đến đời sau, thì không có gì hơn sự bố thí”. Lại phải nên quán sát nỗi khổ của sự bần cùng, nỗi vui sướng của sự giàu sang, vì thế nên thường tưởng nghĩ vui thích việc bố thí.

Thiện nam tử! Nếu người có của cải, thấy người đến xin, lại nói là không có, nên biết người ấy đang nói đến sự nghèo hèn bạc phước của chiềnh họ trong đời vị lai. Người ấy gọi là kẻ buông lung.

Thiện nam tử! Người không của cải, tự cho rằng mình không của cải. Điều này không đúng. Vì sao? Tất cả nước, cỏ ngoài đồng, đều là tài sản chung của mọi người. Tuy là nhà vua, chưa chắc có thể bố thí, tuy là người nghèo, chưa chắc là không thể bố thí. Vì sao? Vì người nghèo cũng có phần ăn. Ăn xong rửa bát, nước đó đáng lẽ đem bỏ, thì đem bố thí cho loài khác, cũng được phước đức. Nếu đem chút bột bố thí cho loài kiến, cũng được vô lượng phước đức. Người dù nghèo nhất trong thiên hạ, chẳng lẽ không có được chút bột? Có ai ngày ăn ba vắt cơm, mà mạng sống bị nguy ngập

không? Cho nên mọi người nên đem nửa phần ăn của mình bố thí cho người xin.

Thiện nam tử! Ai là người nghèo đến độ lỏa lồ không có quần áo mặc? Nếu có quần áo, chẳng lẽ không thể bố thí một miếng vải nhỏ để người khác buộc vết thương, hoặc một miếng vải nhỏ chỉ độ ngón tay để làm tim đèn hay sao?

Thiện nam tử! Trong thiên hạ, ai là người nghèo đến độ không có thân thể? Nếu như có thân, thấy người khác làm việc phước đức, nên đến giúp đỡ, vui mừng, tận tụy. Đây cũng gọi là người bố thí, cũng được phước đức. Phước đức do sự giúp đỡ ấy, hoặc kém hơn, hoặc bằng, hoặc có khi hơn cả người chủ động. Vì lý do này, khi thọ dụng thức ăn cúng dường của vua Ba Tư Nặc, ta chú nguyện phước đức bố thí của nhà vua và của người bần cùng bằng nhau không khác.

Thiện nam tử! Như người mua bốn loại hương: hương nước, hương thoa, hương bột, hương đốt. Bốn loại hương này, hoặc người chạm đến, hoặc người mua, hoặc người cân, tuy đều ngửi mùi thơm, thế nhưng, mùi thơm của hương không hề hao giảm. Công đức của sự tu tập bố thí cũng giống như vậy. Dù ít, dù nhiều, dù lớn, dù nhỏ, nếu như khởi tâm tùy hỷ, hoặc dùng sức lực phụ giúp, hoặc tuy ở xa, nghe việc thiện của người khác sinh tâm vui mừng, trong ba trường hợp, [\[22\]](#) vì tâm đều như nhau, cho nên quả báo cũng bằng như nhau, không có sai khác.

Thiện nam tử! Nếu như không có của cải, thấy người khác bố thí, trong lòng không vui mừng tin tưởng, lại còn nghi ngờ các bậc phước điền, đây gọi là người bần cùng. Nếu như có nhiều của cải, quyền uy thế lực, tuy gặp được các bậc phước điền chân thực, thế nhưng, không có lòng tin, cũng không chịu bố thí, đây cũng gọi là người bần cùng; bởi thế, người trí dù có ít nhiều, nên đem hết khả năng mình ra bố thí. Ngoài pháp bố thí ấy ra, không có pháp nào có thể giúp hành giả được quả vui trời người, hẳn đến quả vui Vô thượng. Do đây, trong kệ kinh có nói: “Người trí quán sát như vậy: Như có một nắm cơm, nếu ăn thì sẽ sống, nếu cho người khác thì sẽ chết đói, trong trường hợp như vậy còn phải nên bố thí, huống là có nhiều của cải?”

Thiện nam tử! Người trí nên quán sát của cải là vô thường, vì là vô thường cho nên trong vô lượng đời, tuy đã từng hư hao mất mát bao nhiêu tài sản, mà vẫn không được lợi ích. Ngược lại, tuy của cải là vô thường, thế nhưng, nếu có thể bố thí, thì sẽ được vô lượng lợi ích. Nếu vậy, tại sao vẫn còn bòn sẻn, không chịu bố thí? Người trí lại quán sát trên thế gian có những người trì giới, học rộng, đa văn, do lực lượng của nhân duyên trì giới, đa văn này mà được quả vị A la hán, tuy được quả vị như thế, vẫn không ngăn chặn, đoạn trừ được quả báo khổ não của sự đói khát. Nếu như các vị A la hán bị thiếu thốn những phương tiện như phòng nhà, quần áo, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc men, đây là đều do nhân duyên đời trước không chịu bố thí. Còn những người phá giới, nếu ưa làm việc bố thí, người đó tuy đọa vào ngạ quỷ, hoặc súc sinh, vẫn thường được ăn uống no đủ, không bị thiếu thốn.

Thiện nam tử! Ngoài pháp bố thí, không có pháp nào đem đến hai quả báo: một là tự tại, hai là giải thoát. Còn như người trì giới, tuy được sinh lên trời, nhưng vì không tu tập bố thí, không được ăn những món ngon thù thắng, cùng những trang sức thượng diệu. Người trí nên quán sát sinh tử không có bờ bến, sự vui của bố thí cũng như vậy, rộng lớn không có bờ bến. Bởi vậy, phải nên bố thí là vì muốn đoạn trừ sinh tử, chứ không phải vì muốn cầu quả báo vui trời người. Lại phải quán như thế này: “Dù là giàu có, ruộng đất rộng bốn châu thiên hạ, hưởng thọ sự vui vô lượng, ta cũng sẽ vẫn không thỏa mãn. Cho nên ta phải vì quả vui vô thượng mà làm việc bố thí, không nên vì quả vui trời người. Vì sao? Vì sự vui trời người là vô thường, là có giới hạn.”

Thiện nam tử! Nếu có người cho rằng: “Người thí, người nhận, cùng người thọ quả báo của sự bố thí đều là năm ấm, mà năm ấm là pháp vô thường, như vậy xả thân năm ấm bố thí này, ai là người thọ nhận quả báo của sự bố thí? Tuy không có người thọ nhận quả báo bố thí, thế nhưng, quả báo lành vẫn không hoại diệt, do đây biết rằng không có người bố thí, không có người thọ nhận quả báo của sự bố thí.” Phải nên hỏi ngược lại người đó như sau: “Có người bố thí cùng người thọ nhận hay không?” Nếu họ trả lời: “Bố thí tức là sự bố thí, còn người thọ nhận tức là ngã”. Nên nói với họ

rằng: “Lập trường tôi cũng vậy, bố thí tức là sự bố thí, còn ngã tức là năm ấm”.

Nếu họ hỏi: “Sau khi năm ấm của người bố thí ở nơi đây bị biên diệt, thì ai là người thọ quả báo của sự bố thí ở nơi kia?” Thì nên trả lời: “Hãy chú ý nghe, tôi sẽ giảng cho ông biết. Hạt giống là thường hay vô thường? Nếu ông nói là thường, tại sao khi nảy ra mầm, hạt giống lại bị hủy diệt?” Nếu đôi phương thấy lập luận của họ không đúng, bèn cho rằng hạt giống là vô thường, thì nên hỏi bọn họ rằng: “Nếu hạt giống là vô thường, tại sao lại có thể nảy mầm khi được ánh sáng, bón phân, tưới nước, v.v...?” Nếu bọn họ cho rằng: “Hạt giống tuy vô thường, bởi do sự chăm sóc nên nảy mầm, sinh quả.” Thì nên trả lời bọn họ rằng: “Năm ấm cũng giống như thế.” Nếu bọn họ lại cho rằng: “Trong hạt giống, trước đó đã có mầm, còn sự chăm sóc, bón phân, tưới nước, v.v..., chỉ là liễu nhân.” Điều này không đúng! Vì sao? Vì liễu nhân không làm cho một vật tăng trưởng hay tồn giảm, thế nhưng, hiện nay, sự chăm sóc, bón phân lại làm cho hạt giống nảy mầm, sinh quả, nên biết vật trước vốn không mà nay có. Nếu nói: “Liễu nhân có hai loại, một là nhiều, hai là ít. Nhiều ắt thấy lớn, ít ắt thấy nhỏ, giống như thấp đèn, đèn lớn thì ánh sáng lớn, đèn nhỏ thì ánh sáng nhỏ”. Đây là điều sai lầm. Vì sao? Giống như hạt giống, dù bón bao nhiêu phân, tưới bao nhiêu nước, cũng không thể trong một ngày cao bằng hay cao hơn một thân người. Nếu bọn họ lại cho rằng: “Liễu nhân tuy có hai loại, nhưng cần phải đúng lúc mới phát sinh hiệu quả. Liễu nhân chánh gây hiệu quả lớn, liễu nhân phụ gây hiệu quả nhỏ, do đây tôi cho rằng liễu nhân không tăng thêm”. Điều này không đúng! Vì sao? Vì bọn họ chấp trước rằng các pháp là thường hằng. Do đó, không thể lập luận như thế được.

Thiện nam tử! Hạt giống không phải là mầm, tuy có khác biệt, nhưng vẫn có sự tương tục giữa hai bên. Năm ấm cũng giống như thế.

Thiện nam tử! Do động năng của hạt sinh ra mầm, do động năng của mầm sinh ra cành, do động năng của cành sinh ra lá, do động năng của lá sinh ra hoa, do động năng của hoa sinh ra quả. Thân năm ấm của một cõi chuyển thành thân năm ấm của năm cõi cũng

giống như thế. Nếu như cho rằng: “Người tạo nghiệp khác với người thọ báo”, thì đây là lập luận của ngoại đạo, chứ không phải của ta. Vì sao? Trong pháp của ngoại đạo, người tạo nghiệp là cái ngã, còn người thọ báo là cái thân hiện đời, mà không nói rằng người tạo nghiệp khác với người thọ báo. Người trì giới không sát sanh, tức là cái ngã, do nhân duyên trì giới này được thân tướng trang nghiêm, nếu vậy thì người thọ báo không có nhân, còn người tạo nghiệp không có quả. Lập luận trên của ngoại đạo có những điều lầm lỗi như vậy. Còn nếu bọn họ cho rằng: “Nếu cái ngã tạo nghiệp mà cái thân thọ quả báo, thì tương tự như vậy, người này tạo nghiệp, người khác thọ báo”. Nên hỏi bọn họ rằng: “Cái thân khác với cái ngã. Cái thân hưởng dụng sự ăn uống, y phục cùng đồ trang sức. Nếu thọ dụng những thức ăn bổ dưỡng sẽ được hồng hào khỏe mạnh, nếu ăn món thiếu dinh dưỡng sẽ bị ốm yếu xanh xao. Nếu sự hồng hào, xanh xao của thân xác là pháp nhân duyên, thì cái ngã sẽ được cái gì?” Nếu họ nói: “Cái ngã sẽ được sự vui sướng hay bị sầu lo, thì tại sao lại không phải là người này tạo nghiệp, người khác thọ báo?” Ví như có người ăn bơ sữa để tăng gia sức lực, sau một thời gian, nhờ ăn bơ sữa mà được hồng hào khỏe mạnh, có người ốm yếu, thấy người đó liền sinh tâm ưa thích, thử hỏi, người ốm yếu đó có nhân sự vui thích đó mà được hồng hào khỏe mạnh hay không? Nếu bọn họ trả lời “không”, thì cái ngã cũng giống như vậy. Cái thân tạo nghiệp, cái ngã làm thế nào được quả báo? Vì sao? Vì có sự khác biệt giữa thân và cái ngã. Phật pháp không giống như kiến giải của bọn ngoại đạo. Năm ấm thọ quả báo do sự tạo nghiệp của chính mình.

Thiện nam tử! Nếu có người cho rằng: “Năm ấm là vô thường, cho nên năm ấm cõi này không đến cõi khác, mà vẫn có sự thọ báo.” Điều này không đúng. Vì sao? Trong Phật pháp, hoặc có khi nói: “Người tạo nghiệp cũng tức là người thọ báo”, hoặc nói: “Người tạo nghiệp khác người thọ báo”, hoặc nói: “Không có người tạo nghiệp cũng không có người thọ báo”. Nói “Người tạo nghiệp tức là người thọ báo”, có nghĩa là năm ấm thọ nhận quả báo do sự tạo nghiệp của chính mình; nói “Người tạo nghiệp khác người thọ báo”, có nghĩa là lúc làm thân người tạo nghiệp, được quả báo sinh

làm thân trời để hưởng khoái lạc; còn nói: “Không có người tạo nghiệp cũng không có người thọ báo”, có nghĩa là tất cả đều do nhân duyên hòa mà có, vốn không có tự tánh, làm gì có người tạo nghiệp, người thọ báo? Nếu bọn họ cho rằng: “Nếu người tạo nghiệp khác người thọ báo, tại sao lại nói đến sự tương tục không gián đoạn giữa người tạo nghiệp và người thọ báo?” Điều này không đúng. Vì sao? Ví như bỏ thuốc độc vào trong sữa, sau đó đem sữa này tinh luyện thành đề hồ, thì đề hồ này vẫn có thể giết người. Sữa tuy khác với đề hồ, nhưng vì có sự sinh trưởng trước sau tương tục không gián đoạn, từ giai đoạn sữa đến giai đoạn đề hồ, cho nên đề hồ có thể giết người. Năm ấm cũng giống như thế, tuy có sự khác biệt, nhưng vì sự sinh trưởng trước sau tương tục không gián đoạn, cho nên có thể nói, hoặc người tạo nghiệp khác người thọ báo, hoặc người tạo nghiệp là người thọ báo, hoặc không có người tạo nghiệp lẫn người thọ báo. Nếu lìa năm ấm, sẽ không có ngã và ngã sở. Tất cả chúng sinh bị sự điên đảo che mờ tâm linh, cho nên hoặc nói sắc tức là ngã, nhãn đến, hoặc nói thức tức là ngã. Hoặc có người cho rằng: “Lìa năm ấm có cái ngã riêng biệt”. Đây là điều phi lý. Vì sao? Trong giáo thuyết của Đức Phật, sắc ấm không phải là ngã. Tại sao như vậy? Bởi vì sắc pháp là vô thường, không có tạo tác, không được tự tại, cho nên bốn ấm kia không phải là ngã sở; nhãn đến thức ấm cũng giống như thế. Do nhân duyên hòa hợp mà có pháp khác sinh ra, gọi là có người tạo tác, nhưng thực sự không có người tạo tác. Lại nữa, do nhân duyên hòa hợp mà có pháp khác sinh ra, gọi là có người thọ báo, nhưng thực sự không có người thọ báo. Cho nên gọi là không có người tạo nghiệp, không có người thọ báo. Nếu như bọn họ cho rằng: “Nếu người tạo nghiệp khác người thọ báo, như vậy hai người khác nhau, đều là năm ấm, tại sao người này tạo nghiệp mà người kia không thọ báo?” Điều này không đúng. Sự khác nhau có hai loại: một là thân thể khác nhau, hai là tên họ khác nhau. Ví như có hai người, một tên là Phật Đắc, hai tên là Thiên Đắc. Hai người này vì thân thể và tên họ đều khác nhau, cho nên thân thể và ngôn ngữ khác nhau. Vì thân thể và ngôn ngữ khác nhau nên sự tạo nghiệp của họ cũng khác nhau. Vì sự tạo nghiệp khác nhau, cho

nên tuổi thọ, tướng mạo, sức lực, sự an vui, tài ăn nói, đều khác nhau, vì thế, không thể nào có trường hợp, người tên Phật Đắc tạo nghiệp, mà người tên Thiên Đắc thọ báo. Tuy cả hai đều là sự tỏ hợp của năm âm, thể nhưng chỉ có danh và sắc là giống nhau, còn ba phần kia: thọ, tướng, hành đều khác biệt. Vì sao? Ví như trong lúc người tên Phật Đắc hưởng thọ vui sướng, thì người tên Thiên Đắc đang nhân thọ khổ sở; hoặc đang lúc Phật Đắc đang sinh khởi tâm tham lam, thì Thiên Đắc đang sinh khởi tâm sân hận. Vì thế không thể nói hai người là giống nhau. Danh và sắc của hai người tuy giống nhau, nhưng trên thực tế có sự khác biệt; hoặc giả, Phật Đắc là người da trắng, còn Thiên Đắc là người da đen. Nếu cho rằng hễ tên gọi giống nhau thì phải có cùng một ý nghĩa, như vậy khi một người được sinh ra thì tất cả người khác cũng đang được sinh ra, khi một người chết thì tất cả những người khác cùng chết! Nếu bọn họ không thừa nhận điều này thì phải đồng ý với quan điểm sau: “Người tạo nghiệp không khác với người thọ báo”. Nếu bọn họ cho rằng: “Các ông nói người tạo nghiệp khác người thọ báo, chúng tôi cũng nói như thế, người tạo nghiệp khác người thọ báo. Nếu cả hai đều cho rằng người tạo nghiệp khác người thọ báo, thì các ông cũng đã mắc vào lỗi của chúng tôi. Tại sao các ông không tự thấy lỗi mình, mà lại quở trách chúng tôi?” Điều này không đúng. Vì sao? Phật pháp đề cập đến sự khác biệt, có hai loại: một là phút chốc sinh ra, rồi trong phút chốc biến diệt, hai là phút chốc sinh ra, nhưng không phải phút chốc biến diệt. Bởi vì sự sinh khởi khác nhau, nên sự biến diệt cũng khác nhau. Bởi thế, Phật pháp cho rằng: “Người tạo nghiệp khác người thọ báo”, hoặc: “Người tạo nghiệp tức là người thọ báo”. Điều này không giống như lỗi lầm của bọn họ. Ví như có người muốn đốt làng, bèn liệng một cục lửa vào đám cỏ khô. Vì cục lửa đã làm nhân duyên cho đám lửa cháy lan ra, đám lửa có thể cháy lan một trăm hay hơn một trăm dặm. Khi người trưởng làng bắt được gã đốt làng, bèn hỏi hấn ta: “Ông là kẻ tàn ác. Lý do gì mà ông lại thiêu hủy làng này?” Gã đó trả lời: “Đây thực không phải là tôi đốt. Tại sao? Đóm lửa mà tôi ném, đã bị tắt từ lâu. Chỗ mà nó đốt, chỉ là một nắm cỏ. Bây giờ tôi sẽ bồi thường cho ông hai nắm cỏ. Còn những chỗ

khác, tôi không phải bồi thường”. Lúc đó, ông trưởng làng nói với gã đó: “Đồ ngu! Do đóm lửa nhỏ của ông cháy lan ra mà đã thiêu rụi cả một vùng từ một trăm dặm đến hai trăm dặm. Đây đều là do lỗi ông, làm sao mà không bồi thường!” Tuy biết rằng ngọn lửa đầu tiên khác với ngọn lửa sau này, thế nhưng, do sự nối tiếp không ngừng, thành thử gã đốt làng này phải chịu tội.

Các việc thiện ác do năm âm tạo ra cũng giống như thế! Năm âm lúc thọ báo, tuy không phải là năm âm lúc tạo nghiệp, nhưng vì sự sinh trưởng tương tục không gián đoạn, cho nên bị sự thọ báo. Ví như có người đánh cuộc với người khác là anh ta có thể cầm ngọn đuốc đi xa ngoài trăm dặm mà đuốc vẫn không tắt. Nếu như đi không đến trăm dặm mà đuốc tắt, thì phải bồi tiền cho người kia; nếu như đi ngoài trăm dặm thì người kia phải chung tiền. Người cầm đuốc, sau khi đi ngoài trăm dặm, liền đòi người kia chung tiền. Người kia bèn nói: “Ngọn lửa lúc ông khởi hành đã bị tắt từ lâu, khác với ngọn lửa cuối cùng, lúc ra ngoài khỏi trăm dặm, làm sao ông lại có thể đòi chung tiền?” Người cầm đuốc bèn trả lời: “Ngọn lửa đầu tiên tuy đã bị tắt, nhưng có sự sinh trưởng tương tục từ đó cho đến đây”. Cả hai người đó, ai cũng có lý cả. Vì sao? Hai sự lập luận “Người tạo nghiệp tức là người thọ báo”, “Người tạo nghiệp khác người thọ báo” đều đúng cả. Cho nên cả hai đều không có lỗi. Bởi vậy, nếu có người cho rằng: “Năm âm cũng như thế, người tạo nghiệp tức là người thọ báo, người tạo nghiệp khác người thọ báo”. Cả hai điều này đều không có sai lầm.

Ví như sông Hằng, hai bên bờ sông, cùng với giòng sông, đều gọi là sông Hằng. Lúc mùa hè thì hai bờ sông cách nhau rất xa vì nước sông dâng lên, đến mùa thu thì hai bờ sông cách nhau rất gần. Tuy hình tướng của con sông không nhất định, lúc nước lớn lúc nước nhỏ, nhưng mọi người đều vẫn gọi là sông. Hoặc nếu có người nói: “Đây không phải là con sông”, thì người trí nên trả lời rằng: “Đó là con sông, mà cũng không phải là con sông”. Người trí thấy rằng năm âm cũng giống như thế, “người tạo nghiệp tức là người thọ báo, người tạo nghiệp khác với người thọ báo”. Nếu bọn họ cho rằng: “Hai bờ sông là đất, giòng nước là nước, còn thân sông chiùnh là con sông”. Điều này không đúng. Vì sao? Nếu thân sông

là con sông, tại sao lại nói sông trong, sông đục, có bờ bên này, bờ bên kia, giữa giòng sâu cạn, chảy đến biển lớn, có thể qua được, hoặc không qua được. Ví như, nếu có cây cối, ắt có quỷ thần cư trú, nếu như không có cây cối, quỷ thần cư trú nơi nào? Sông và thần sông cũng giống như vậy. Cho nên, hai bờ sông, giữa giòng, tuần tự không gián đoạn, đều gọi là sông. Do đây, có thể nói rằng ngũ âm cũng vậy, vừa giống vừa khác. Ví như có người chửi rửa kẻ quyền thế, nhân vì ác khẩu mà bị cùm chân. Cặp chân thực ra không phạm tội ác khẩu, nhưng lại bị cùm, do đây có thể nói chắc rằng người tạo nghiệp khác người thọ báo, hoặc người tạo nghiệp tức là người thọ báo. Chỉ có người trí mới có thể nói: “Người tạo nghiệp tức là người thọ báo, người tạo nghiệp khác người thọ báo”. Ví như, đầy đủ các duyên như giá đèn, dầu, lửa, nhân công, v.v..., hợp lại mới gọi là ánh đèn. Nếu ông cho rằng ánh đèn mờ tỏ, điều này không đúng. Vì sao? Mờ nên không tỏ, tỏ nên không mờ, do tuần tự sanh diệt nên gọi là đèn mờ tỏ. Nếu ông cho rằng ánh đèn là vô thường, còn dầu là thường, dầu nhiều đèn tỏ, dầu ít đèn mờ, điều này không đúng. Vì sao? Dầu cũng là vô thường, có lúc cạn, lúc bị đốt. Nếu dầu là thường, thì phải có hai niệm trước sau không biến đổi, và nếu như vậy, thì dầu làm sao có thể bị đốt cạn được? Bởi thế, người trí có thể nói rằng ánh đèn tức là dầu, ánh đèn khác với dầu. Ngũ âm cũng như thế. Ánh đèn ví cho lục nhập, còn dầu ví cho nghiệp. Do nhân duyên nghiệp cho nên năm âm có tăng có giảm, có đây có kia. Lại như có người nói tiếng A đê da, tiếng A đê da được nói lúc ban sơ, đã tan vào quá khứ lâu xa rồi, hiện nay không còn, nhưng do người đời truyền dạy nhau, đời này qua đời kia không gián đoạn, cho nên vẫn được gọi là tiếng A đê da. Người trí cũng nói là tiếng A đê da, hoặc nói không phải tiếng A đê da. Nói phải hay nói không phải, cả hai đều có lý.

Ngũ âm cũng thế, có thể nói rằng người tạo nghiệp tức là người thọ báo, hoặc người tạo nghiệp khác với người thọ báo. Lại như, có một cự phú, không người kế thừa gia sản, khi mệnh chung tài sản bị chánh quyền tịch thu. Có người đến nói: “Tài sản đó là thuộc về tôi”. Nhà chức trách hỏi: “Tài sản của người kia làm sao thuộc về ông?”. Người đó nói: “Tôi là cháu bầy đời của người chết, kế tiếp

không ngừng, tại sao tài sản lại không thuộc về tôi?” Nhà chức trách liền nói: “Đúng như lời ông nói, tài sản này thuộc về ông”. Người trí nói rằng: “Ngũ âm cũng thế. Người tạo nghiệp tức là người thọ báo, hoặc người tạo nghiệp khác với người thọ báo”.

Như ông cho rằng: “Ngũ âm tạo nghiệp, sau khi hoàn thành, nghiệp đó đã trở thành quá khứ, thế nhưng thân vẫn còn tồn tại, nghiệp vừa tạo không có chỗ nương tựa, nếu nghiệp không có chỗ nương tựa, tức là không có nghiệp, nếu thế, tại sao khi mất thân này, lại phải thọ báo?” Điều này không đúng! Vì sao? Tất cả nghiệp quá khứ, phải đợi lúc thọ thân, và thời tiết nhân duyên, ví như cây quít sanh quả quít, trước chua sau ngọt. Người ta vì muốn được quít bèn trồng hạt quít. Hạt quít, thân, nhánh, lá, hoa, quả mới sanh đều không chua, đợi đến lúc quả quít chín mới có mùi chua. Vị chua này không phải trước không nay có, cũng không phải không có nhân duyên, mà là do nhân duyên của quả quít trước. Nghiệp của thân khẩu ý cũng giống như vậy.

Nếu hỏi nghiệp đó trụ ở nơi nào, nên biết nghiệp đó trụ ở quá khứ, đợi thời tiết nhân duyên, cùng lúc thọ thân, mà phát khởi quả báo. Giống như người uống thuốc, qua một đoạn thời gian, thuốc tuy bị tiêu hóa, thế nhưng, đúng lúc vẫn phát sinh tác dụng như sức lực, tráng kiện, v.v... Nghiệp thân khẩu ý cũng giống như vậy, phát động xong thì biến vào quá khứ, thế nhưng, đến lúc nhân duyên chín muồi sẽ chịu quả báo. Lại như đứa trẻ học những điều đầu tiên trong đời, tuy khi đang học, mỗi niệm đều trở thành quá khứ, nhưng dù có trải qua cả trăm năm, cũng không quên những điều đã học. Nghiệp quá khứ cũng giống như thế, tuy không chỗ nương, nhân duyên thời tiết chín muồi sẽ thọ quả báo. Cho nên nói rằng người tạo nghiệp không phải người thọ báo, nhưng cũng không khác người thọ báo. Người nào thông đạt được điều này, sẽ được quả vị Vô thượng.

Thiện nam tử! Nếu người nào đối với thân, mệnh, tài sản, lận tiếc không chịu bố thí, thì gọi là người bòn sẻn. Những người này ôm chặt tâm không bố thí, không biết thương xót, lấy lý do tích giữ của cải để tìm bậc phước điền, thế nhưng, khi đã gặp được thì lại tìm lỗi của họ, tự nghĩ tài sản gây dựng khó nhọc, nếu đem cho

người khác mình sẽ bị khổ sở, hoặc cho rằng không có nhân quả, không có sự bố thí, cũng không có người thọ nhận; lại có người ô mê lòng mến tiếc vợ con quyến thuộc, bòn mót tiền của để cầu danh, cho rằng tài sản là bền chắc, đây gọi là những người keo kiệt bản thủ. Sự bản thủ này làm như nhóp tâm thức của chúng sinh, do nhân duyên này, tài vật của người khác, họ còn không dám đem bố thí, huống chi là tài vật của chính họ.

Người trí làm việc bố thí, không phải vì muốn được báo ơn, không phải vì mong cầu phụng sự, không phải vì bênh vực những người bòn sẻn tham lam, không phải để được mọi người biết được tiếng tốt, không phải vì sợ hãi, không phải vì cầu cạnh người khác, không phải để tranh hơn thua, không phải vì sợ mất của, không phải vì muốn tăng gia của cải, không phải vì không dùng đến, không phải vì sự quy định của gia tộc, cũng không phải vì muốn người khác gằn gủi mà bố thí. Người trí làm việc bố thí vì thương xót chúng sinh, vì muốn làm cho mọi người được sự an lạc, vì muốn người khác học tập hạnh bố thí, vì muốn thực hành những hạnh mà các bậc Thánh nhân đã làm, vì muốn diệt trừ các phiền não, vì muốn đoạn trừ hữu lậu, chứng nhập Niết bàn.

Thiện nam tử! Bồ tát làm việc bố thí, xa lìa bốn pháp ác: (1) phá giới, (2) nghi ngờ, (3) tà kiến, (4) bòn sẻn. Lại có năm pháp: (1) lúc bố thí không chọn người đứ hạnh hay không đứ hạnh, (2) lúc bố thí không nói việc thiện ác, (3) lúc bố thí không lựa chọn chủng tính, (4) lúc bố thí không coi thường người xin, (5) lúc bố thí không thoa mạ chửi rủa. Lại có ba việc, làm cho người bố thí không được quả báo thù thắng: (1) mới đầu định cho nhiều, sau lại cho ít, (2) lấy đồ vật hư xấu đem bố thí, (3) sau khi bố thí sanh lòng hối hận.

Thiện nam tử! Lại có tám việc, làm cho người bố thí không được quả báo thù thắng: (1) bố thí xong, tìm lỗi người nhận; (2) lúc bố thí, tâm không bình đẳng; (3) bố thí xong, yêu cầu người nhận phục vụ cho mình; (4) bố thí xong, hay tự khen mình; (5) trước nói không có, sau đó mới bố thí; (6) bố thí xong, thoa mạ chửi rủa; (7) bố thí xong, đòi trả lại gấp đôi; (8) bố thí xong, khởi tâm nghi ngờ.

Những người bố thí như vậy, ắt sẽ không được gần gũi chư Phật cùng các bậc Hiền thánh.

Nếu đem đồ vật đầy đủ sắc, hương, vị, xúc, bố thí cho người khác, gọi là bố thí thanh tịnh; nếu đồ vật bố thí có được đúng như pháp, gọi là bố thí thanh tịnh; nếu biết rõ tài vật là vô thường, không thể giữ lâu, bèn đem làm việc bố thí, gọi là bố thí thanh tịnh; nếu vì muốn diệt trừ phiền não mà bố thí, gọi là bố thí thanh tịnh; nếu vì muốn thanh tịnh tự tâm mà bố thí, gọi là bố thí thanh tịnh; nếu có thể quán sát ai là người bố thí, ai là người nhận, bố thí vật gì, do nhân duyên gì mà bố thí, sự bố thí tức là mười hai nhập, người nhận, người cho, vật bố thí tức là mười hai nhập, nếu người bố thí có thể quán sát như vậy, gọi là bố thí thanh tịnh. Lúc bố thí, đối với các bậc phước điền, sanh lòng hoan hỷ, giống như các bậc phước điền nguyện cầu công đức, ta cũng phải nguyện cầu công đức không ngừng nghỉ. Bố thí cho vợ con, quyến thuộc, tột tở, nên sinh lòng thương xót; bố thí cho người nghèo khổ, vì muốn diệt trừ sự khổ não cho họ. Lúc bố thí không cầu quả báo thế gian, bố thí để diệt trừ sự kiêu mạn, bố thí với tâm nhu hòa, bố thí để được lia ba cõi, bố thí vì cầu mong sự giải thoát vô thượng, bố thí vì đã quán sát thâm sâu đường sanh tử nhiều tội lỗi, bố thí mà không màng đối tượng có phải là phước điền hay không, người nào có thể bố thí như vậy, nên biết phước báo sẽ không rời người đó, giống như trâu ghé quần quít bên trâu mẹ.

Nếu có tâm mong cầu quả báo của sự bố thí, thì chẳng khác gì sự đổi chác ở chợ búa. Giống như vì thân mệnh mà cây cây trồng trọt sinh sống, tùy mỗi loại hạt giống, mà được cây trái khác nhau. Người bố thí cũng giống như thế, tùy vào vật bố thí và người nhận mà được phước báo khác nhau. Nếu như người nhận, sau khi thọ nhận sự bố thí, tăng trưởng thọ mệnh, nhan sắc, sức lực, an vui, biện tài, thì người bố thí cũng được năm quả báo như thế!

Nếu bố thí cho súc sanh, được phước gấp trăm lần; bố thí cho kẻ phá giới, được phước gấp ngàn lần; bố thí cho người trì giới, được phước gấp mười vạn lần; bố thí cho ngoại đạo đã ly dục, được phước gấp trăm vạn lần; bố thí cho bậc Tu đà hoàn hướng, được phước gấp ngàn ức lần; bố thí cho bậc Tu đà hoàn, được phước vô

lượng; bố thí cho bậc Tu đà hàm hướng, được phước vô lượng; nhẫn đến bố thí cho Đức Phật, cũng được phước vô lượng.

Thiện nam tử! Nay ta vì ông mà phân biệt các loại phước điền, mà nói rằng bố thí được phước gấp trăm lần, nhẫn đến được phước vô lượng. Nếu có thể chí tâm phát lòng thương xót rộng lớn, bố thí cho súc sanh, hoặc chuyên tâm cung kính cúng dường chư Phật, hai phước báo này bằng nhau không khác. Nói được phước gấp trăm lần, nghĩa là, như đem thọ mệnh, nhan sắc, sức lực, an vui, biện tài, bố thí cho người xin, thì sau đó người cho sẽ được thọ mệnh, nhan sắc, sức lực, an vui, biện tài, mỗi mỗi đều gấp trăm lần, nhẫn đến vô lượng, cũng giống như vậy. Cho nên trong kệ kinh, ta có nói: “Ta bố thí cho ông Xá Lợi Phất, ông Xá Lợi Phất cũng bố thí cho ta, thế nhưng ta được nhiều phước hơn ông ấy.”

Hoặc có người nói: “Nếu người nhận làm ác, người cho sẽ bị tội.” Điều này không đúng. Vì sao? Người cho, lúc bố thí, vì muốn trừ diệt sự khổ não cho người xin, chứ không phải muốn tạo tội, vì thế người cho phải được phước báo! Người nhận dùng của bố thí làm ác, tự mình tạo tội, không can hệ gì đến người cho. Người bố thí, nếu dùng những vật quý báu để bố thí, sau đó sẽ được dung mạo trang nghiêm, mọi người đều ưa mến, tiếng tốt đồn xa, mọi sự mong cầu đều như ý, sinh vào dòng dõi cao quý, không thể gọi đây là ác báo, tại sao lại nói thí chủ bị tội? Người cho sau khi bố thí, vui vẻ không tiếc nuối, gần gũi người lành, giàu sang tự tại, sinh vào gia đình quý tộc, được sự vui người, trời, nhẫn đến sự vui vô thượng, lìa xa tất cả mọi sự trói buộc của phiền não. Chỉ có người bố thí mới có được phước báo như vậy, tại sao lại gọi cho rằng bị ác quả báo? Thí chủ nếu có thể tự tay mình bố thí, sẽ được sinh vào nhà quyền quý, gặp thiện tri thức, tiền của dư dật, quyền thuộc đông đảo, của cải mặc sức tự tiêu dùng hay đem bố thí, tất cả chúng sinh đều vui mừng mong được thấy mặt, thấy rồi cung kính tôn trọng, ca ngợi. Người bố thí được quả báo tốt đẹp như vậy, sao lại cho là bị thọ ác báo? Thí chủ nếu đem của cải thanh tịnh bố thí, nhờ nhân duyên đó của cải, kho đụn tràn đầy, sinh vào nhà quyền quý, quyền thuộc nhiều vô lượng, thân không bệnh khổ, tâm không sợ hãi lo buồn, tất cả tài sản sở hữu, chánh quyền, trộm cướp, lừa

cháy, nước trôi, đều không làm tổn hoại. Giả sử có mất mát của cải, cũng không sầu não. Trong vô lượng đời thân tâm an lạc. Tại sao cho rằng thọ ác quả báo? Nếu như, lúc chưa bố thí, phát lòng tin tưởng vào công đức của sự bố thí, lúc bố thí lòng hoan hỷ, sau khi bố thí, trong lòng an lạc, thì lúc đang tìm cầu tài vật để bố thí, lúc giữ gìn tài vật đợi bố thí, lúc ban bố tài vật, đều không cảm thấy khổ não. Nếu dùng y phục bố thí, sẽ được dung mạo trang nghiêm; nếu dùng thức ăn bố thí, sẽ được sức mạnh vô địch; nếu dùng đèn đuốc bố thí, sẽ được đôi mắt sáng ngời; nếu dùng xe cộ bố thí, sẽ được thân thể khoẻ mạnh; nếu dùng nhà cửa bố thí, sẽ được vật dụng dư xài. Người bố thí sẽ được quả lành như thế, tại sao cho rằng bị quả báo xấu?

Lại nữa, người bố thí cúng dường cho Đức Phật xong, Ngài thọ dụng hay không thọ dụng, quả báo bố thí đã được quyết định.

Bố thí cho người khác và bố thí cho chúng tăng có hai loại phước báo: (1) từ sự thọ dụng của người nhận phát sinh, (2) từ công đức của người nhận phát sinh. Vì sao? Lúc thí chủ bố thí, tự trừ diệt được sự bòn sẻn của chiền mình; lúc người nhận thọ dụng, trừ diệt được sự bòn sẻn của thí chủ, cho nên khế kinh có nói: “Từ sự thọ dụng của người nhận, phát sinh phước báo của thí chủ”. Lại từ phương diện thọ dụng mà nói, nếu người nhận là người tại gia, đem bố thí cho người khác, người bố thí cũng được phước bằng như trước; nhưng nếu người nhận là người xuất gia, nhận xong lại đem bố thí cho vị xuất gia khác, thì phước báo của thí chủ càng lúc càng tăng trưởng. Nếu như khi bố thí không cầu quả báo thế gian, hoặc không vì lý do tăng trưởng phiền não mà bố thí, thì sự bố thí sẽ được quả báo thanh tịnh vô thượng, tức là Niết bàn.

Nếu có người mỗi ngày lập thệ nguyện: “Trước tiên bố thí cho người khác thức ăn, sau đó mới dùng. Nếu như vi phạm lời nguyện, sẽ đền tài vật cho Phật.” Khi vi phạm, sinh lòng hổ thẹn. Nếu như không vi phạm lời nguyện, đây tức là nhân duyên phát sinh trí tuệ vi diệu. Bố thí như vậy là sự bố thí thù thắng nhất. Người bố thí đó được gọi là vị thí chủ bậc thượng.

Nếu như thuận theo ý của người xin, trong vô lượng đời vị lai, thí chủ sẽ được tất cả sở cầu như ý. Nếu như tâm ý, tài vật, phước điền

đều thanh tịnh, thì vị thí chủ sẽ được vô lượng quả báo lành. Nếu như đem lòng lo lắng, vui vẻ, cung cấp quần áo, thức ăn cho vợ con, tôi tớ, thì vị thí chủ đó trong tương lai sẽ được vô lượng phước đức.

Nếu thấy vườn ruộng, hoặc trong kho có nhiều chuột, hay chim chóc ăn phá lúa gạo, nên khởi tâm thương xót, nghĩ rằng: “Chim chuột này nhờ ta mà được sống.” Nghĩ xong vui mừng, không còn ý tưởng muốn tàn hại chúng. Nên biết người đó được phước vô lượng.

Nếu vì tự thân mà may sắm quần áo, chuỗi ngọc anh lạc, đồ trang sức, các loại dụng cụ. Sắm sửa xong, lòng sinh vui mừng, nếu chưa kịp sử dụng mà lại đem bố thí cho người khác, thì người đó về sau tất cả sở cầu đều được như ý.

Nếu có người cho rằng: “Lìa sự bố thí được quả báo lành.” Đây là điều không thể có. Không có tài vật, hoặc không có người nhận, hoặc không xả bỏ tâm bòn sẻn, mà thành sự bố thí, đây là điều không thể có.

Nếu như có người, người khác chưa xin mà đã bố thí, hoặc tự mình đang thiếu thốn mà vẫn bố thí, hoặc xin ít mà bố thí nhiều, xin đồ xấu mà bố thí đồ tốt, chỉ cho người khác cách cầu xin, tự mình đến nơi người xin mà bố thí, nên biết người đó, trong đời vị lai sẽ được nhiều kho báu, những đồ vật tầm thường đều biến thành trân bảo.

Nếu như vì bòn cọt đôi phương mà bố thí, hoặc bố thí cho người không phải phước điền, hoặc tuy bố thí mà không tin nhân quả, đây không gọi là bố thí.

Nếu như có người chỉ riêng bố thí cho bậc phước điền lớn, không thích bố thí cho người tầm thường, nên biết người ấy đời sau khi được quả báo, sẽ không ưa thích bố thí.

Nếu có người sau khi bố thí, sinh lòng hối hận, hoặc cướp đoạt vật của người khác đem bố thí, người đó đời sau, tuy được tài vật, thường bị tiêu hao, không cất giữ được.

Nếu làm khổ người thân, lấy vật đem bố thí, người đó đời sau tuy được quả báo lớn, nhưng thường bị bệnh khổ.

Nếu như không biết cúng dường cha mẹ, bức nảo vợ con, làm tôi tớ khôn khổ, để lấy của đem bố thí, đây gọi là người ác, giả danh

bố thí, không phải là sự bố thí có ý nghĩa. Người bố thí đó là người không lòng thương xót, là người vô ơn, trong đời vị lai tuy được tiền tài trân bảo, nhưng thường hao tổn, tán thất, không thể tiêu dùng, thân nhiều bệnh khổ.

Nếu có người như pháp dùng tiền tài bố thí, trong đời vị lai sẽ được vô lượng phước, có tiền của tiêu dùng. Nếu như bố thí tiền tài không như pháp, người đó đời sau tuy được quả báo, phải nương nhờ vào người khác mới được. Nếu như người kia mệnh chung, thì người đó trở lại nghèo cùng.

Thiện nam tử! Bố thí có hai loại, tài thí và pháp thí. Tài thí là bậc hạ, pháp thí là bậc thượng. Thế nào là pháp thí? Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, có thể dạy người khác đầy đủ tín tâm, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ; hoặc đem giấy mực cho người khác biên chép, hoặc tự mình biên chép kinh điển của Như Lai, sau đó bố thí cho người khác đọc tụng, đây gọi là pháp thí. Người bố thí pháp, trong vô lượng đời sau, sẽ được dung nhan mỹ lệ. Vì sao? Chúng sinh nghe pháp, đoạn trừ tâm sân, do nhân duyên này, người bố thí trong vô lượng đời, được dung nhan tuyệt thế. Lại nữa, chúng sinh nghe pháp, sinh lòng từ không sát hại, do nhân duyên này, người bố thí trong vô lượng đời sau, được tuổi thọ dài lâu. Lại nữa, chúng sinh nghe pháp, không trộm cướp người khác, do nhân duyên này, thí chủ trong vô lượng đời sau, được nhiều của cải. Lại nữa, chúng sinh nghe pháp, sinh lòng ưa thích bố thí, do nhân duyên này, thí chủ trong vô lượng đời sau, được sức khoẻ dồi dào. Lại nữa, chúng sinh nghe pháp, đoạn trừ sự buông lung, do nhân duyên này, thí chủ trong vô lượng đời sau, thân được an lạc. Lại nữa, chúng sinh nghe pháp, đoạn trừ tâm ngu si, do nhân duyên này, thí chủ trong vô lượng đời sau, được lòng tin sáng tỏ. Các trường hợp trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cũng giống như vậy. Do đây, pháp thí thù thắng hơn tài thí.

Hoặc có người cho rằng: “Con tu pháp lành, cha làm việc ác. Nhân vì người con tu thiện, người cha sẽ không bị đọa vào ba đường ác.” Điều này không đúng. Vì sao? Vì nghiệp thân khẩu ý của mỗi người đều khác nhau.

Nếu như người cha sau khi mất đọa vào nga quý, người con vì cha mà tu phước, thì người cha sẽ được phần; còn nếu người cha sinh vào cõi trời, thì sẽ không còn nghĩ đến những vật nhân gian. Vì sao? Vì cõi trời có sẵn những vật trân bảo thù thắng. Nếu như người cha đọa vào địa ngục, thân bị thọ khổ, không còn rãnh để tưởng nghĩ đến vật nhân gian, cho nên không được phần. Đọa vào súc sanh, hoặc sanh cõi người, cũng giống như vậy.

Nếu như hỏi rằng nga quý vì nhân duyên gì mà được? Nên biết, vì người mệnh chung bồn tính tham lam bồn sển, cho nên đọa vào nga quý. Sau khi làm nga quý, tâm thường hối hận lỗi lầm xưa, tưởng nghĩ mong được, cho nên hoạch được phước báo do sự hồi hướng.

Giả như người tu phước đó thác sinh vào cõi khác, còn tất cả quyền thuộc đều bị sinh vào nga quý, thì tất cả quyền thuộc này sẽ được phước báo do người tu phước hồi hướng. Vì thế, người trí phải nên vì loài nga quý mà siêng tu phước đức!

Nếu đem quần áo, thức ăn, phòng xá, ngọa cụ, các vật cần dùng, bố thí những khát sĩ bản cùng như sa môn, bà la môn, v.v..., dùng công đức này chú nguyện cho loài nga quý được phước báo, và nhờ thế lực của nhân duyên bố thí chú nguyện này, những người đọa vào nga quý sẽ được thế lực lớn. Thí chủ bố thí bao nhiêu, thì họ được hưởng bấy nhiêu phước báo? Vì sao? Vì chỗ thác sinh là như thế.

Thức ăn của loài nga quý không đồng; hoặc ăn mủ, hoặc ăn phân, hoặc ăn máu dơ, đồ thổ mửa, khạc nhổ. Nếu như được sự bố thí vừa nói trên, thì tất cả món ăn của họ sẽ biến thành màu sắc xinh đẹp, mùi vị thơm tho.

Nếu đem nước cặn rửa bát bố thí cho những loài có thể dùng được, nhưng lại bị người khác ngăn chặn, làm cho những loài kia rất cuộc không được ăn, tuy thế, người bố thí vẫn được phước báo. Vì sao? Vì người bố thí có lòng thương xót.

Nếu như cúng tế quỷ thần thì ai là người thọ hưởng? Điều này tùy vào nơi chốn của chỗ thờ tự đó. Nếu như gần rừng, thì thọ thần hưởng; gần sông, gần suối, gần giếng, rừng núi, ụ đất, v.v..., cũng giống như vậy. Phần người cúng tế cũng được phước đức. Vì sao?

Làm cho người thọ nhận sanh lòng vui mừng. Phước của việc cúng tế có thể bảo hộ thân mạng, tài sản.

Nếu cho rằng sát sinh để tế tự sẽ được phước. Điều này không đúng! Vì sao? Chưa từng thấy người thế gian trồng hạt cây y lan mà lại sinh cây chiên đàn, hoặc giết hại sinh mạng của chúng sinh mà lại được phước đức.

Nếu như muốn tế tự, nên dùng hương, hoa, sữa, lạc, tô, thuốc men. Có ba thời gian cầu phước cho người mất: tháng hai mùa xuân, tháng năm mùa hạ, và tháng chín mùa thu.

Nếu đem phòng xá, ngựa cụ, thuốc men, vườn, rừng, ao, giếng, trâu, dê, voi, ngựa, các loại đồ dùng, bố thí cho người khác, sau khi bố thí rồi mệnh chung, tùy theo những đồ vật bố thí xử dụng lâu hay mau, phước đức của người bố thí, tùy đó mà sinh trưởng. Phước đức theo bên người đó, như bóng theo hình.

Hoặc có người cho rằng: “Sau khi mệnh chung, phước đức của sự bố thí gián đoạn.” Điều này không đúng. Vì sao? Chỉ có hai lúc, hoặc vật bố thí bị hư hoại, hoặc người nhận không còn xử dụng, thì phước đức bố thí mới gián đoạn, chứ không phải lúc người bố thí mệnh chung.

Nếu người xuất gia bắt chước người tại gia, vào những ngày lễ lộc, bày tiệc ăn uống vui mừng, đây gọi là bắt chước thế gian, chẳng phải chân thực, mặc dù người đó cũng tin pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Nếu có thể thường ưa thích đem bố thí đồ vật trong nhà, dù tốt hay xấu, đây gọi là bố thí tất cả.

Nếu đem thân thể, vợ con, những vật quý báu bố thí cho người khác, thì gọi là sự bố thí không thể nghĩ bàn.

Nếu bố thí cho mười một loại người như sau: (1) người ác, (2) người phá giới, (3) người oán thù, (4) người không biết ơn nghĩa, (5) người không tin nhân quả, (6) người cưỡng bức cầu đòi, (7) người có thể lực lớn, (8) người hung hãn chửi rủa, (9) người nhận bố thí rồi sinh sân, (10) người giả bộ đạo đức, (11) người giàu sang quyền quý, thì gọi là sự bố thí không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử! Tất cả sự bố thí có ba căn bản: (1) bố thí cho người nghèo vì lòng thương xót, (2) bố thí cho kẻ oán thù không cần đền ơn, (3) bố thí cho bậc phước đức, tâm vui mừng kính trọng.

Thiện nam tử! Nếu có người giàu có, trong vô lượng đời cúng dường Tam Bảo, tuy được vô lượng phước đức, không bằng khuyên người khác cùng mình làm việc thiện.

Nếu có người hiềm vật bố thí ít ỏi, hư xấu, bèn hổ thẹn không chịu đem bố thí, người đó đang làm tăng trưởng sự nghèo khổ của chiềnh mình trong đời sau.

Hai người cùng làm việc bố thí, nếu tài vật, bậc phước điền, tâm bố thí bằng nhau, thì hai người sẽ được quả báo bằng nhau không khác.

Nếu tài vật và tâm bố thí như nhau, người nào bố thí cho bậc phước điền thù thắng, thì được phước báo thù thắng.

Nếu phước điền và tâm bố thí đều là bậc hạ, người nào bố thí tài vật thù thắng, sẽ được quả báo thù thắng.

Nếu như phước điền, tài vật đều là bậc hạ, người nào có tâm bố thí thù thắng, sẽ được quả báo thù thắng.

Nếu như phước điền và tài vật đều thù thắng, người nào tâm bố thí bậc hạ, được quả báo sẽ không bằng người kia.

Thiện nam tử! Người trí lúc bố thí không cầu quả báo. Vì sao? Biết chắc tạo nhân ắt sẽ có quả. Nếu người không có tâm từ, không biết ơn nghĩa, không ham thích công đức của các bậc thánh nhân, luyện tiếc tài sản, thân mệnh, lòng tham mạnh mẽ, những người như vậy không thể bố thí.

Người trí quán sát tất cả chúng sanh, nếu có người nào, lúc cầu tài sản, không tiếc thân mệnh, sau khi được tài vật lại có thể đem bố thí cho người khác, nên biết người đó có thể hy sinh thân mệnh.

Người bòn sẻn không thể bố thí tài sản, nên biết người đó cũng tham tiếc thân mệnh. Người nào có thể xả bỏ thân mạng để cầu được tài vật đem bố thí, nên biết người đó là đại thí chủ.

Nếu người được tài sản, tham tiếc không bố thí, nên biết người đó đang trồng hạt giống bần cùng trong đời vị lai. Cho nên trong kệ kinh, ta có nói: “Trong bốn châu thiên hạ, người châu Diêm phù đề có ba việc thù thắng: (1) dũng kiện, (2) có tâm ghi nhớ, (3) hạnh

thanh tịnh.” Không thấy quả báo mà biết tu nhân; không tiếc thân mệnh cầu được tài vật để bố thí; phá trừ tâm bòn sẻn, đem tài sản bố thí; sau khi bố thí tâm không hối tiếc, lại có thể phân biệt phước điền và không phải phước điền. Đây gọi là dũng kiện.

Thiện nam tử! Bố thí xong sinh lòng hối tiếc là do ba việc: (1) tham tiếc tài sản, (2) nghe theo tà kiến, (3) thấy lỗi của người nhận. Lại có ba việc: (1) sợ người khác quở trách, (2) sợ hết của sẽ bị khổ, (3) thấy người khác sau khi bố thí trở nên nghèo cùng khổ nữa.

Thiện nam tử! Người trí đối với việc bố thí không bao giờ sinh tâm hối hận. Lại có ba việc làm cho không sinh tâm hối hận: (1) sáng suốt tin nhân quả, (2) gần gũi bạn lành, (3) không tham tiếc tài sản. Tin nhân quả lại có hai việc: (1) tin sâu, (2) trí tuệ. Không tham tiếc tài sản cũng có hai việc: (1) quán vô thường, (2) không được tự tại.

Thiện nam tử! Người bố thí nếu có thể quán sát, thực hành việc bố thí như thế, nên biết người đó có thể thực hành đầy đủ bố thí ba la mật. Cho nên trước đây ta đã nói: “Có bố thí không phải ba la mật, có ba la mật không phải bố thí, có bố thí vừa là ba la mật, có vừa không phải bố thí vừa không phải ba la mật.”

Thiện nam tử! Người trí có ba hạng: (1) có thể xả bỏ vật bên ngoài, (2) có thể bố thí thân thể, (3) sau khi bố thí thân mệnh tài sản, lại còn giáo hóa chúng sinh.

Làm thế nào để giáo hóa? Thấy người nghèo khổ, trước tiên nên hỏi họ: “Ông có thể quy y Tam Bảo không? Có thể thọ trai giới không?” Nếu trả lời có thể, trước tiên truyền thọ Tam quy y và trai giới, sau đó bố thí tài vật. Nếu trả lời không thể, nên nói với họ: “Nếu như không thể, ông có thể lập lại theo tôi rằng các pháp là vô thường, vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh hay không?” Nếu trả lời có thể, liền dạy họ nói, sau đó bố thí. Nếu họ trả lời chỉ có thể nói hai việc, mà không thể nói các pháp vô ngã, thì nên nói với họ: “Nếu ông không thể nói các pháp vô ngã, ông có thể nói các pháp không có tự tính hay không?” Nếu trả lời có thể, dạy họ nói xong, sau đó bố thí. Nếu như có thể trước tiên giáo hóa sau hành bố thí, người đó được gọi là bậc đại thí chủ.

Thiện nam tử! Nếu như có thể giáo hóa chúng sinh như thế, hẳn đến không phân biệt người thân kẻ thù, người đó được gọi là bậc đại thí chủ.

Thiện nam tử! Người trí lúc có tài vật để bố thí, phải nên tu tập hạnh bố thí như trên. Nếu như không có tài vật, nên chỉ bảo cho những người có tài vật tu hạnh bố thí. Nếu như các vị thí chủ đó, trước đã biết pháp này, không cần phải chỉ bảo, thì tự mình nên đến giúp đỡ họ làm việc bố thí.

Nếu người nghèo không tài vật, nên học các phương thuốc cùng các loại chú thuật, tìm cầu những phương thuốc thông thường, đem bố thí cho những người cần dùng. Hết lòng khám bệnh, chăm sóc, trị liệu. Khuyến khích người có của, bào chế các thứ thuốc, hoặc thuốc viên, thuốc bột, thuốc thang, v.v...

Sau khi biết rõ phương pháp trị bệnh, đi khắp nơi để khám bệnh, tùy phương chẩn mạch, tìm rõ bệnh tình, sau đó tùy theo căn bệnh mà trị liệu. Trong lúc trị liệu, khéo biết phương tiện, tuy gặp hoàn cảnh thiếu vệ sinh, cũng không sinh tâm nhòm góm. Không những biết rõ bệnh tình tăng giảm, lại còn biết rõ loại thuốc nào, thức ăn nào có thể làm tăng thêm hoặc giảm bớt căn bệnh. Nếu như người bệnh đòi ăn những thứ thức ăn, hoặc uống những thứ thuốc làm tăng bệnh, thì phải nên khéo léo giảng giải cho họ, không nên cấm đoán. Nếu như cấm đoán, có thể làm cho họ tăng thêm đau khổ. Nếu như biết chắc người bệnh sẽ chết, không nên nói thẳng với họ, mà nên dạy họ quy y Tam Bảo, niệm Phật pháp tăng, siêng tu cúng dường. Nên nói với họ bệnh khổ là do nhân duyên không lành đời trước, cho nên bị khổ báo, nay phải nên sám hối. Nếu người bệnh nghe xong, hoặc sinh lòng sân hận, chửi rủa, nhục mạ, nên im lặng không đối đáp, cũng không xả bỏ họ. Mặc dù chăm sóc trị liệu cho họ, cần thận không nên trách cứ họ vô ơn. Sau khi lành bệnh, vẫn đến thăm nom, sợ sau đó họ lao nhọc, bệnh sẽ tái phát.

Nếu thấy bình phục sức khỏe như xưa, nên sinh lòng vui mừng, không cầu báo ơn. Nếu như người bệnh mệnh chung, nên lo việc an táng. Thuyết pháp an ủi những người quen biết và thân quyến của họ.

Không nên đem thức ăn hoặc thuốc men có hại cho sức khoẻ, bố thí cho người khác. Nếu người bệnh sau khi lành mạnh, vui mừng đem đồ vật đền ơn, cũng nên thu nhận, sau đó đem bố thí cho người nghèo khổ khác.

Nếu có thể khám bệnh, chăm sóc, trị liệu như thế, nên biết người đó là đại thí chủ, chân thực cầu đạo Vô thượng Bồ đề.

Thiện nam tử! Người trí lúc cầu Vô thượng Bồ đề, tuy của cải dư dật, cũng nên học tập phương pháp trị bệnh, tạo lập phòng khám bệnh, cung cấp đầy đủ đồ cần dùng, thực phẩm, thuốc men, v.v..., cho bệnh nhân.

Đường xá lồi lõm, chật hẹp, nên sửa chữa cho bằng phẳng, rộng rãi; trừ dẹp chông gai, đá sỏi, phân ứ, nhơ nhớp. Chỗ hiểm trở nếu cần dùng ván, thang, cây, dây thừng, thả đều bố thí.

Cạnh đường lộ nơi chốn hoang vu, nên đào giếng, trồng cây ăn trái, sửa sang khe lạch. Nơi không cây cối, vun trồng cây cối. Vệ đường nơi các người gánh gồng nghỉ chân, vì họ đắp những chỗ ngồi. Xây tạo trạm nghỉ ngơi, trang bị đầy đủ các vật cần dùng như bình, bồn, đèn đuốc, giường chiếu. Nơi có các dòng nước dư chảy qua, làm cầu bắc ngang. Nơi các bến đò, bến sông, làm cầu, bố thí thuyền bè. Những người không thể tự qua sông lạch, tự mình đến đưa họ qua. Đối với người già, trẻ con, bệnh hoạn, ốm yếu, tự tay dẫn dắt, giúp họ băng qua sông lạch. Bên cạnh đường xây tháp, trồng hoa, cây ăn trái. Thấy người sợ hãi trốn chạy, giúp họ bằng cách che dấu, sau đó đem của cải, dùng lời khéo léo khuyên người bắt tha mạng.

Nếu thấy người đến gần chỗ nguy hiểm, liền đến đón đưa, giúp cho qua khỏi. Nếu thấy có người không nhà cửa, linh đình lưu lạc, tùy nghi bố thí, dùng lời an ủi. Người đi đường xa mệt mỏi, giúp họ tắm rửa, xoa bóp tay chân, cho họ giường ghế, nếu không giường ghế, lấy cỏ trải mà làm chỗ nghỉ ngơi.

Lúc nóng nực, bố thí quạt và quần áo mát; lúc lạnh, bố thí lửa và quần áo ấm. Hoặc tự mình bố thí, hoặc chỉ bảo người khác bố thí.

Đối với người mua bán, khuyên nhắc họ nên đối xử bình đẳng, không vì tham chút lợi mà đối gạt lẫn nhau.

Thấy người đi đường, chỉ dẫn đường nào nên đi, đường nào không nên đi. Đường nên đi là đường có nước cỏ, không có giặc cướp; đường không nên đi là chỗ có nhiều hoạn nạn.

Thấy có người già, dép, quần áo, bình bát cũ rách hư tổn, giúp cho họ vá may, giặt nhuộm, sửa chữa.

Nếu có nạn chuột, rắn, chấy rận, trùng độc, đều nên trừ dẹp.

Bồ thí vật cọ lưng, đồ cắt móng tay, móc tai; vá may, giặt giũ đồ vật của chúng tăng, chẳng hạn như tọa cụ, y áo, v.v... Trong nhà xí để sẵn nước sạch, xà phòng hay tro đất sạch, v.v...

Nếu tự mình may y phục, làm bình bát, trước tiên nên dâng cúng Phật, sau đó dâng cho cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng thọ dụng trước, sau đó mới tới phiên mình. Nếu như trước đã cúng Phật y, bát, v.v..., có thể dùng hoa, hương chuộc lại, cúng cho người khác dùng.

Các thức ăn uống, trước tiên phải nên cúng dường sa môn, phạm chí, rồi sau mới ăn.

Thấy có người ở xa đến, nhỏ nhẹ hỏi han, cung cấp cho họ nước sạch tắm rửa, sau đó đưa dầu xoa chân, hương, hoa, tắm xia răng, xà phòng, tro đất sạch, dầu thơm, nước thơm, mật, tỳ bát la xá lặc, áo lót; sau khi người đó xoa dầu, tắm rửa xong, lại đem các loại hương hoa, thuốc hoàn, thuốc tán, thức ăn, nước trái cây, tùy theo chỗ cần dùng mà bồ thí.

Lại bồ thí dao cạo râu tóc, đũa lọc nước, kim, chỉ, y nạp, giấy, bút, mực, v.v... Nếu không thể thường bồ thí, thì nên bồ thí vào những ngày thọ bát quan trai.

Nếu thấy người mù, tự đến cầm tay dẫn dắt, hoặc bồ thí gậy và chỉ đường cho họ. Nếu thấy người khô, mắt mắt tài sản, cha mẹ chết hết, nên đem tài vật cung cấp, dùng lời khéo léo nói pháp, an ủi, can gián, khuyên lơn, khéo nói về hai loại quả báo: phiền não và phước đức.

Thiện nam tử! Nếu người nào có thể tu tập sự bồ thí như vậy, thì được gọi là vị đại thí chủ.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia làm thí chủ thanh tịnh, điều này không khó. Bồ tát tại

gia làm thí chủ thanh tịnh, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi - Thanh Tịnh Tam Quy Y

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật trước đây có nói 'Nếu có người đến cầu thọ giới Bồ tát, trước tiên nên cho họ thọ Tam quy y, sau đó mới thọ giới Bồ tát.' Do nhân duyên gì mà phải thọ Tam quy y? Thế nào là Tam quy y?”

- Thiện nam tử! Vì muốn phá diệt sự khổ đau, đoạn trừ phiền não, hưởng thọ sự vui tịch diệt vô thượng, do nhân duyên này mà thọ Tam quy y. Như lời ông vừa hỏi, Tam quy y tức là Phật, pháp, tăng. Phật là bậc chỉ dạy phương pháp trừ diệt nguyên nhân của phiền não, để đạt đến sự giải thoát chân chánh; Pháp là phương pháp trừ diệt nguyên nhân của phiền não, để đạt đến sự giải thoát chân thực; còn Tăng là người nắm thọ phương pháp diệt trừ nguyên nhân của phiền não, để đạt đến sự giải thoát chân chánh. Có người nói rằng: “Nếu vậy, tức là chỉ có một quy y.” Điều này không đúng. Vì sao? Đức Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện thế gian, Chánh pháp vẫn thường tồn tại, thế nhưng không có người giảng nói. Sau khi Đức Như Lai xuất thế, Ngài là bậc giảng nói Chánh pháp, cho nên phải riêng thọ quy y Phật. Lại nữa, Đức Như Lai xuất thế hay không xuất thế, Chánh pháp vẫn thường hiện hữu, thế nhưng không có người nắm thọ, chỉ có đệ tử của Phật mới có thể nắm thọ, cho nên phải riêng thọ quy y Tăng. Con đường giải thoát chân thực gọi là pháp, bậc không thầy mà tự giác ngộ gọi là Phật, có thể thọ trì đúng như pháp thì gọi là Tăng. Không có Tam quy y thì làm sao nói có Bốn lòng tin không hoại? Những người nắm thọ Tam quy y, hoặc nắm thọ đủ, hoặc không đủ. Thế nào gọi là đủ? Nghĩa là quy y Phật, Pháp, Tăng. Thế nào là không đủ. Như Đức Như Lai chỉ quy y Pháp mà không quy y Tăng. Còn các tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di đều nắm thọ đầy đủ Tam quy y.

Thiện nam tử! Như Phật, Duyên giác, Thanh văn, có sự khác biệt, bởi thế Tam Bảo cũng có sự khác biệt. Khác biệt thế nào? Những sự phát tâm, tu hành, đắc đạo đều có sự khác biệt, cho nên gọi là khác biệt. Nhân duyên nào mà cho rằng Phật tức là Pháp? Vì hiểu rõ các pháp, cho nên gọi là Phật. Bám thọ giáo pháp của Phật thì gọi là Tăng. Nếu nói rằng: “Phật thuộc vào hàng ngũ của Tăng”, điều này không đúng. Vì sao? Nếu Phật thuộc vào hàng ngũ của Tăng, thì sẽ không có Tam Bảo, Tam quy y và Bốn lòng tin không hoại. Nay thiện nam tử! Pháp của Bồ tát khác biệt, cho nên Phật và Tăng cũng khác biệt. Bồ tát có hai loại, một là Bồ tát hậu thân, hai là Bồ tát tu đạo. Nếu quy y với Bồ tát hậu thân, thì gọi là quy y Pháp; còn quy y với Bồ tát tu đạo, thì gọi là quy y Tăng. Những bậc quán sát các pháp hữu vi đầy đầy những tội chướng lỗi lầm, riêng một mình tu tập, được vị cam lộ, thì được gọi là Phật. Tất cả pháp giới vô lậu vô vi được gọi là Pháp. Những bậc thọ trì cấm giới, đọc tụng, giảng nói mười hai phần giáo, thì được gọi là Tăng. Nếu có người nói: “Sau khi Đức Như Lai đã diệt độ, thì quy y Phật là quy y với ai?”

Thiện nam tử! Quy y như thế là quy y với pháp vô học của chư Phật đời quá khứ. Như trước đây ta có dạy ông trưởng giả Đề Vị rằng: “Ông nên quy y với chư Tăng đời vị lai.” Quy y với chư Phật đời quá khứ cũng giống như vậy! Vì quả báo, phước điền, hoặc nhiều hoặc ít, mà chia làm ba ngôi Phật, Pháp, Tăng. Đức Phật còn tại thế hay sau khi nhập Niết bàn, quả báo của sự cúng dường không có gì khác biệt. Sự thọ Tam quy y cũng giống như vậy. Như Đức Phật lúc tại thế, vì các hàng đệ tử chế lập giới luật. Sau khi Ngài nhập Niết bàn, nếu có người phạm giới, cũng vẫn phạm tội. Quy y chư Phật đời quá khứ cũng giống như thế. Cũng như lúc Đức Như Lai gần nhập Niết bàn, tất cả trời người vì cầu pháp Niết bàn, nên đều dâng lễ vật cúng dường lên Đức Như Lai, khi ấy Đức Như Lai chưa nhập Niết bàn, vẫn còn tại thế, Ngài đã thọ nhận sự cúng dường của chúng sinh đời vị lai. Quy y chư Phật đời quá khứ cũng giống như thế. Giống như có người, cha mẹ tuy ở xa, nếu người ấy giận dữ mắng chửi cha mẹ, cũng sẽ mắc tội; hoặc nếu như đối với cha mẹ cung kính, khen ngợi, cũng sẽ được phước.

Quy y chư Phật đời quá khứ cũng giống như thế. Cho nên ta có nói: “Nếu có người cúng dường cho ta, khi còn tại thế hay sau khi nhập Niết bàn, phước đức sẽ như nhau, không có sự khác biệt.”

Thiện nam tử! Người nam, hoặc người nữ nào, nếu có thể lập lại ba lần pháp Tam quy y, thì người đó gọi là ưu bà tắc, hoặc ưu bà di. Tuy rằng tất cả chư Phật đều quy y Pháp, thế nhưng Pháp phải do chư Phật nói ra, mới có thể hiển hiện ở thế gian, vì thế chúng sinh trước tiên phải quy y Phật. Nếu đem thân khẩu ý thanh tịnh chí tâm niệm Phật, ắt sẽ xa lìa được sự sợ hãi khổ não, vì thế trước tiên phải quy y Phật. Người trí quán sát sâu xa sự tối thắng của trí tuệ giải thoát của Đức Như Lai, Ngài có thể nói pháp giải thoát, nói nhân cho sự giải thoát, có thể chỉ cho chúng sinh nơi vô thượng tịch tĩnh, có thể làm khô cạn biển lớn sinh tử khổ não. Đức Phật uy nghi chững chạc, ba nghiệp tịch tĩnh, vì thế, trước tiên phải quy y Phật.

Người trí quán sát thâm sâu pháp sinh tử là tập hợp của sự khổ, chỉ có đạo Chân chánh Vô thượng mới có thể trừ đoạn. Pháp sinh tử là pháp tham ái, đói khát, chỉ có Cam lộ Vô thượng mới có thể viên mãn tất cả sự mong cầu. Pháp sinh tử là sự sợ hãi, hiểm nạn, chỉ có Chánh pháp Vô thượng mới có thể trừ đoạn. Pháp sinh tử, đầy dẫy sự sai lầm, tà vạy bất chánh, vô thường chấp là thường, vô ngã chấp là ngã, không vui chấp là vui, bất tịnh chấp là tịnh, chỉ có Chánh pháp Vô thượng có thể đoạn trừ tất cả, do nhân duyên này, nên phải quy y Pháp.

Người trí nên quán sát những kẻ ngoại đạo, không biết hổ thẹn, không sống đúng như pháp, tuy cũng tu hành, nhưng lại không biết con đường chơn chánh, tuy cũng cầu giải thoát, nhưng không biết điểm cốt yếu chân thật, tuy cũng được chút ít pháp lành của thế gian, nhưng lại bôn sên giấu diếm, không chịu truyền dạy cho người khác, cái không phải là pháp lành, lại cho là pháp lành. Còn như các vị Tăng trong Phật pháp, tâm tính tịch tĩnh, lòng thường thương xót, ít muốn biết đủ, sống đúng như pháp, tu tập chánh đạo, được sự giải thoát chân chánh, đã được rồi lại đem chỉ dạy cho người khác, bởi thế, kẻ đó phải quy y Tăng.

Nếu có người lễ bái Tam Bảo, cung kính đón đưa, tôn trọng khen ngợi, sống đúng như pháp, tin tưởng không nghi, như thế gọi là cúng dường Tam Bảo. Nếu như có người sau khi quy y Tam Bảo, tuy chưa thọ giới, nhưng lại đoạn trừ tất cả pháp ác, tu tập tất cả pháp lành, tuy đó là người tại gia, nhưng sống đúng như pháp, người đó cũng được gọi là ưu bà tắc. Nếu có người cho rằng: “Nếu trước đó không quy y Tam Bảo Phật Pháp Tăng, nên biết người thọ giới đó không đắc ngũ giới.” Điều này không phải như vậy. Vì sao? Như trước đây ta có nói: “Thiện lai tỳ kheo.” Những người đó chưa hề quy y Tam Bảo, thế nhưng bọn họ đều được đầy đủ giới pháp. Hoặc có người cho rằng: “Nếu không thọ hết các giới tướng, thì sẽ không đắc được giới thể. Pháp bát quan trai cũng giống như thế.” Thế nhưng, điều này lại cũng không phải như vậy. Vì sao? Nếu như không thọ hết tất cả giới tướng thì không đắc được giới thể, tại sao những ưu bà tắc chỉ mong cầu phước lạc nhân thiên lại được đắc giới? Sự thật là đắc được giới thể, chỉ có giới tướng là không đầy đủ. Tương tự, không thọ đủ giới tướng Bát giới trai, tuy không gọi là trai, nhưng vẫn có thể gọi là pháp lành.

Thiện nam tử! Nếu có thể dùng nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh thọ giới ưu bà tắc, thì gọi là ngũ âm. Thế nào là ngũ âm? Không thọ nhận tà kiến, không giảng nói tà kiến, tin tưởng thọ nhận chánh kiến, giảng nói chánh kiến, tu hành Chánh pháp, đây gọi là ngũ âm.

Nếu như sau khi thọ Tam quy y, lại tạo tác nghiệp ngu si, tiếp thọ tà pháp của ngoại đạo, nghe lời của bọn Tự tại thiên, do nhân duyên này sẽ mất Tam quy y. Nếu có người lòng dạ ngay thẳng, không bòn sẻn tham lam, thường biết hổ thẹn, ít muốn biết đủ, người đó không bao lâu sẽ được Thân tịch tĩnh. Nếu như tạo tác nghiệp tạp nhiễm, vì muốn hưởng sự vui sướng mà tu các pháp lành, nhưng lòng không biết thương xót chúng sinh, giống như việc mua bán đổi chác, những người như vậy không đắc được pháp Tam quy y. Nếu như có người vì muốn giữ gìn nhà cửa, thân mạng, mà thờ cúng thần linh, những người đó không gọi là mất Tam quy y. Nếu như có người hết lòng tin tưởng rằng ngoại đạo có thể cứu giúp mình qua tất cả sự sợ hãi, mà lễ lạy bọn họ, thì người

đó mất Tam quy y. Nếu như nghe các vị trời đó đã từng quy y Phật, công đức của họ thù thắng hơn mình, thì sự lễ bái cúng dường họ cũng không mất pháp Tam quy y. Nếu lễ lạy Tự tại thiên vương cũng giống như lễ lạy các vị quốc vương, trưởng giả, quý tộc, những người tuổi tác đức hạnh, thì những người lễ lạy đó cũng không mất pháp Tam quy y.

Tuy có lúc lễ lạy tà pháp của ngoại đạo, thế nhưng, phải nên cẩn thận không tiếp thọ giáo pháp của bọn họ. Lúc cúng dường chư thiên, nên khởi tâm từ bi, vì muốn bảo hộ thân mạng, của cải, cõi nước, và làm cho nhân dân không sợ hãi. Tại sao không tiếp thọ những tà thuyết của ngoại đạo? Người trí nên quán sát những gì mà ngoại đạo nói, bọn họ cho rằng tất cả mọi vật đều do trời Tự tại sinh ra. Nếu tất cả đều do trời Tự tại sinh ra, tại sao ngày hôm nay chúng ta lại phải tu tập pháp lành? Hoặc có người nói: “Nhảy xuống vực sâu, nhảy vào lửa, nhịn đói, tự vận thì được hết khổ.” Những điều này là nhân của sự khổ, tại sao lại cho rằng nhờ đây sẽ được hết khổ? Tất cả chúng sinh làm nghiệp thiện ác, do nghiệp duyên này mà tự mình thọ quả báo. Lại có người cho rằng: “Tất cả vạn vật, hoặc do thời gian, hoặc do tinh tú, hoặc do trời Tự tại sinh ra.” Nếu thế, tại sao chúng ta lại thọ nhận quả báo của nghiệp trong đời này và đời quá khứ? Người trí biết rõ đó là quả báo của nghiệp, tại sao lại cho rằng mọi vật là do thời tiết, tinh tú, hoặc trời Tự tại sinh ra? Nếu do nhân duyên của thời tiết, tinh tú mà thọ sự khổ, sự vui, như vậy, trong thiên hạ có nhiều người sinh đồng thời tiết, hoặc cùng tinh tú, tại sao người này thọ khổ, người kia hưởng vui? Người này là nam, người kia là nữ? Như các vị trời, và a tu la, sinh ra đồng thời tiết, hoặc cùng tinh tú, tại sao hoặc là trời thắng, a tu la thua, hoặc là a tu la thắng, trời thua. Tại sao lại có các vị vua, tuy cũng sinh đồng thời, cùng tinh tú, mà trên phương diện chánh trị, lại có người mất nước, có người giữ nước. Các bọn ngoại đạo lại cũng nói rằng: “Nếu có năm xấu, lúc sao xấu xuất hiện, phải dạy bảo cho chúng sinh tu pháp lành để tiêu tai giải nạn.” Nếu nhân vì năm xấu, hoặc sao xấu, tại sao do tu pháp lành lại qua tai nạn? Đã biết như vậy, người trí sao lại còn lãnh thọ tà thuyết sai lầm của ngoại đạo?

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh tùy hạnh nghiệp của mình, nếu biết tu tập chánh kiến sẽ hưởng sự an vui, nếu như tu tập tà kiến sẽ thọ nhiều khổ não. Nhờ tu tập nghiệp lành mà được tự tại, sau khi được tự tại, chúng sinh sẽ đến gần gũi, sau đó vì chúng sinh mà nói nghiệp lành, chúng sinh nhờ nghiệp lành mà được tự tại. Tất cả chúng sinh nhờ tu nghiệp lành mà được an lạc, chẳng phải do năm tháng, hay do tinh tú.

Thiện nam tử! Vua A Xà Thế và Đề Bà Đạt Đa, đã do tạo nghiệp mà đọa địa ngục, chẳng phải do năm tháng, tinh tú mà bị quả báo đó. Còn ông Uất Đầu Lam Phất do vì nhân duyên tà kiến, mà trong tương lai sẽ đọa địa ngục.

Thiện nam tử! Lòng ham muốn là gốc của tất cả pháp lành. Do lòng ham muốn mà được ba pháp Bồ Đề và quả giải thoát. Do lòng ham muốn mà chúng sinh xuất gia, phá nghiệp ác căn bản và nghiệp gây tạo sinh tử luân hồi. Có thể thọ trì giới luật, gần gũi chư Phật, bố thí tất cả của cải cho những người đến xin. Kiên quyết phá diệt tất cả quả báo ác, trừ diệt tất cả nghiệp ác lớn, được “quyết định tự”, xa lìa ba chướng, khéo léo tu tập phương pháp phá diệt phiền não. Bởi do lòng ham muốn, có thể thọ trì Tam quy y. Do đã thọ Tam quy y, có thể thọ ngũ giới. Sau khi thọ giới, tất cả sự kiến đạo, tu đạo, đều hơn hàng Thanh văn. Ngay những người vì sợ sự tử, cạp, sói, ác thú mà quy y Phật, còn được giải thoát, huống chi những người phát tâm lành cầu thoát ly sinh tử mà không được giải thoát? Khi ông Cấp Cô Độc bảo người vợ thọ Tam quy y cho đứa con còn trong thai, thì đứa trẻ đó chưa thành tựu pháp Tam quy y. Vì sao? Vì pháp Tam quy y phải do tự miệng mình nói ra. Tuy chưa thành tựu, nhưng đứa trẻ trong thai cũng được long thiên bảo hộ.

Thiện nam tử! Bọn ngoại đạo cho rằng tất cả pháp thế gian đều do trời Tự Tại tạo ra, lại còn cho rằng trong tương lai, sau một trăm kiếp, sẽ có người huyễn xuất hiện. Bọn họ nói “người huyễn”, là muốn ám chỉ Đức Phật. Nếu như trời Tự Tại tạo ra Phật, tại sao Phật lại đả phá ý nghĩa của sự “quy y trời Tự Tại”? Nếu như trời Tự Tại không tạo ra Phật, tại sao lại nói trời Tự Tại tạo ra tất cả? Bọn ngoại đạo lại cho rằng: “Ba vị trời Phạm Thiên, Đại Tự Tại,

và Tỳ Nữ, chỉ là một vị, nhưng chỗ sinh của mỗi vị đều khác nhau. Trời Tự tại, còn có tên là “Thường”, là “Chúa”, là “Hữu”, là “Luật đà”, là “Thi Bà”, mỗi tên đều có ý nghĩa khác nhau. Trời Tự tại là người cầu sự giải thoát, mà cũng chiền là sự giải thoát.” Thế nhưng điều này không đúng. Vì sao? Nếu trời Tự Tại có thể tạo ra chúng sinh, thì ông ta cũng tạo ra thế gian, tạo ra nghiệp thiện ác cùng quả báo của nghiệp, tạo ra tham, sân, si trói buộc chúng sinh. Bọn ngoại đạo lại cho rằng, lúc chúng sinh được giải thoát, sẽ nhập vào thân của trời Tự Tại, cho nên biết rằng giải thoát là pháp vô thường. Điều này không đúng. Vì sao? Nếu là vô thường, thì làm sao gọi là giải thoát? Ví như đứa con của người Bà la môn, thọ mạng có hạn, cho nên biết ông ta không được gọi là trời Tự Tại. Ba vị trời Đại Phạm Thiên, Đại Tự Tại, và Tỳ Nữ cũng chẳng phải là một. Vì sao? Vì giống dân A Châu Na được giải thoát bởi trời Tỳ Nữ và trời Đại Phạm, vì lý do đó, ba vị trời này không phải là một.

Nếu cho rằng giải thoát là pháp vô thường, thì sự giải thoát là huyễn hóa, chứ không phải Đức Phật là huyễn hóa. Nếu như có thể thấy chân ngã một cách chánh xác rõ ràng, gọi là sự giải thoát. Hoặc có người cho rằng: “Thấy được sự khác biệt của bốn tánh, và sự khác biệt của chân ngã, gọi là giải thoát.” Điều này không đúng! Vì sao? Người nào tu đạo thấy được bốn Thánh đế, đó mới là người thấy được bốn tánh, thấy được chân ngã, và hơn nữa, chỉ có người thọ Tam quy y mới có thể thấy bốn Chân đế, vì thế pháp Tam quy y là căn bản cho vô lượng pháp lành, nhằm đến A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia thanh tịnh Tam quy y, điều này không khó. Bồ tát tại gia thanh tịnh Tam quy y, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Một - Bát Quan Trai Giới

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người thọ Tam quy y, và giới Bát quan trai, người đó sẽ được những quả báo gì?”

- Thiện nam tử! Nếu có người thọ Tam quy y, phải biết rằng người đó sẽ được quả báo không thể cùng tận.

Thiện nam tử! Trong nước Ca Lãng Già có kho bảy báu tên là Tân Già La. Tất cả nhân dân trong nước đó, lớn, nhỏ, nam, nữ, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, đem tất cả xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa, v.v..., đến để chuyên chở mà vẫn không hết. Nếu như có người chí tâm thọ trì Tam quy y và giới Bát quan trai, người đó sẽ được quả báo công đức còn nhiều hơn của cải trong kho bảy báu.

Thiện nam tử! Trong nước Tỳ Đề Ha có kho bảy báu tên là Bán Lục Ca. Tất cả nhân dân trong nước đó, lớn, nhỏ, nam, nữ, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, đem tất cả xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa, v.v..., đến để chuyên chở mà vẫn không hết. Nếu như có người chí tâm thọ trì Tam quy y và giới Bát quan trai, người đó sẽ được quả báo công đức còn nhiều hơn của cải trong kho bảy báu.

Thiện nam tử! Trong nước Ba La Nại có kho bảy báu tên là Nhưrong Khê. Tất cả nhân dân trong nước đó, lớn, nhỏ, nam, nữ, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, đem tất cả xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa, v.v..., đến để chuyên chở mà vẫn không hết. Nếu như có người chí tâm thọ trì Tam quy y và giới Bát quan trai, người đó sẽ được quả báo công đức còn nhiều hơn của cải trong kho bảy báu.

Thiện nam tử! Trong nước Càn Đà La có kho bảy báu tên là Y La Bát Đa. Tất cả nhân dân trong nước đó, lớn, nhỏ, nam, nữ, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, đem tất cả xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa, v.v..., đến để chuyên chở mà vẫn không hết. Nếu như có người chí tâm thọ trì Tam quy y và giới Bát quan trai, người đó sẽ được quả báo công đức còn nhiều hơn của cải trong kho bảy báu.

Thiện nam tử! Nếu có người từ các vị xuất gia ba phen thọ Tam quy y và Bát giới, thì người ấy sẽ đầy đủ giới thể tịnh hạnh ưu bà tắc trong một ngày đêm. Qua ngày sau, lúc mặt trời mọc, thì giới thể ấy sẽ tự động tiêu mất. Do đó, không được thọ giới trước Phật, mà phải thọ từ các vị xuất gia. Người thọ giới, căn bản đã thanh tịnh, thọ xong giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm thanh tịnh, giác

quán thanh tịnh, tâm niệm thanh tịnh, quả báo thanh tịnh. Đây gọi là Tam quy y, Bát giới thanh tịnh.

Thiện nam tử! Nếu có thể thọ Tam quy y Bát giới thanh tịnh như vậy, sẽ trừ diệt được tội ngũ nghịch, và các tội báo khác. Giới Bát quan trai này, hai người không thể cùng thọ một lúc. Vì sao? Nếu như hai người cùng thọ một lúc, do nhân duyên gì mà một người phạm giới, một người trì giới? Hơn nữa, do thế lực của giới pháp, đời sau, khi sinh ra, sẽ không tạo ác nghiệp; còn như, nếu sau khi thọ giới lại hủy phạm, thì cũng không bị vĩnh viễn mất đi giới thể.

Nếu như có người, trước đó gửi thư sai kẻ thuộc hạ đi giết người, vì thư đi chậm, chưa đến nơi kẻ thuộc hạ, trong khoảng thời gian đó người ấy lại phát tâm thọ giới. Trong khi đang thọ giới, kẻ thuộc hạ nhận được thư, bèn đi giết người. Tuy là hai việc thọ giới và giết người xảy ra cùng lúc, nhưng vì thế lực của giới, người thọ giới cũng không phạm tội sát sinh.

Nếu có người quyền thế, ra lệnh cho thuộc hạ làm việc ác, nếu muốn thọ giới Bát quan trai, trước tiên phải ra lệnh ngưng làm việc ác đó, thì sau đó sự thọ giới mới có thể thành tựu. Nếu như trước đó không ra lệnh ngăn cấm việc ác, mà lại đi thọ giới, thì không gọi là thọ Bát quan trai. Nếu người quyền thế muốn thọ Bát quan trai, trước tiên phải thông báo cho tất cả mọi người trong khu vực cai trị của mình rằng mình muốn thọ giới Bát quan trai, và ra lệnh trong ngày thọ Bát quan trai đó, phải ngưng tất cả những việc ác, cùng những việc hành hình, xử phạt. Nếu có thể thọ trì giới Bát quan trai thanh tịnh như vậy, người đó sẽ được vô lượng phước báo, nhân đến quả vui Vô thượng.

Khi Đức Di Lặc ra đời, lúc đó thọ trì Bát quan trai cả trăm năm, không bằng trong đời hiện nay thọ giới trong một ngày đêm. Vì sao? Vì trong đời hiện nay, chúng sinh gồm đủ năm điều ô trược. Bởi thế, ta có dạy Lộc Tử Mẫu rằng: “Này thiện nữ nhân! Nếu cây Sa la có thể thọ giới Bát quan trai, thì nó cũng sẽ được quả vui trời người, nhân đến quả vui Vô thượng.”

Thiện nam tử! Giới Bát quan trai này là một việc làm dễ dàng, mà lại có thể được vô lượng công đức. Nếu có việc dễ làm mà không chịu làm, đó gọi là người phóng dật.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia có thể dạy bảo chúng sinh thọ Bát quan trai thanh tịnh, điều này không khó. Bồ tát tại gia dạy bảo người khác thọ giới thanh tịnh, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Hai - Ngũ Giới

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Người nào được pháp Tam quy y và người nào không được?”

- Thiện nam tử! Người nào tin nhân, tin quả, tin pháp Tứ đế, tin có sự đăc đạo, người đó được Tam quy y. Người nào lòng tin kiên cố không thoái chuyển, gần gũi Tam Bảo, chấp nhận lời dạy bảo của bạn lành, người đó được pháp Tam quy y. Giới Ưu bà tắc cũng giống như vậy. Nên quán sát như thế này: “Giới Ưu bà tắc có vô lượng quả báo công đức, có thể trừ diệt vô lượng pháp ác; chúng sinh vô biên, sự thọ khổ cũng vô lượng vô biên; thân người khó được; tuy được thân người, khó được các căn đầy đủ; tuy các căn đầy đủ, khó có lòng tin đối với Tam Bảo; tuy có lòng tin, khó gặp bạn lành; tuy gặp bạn lành, khó được sự tự tại; tuy được tự tại, các pháp đều vô thường. Nếu như gây nghiệp ác, do nghiệp ác này, sẽ thọ ác báo của thân tâm vào đời kế tiếp. Do nhân duyên này, nghiệp thân miệng ý đều là kẻ thù của ta. Giả như, tạo ba nghiệp ác mà vẫn không thọ ác báo, việc ác trong hiện tại cũng không nên làm. Ba nghiệp ác này làm cho hiện đời hình mạo hiện ra tướng xấu ác, lúc chết lại sinh lòng hối hận, do nhân duyên này, ta nên thọ Tam quy y và Bát quan trai giới, xa lìa tất cả nghiệp ác không lành.”

Người trí nên quán sát rằng: “Giới có hai loại: giới thế gian và giới giải thoát. Nếu sự thọ giới không nương vào Tam Bảo thì gọi là giới thế gian; giới này không bền chắc, giống như màu vẽ không có keo, vì thế trước tiên nên quy y Tam Bảo, rồi sau đó mới thọ giới. Hoặc thọ cả một đời, đây gọi là giới Ưu bà tắc, hoặc chỉ thọ một ngày đêm, đây gọi là giới Bát quan trai. Giới thế gian, không

thể diệt trừ những ác nghiệp đã tạo từ trước; nếu thọ Tam quy y giới, thì có thể trừ diệt nghiệp ác, dù tạo tội nặng cũng không mất giới. Vì sao? Vì nhờ thế lực của giới pháp vậy. Như có hai người cùng tạo tội ác, một người thọ giới, một người không thọ; người đã thọ giới thì phạm tội nặng, còn người không thọ giới thì phạm tội nhẹ. Vì sao? Vì người thọ giới hủy phạm lời Phật dạy. Tội có hai loại: một là tính trọng, hai là giá trọng. Hai loại tội này lại có nặng nhẹ khác nhau. Hoặc có người, tội nặng biến thành nhẹ, hoặc có người, tội nhẹ biến thành nặng. Chẳng hạn như ông Ương Quật Ma La thọ giới thế gian, còn rồng Y La Bát thọ giới đệ nhất nghĩa. Ông Ương Quật Ma La hủy phạm giới tính trọng mà không bị tội nặng, còn rồng Y La Bát, tuy chỉ hủy phạm giới giá trọng mà lại bị tội nặng. Thế nên, không thể cho rằng cùng phạm một điều giới thì sẽ có tội bằng nhau. Giới thế gian cũng có những điều giới, như không sát sinh, không trộm cắp; giới đệ nhất nghĩa cũng có những điều giới không sát sanh, không trộm cắp, nhẫn đến không uống rượu cũng giống như vậy. Giới thế gian, căn bản không thanh tịnh, thọ trì không thanh tịnh, sự trang nghiêm không thanh tịnh, giác quán không thanh tịnh, niệm tâm không thanh tịnh, quả báo không thanh tịnh, cho nên không được gọi là giới đệ nhất nghĩa, mà chỉ được gọi là giới thế gian. Cho nên ta phải thọ giới đệ nhất nghĩa.”

Thiện nam tử! Trong đời vị lai, lúc thân người thân cao tám trượng, tuổi thọ đúng tám vạn bốn ngàn năm, khi đó chúng sinh thọ giới, so với chúng sinh thọ giới trong đời ác này, quả báo thọ giới của hai chúng sinh đó bằng nhau không khác. Vì sao? Vì ba thiện căn đều bình đẳng. Hoặc có người cho rằng: “Đối với loài hữu tình mới có thể đắc được giới thể.” Điều này không đúng. Vì sao? Trong giới pháp của chư Phật, đắc được giới thể là đối với tất cả loài hữu tình và vô tình, mà loài hữu tình, vô tình thì vô lượng vô biên, cho nên giới thể cũng vô lượng vô biên.

Thiện nam tử! Trong pháp bố thí, bố thí sự không sợ là thù thắng nhất, cho nên ta nói năm giới tức là năm sự bố thí lớn. Năm giới như vậy có thể làm cho chúng sinh xa lìa năm sự sợ hãi. Năm loại bố thí như vậy rất dễ tu tập, tự tại vô ngại, không phải mất tiền của mà lại được vô lượng công đức. Nếu không có năm loại bố thí này,

sẽ không được quả Tu đà hoàn, nhẫn đến không được quả vị A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Thiện nam tử! Nên biết rằng, sau khi thọ giới, người thọ giới sẽ được trời người cung kính bảo hộ, được danh tiếng lớn, tuy gặp cảnh ác, tâm không sầu lo, chúng sinh gần gũi, cầu xin nương nhờ. Người con của trưởng giả Cấp Cô Độc, chỉ vì muốn được tám ngàn đồng tiền vàng mà thọ giới, còn được quả báo vô lượng công đức.

Thiện nam tử! Vì muốn tiền của mà thọ giới, còn được lợi ích, huống chi chí tâm vì cầu giải thoát mà thọ, lẽ nào lại không được lợi ích?

Thiện nam tử! Có năm pháp thiện thường vây quanh giới pháp, làm cho nó tăng trưởng không ngừng, như nước sông Hằng. Năm pháp đó là gì? Một là từ, hai là bi, ba là hỷ, bốn là nhẫn, năm là tín. Người nào có thể phá tan tà kiến sâu nặng, tâm không nghi ngờ, thì sẽ đầy đủ chánh niệm, trang nghiêm thanh tịnh, căn bản thanh tịnh, lìa xa ác giác quán.

Thiện nam tử! Người nào xa lìa năm việc ác, thì gọi là thọ giới, lìa xa tất cả những nghiệp ác của thân khẩu ý. Nếu có người cho rằng: “Không có năm giới cũng có thể vượt biển sinh tử”, đây là điều không thể có.

Thiện nam tử! Ai muốn vượt biển lớn sinh tử, phải nên chí tâm thọ trì ngũ giới.

Trong năm giới này, bốn giới trong đời sau sẽ thành vô tác giới. Chỉ có ái dục khó đoạn, cho nên giới không tà dâm không thể trở thành vô tác giới thể, do nhân duyên này, sự ái dục dai dẳng triền miên. Các ông phải nên chí tâm cẩn thận, không được phóng dật. Có người cho rằng: “Có vô lượng tội cực nặng khác, tại sao chư Phật đời quá khứ không cấm, mà lại cấm đoán uống rượu?”

Thiện nam tử! Bởi sự uống rượu làm mất tâm hồ thẹn, làm cho người say không còn biết sợ ba đường ác, và do đó, không thể thọ trì bốn điều giới khác, bởi thế cho nên chư Phật đời quá khứ cấm không cho uống rượu. Nếu có người cho rằng: “Đức Như lai nói uống rượu có nhiều lỗi lầm, tại sao lại không đặt giới này vào hàng đầu của năm giới?” Điều này không đúng. Vì sao? Giới cấm uống

rượu là giới giá trọng, không phải là giới tính trọng. Đức Như Lai chế lập giới tính trọng trước, sau đó mới chế lập giới giá trọng.

Thiện nam tử! Trước đây Đức Như Lai nói tháng trắng, tháng đen, mỗi tháng đều có ba ngày trai, đây là thuận theo pháp của ngoại đạo. Bọn ngoại đạo vào những ngày này thường cúng tế các vị trời, cho nên Đức Như Lai nói có ba ngày trai.

Thiện nam tử! Ví như màng cửa sổ, nhờ có dây treo nên không rách, pháp ba ngày trai mỗi tháng trắng, đen cũng giống như vậy. Nếu chúng sinh nào phát tâm thọ trì, sẽ không bị đọa vào ba đường dữ.

Thiện nam tử! Nếu có người muốn tu tập hạnh bố thí, cúng dường Tam Bảo, tọa thiền, tu tập hạnh lành, đọc tụng kinh điển, cúng dường cha mẹ, thì trước tiên nên lập thế nguyện: “Nếu ta không làm những việc này, sẽ tự hành phạt.” Nếu được như thế, phước đức của người đó mỗi ngày sẽ một tăng trưởng như dòng nước sông Hằng. Pháp Ngũ giới này có năm loại quả báo: một là vô tác quả, hai là báo quả, ba là dư quả, bốn là tác quả, năm là giải thoát quả. Nếu như có người thọ ngũ giới, phải biết người đó sẽ được năm quả báo như thế. Nếu ưu bà tắc nào thường đến chùa chiền, chỗ của chúng tăng, gần gũi các vị tỳ kheo, hỏi han Chánh pháp, hết lòng lắng nghe, nghe xong thọ trì, ghi nhớ không quên, có thể phân biệt nghĩa lý, sau khi hiểu rõ bèn đem dạy dỗ chúng sinh, đây gọi là ưu bà tắc lợi mình lợi người.

Nếu ưu bà tắc không chịu học tập những điều đã được dạy bảo, lại còn khinh mạn tỳ kheo, vì muốn tìm lỗi tỳ kheo mà đến nghe pháp, không có tâm tin tưởng kính trọng, phụng sự ngoại đạo, cho rằng đây là việc công đức, tin vào ngày tháng, sao hạn, thì ưu bà tắc này không được gọi là sống đúng Chánh pháp một cách vững chắc. Nếu ưu bà tắc, tuy tự mình không làm việc ác, nhưng lại sai người khác làm, ưu bà tắc đó không sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc, làm việc cho hải quan, đánh thuế hàng hóa, thì ưu bà tắc đó không sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc ấn định giá tiền trị bệnh bằng đồ vật, trị bệnh xong đem bán đồ vật đó, thì ưu bà tắc đó không sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc, tự mình không làm ác, không bảo người khác làm ác, tâm cũng không nghĩ điều ác, thì ưu bà tắc đó sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc, do vì

phiền não khởi lên mà tạo tội, sau khi tạo tội, nếu không sinh tâm hổ thẹn sám hối, thì ưu bà tắc đó không sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc, vì sinh mạng mình mà làm những việc ác, thì ưu bà tắc đó không sống đúng Chánh pháp. Nếu ưu bà tắc, tuy được thân người, lại làm việc phi pháp, thì người đó không được gọi là người. Nếu như có lòng tin, có thể làm việc phước đức, khéo tu tập chánh niệm, quán sát tất cả pháp đều là vô thường, vô ngã, vô ngã sở, đối với tất cả pháp, tâm không sinh tham đắm, thấy tất cả pháp đều là không tự tại, đều là sinh diệt, khổ, không, không có sự tịch tĩnh; thân người khó được, tuy được thân người, khó có đầy đủ các căn; tuy có đầy đủ các căn, khó có chánh kiến; tuy đầy đủ chánh kiến, khó có lòng tin; tuy có lòng tin, khó gặp bạn lành; tuy gặp bạn lành, khó được nghe Chánh pháp; tuy nghe Chánh pháp, lại khó thọ trì; nếu có thể quán sát như thế, thì gọi là có được thân người. Nếu quán sát dục giới là vô thường, nhãn đến trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng là vô thường, do nhân duyên này, không cầu ba đường ác, nhãn đến không cầu sinh lên cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Quán sát như vậy rồi, thấy được ba sự không bền chắc, bèn đem thân không bền chắc đổi lấy pháp thân bền chắc, bằng cách lễ lạy cúng dường Tam Bảo, đến thì đón, đi thì đưa, tự tay bố thí, tự thân làm việc phước đức, đây gọi là đem thân không bền chắc đổi lấy thân bền chắc. Đem tài sản không bền chắc đổi lấy tài sản bền chắc, bằng cách đem thức ăn bố thí cho người bệnh, người đi đường, cúng dường cho sa môn, bà la môn, cùng những người nghèo khổ, đây gọi là đem tài sản không bền chắc đổi lấy tài sản bền chắc. Lại đem thọ mệnh không bền chắc đổi lấy thọ mệnh bền chắc, bằng cách tu tập pháp lục niệm, từ bi hỷ xả, chứng đắc bốn Chân đế, khéo léo quán sát sinh lão bệnh tử, tin rõ quả báo của các nghiệp lành dữ, biết chắc sự ân ái sẽ có lúc biệt ly, tất cả chúng sinh đều không được tự tại, chưa được Thánh đạo, thế lực của sinh tử rất lớn, tất cả sự vui trên thế gian đều có sự khổ đi kèm. Tuy cũng hưởng thọ sự vui, nhưng lòng không đắm nhiễm, giống như trong tháng lạnh tìm lửa để sưởi ấm. Tuy hưởng sự vui thế gian, nhưng quyết không vì đó mà làm ác. Tu tập nhãn nhục và hai loại bố thí để lợi ích chúng sinh, quán sát sâu xa bản tánh bình đẳng

của hai sự khổ vui. Phạm nói ra điều gì, lời nói đều dịu dàng, khéo dạy bảo chúng sinh, làm cho họ sống đúng Chánh pháp. Lìa xa bạn ác, tâm không phóng dật, và không làm những việc như uống rượu, cờ bạc, săn bắn, v.v... Đây gọi là đem tuổi thọ không bền chắc đổi lấy tuổi thọ bền chắc.

Thiện nam tử! Nếu được thân người, có nhiều tài sản và được tự tại, trước tiên nên cúng dường cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng, bậc trưởng thượng, người giữ gìn Chánh pháp, lại cung cấp đồ cần dùng cho những người từ xa đến, những người sắp đi xa, cùng những người tật bệnh. Lời nói dịu dàng, thường biết hổ thẹn, không chỉ kính trọng riêng một người có đức nào, mà đối với tất cả bậc thánh hiền, trì giới, đa văn, đều có thể đem nhà cửa, thức ăn uống, giường chiếu, quần áo, thuốc men ra để cúng dường. Tin chắc các vị tăng trong tăng đoàn có nhiều công đức, tu tập hạnh Tu đà hoàn, đắc quả Tu đà hoàn, nhẫn đến tu tập hạnh A la hán, đắc quả A la hán, hoặc tu tập Kim cương tam muội, Điện quang tam muội. Quán sát như vậy rồi, bèn đem tâm bình đẳng phụng sự, bố thí các ngài. Bố thí như vậy, sẽ được vô lượng phước đức, cho nên trong kinh Lộc Tử, ta có nói với Lộc Tử Mẫu rằng: “Nếu đem tâm phân biệt thỉnh tăng, tuy thỉnh Phật cùng năm trăm A la hán, không gọi là được phước đức, còn như nếu có thể đem tâm bình đẳng thỉnh một vị tương tự tỳ kheo rất ác trong tăng đoàn, lại được vô lượng phước đức. Vì sao? Vị tương tự tỳ kheo đó, tuy là người ác, không có giới hạnh, không đa văn, không tu pháp lành, nhưng có thể giảng nói ba loại Bồ đề, có nhân có quả, lại không hủy báng Tam Bảo Phật pháp tăng, nắm giữ ngọn cờ thù thắng vô thượng của Đức Như Lai, chánh kiến không sai lầm.” Nếu cúng dường tăng, tức là cúng dường Phật bảo, tăng bảo. Nên biết, quán sát công đức vi diệu của Phật pháp, tức là cúng dường Tam Bảo đầy đủ. Nếu như lúc bố thí, không cầu quả báo, tức là cúng dường Vô thượng Bồ đề, thành tựu đầy đủ pháp Bố thí Ba la mật, tu tập đạo Bồ đề, được vô lượng công đức trong đời vị lai, lại cũng có thể lợi mình lợi người. Có thể tu tập từ bi, xả bỏ sự vui thích của chiền mình vì muốn người khác bớt khổ. Lúc chưa chứng quả Bồ đề, tâm không bao giờ lo lắng hối hận. Tuy nghe con đường tu tập đạo Bồ

đề dài xa, quả vị Bồ đề khó được, nhưng trong tâm vẫn không thoái chuyển. Vì muốn độ chúng sinh mà ở trong vô lượng đời nhận chịu rất nhiều sự khổ não, nhưng không bao giờ mệt mỏi chán nản. Ưa thích sống đúng Chánh pháp, không cầu sự vui thế gian, ưa sự tịch tĩnh của sự xuất gia tu hành. Khi chưa xuất gia, tuy còn tại gia, vẫn sống như người tu hành giải thoát, không tạo điều ác, được ba loại giới, tức là giới giới, định giới, và vô lậu giới.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu hành đúng Chánh pháp, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu hành đúng Chánh pháp, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mười Ba - Thi La Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào để được tâm kiên quyết trên đường hướng về đạo Bồ đề.”

- Thiện nam tử! Bồ tát muốn tâm kiên quyết, nên tu tập bốn pháp: một là dù bị khổ lớn, quyết định không hành động ngược với Chánh pháp; hai là được sự tự tại lớn, thường tu nhẫn nhục; ba là tuy sống trong cảnh nghèo khổ, nhưng thường hay bố thí; bốn là lúc tuổi còn cường tráng, thường ham thích xuất gia. Nếu Bồ tát đầy đủ bốn pháp này, thì tâm sẽ kiên quyết trên đường hướng đến Bồ đề.

Bồ tát đầy đủ bốn pháp như vậy, lại nghĩ như vậy: “Giới là mảnh đất căn bản đầu tiên của con đường Bồ đề. Giới pháp này còn được gọi là mảnh đất đầu tiên, mảnh đất hướng dẫn, mảnh đất bằng phẳng, mảnh đất bình đẳng, mảnh đất từ hòa, mảnh đất thương xót, là vết chân của chư Phật, là căn bản của tất cả công đức, là ruộng phước, do nhân duyên này, người trí phải nên thọ trì, không được hủy phạm.” Lại nữa, người trí nên nghĩ như thế này: “Giới pháp có hai loại quả báo, một là được hưởng sự vui cõi trời, hai là được hưởng sự vui Bồ đề. Người trí nên cầu sự vui Bồ đề, mà không cầu sự vui cõi trời.” Nếu sau khi đã thọ giới, điều không nên làm mà cố làm, điều không nên nghĩ mà cố nghĩ, lười biếng, ham ưa ngủ nghỉ,

ngĩ tưởng mông lung, sống không đúng Chánh pháp, hay thề những lời độc dữ, đây gọi là làm giới như nhóp. Nếu sau khi đã thọ giới, lại sinh lòng hối tiếc, cầu quả báo trời người, thường hay buông lung, không sinh lòng thương xót, đây là làm giới như nhóp. Nếu vì sợ nghèo khổ, hoặc vì sợ hãi, hoặc vì mất tiền của, hoặc vì sợ phu dịch, hoặc vì thân mạng, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì muốn thỏa mãn tự ái mà thọ giới, sau khi thọ giới, lại sinh lòng nghi ngờ, đây gọi là làm giới như nhóp.

Thiện nam tử! Nếu có người không muốn ở trong sinh tử dài lâu, thấy rõ lỗi lầm của sinh tử, nhận biết sự vui cõi trời cõi người cũng giống như sự khổ ở A tỳ địa ngục không khác, thương xót chúng sinh, đầy đủ chánh niệm, vì muốn lợi ích vô lượng chúng sinh, làm cho họ thành tựu đạo Bồ đề, vì muốn đầy đủ đạo Bồ đề, vì muốn hành trì đúng như pháp, cho nên thọ trì cấm giới, tâm không phóng dật. Có thể thấy rõ sự nặng nhẹ của tất cả các nghiệp thân, miệng, ý trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Bất cứ làm việc gì, trước tiên đều để tâm vào công việc, tâm không buông lung. Trong khi làm, sau khi hoàn tất, cũng đều không buông lung. Dù trước khi làm, tuy không ý thức mình phạm giới, làm xong vẫn sẽ mắc tội phạm giới; nếu như không chú ý vào việc làm, để cho đến nỗi phạm giới, cũng vẫn mắc tội phạm giới; nếu như không giữ chánh niệm, để cho khách trần phiền não tạm thời sinh khởi, cũng mắc vào tội phạm giới; nếu hơi buông lung, cũng mắc tội phạm giới. Người đó thường quán sát sự phạm tội nhẹ cũng giống như phạm tội nặng, sau khi quán sát, sinh khởi tâm hối hận và hổ thẹn, sợ hãi lo buồn, tâm không được vui, hết lòng sám hối. Sau khi sám hối, tâm sinh vui mừng, cẩn thận gìn giữ thọ trì, không còn tái phạm, đây gọi là sự giữ giới thanh tịnh.

Thiện nam tử! Người trí, sau khi thọ giới, không làm điều ác, vì ba lý do: một là vì chiùnh mình, hai là vì người khác, ba là vì đạo pháp.

Thế nào gọi là vì chiùnh mình? Người trí tự mình nhận thức đây là việc ác, biết rõ tạo nghiệp ác sẽ bị quả báo như vậy, tạo nghiệp lành sẽ được quả báo như vậy. Phạm nghiệp ác đã tạo, không hề tiêu mất, quyết định sẽ gặt lấy những quả báo dữ; còn nghiệp lành

đã tạo, quả báo cũng không tiêu mất, quyết định sẽ được những quả báo lành. Nếu hai nghiệp thiện ác không bị tiêu mất, tại sao lại tự khi dối chiùnh mình? Do nhân duyên này, sau khi thọ giới, quyết định không nên hủy phạm, phải chí tâm thọ trì. Đây gọi là vì chiùnh mình.

Thế nào là vì người khác? Người trí biết rằng trên thế gian có những người được thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, và tha tâm thông, nếu ta làm ác, những người đó ắt sẽ thấy, nghe, biết rõ ta đang làm ác. Tại sao ta không sinh hổ thẹn mà lại cố làm ác? Hơn nữa, các vị trời có vô lượng phước đức, thần túc thông, thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, tha tâm thông, có thể thấy xa, nghe xa, tuy họ ở gần loài người mà loài người không thấy họ. Nếu như ta làm ác, những vị trời đó sẽ thấy, nghe, biết; nếu như các vị trời thấy ta rõ ràng như thế, tại sao ta không biết hổ thẹn, mà lại cố làm ác? Đây gọi là vì người khác.

Thế nào là vì Chánh pháp? Người trí thấy rõ pháp của Đức Như Lai thanh tịnh, không ô nhiễm, được lợi ích trong đời hiện tại, có thể làm cho tâm tịch tĩnh, vượt qua đến bờ bên kia, làm cho giải thoát, bất cứ lúc nào. Ta nay vì Chánh pháp mà thọ giới; nếu như không thể thọ trì những điều giới nhỏ, làm sao có thể thọ trì những điều giới lớn. Nếu như hủy phạm những điều giới nhỏ, sẽ tăng trưởng sự khổ trong ba cõi; còn nếu như chí tâm thọ trì, sẽ tăng trưởng sự vui vô thượng. Ta từ lúc thọ thân sinh tử đến nay, sở dĩ chưa chứng được quả giải thoát, thực sự là vì đã không thọ trì cấm giới của vô lượng chư Phật trong đời quá khứ. Hôm nay ta thọ giới, trong đời vị lai quyết định sẽ gặp được hằng hà sa các Đức Phật. Sau khi hiểu rõ như vậy, sinh tâm tha thiết, chí tâm thọ giới, thọ rồi kiên cố giữ gìn, vì muốn được A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, lợi ích vô lượng chúng sinh.

Thiện nam tử! Nếu có người tại gia, hoặc xuất gia, hoặc thọ Tam quy, hoặc thọ Bát giới trai, hoặc thọ Ngũ giới, hoặc thọ đầy đủ, hoặc thọ từng phần, hoặc một ngày đêm, hoặc chỉ trong khoảnh khắc, hoặc cả một đời, chí tâm thọ trì, nên biết rằng người đó sẽ được phước đức lớn.

Thiện nam tử! Sau khi thọ giới, tu ba nghiệp lành, nghe nhiều, bố thí, tu thiện định, tu pháp lành, cúng dường Tam Bảo, đây gọi là trang nghiêm Bồ đề. Sau khi thọ giới, nếu đọc tụng mười hai phần giáo của Đức Như Lai, thì người đó gọi là kho tàng đại pháp vô thượng. Người đó tăng gia tinh tiến, vì muốn đầy đủ Thi la Ba la mật. Giới thể Đại thừa đã thọ trong đời này, sẽ thành giới thể vô tác, trong đời vị lai tuy không thọ lại, giới thể cũng không mất.

Thiện nam tử! Có pháp là giới mà không phải là Ba la mật, có pháp là Ba la mật mà không phải là giới, có pháp vừa là giới vừa là Ba la mật, có pháp chẳng phải giới cũng chẳng phải Ba la mật.

Giới mà không phải Ba la mật, tức là giới pháp của Thanh văn, Bích chi Phật. Ba la mật mà không phải là giới, tức là Bồ thí Ba la mật. Vừa là giới vừa là Ba la mật, như trong đời quá khứ, Bồ tát Thích Ca, lúc thọ thân Cù Đà, bị côn trùng, thú, cùng loài kiến đến cắn, ăn, mà thân không lay động, cũng không khởi tâm ác; lại như một vị tiên, vì các chúng sinh, mà trong mười hai năm ngồi yên không lay động, vì không muốn những con chim sẽ làm tổ ở trên đầu mình sợ hãi. Chẳng phải giới chẳng phải Ba la mật, chẳng hạn như sự bố thí của người thế tục.

Thiện nam tử! Lúc Đại Bồ tát trụ trong Thi la Ba la mật, ai có thể nói được sự khổ của vị ấy vì chúng sinh mà nhận thọ? Có người, sau khi thọ vài giới pháp nhỏ nhỏ, cho đó là đủ, không thể thương xót chúng sinh đang đau khổ, người ấy không thể đầy đủ Thi la Ba la mật. Nếu có thể tu nhẫn nhục, tam muội, trí tuệ, tu hành tinh tiến, ưa thích nghe nhiều, nên biết người đó có thể tăng trưởng Thi la Ba la mật, trang nghiêm Bồ đề, chứng quả Bồ đề. Giới pháp như vậy, gồm đủ vô lượng pháp lành, vô lượng quả báo, vô lượng giới cấm, do nhân duyên này, trang nghiêm Bồ đề.

Thiện nam tử! Đại Bồ tát, sau khi thọ giới, miệng không nói ác, tai không thích nghe điều ác, không thích nói chuyện thế gian, cũng không thích nghe, quyết không đem tâm nghĩ tưởng mộng lung, không gần bạn ác, do đây gọi là giới tịch tĩnh thanh tịnh. Bồ tát nếu thấy người phá giới, không sinh lòng oán ghét, mà dùng tất cả những phương tiện khéo léo để điều phục họ, nếu không điều phục được, thì khởi tâm thương xót. Không vì thân mạng mình mà phá

giới hoặc xả giới. Đại Bồ tát sau khi thọ thực, thường sinh tâm hổ thẹn, tâm không buông lung, quán sát thức ăn như thuốc điều trị thân mạng, hoặc thuốc trị bệnh ghê lở. Khi đi vào làng, quán sát như đi vào rừng đao kiếm, phòng vệ các căn, tu tập chánh niệm, quán sát điều đáng làm, điều không đáng làm, không sinh tâm phóng dật. Quán sát người khác làm phước hay làm tội, cũng đều do mình, vì thế khi nên nhận được cúng dường lớn, không nên vui mừng, khi gặp suy vi, cũng không buồn giận. Khi được cúng dường ít, nên nghĩ như vậy: “Hiện nay, sự tu học tín tâm, giới, bố thí, nghe pháp, trí tuệ, sống đúng như pháp của ta còn ít, vì thế được cúng dường ít, bởi thế, ta không nên sinh lòng lo sầu khổ nào. Ta vì hai việc mà thọ nhận sự bố thí của tín đồ: một là vì tăng trưởng phước đức cho họ, hai là vì tăng trưởng pháp lành cho chính mình. Vì thế, nếu đồ cúng dường ít hoặc hư xấu, cũng không nên buồn khổ.” Nếu phải đứng chờ lâu, hoặc chịu sự chửi mắng, rồi mới được bố thí, lúc đó phải nên tự trách mình như sau: “Đây là tội lỗi đời trước của mình, không phải là lỗi của chúng sinh, bởi vậy, ta cũng không nên sinh tâm sầu khổ.” Nếu sau khi thọ giới, vì người khác mà phạm tội, cũng nên tự trách mình: “Điều mình đã làm, thực chẳng phải là chánh đạo. Vì sao? Mười hai bộ kinh đều chẳng cho rằng các pháp ác là đạo Bồ đề, bởi vậy, ngày hôm nay mình phải nhận chịu đủ thứ quả báo.” Nếu người nào có thể nghĩ tưởng như vậy, phải biết rằng người đó có thể đầy đủ Thi la Ba la mật.

Thiện nam tử! Nếu người nào có thể giữ gìn các căn, trong bốn uy nghi đều không làm điều ác, có thể nhẫn chịu sự khổ, không làm việc quấy để sinh sống, nên biết người ấy có thể đầy đủ thi la Ba la mật. Nếu như sinh lòng kính sợ đối với giới lớn cũng như giới nhỏ, tuy gặp hoàn cảnh xấu, cũng không phạm giới nhỏ. Không để phiền não làm ô uế tâm mình, tu tập hạnh nhẫn nhục, nên biết người đó có thể đầy đủ Thi la Ba la mật. Nếu vì việc thiện mà không tiếc thân mạng, gác bỏ việc mình, lo cho người xong việc, thấy người mắng chửi mình, không sinh lòng oán ghét, nên biết người đó sẽ đầy đủ Thi la Ba la mật. Đối với giới pháp, tuy có những điều giới, Đức Như Lai cho khai duyên, nhưng vẫn thọ trì y

như cũ. Bảo hộ thân mạng của chúng sinh, không tiếc của cải thân mạng, nhẫn đến lúc chết cũng không phạm giới nhỏ. Tuy được món trân bảo vi diệu, cũng không sinh tâm tham. Không phải vì muốn trả ơn mà làm điều lành cho người; vì thương xót chúng sinh nên thọ trì cấm giới. Sau khi thọ giới, khéo phát nguyện lớn, nguyện tất cả chúng sinh đều được tịnh giới, nên biết người đó sẽ đầy đủ Thi la Ba la mật.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia đầy đủ Thi la Ba la mật, điều này không khó. Bồ tát tại gia đầy đủ Thi la Ba la mật, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Bốn - Nghiệp

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Lúc các Đức Phật chưa xuất hiện thế gian, các Đại Bồ tát lấy gì làm giới pháp?”

- Thiện nam tử! Khi Đức Phật chưa xuất thế, lúc đó chưa có Tam quy y, cùng giới pháp, chỉ có mười pháp lành, mà người trí dùng đây làm phương tiện tu tập cầu đạo Bồ đề. Mười pháp lành này, ngoài chư Phật ra, không ai có thể phân biệt giảng nói. Pháp này, chư Phật đời quá khứ giảng nói, lưu truyền cho đến ngày nay không mất, người trí lãnh thọ hành trì.

Thiện nam tử! Chúng sinh không thể thọ trì tu tập mười pháp lành này, là do trong đời quá khứ không gìn giữ, hỏi pháp, cúng dường chư Phật.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có tâm tưởng tạp loạn, do tâm tưởng tạp loạn mà có phiền não tạp loạn, vì phiền não tạp loạn mà tạo nghiệp tạp loạn, vì nghiệp tạp loạn mà nên sinh vào các cõi tạp loạn, do cõi nước tạp loạn mà thọ thân tạp loạn.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh sau khi thọ thân tạp loạn, thấy hình sắc tạp loạn, sau khi thấy hình sắc tạp loạn, bèn suy ngẫm điều ác, sự nghĩ ác này gọi là vô minh. Vì nhân duyên vô minh, sinh tâm mong cầu, đây gọi là ái, do tâm ái mà tạo tác, đây gọi là nghiệp, do nhân duyên tạo nghiệp, sẽ bị quả báo. Người trí có thể thấy rõ, sự trói buộc là do phiền não bên trong và nhân duyên bên

ngoài. Thế nhưng, tu mười nghiệp lành thì có thể diệt trừ sự trói buộc đó. Cho nên, Đức Như Lai khi vừa mới đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, liền phân biệt diễn nói giáo pháp thập thiện. Nhân vì pháp thập thiện, thế gian mới có việc lành việc ác, bạn lành bạn ác, nhân đến có sự giải thoát, vì thế chúng sinh phải nên phân biệt hiểu rõ con đường thập thiện. Do vì sự tu thập thiện mà có gió mây nâng giữ biển lớn, cung điện a tu la, đại địa, núi lớn, ngọc quý, súc sanh, địa ngục, trời Tứ thiên vương, nhân đến trời Tha hóa tự tại. Cũng do nhân duyên tu tập thập thiện mà Chuyển luân thánh vương có bốn loại xe: vàng, bạc, đồng, sắt, và có bảy chúng thọ giới, cầu ba loại Bồ đề. Cũng vì nhân duyên thập thiện nghiệp đạo mà có sự tăng giảm của những vật trong, vật ngoài, sắc lực và thọ mạng của tất cả chúng sinh. Vì thế, người trí phải nên tu tập đầy đủ pháp thập thiện này.

Chẳng hạn, như chúng sinh, lúc thiếu thời, lúc trai tráng, lúc già cả, hay trong các mùa xuân, hạ, thu, đông, sự sinh khởi phiền não của họ đều mỗi lúc mỗi khác; tương tự như thế, sự sinh khởi phiền não của chúng sinh trong tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp cũng đều sai khác. Chúng sinh lúc mới tu pháp thập thiện nghiệp, được đầy đủ vô lượng thọ mệnh, sắc lực, hương thơm, mùi vị, thế nhưng do tham sân si, cho nên mất hết tất cả những quả báo đó. Do nhân duyên của thập ác nghiệp, mà thời tiết, năm tháng, các vì sao, mặt trời, mặt trăng, đất nước gió lửa, v.v... tất cả đều đổi khác. Người nào có thể nhận rõ những điều này, phải biết người đó sẽ được giải thoát. Do bởi nhân duyên của sự khổ mà chúng sinh khởi lòng tin, đã có lòng tin, thì có thể nhận rõ thiện ác, đã nhận rõ như vậy rồi, bèn tu mười pháp lành.

Vì ý nghiệp đi khắp mười nơi, nên gọi là mười đường. Ba đường của thân là sát hại, trộm cắp, dâm dục; bốn đường của miệng là nói lời độc dữ, nói dối, nói đâm thọc, nói lời vô nghĩa; ba đường của tâm là ganh ghét, giận dữ, tà kiến. Mười nghiệp ác này là cội gốc của tất cả tội lỗi. Do bởi cảnh giới, quốc độ, cuộc sống, hình tướng, thọ mạng, tên gọi của chúng sinh đều khác nhau, cho nên nghiệp đạo phải là vô lượng, chứ không phải chỉ có mười. Trong mười nghiệp này, ba nghiệp của tâm, chỉ gọi là nghiệp, mà không gọi là

đạo. Còn bảy nghiệp của thân và miệng, thì vừa gọi là nghiệp, vừa gọi là đạo, tổng cộng là mười. Mười nghiệp đạo này, hoặc là tự mình làm, hoặc người khác làm, hoặc mình và người cùng làm, đều đưa đến hai quả báo, hoặc lành hoặc dữ, đây cũng là nhân duyên thiện ác của chúng sinh. Bởi thế, đối với việc ác, người trí còn không nghĩ đến, huống là tự thân mình cố ý làm? Nếu có người để cho phiền não kiết phược mặc tình thao túng, phải biết người đó đang tạo mười nghiệp ác. Người nào có thể trừ diệt không cho phiền não kiết phược lộng hành, thì đó là người tạo mười nghiệp lành. Nếu có người chỉ mới dự định làm ác, hoặc không có mưu tính trước, khi đụng cảnh bất chợt tạo ác, thì người đó không phạm tội do sự tạo nghiệp. Bởi thế, người trí phải nên siêng cần tu tập mười nghiệp lành. Sự tu chứng bốn Thánh đế cũng giống như vậy. Dự định ngày giờ làm ác, nhưng nếu lỡ thời gian, cũng không gọi là có tội. Bởi thế, người trí phải nên tu mười nghiệp lành, nhân vì chúng sinh tu tập mười pháp lành, cho nên được tăng trưởng thọ mệnh, cùng tài sản trong, ngoài. Do nhân duyên phiền não, mà mười nghiệp ác tăng trưởng. Nếu không có nhân duyên phiền não, mười nghiệp lành sẽ tăng trưởng.

Thiện nam tử! Mười nghiệp đạo này, mỗi nghiệp đều có ba phần, một là căn bản, hai là phương tiện, ba là đã thành.

Căn bản, nghĩa là biết, hoặc nghi đối phương là người, là chúng sinh, nếu như tự mình giết chết, hoặc dùng thân ra dẫu, hoặc miệng bảo người khác giết, thì gọi là căn bản. Nếu như đi tìm dao, mài dao cho bén, mua thuốc độc, bện dây, với ý đồ giết chết, thì gọi đó là phương tiện. Nếu như sau khi giết chết, lấy tay sờ mó, nghĩ cách xử lý, hoặc tự mình ăn, hoặc cùng với người khác ăn, hoặc suy tính đổi chác, hoặc tùy ý cho người khác, cảm thấy vui sướng, không biết hổ thẹn, tâm không hối hận, lấy làm hãnh diện, sinh tâm ngạo mạn, đây gọi là đã thành.

Vật thuộc về người khác, và mình cũng biết như vậy, nếu tự mình đi trộm, hoặc bảo người khác trộm, hoặc dùng tâm nghi dờn vật để chỗ khác, đây gọi là căn bản. Nếu phá hàng rào, phá tường, hoặc dùng thang leo tường, vào nhà tìm kiếm, nhắm đến lấy tay sờ vào vật, đây gọi là phương tiện. Sau khi trộm xong, đem vật cất giấu,

tùy ý cho người khác, bán buôn đổi chác, vui vẻ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, lòng không hối hận, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Hoặc biết, hoặc nghi người đàn bà đã thuộc người khác, mà vẫn làm chuyện tà dâm với họ, đây gọi là căn bản. Nếu nhờ người đến gặp, hoặc tự mình gặp họ, hoặc gửi thư từ, hoặc đụng chạm vào thân, hoặc dùng lời đường mật để quyến dụ, đây gọi là phương tiện. Nếu sau khi thỏa mãn sự tà dâm, đem tặng đồ trang sức, chung ngồi ăn uống, vui vẻ thỏa thích, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, tự lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu ở giữa đám đông, dấu diếm sự thật, hoặc trong ba thời hoặc hai thời của một ngày, nói lời hư dối, đây gọi là căn bản. Nếu như trước đó, sắp đặt mưu toan, thêu dệt lời nói, hoặc đem lời của người này nói cho người khác biết, đây gọi là phương tiện. Nếu như do sự vọng ngữ mà được đồ vật, hoặc đem cho người khác, hoặc hoan hỷ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, tự lấy làm hãnh diện, sinh tâm kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu trong sự nói dối, lại xen lời đâm thọc, phá hoại sự hòa hợp, đây gọi là căn bản. Nói lỗi người khác cùng những việc xấu của họ, như nói: “Không thể nào hòa hợp được, tốt nhất là nên xa nhau”, đây gọi là phương tiện. Do kết quả phá hoại sự hòa hợp, nhận được tiền của, tùy ý đem cho người khác, vui vẻ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu đối sắc mặt, dùng lời độc ác chửi rủa người khác, đây gọi là căn bản. Hoặc nghe lời người khác, bèn gọt dũa lời nói, đến tìm người kia, dự định chửi rủa, thóa mạ, đây gọi là phương tiện. Sau khi chửi rủa, nhận được tiền của, tùy ý đem cho, hoặc hoan hỷ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, không biết sám hối, tự lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu nói lời dâm dăng, hoặc nói lời không thích đáng, đây gọi là căn bản. Hoặc hát, hoặc ngâm những lời vô nghĩa, bày vẽ nhiều phương cách để chiều theo thị hiếu của người khác, đây gọi là phương tiện. Nếu dạy người khác những sự việc vô nghĩa để lấy

tiền, tùy ý đem cho, hoặc vui vẻ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, không biết sám hối, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Đôi với tài sản người khác, sinh lòng tham muốn chiếm đoạt, đây gọi là căn bản. Sinh tâm phiền não, đây gọi là phương tiện. Do tham mà được tài sản, tùy ý đem cho, hoặc vui vẻ hưởng dụng, lại còn khoe khoang, không biết hổ thẹn, không biết sám hối, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu đánh chửi người khác, đây gọi là căn bản. Nếu tay cầm gậy, đá, gây sự với người khác, đây gọi là phương tiện. Đánh xong vui mừng, thọ nhận tài vật, tùy ý đem cho, hoặc vui vẻ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Nếu phỉ báng nghiệp báo, nhân quả, chân đế, hoặc thánh hiền, đây gọi là căn bản. Nếu đọc tụng, sao chép, tin tưởng lãnh thọ kinh sách ngoại đạo, khen ngợi, tán thán, đây gọi là phương tiện. Lãnh thọ tà pháp xong, đem giảng giải cho người khác, làm cho họ tăng trưởng tà kiến, thọ nhận tài vật, tùy ý đem cho, vui vẻ hưởng dụng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lấy làm hãnh diện, sinh lòng kiêu mạn, đây gọi là đã thành.

Đôi với mười nghiệp đạo, có người, hoặc cùng lúc phạm hai tội: nói dối, nói đâm thọc; hoặc cùng lúc phạm ba tội: nói dối, nói đâm thọc, nói lời độc ác; hoặc ba tội: tà kiến, nói lời độc ác, nói dối. Phạm ba điều đó, tức là nói lời vô nghĩa, do đó thành ra phạm bốn tội. Sự giận dữ và tham lam không cùng đi với nhau. Còn tám tội kia có thể xảy ra cùng lúc. Thế nào là cùng lúc? Chẳng hạn như sai người khác làm sáu việc kia, còn mình thì làm hai việc: một là tà tâm với vợ người khác, hai là cho rằng không có nghiệp quả. Vì sự việc được kỳ hẹn trước, nên mười nghiệp ác đã được tạo tác cùng một lúc.

Mười nghiệp ác này, hoặc chỉ là tác sắc mà không có vô tác sắc, [\[27\]](#) hoặc gồm cả hai phần tác sắc và vô tác sắc. Giả như một hành động ác, nếu như không có sự tạo lập phương tiện và khởi tâm vui mừng sau khi tạo tác, thì chỉ có tác sắc mà không có vô tác

sắc; còn nếu tạo lập phương tiện và khởi tâm vui mừng sau khi tạo tác, thì nghiệp ác này gồm cả tác sắc và vô tác sắc.

Mười nghiệp ác này có nhẹ có nặng: giết hại cha mẹ và Bích chi phật; trộm cắp tài vật của Tam Bảo; làm chuyện dâm dục với mẹ ruột mình hoặc A la hán ni; nói dối làm phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn, đây gọi là tội nặng.

Thiện nam tử! Mười nghiệp này, mỗi nghiệp có ba loại: một là từ tâm tham sinh khởi, hai là từ tâm sân sinh khởi, ba là từ tâm si sinh khởi.

Nếu vì tham lợi mà sát hại, đây gọi là từ tâm tham sinh khởi; nếu như giết kẻ thù, đây gọi là từ tâm sân sinh khởi; nếu như giết cha mẹ, đây gọi là từ tâm si sinh khởi.

Trộm cắp đồ vật của người khác cũng có ba loại. Nếu vì tự thân, vợ con, họ hàng nên khởi tâm tham muốn tài sản của người khác mà đi cướp đoạt, đây gọi là do tâm tham mà cướp; nếu như trộm cướp tài sản của kẻ thù, đây gọi là do tâm sân mà cướp; nếu như trộm cướp của những người nghèo khổ hơn mình, đây gọi là do tâm si mà cướp.

Tà dâm cũng có ba loại. Nếu vì khoái lạc tự thân mà làm chuyện tà dâm, đây gọi là do tâm tham mà tà dâm; nếu làm việc tà dâm với quyền thuộc của kẻ thù, đây gọi là do tâm sân mà tà dâm; nếu làm việc tà dâm với cha mẹ của chiềnh mình, đây gọi là do tâm si mà tà dâm.

Vọng ngữ cũng có ba loại. Nếu vì muốn có tài sản lợi dưỡng để tự mình hưởng thọ khoái lạc mà nói dối, đây gọi là do tâm tham mà nói dối; nếu vì muốn phá hoại kẻ thù mà nói dối, đây gọi là do tâm sân mà nói dối; nếu vì sợ chết mà nói dối, đây là do tâm si mà nói dối.

Nói lời dâm thọc cũng có ba loại. Nếu vì tiền của mà nói dâm thọc, đây gọi là do tâm tham; nếu vì phá hoại kẻ thù mà nói dâm thọc, đây gọi là do tâm sân; còn những kẻ tà kiến phá hoại sự hòa hợp của người khác, đây gọi là do tâm si.

Nói lời ác cũng có ba loại. Do tiền của mà chửi rủa đàn bà trẻ con, đây gọi là do tâm tham; cố ý nói xấu kẻ thù, đây gọi là do tâm sân; nói việc xấu của tổ tiên người khác, đây là do tâm si.

Nói lời vô nghĩa cũng có ba loại. Nếu vì ham vui mà huyền não khoát lác, đây gọi là do tâm tham; nếu vì muốn lấn lướt người khác mà huyền não khoát lác, đây gọi là do tâm sân; nếu vì tăng thêm tà kiến mà huyền não khoát lác, đây gọi là do tâm si. Từ tâm tham sinh khởi gọi là đố kỵ, từ tâm sân sinh khởi gọi là giận hờn, từ tâm si sinh khởi gọi là tà kiến.

Sau khi tu mỗi nghiệp thiện xong, trong mỗi nghiệp thiện đều được ba giải thoát. Còn mười nghiệp ác chắc chắn sẽ thọ quả báo, hoặc ở địa ngục, hoặc ở ngã quỷ, hoặc ở súc sanh. Sau đó, do ác báo dư thừa, sẽ bị sanh làm người chết yểu, nghèo hèn khốn khổ, vợ không trinh tiết, lời nói không ai tin, không ai thân thích, thường bị phỉ báng, không được nghe lời tốt; do ác nghiệp chiêu cảm ảnh hưởng đến bên ngoài làm cho hoàn cảnh chung quanh hư tổn, vô thường, gió to mưa lớn, hư rã thối rữa, đất đai gập ghềnh, không có bầy báu, phần lớn chỉ là cát đá gai góc, thời tiết biến đổi không định, dưa trái ẻo ọt, mùi vị nhạt nhẽo. Nếu muốn trừ diệt những sự việc bất tường như vậy, phải nên chí tâm tu tập mười pháp lành. Mười pháp lành này, ba châu đầy đủ cả mười, hoặc được nhiếp vào giới luật, hoặc không được nhiếp vào giới luật; riêng châu Uất Đan Việt ở phía bắc chỉ có bốn pháp;[\[28\]](#) chúng sinh ở địa ngục chỉ có năm pháp;[\[29\]](#) còn chúng sinh ở cõi ngã quỷ, súc sanh, và cõi trời thì gồm đủ cả mười pháp, đều không nhiếp vào giới luật. Sáu cõi trời dục giới, khi tạo nghiệp, không có phân lập phương tiện, mà chỉ có phân căn bản và phần đã thành.

Hơn nữa, chỉ cần một niệm là có thể thành tựu nghiệp quả, ví dụ, nếu như người giết và người bị giết cùng chết một lúc, thì người giết không phạm vào nghiệp quả căn bản; nếu như lập phương tiện để giết, cuối cùng không thành, thì chỉ phạm tội phương tiện, mà không phạm tội căn bản; nếu sau khi lập phương tiện, thành tựu sự sát hại, thì phạm vào tội căn bản.

Nếu như sau khi giết, không truy cầu phần đã thành, thì không phạm tội “vô tác”. Nếu như người giết, chết trước người bị giết, dù chỉ một khoảng thời gian rất ngắn, người giết không bị phạm tội căn bản. Nếu như phái người đi giết, người đi giết phạm tội “tác”, người phái phạm hai tội “tác” và “vô tác”.[\[30\]](#) Nếu như dùng lời ác

ra lệnh, cũng bị hai tội “tác” và “vô tác”. Nếu như sự giết hoàn thành, người ra lệnh, dù dùng tâm thiện hay ác, đều phạm hai tội “tác” và “vô tác”.

Nếu có người nói: “Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại không dùng, làm sao gọi là giết? Một niệm không giết, thì một hạt bụi cũng không bị hư hoại. Nếu như một niệm không giết, nhiều niệm cũng không thể giết, sao lại gọi là giết?” Điều này không đúng! Vì sao? Tuy rằng trong một niệm ở hiện tại không có sự giết, nhưng vì hành động giết đó chấm dứt sự hiện khởi của năm ấm ở niệm sau, nên gọi là giết. Do ý nghĩa này, không thể vì thấy một nơi không có sự giết, mà có thể nói ở tất cả mọi nơi không có sự giết.

Hoặc có người bị đâm vào tay mà chết, hoặc có người bị cắt chân mà vẫn sống. Đầu thì không phải thế, dù bị đâm hay bị cắt, đều chết. Nếu có người làm rồi bị tội lớn, đây gọi là nghiệp đạo. Tự mình có thể tạo ba nghiệp của ý, còn bảy nghiệp của thân và miệng, phải có hai bên, mình và người, mới có thể hoàn thành. Nếu không có người tạo nghiệp, thì cũng không có tội “vô tác”. Hoặc có người nói: “Ba nghiệp của thân có tội “tác” và tội “vô tác”, miệng thì không phải vậy.” Điều này không đúng! Vì sao? Nếu như miệng không có tội “tác” và “vô tác”, khi miệng ra lệnh giết, lẽ ra không nên mắc tội. Vì vậy miệng cũng phải có hai tội “tác” và “vô tác”. Tâm thì không như thế. Vì sao? Vì các bậc Hiền thánh không bị mắc tội.

Vì nhân duyên nào gọi là “tác”, “vô tác”? Vì nghiệp ấy làm cho đọa vào ba đường ác, sinh vào loài người thì bị yếu mệnh, sáu căn thường bị thọ khổ; sau đó thọ quả báo dư thừa, hoặc tương tự hoặc không tương tự với quả báo chánh thức. Lúc thọ quả báo chánh thức, thì bị đọa trong địa ngục Hoạt, địa ngục Hắc thành, sau đó sẽ sanh vào ba cõi nạ quý, súc sanh, và cõi người, nhận chịu quả báo dư thừa.

Nếu như dự định giết một người, nhưng sau đó lại giết chết hai người, thì chỉ đối với người định giết đầu tiên bị mắc hai tội “tác” và “vô tác”. Hoặc có người cho rằng: “Sắc là vô ký, mệnh cũng là vô ký. Nếu đã là vô ký, tại sao sau khi giết lại mắc tội sát?” Điều này không đúng! Vì sao? Thân mạng là khí cụ chứa đựng tâm niệm

thiện ác, nếu phá diệt khí cụ đó, tức là cắt đứt tâm niệm thiện ác, do đây mà bị mắc tội. Giả như nhà vua hạ lệnh giết, nếu bày tội tán thành, thì vua tội đều mắc tội như nhau; việc săn bắn cũng giống như thế.

Nếu có người sắp chết, chỉ còn thoi thóp một giây, nếu như dùng dao giết chết, thì vẫn mắc tội giết người. Còn nếu như người ấy đã chết, mà dùng dao đâm chém, thì không mắc tội giết người. Nếu như trước dự định đánh đôi phương, vừa đưa bàn tay đến thì đôi phương mệnh chung, người đánh không phạm tội giết người. Nếu điều chế thuốc độc, đưa cho sản phụ uống, nếu như thai nhi bị chết, người đó bị hai tội tác và vô tác. Nếu như tự sát, không bị mắc tội giết người. Vì sao? Vì không có ý tưởng giết chết người khác, vì không có tâm sân hận, và vì không phải là nhân duyên giữa ta và người khác.

Hoặc có người cho rằng: “Lúc sát hại, dù tâm ở trạng thái thiện, ác hay vô ký, đều bị mắc tội sát hại, giống như lửa hoặc chất độc, tuy ở trạng thái thiện, ác hoặc vô ký, người chạm đến lửa, hoặc ăn chất độc, đều bị mất mạng.” Điều này không đúng! Vì sao? Trên đời có người cầm lửa mà không bị cháy, hoặc ăn chất độc mà không chết; sát hại mà không có tâm ác cũng giống như vậy. Lại giống như thầy thuốc, v.v...

Hoặc có người cho rằng: “Bà Tẩu tiên nhân đọa chú giết người, hoặc giết dê tế trời, đều không bị mắc tội giết hại.” Điều này không đúng! Vì sao? Vì cắt đứt mạng sống của chúng sinh khác, vì nhân duyên ngu si! Nếu như thấy người khác bị chết, lòng sinh vui mừng, nên biết người đó bị mắc tội “đã thành”. Thấy người khác giết, sinh lòng vui mừng, lấy tài vật ban thưởng, cũng giống như trường hợp trên. Nếu như sai khiến sứ giả đi giết, sứ giả khi đến nơi, bèn dùng nhiều phương pháp ác độc mà giết, thì người sai khiến chỉ phạm tội tác, còn sứ giả bị mắc cả hai tội “tác” và “vô tác”.

Nếu khởi tâm ác cướp đoạt tài vật của người khác, cũng bị mắc hai tội “tác” và “vô tác”. Hoặc nhân lúc đang “đếm” mà đoạt lấy, hoặc nhân người khác gửi mà đoạt lấy, hoặc nhân lúc trao đổi hàng hóa mà đoạt lấy, đều bị mắc tội trộm cướp. Nếu có người tự mình

không cướp đoạt, không tham, không dùng, nhưng lại bảo người khác cướp đoạt, người ấy cũng bị mắc hai tội “tác” và “vô tác”.

Giả như muốn trộm vàng, lúc trộm lại lấy nhầm bạc, lấy xong mới biết mình nhầm, bèn đem hoàn lại chỗ cũ, người đó không bị phạm tội trộm. Giả như muốn trộm vàng, trộm được, bèn nghĩ tưởng đến sự vô thường, sinh lòng hối hận, muốn đem trả lại cho chủ nhưng không dám, bèn tìm phương tiện khác hoàn trả vật đã trộm, tuy vật bị trộm đã rời bồn xứ, nhưng kẻ trộm vẫn không bị phạm tội trộm.

Lại như, có kẻ tội tớ được chủ nhân ban cho tài vật sử dụng, thoát tiên, kẻ tội tớ nhận rằng đây là tài vật của mình và chủ dùng chung, nhưng sau lại sanh tâm tham muốn đoạt tài vật đó; sau khi đoạt lấy, sanh tâm nghi ngờ, bèn đem tài vật cất giấu, sau lại nghĩ rằng tài vật này mình có dùng chung hay dùng riêng với chủ cũng không có gì khác biệt, bèn đem giao hoàn lại chỗ cũ, tài vật tuy đã rời bồn xứ, nhưng kẻ tội tớ đó cũng không bị mắc tội trộm.

Lại có người đi đường bị cướp, sau đó vào làng, người trưởng làng bèn hỏi: “Ông bị mất vật gì? Chúng tôi sẽ bồi thường cho ông.” Nếu như nói quá số tài vật đã bị cướp mất, để lấy vật bồi thường, thì người đi đường đó bị mắc tội trộm.

Có người phát tâm bố thí cho người khác hai tấm y, người nhận lấy một tấm, nói rằng không cần hai tấm; nếu người cho giữ lại tấm y đó, thì bị mắc tội trộm.

Nếu có người phát tâm dự định đem phòng xá, giường chiếu, thuốc men, đồ vật cần thiết, cúng dường cho một vị tỳ kheo. Lúc đang chưa cúng dường, bỗng nghe có một vị tỳ kheo khác từ phương xa đến, bèn đem tài vật đó cúng dường cho vị mới đến, vị thí chủ này bị phạm tội trộm.

Nếu như đoạt lấy tài vật của một vị tỳ kheo đã mệnh chung, sẽ mắc tội với ai? Nếu như tài vật đã được làm pháp yết ma, sẽ bị mắc tội trộm với chúng tăng làm pháp yết ma, còn nếu tài vật chưa được làm pháp yết ma, sẽ bị mắc tội với mười phương tăng. Nếu như vị tỳ kheo đã mệnh chung đó, lúc lâm chung dự định đem tài vật cho chỗ nào, thì người đoạt tài vật đó sẽ mắc tội với chỗ ấy. Nếu trộm đồ vật trong tháp Phật thì sẽ mắc tội với người giữ tháp.

Nếu như nước lụt làm trôi tài vật, lúa gạo, dưa trái, quần áo, đồ vật linh tinh, vớt được không mắc tội.

Nếu như hành dâm không đúng thời, không đúng chỗ, với người cùng phái hoặc nhị hình, với gái trinh, với vợ người khác, hoặc với chiềnh mình, đều gọi là tà dâm.

Riêng ở ba châu nam, đông, tây, mới mắc tội tà dâm, còn châu Bắc cu lô thì không có tội này.

Nếu như hành dâm với súc sanh, hoặc với thi thể bị hư hoại, hoặc những tịnh nhân trong chùa, hoặc những kẻ bị giam cầm, những kẻ đào tẩu, hoặc với vợ của thầy, hoặc với người xuất gia, đều gọi là tà dâm.

Nếu hỏi: “Người xuất gia không còn bị lệ thuộc vào người khác, nếu vậy, hành dâm với họ, thì mắc tội với ai?”, nên trả lời: “Mắc tội với thân thuộc, hoặc nhà cầm quyền sở tại.”

Gặp lúc thời thế ác liệt, loạn ly, hoặc bạo chúa cai trị, hoặc lúc gia đình bị khủng bố, nếu cho thế thiếp xuất gia làm ni, sau đó lại đến hành dâm với họ, sẽ mắc tội tà dâm.

Nếu hành dâm ở ba chỗ: đường đại tiện, tiểu tiện và miệng, thì mắc tội tà dâm.

Nếu tự mình, hoặc đôi phương chủ động, cùng nhau hành dâm, hoặc bên lề đường, hoặc bên cạnh tháp, miếu, hoặc nơi có đại hội, thì bị mắc tội tà dâm.

Nếu như đôi phương vẫn còn được sự thủ hộ của cha mẹ, anh em, hoặc nhà cầm quyền sở tại, hoặc đôi phương đã hẹn ước trước, đã hứa hôn trước, hoặc đã nhận tiền, hoặc đã nhận lời hành dâm với người khác, nếu như hành dâm với họ, sẽ mắc tội tà dâm.

Nếu hành dâm với tượng gỗ, tượng đất, tranh vẽ, hoặc với cây chết, đều phạm tội tà dâm.

Nếu bộ phận thuộc về thân mình mà tưởng là thân người khác, hoặc bộ phận thuộc về thân người khác mà tưởng là thân mình, giả sử hành dâm với nơi đó, đều phạm tội tà dâm.

Tội tà dâm có nặng, có nhẹ. Nếu do phiền não nặng thì phạm tội nặng, do phiền não nhẹ thì phạm tội nhẹ.

Dù có tâm nghi hay không nghi, hoặc dù thấy, nghe, hay, biết, hoặc dù bị hỏi đến, hay không bị hỏi đến, nếu nói trái với sự thật,

thì gọi là vọng ngữ. Nếu nói những điều vô căn cứ, cũng gọi là vọng ngữ, nhưng không gọi là đầy đủ.

Nếu nói không đầu đuôi, hoặc nói không rõ ràng, hoặc nói những lời mà đôi phương không hiểu, cũng gọi là vọng ngữ, nhưng không gọi là đầy đủ.

Nói những lời đâm thọc, hung ác, dù có làm tổn hại đến đôi phương hay không, đều bị phạm tội. Nói những lời vô nghĩa, cũng giống như vậy.

Bảy điều vừa nêu trên: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, nói đâm thọc, nói hung ác, nói vô nghĩa, vừa là đạo, vừa là nghiệp. Còn ba điều thuộc về tâm: tham, sân, si, thì chỉ là nghiệp mà không phải là đạo. Vì sao? Vì chưa phát động đến thân khẩu, và chỉ những nghiệp thân, khẩu làm phương hại đến mình và người mới mắc tội lớn.

Hoặc có người cho rằng: “Tất cả vi trần theo thứ tự an trụ, mà lại niệm niệm biến diệt. Diệt rồi thì không trụ, nếu như không trụ, thì tác nghiệp không có, hưởng chi vô tác nghiệp?” Điều này không đúng! Vì sao? Các pháp trên thế gian, có nhân thì có quả, không nhân thì không quả. Giống như soi mặt nước hoặc soi kính thì có ảnh hiện lên, nếu không soi thì không có ảnh. Tác nghiệp cũng giống như vậy. Từ thân mà có “tác nghiệp”, từ tác nghiệp mà có “vô tác nghiệp”, cũng giống như soi mặt nước hoặc soi kính thì có ảnh vậy. Ví như có người, nếu khởi tâm ác thì gương mặt lộ vẻ hung ác, nếu khởi tâm thiện thì vẻ mặt trở nên hiền từ. Tác và vô tác cũng giống như vậy. Nếu nhân vì nghiệp lành mà được quả báo dung nhan hiền hậu trang nghiêm, nhân vì nghiệp ác mà bị quả báo tướng mạo hung dữ ác độc, thì tác và vô tác cũng giống như vậy.

Nếu như vì niệm niệm thường có sự biến diệt mà cho rằng không có tác và vô tác, thì như phần trên đã đề cập đến những ví dụ như đèn, dòng sông, v.v..., tuy niệm niệm biến diệt, do lý nhị đế, mà nói có tác và vô tác.

Vi trần, tuy rằng thứ lớp không trụ, thế nhưng cũng không phá hoại pháp “thế đế”. Chiền vì thứ lớp của vi trần mà có tên là tác và vô tác.

Nếu như sát hại cha mẹ, hoặc a la hán, sẽ bị mắc vô lượng tội. Tuy âm, giới, nhập, v.v..., của cha, mẹ, a la hán và các chúng sinh khác không có gì sai biệt, nhưng vì cha mẹ là ruộng báo ân, còn a la hán là ruộng phước, cho nên giết họ sẽ bị tội nặng.

Lại như, không thể cùng một lúc nói hai chữ, hơn nữa, hai chữ đó, rốt ráo cũng không hòa hợp, không thể nói lên nghĩa của chúng, thế nhưng, tuy niệm niệm biến diệt, vẫn gọi là vọng ngữ, bởi vì các chữ nối tiếp, không thể phá hoại đạo lý thế tục. Lại như bắn tên, tuy niệm niệm biến diệt, nhân vì thế lực của thân nghiệp, làm cho mũi tên bay đến mục tiêu, tác và vô tác, cũng giống như vậy.

Lại như, nhảy múa để tự vui, tuy niệm niệm biến diệt, nhân vì thế lực của thân nghiệp, cho nên thân thể có thể chuyển động, tác và vô tác, cũng giống như vậy. Lại giống như xoay vòng lửa, tuy niệm niệm biến diệt, nhân vì thế lực của thân nghiệp, cho nên lửa tạo thành vòng tròn.

Như việc tạo nghiệp, lúc phát khởi, lúc chuẩn bị, lúc hành động, lúc nói năng, tâm niệm đều khác biệt, nhân vì các duyên hòa hợp với nhau nên gọi là tác nghiệp, và vì nhân duyên tác nghiệp mà sinh khởi vô tác nghiệp.

Lại như, nhân vì uy nghi khác biệt, mà tâm thái cũng khác biệt, và nhân vì một khi đã huân tập vào tâm thì không bị biến hoại, cho nên gọi là vô tác.

Lại như, nếu thân làm thiện, mà miệng lại nói lời ác, thì người đó sẽ bị quả báo vừa thiện vừa ác. Nếu như nghiệp thiện của thân có tác nghiệp và vô tác nghiệp, còn nghiệp ác của miệng chỉ có tác nghiệp, không có vô tác nghiệp, nên biết người đó chỉ được quả báo lành, mà không bị quả báo ác. Cho nên trong kinh nói bảy nghiệp của thân và miệng có hai loại tác và vô tác. Giống như người bị bệnh nặng, cần phải hòa nhiều loại thuốc để trị bệnh, nếu thiếu một loại thuốc, ắt không thể trị. Vì sao? Vì bị bệnh nặng. Tất cả chúng sinh cũng giống như vậy, đầy đủ tất cả ác nghiệp, cần phải có nhiều giới mới có thể trị, nếu thiếu một giới, ắt không thể trị.

Thiện nam tử! Chúng sinh tạo tội, phạm có hai loại: (1) ác giới, (2) không giới. Người thọ ác giới, tuy chỉ giết một con dê, lúc giết và

lúc không giết, đều mắc tội sát hại. Vì sao? Vì trước đó đã phát thệ nguyện. Còn người không thọ giới, tuy giết ngàn người, lúc giết thì mắc tội, còn lúc không giết thì không mắc tội. Vì sao? Vì không phát thệ nguyện. Vì thế tâm là căn bản của tất cả pháp thiện và bất thiện. Nhân vì căn bản mà nói các vị tỳ kheo phạm tội chỉ có hai cách: (1) thân phạm, (2) miệng phạm, mà không có tâm phạm. Loại giới pháp này, nếu như thời gian không đầy đủ, điều kiện không đầy đủ,[\[31\]](#) thì không thể được giới thể. Ví như cọ cây lấy lửa, phải có đầy đủ kính rọi, sức người, cỏ khô, v.v..., sau đó mới được lửa, nếu thiếu một điều kiện, ắt sẽ không có lửa; giới pháp cũng như thế.

Loại giới pháp này, hoặc được giới thể, hoặc xả giới, hoặc trì giới, hoặc giữ giới, đều tùy nơi tâm. Đức Như Lai biết rõ pháp tính, cho nên chế định loại giới pháp này.

Hoặc nếu có người, do vì thế lực của sự suy ngẫm nghiệp lành, nên không tạo nghiệp ác, đây gọi là “giới đúng như Chánh pháp”. Nếu như từ người khác mà được giới thể, đây gọi là thọ giới.

Nếu như không thọ giới mà được công đức, thì các loài ác thú như sư tử, hổ, chó sói, v.v..., đều phải được công đức. Thế nhưng, thực sự không phải như vậy. Do nhân duyên này, thọ thiện giới được vô lượng phước, thọ ác giới mắc vô lượng tội. Trong kinh nói đến các ác luật nghi như sau: (1) nuôi dê, (2) nuôi gà, (3) nuôi heo, (4) câu cá, (5) đánh cá, (6) giết trâu bò, (7) làm ngục tốt, (8) nuôi chó săn, (9) làm bẫy, (10) làm thợ săn, (11) dùng chú thuật sai rông làm ác, (12) giết người, (13) làm đạo tặc, (14) nói đâm thọc, (15) dùng những hình cụ như roi, gậy, gông cùm, đinh sắt, lửa, v.v..., để hành hạ người khác.

Lại nữa, quốc vương, đại thần thọ nhận sự gửi gắm nhưng lại bội ước, những người bạc bẽo vô ơn, những người trưởng làng đại ác, những người thu thuế hung dữ, những tỳ kheo phá giới tâm không hổ thẹn, những người như thế đều không có giới thể. Dù không gọi là nghiệp đạo bất thiện, nhưng bị mắc tội nặng. Vì sao? Vì suốt đời làm ác.

Những việc như vậy, nếu không lập thệ nguyện, hoặc nếu không từ người khác thọ, đều không thành tựu giới thể. Ác giới bị xả trong

bốn trường hợp,: (1) lúc biến thành người hai căn, (2) lúc mạng chung, (3) lúc thọ thiện giới, (4) lúc đoạn trừ kiết phước của cõi dục.

Hoặc có người cho rằng: “Giống như giới thiện đầy đủ ba thời, giới ác cũng đầy đủ.” Điều này không đúng! Vì sao? Vì giới ác dễ được, chỉ cần một nhân duyên là được, nghĩa là lập thế duyên. Còn giới thiện không phải vậy, phải đầy đủ năm điều kiện: tín, giải, niệm, định và tuệ, mới thành tựu, do đó khó được. Vì khó được nên phải đầy đủ.

Hoặc có người nói: “Giới Ưu bà tắc không có các điều giới: nói vô nghĩa, nói đâm thọc, nói lời ác, do đây giới Ưu bà tắc, giới Bát quan trai, giới Sa di, giới Tỳ kheo, không được đầy đủ giới thể.” Điều này không đúng! Vì sao? Vì ta nay đang thọ trì khâu nghiệp trong sạch.

Nếu có người nói: “Tôi thọ năm giới để làm thanh tịnh thân khẩu ý.” Nếu lúc thọ giới, tâm không thanh tịnh, nên biết người đó không được đầy đủ giới thể.

Ví như có người, sau khi thọ ác giới, dù không sát sanh, người đó thường thường thành tựu ác giới. Tỳ kheo hủy phạm cấm giới cũng giống như vậy. Vì sao? Vì sau khi thọ giới, bên cạnh mỗi điều giới có nhiều nghiệp nhiều quả. Chúng sinh vô lượng, giới cũng vô lượng; vạn vật vô lượng, giới cũng vô lượng. Giới thiện giới ác đều có ba phẩm: thượng, trung, hạ. Nếu như không thọ ác giới, dù phạm nhiều tội, cũng không gọi là ác giới.

Nếu có người cất vấn: “Vì nhân duyên gì mà ngũ giới phải thọ trì suốt đời, còn giới bát quan trai chỉ cần thọ trì một ngày một đêm?” Nên trả lời họ rằng: “Đức Như Lai khéo biết pháp tướng, thông đạt vô ngại, cho nên Ngài đã lập định giới pháp như vậy.”

Thiện nam tử! Ruộng phước thế gian có hai loại: (1) ruộng công đức, (2) ruộng báo ân. Nếu giết hại hai loại ruộng phước này, gọi là phạm tội ngũ nghịch. Tạo tội ngũ nghịch, có ba nhân duyên: (1) có tâm cực ác, (2) không biết phước đức, (3) không thấy quả báo chân chánh.

Nếu có người tưởng a la hán là người khác mà giết lầm, thì không bị phạm tội nghịch; đối với cha mẹ cũng giống như vậy. Nếu như

tâm không biết hổ thẹn, không nghĩ tưởng đến việc báo ân, tâm không cung kính, chỉ mới tạo tội phượng tiện, nhưng chưa tạo tội căn bản, người đó tuy chưa phạm tội ngũ nghịch, nhưng cũng sẽ bị quả báo rất nặng. Vì cha mẹ có công dạy dỗ, thương yêu, chăm sóc, nhẫn chịu sự khó khăn, làm tất cả mọi việc, chịu mọi sự khổ sở, vì thế cha mẹ được gọi là ruộng báo ân.

Nếu như có người sát hại cha mẹ, tuy họ tu tập thiện pháp, cũng không được quả báo lành. Bởi thế ta nói: “Đôi với chỗ che chở của mình, dù là chỉ trong khoảnh khắc, cũng không nên hủy hoại, chặt phá cành, nhánh, hoa, quả!”

Thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, có những đệ tử của ta sẽ có những lập luận sau: “Nếu do tướng nghĩ khác, tên khác mà giết cha mẹ, thì không phạm tội nghịch”, đây là phái Đàm Vô Đức; nếu như cho rằng: “Tuy do tướng nghĩ khác mà giết cha mẹ, vẫn là phạm tội nghịch”, đây là phái Di Sa Tắc; nếu như cho rằng: “Tuy do tướng nghĩ khác, tên khác mà giết cha mẹ, đều bị phạm tội nghịch”, đây là phái Tát Bà Đa. Vì sao? Đây là sự thật trên thế gian, đáng được tin cậy. Nếu thực là cha mẹ, mình cũng biết chắc là như vậy, mà dùng tâm ác sát hại, tức là phạm tội nghịch. Tuy thực là cha mẹ mình, nhưng không biết, không khởi ác tâm, tuy lỡ giết chết, cũng không phạm tội nghịch. Vì sao? Phải đầy đủ bốn điều kiện mới phạm tội nghịch: (1) là cha mẹ thật của mình, (2) khởi tâm ác, (3) khởi tâm xả bỏ, không nhận là cha mẹ, (4) biết họ là chúng sinh. Đầy đủ bốn điều kiện này mới thành tội nghịch, nếu như không đầy đủ thì không thành tội nghịch.

Nếu như vì thương xót, hoặc vì cung kính, hoặc vì thọ trì một pháp nào đó, hoặc vì sợ hãi, hoặc vì danh tiếng, mà đem những công cụ sát hại đưa cho cha mẹ, tuy không tự tay mình giết, nhưng vẫn phạm tội nghịch.

Nếu như bị người khác sai giết cha mẹ, khóc lóc buồn rầu mà làm, thì trong ba thời đều phạm tội nhẹ. Nếu như muốn giết cha mẹ, mà lại giết làm người khác, không bị phạm tội nghịch. Muốn giết người khác, lại giết làm cha mẹ, cũng giống như vậy. Hoặc muốn giết mẹ, lại giết làm người giống mẹ, giết xong cất dao, lại trúng nhằm thân mẹ, làm cho mẹ chết, không bị phạm tội nghịch. Người

mẹ dung mạo đối khác, người con giết mẹ mà vẫn cho là đang giết người khác, thì chỉ phạm tội sát hại, mà không phạm tội nghịch.

Năm tội nghịch này, tội giết cha tương đối nhẹ hơn tội giết mẹ; giết a la hán tội nặng hơn giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, tội nặng hơn giết a la hán; phá hòa hợp tăng, tội nặng hơn làm thân Phật chảy máu.

Có việc nặng ý nhẹ, việc nhẹ ý nặng, việc nặng ý nặng và việc nhẹ ý nhẹ. Việc nặng ý nhẹ, chẳng hạn như giết hại cha mẹ nhưng không có tâm ác; việc nhẹ ý nặng, chẳng hạn như dùng tâm ác giết súc sinh; việc nặng ý nặng, chẳng hạn như dùng tâm cực ác giết hại cha mẹ; việc nhẹ ý nhẹ, chẳng hạn như dùng tâm vô ký giết hại súc sanh.

Những ác nghiệp này có: (1) nghiệp khởi phương tiện là nặng, còn nghiệp căn bản và đã thành lại nhẹ; (2) nghiệp khởi phương tiện và căn bản nhẹ, còn nghiệp đã thành lại nặng; (3) nghiệp khởi phương tiện và căn bản nặng, còn nghiệp đã thành nhẹ; (4) nghiệp căn bản nhẹ, còn nghiệp khởi phương tiện và đã thành nặng.

Việc làm chỉ là một yếu tố, do tâm lực mà có quả báo nặng nhẹ.

Thiện nam tử! Có người đem thức ăn định bố thí cho ta, nhưng lúc chưa kịp cho ta lại đem bố thí cho chó đói. Ta cũng khen ngợi người ấy là đại thí chủ. Nếu có người bố thí, không phân biệt người nhận là phước điền hay không phước điền, người ấy sẽ được vô lượng phước đức. Vì sao? Vì tâm lành thanh tịnh. Nghiệp có bốn loại quả báo: (1) quả báo ngay hiện đời, (2) quả báo ngay đời sau, (3) quả báo ở nhiều đời sau, (4) không có quả báo. Lại có bốn loại quả báo: (1) thời gian nhất định, quả báo không nhất định; (2) quả báo nhất định, thời gian không nhất định; (3) quả báo và thời gian đều nhất định; (4) quả báo và thời gian đều không định.

Thời gian nhất định, nghĩa là hiện đời, đời kế tiếp, đời sau nữa. Nếu như thời gian và quả báo không định, nghiệp đó có thể bị chuyển đổi. Nếu như quả báo nhất định đời sau thọ, có thể chuyển thọ ở đời này. Vì sao? Do lực lượng của tâm thiện trí tuệ nhân duyên. Nếu như quả báo ác là nhất định, có thể chuyển thành quả báo nhẹ. Vì lý do nào mà gọi là quả báo nhất định? Bởi vì người đó thường không biết hối hận, chuyên tâm làm ác, hoặc vì ưa thích

làm, lập thế nguyện mà làm, làm xong vui mừng, cho nên được những quả báo nhất định như vậy. Ngoài những trường hợp này ra, tất cả đều gọi là bất định.

Hành nghiệp của chúng sinh, có nhẹ có nặng, có xa có gần, tùy vào thời tiết nhân duyên, mà sẽ thọ quả báo trước sau. Nếu như có người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, biết chắc việc thiện ác đều có quả báo, nên biết người đó có thể chuyển nghiệp nặng thành nhẹ, nghiệp nhẹ tiêu trừ.

Nếu như người nào gặp được các bậc phước điền, hoặc thiện tri thức, tu thiện, tu đạo, người đó có thể chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này.

Giả như có người có đủ ác nghiệp của cõi dục giới, nếu như đắc quả a na hàm, có thể chuyển các quả báo đời sau thành quả báo đời này. Chứng quả a la hán, cũng giống như vậy.

Thiện nam tử! Người trí nếu có thể tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, người đó có thể diệt trừ nghiệp ác cực nặng, giống như thuốc a già đà, chú thuật và “bửu bối trừ độc”, phá trừ các loại chất độc. Nếu tạo tội nhẹ, lúc đầu khởi phước thiện, nghiệp còn nhẹ, đến lúc đã thành, nghiệp thành nặng, do vì người đó không biết tu thân, giới, tâm, tuệ, cho nên khiến nghiệp nhẹ trở thành nặng.

Chúng sinh, hoặc tạo một nghiệp, hai nghiệp, nhân đến nhiều nghiệp, có lúc tạo nghiệp đầy đủ, có lúc tạo nghiệp không đầy đủ. Nếu trước đó toan tính xếp đặt, sau đó thi hành, gọi là nghiệp đầy đủ; nếu trước đó không khởi niệm, thốt nhiên gặp cảnh mà tạo nghiệp, thì gọi là không đầy đủ.

Tạo nghiệp không đầy đủ, là tạo nghiệp xong quả báo không định; tạo nghiệp đầy đủ, là tạo nghiệp xong, nhất định sẽ bị quả báo. Lại nữa, tạo nghiệp không đầy đủ, thì quả báo tuy nhất định, thời gian thọ báo không nhất định; còn tạo nghiệp đầy đủ, thì quả báo và thời gian đều nhất định.

Tạo nghiệp không đầy đủ, là tạo nghiệp xong, lại tu tập trì giới, chánh kiến; tạo nghiệp đầy đủ, là tạo nghiệp xong, lại còn phá giới, tà kiến; tạo nghiệp không đầy đủ, là tạo nghiệp xong, phát tâm tin nhân quả; tạo nghiệp đầy đủ, là tạo nghiệp xong, lại còn không tin nhân quả; tạo nghiệp không đầy đủ, là lúc làm ác, có những người

lành vây quanh ngăn cản; tạo nghiệp đầy đủ, là lúc làm ác, có những kẻ ác vây quanh tán thán, trợ giúp. Lại nữa, tạo nghiệp không đầy đủ, là tuy làm các điều ác, nhưng vẫn được sanh vào loài người thọ báo; tạo nghiệp đầy đủ, là trong cõi người tạo ác, sinh vào địa ngục thọ báo. Lại nữa, tạo nghiệp không đầy đủ, là tạo nghiệp xong, lại khởi tâm chánh niệm; tạo nghiệp đầy đủ, là tạo nghiệp xong, không có tâm chánh niệm. Lại nữa, tạo nghiệp không đầy đủ, là lúc tạo nghiệp, ba thời sinh tâm hồi hận; tạo nghiệp đầy đủ, là lúc tạo nghiệp, ba thời đều không có tâm hồi hận. Các trường hợp tạo nghiệp thiện cũng giống như những điều vừa nói trên. Nhân vì tạo nghiệp đầy đủ, cho nên tạo nghiệp nhỏ gặt quả báo lớn, hoặc tạo nghiệp lớn gặt quả báo nhỏ.

Một ý niệm tạo thành thân người, sau khi có thân bèn có vô lượng ý niệm. Ý niệm đầu tiên tạo thành thân người, phải là ý niệm thiện. Sau khi tạo thành thân, thọ hai thứ quả báo, thiện và bất thiện. Trường hợp thân trời cũng giống như thân người.

Chúng sinh địa ngục là do ý niệm ác tạo thành thân. Sau khi có thân, chỉ toàn thọ quả báo bất thiện. Ngạ quỷ, súc sanh, cũng do ý niệm ác tạo thành thân. Sau khi có thân, thọ hai loại quả báo thiện và bất thiện.

Trung âm thân thiện, ác, cũng do ý niệm thiện, ác tạo thành, và cũng thọ hai loại quả báo thiện và bất thiện.

Từ lúc trong thai cho đến lúc già, cùng thọ hai loại quả báo, thiện và bất thiện. Cho nên trong kinh nói có bốn loại nghiệp: nghiệp đen thọ quả báo đen, nghiệp trắng thọ quả báo trắng, nghiệp tạp thọ quả báo tạp, nghiệp không đen không trắng không thọ quả báo. Nghiệp đen thọ quả báo đen, tức là cõi địa ngục; nghiệp trắng thọ quả báo trắng, tức là cõi trời sắc giới; nghiệp tạp thọ quả báo tạp, tức là cõi trời dục giới, cõi người, súc sanh, ngạ quỷ; nghiệp không trắng không đen không thọ quả báo, tức là nghiệp vô lậu.

Thiện nam tử! Người nào không hiểu rõ nghiệp duyên như trên, sẽ vô lượng đời bị trôi lăn trong sinh tử. Vì sao? Những người không hiểu rõ nghiệp nhân duyên này, tuy sinh lên cõi trời Phi tướng phi phi tướng, thọ mạng tám vạn kiếp, sau khi phước hết, vẫn sẽ bị đọa vào ba đường ác.

Thiện nam tử! Trong các sự tạo tác, không có gì hơn ý niệm. Ý niệm tạo thành phiền não, phiền não tạo thành nghiệp, nghiệp tạo thành thân. Do nhân duyên tham, mà được nhan sắc mẫn mà, âm thanh tao nhã, dáng điệu đoan trang; do nhân duyên sân, mà có dung mạo thô kệch, âm thanh hung ác, cử chỉ thô lỗ. Trường hợp tâm si, cũng giống như tâm sân.

Vô lượng thế giới, một trăm ba mươi sáu địa ngục, vô lượng súc sanh, vô lượng ngạ quỷ, đều do nghiệp tạo thành. Cõi người, cõi trời cũng giống như vậy. Vô lượng chúng sanh chúng được quả giải thoát, cũng nhân nơi nghiệp.

Thiện nam tử! Mười đường thiện có ba điều: (1) ngăn chặn phiền não, (2) sinh khởi tâm lành, (3) tăng trưởng giới pháp. Như thuốc giải độc có ba loại: (1) thuốc a già đà, (2) thần chú, (3) chân ngôn.

Nếu như có người khéo tu hạnh không buông lung, đầy đủ chánh niệm, phân biệt được thiện ác, nên biết người đó chắc chắn tu được mười nghiệp thiện; nếu như thường hay buông lung, không có tâm hổ thẹn và lòng tin, nên biết người đó chắc chắn sẽ tạo mười nghiệp ác. Mười nghiệp này, cũng có ba phần: (1) khởi phương tiện, (2) căn bản, (3) đã thành.

Nếu như có người siêng năng lễ lạy, cúng dường cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng, các bậc có đức hạnh, hỏi han chào đón, lời nói nhỏ nhẹ, đây gọi là phương tiện. Nếu như sau đó thường thường nghĩ đến việc đã làm, vui mừng không hối tiếc, đây gọi là đã thành. Lúc đang làm thì chuyên tâm chú ý, đây gọi là căn bản.

Thiện nam tử! Mười nghiệp đạo này lại có ba bậc: thượng, trung và hạ. Hoặc giả, phương tiện thuộc bậc thượng, căn bản thuộc bậc trung, đã thành thuộc bậc hạ; hoặc giả, phương tiện bậc trung, căn bản bậc hạ, đã thành bậc thượng; hoặc giả, phương tiện bậc hạ, căn bản bậc thượng, đã thành bậc trung.

Mười nghiệp đạo này, có ba pháp vây quanh, hoặc là: không tham, không sân, không si, hoặc là: tham sân si. Mười nghiệp đạo có hai loại: cộng giới hành, và bất cộng giới hành.

Xả giới có sáu trường hợp: (1) lúc đoạn căn lành, (2) lúc biến thành nhị hình, (3) lúc xả thọ mạng, (4) lúc thọ ác giới, (5) lúc phát nguyện xả giới, (6) lúc xả thân cõi dục giới.

Hoặc có người nói: “Lúc Phật pháp diệt tận, sẽ mất giới thể.” Điều này không đúng! Vì sao? Sau khi thọ giới sẽ không bị mất giới thể, còn lúc chưa thọ giới thì không được giới thể. Đoạn trừ nghiệp ác của thân khẩu ý, gọi là giới giới; bốn cõi thiên sắc giới, và bốn cõi thiên vị đạo, gọi là định giới; bốn cõi thiên sắc giới, và cõi sơ thiên vị đạo, gọi là vô lậu giới. Bỏ thân rồi, đến đời sau không còn làm ác, gọi là vô tác giới. Giữ gìn các căn, tu tâm chánh niệm, trong các việc thấy, nghe, hay, biết, đối với các trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không sinh tâm buông lung, gọi là nhiếp căn giới.

Do nhân duyên gì mà được gọi là giới? Giới gọi là chế phục; vì có thể chế phục tất cả các pháp bất thiện, nên được gọi là chế phục. Lại nữa, giới còn có tên là “chật hẹp”. Tuy có pháp ác, bốn tính của giới không dung chứa điều ác, cho nên gọi là chật hẹp. Lại nữa, giới còn có tên là “mát mẽ”, vì ngăn chặn sự nóng bức của phiền não không cho xâm nhập, nên gọi là mát mẽ. Lại nữa, giới còn có tên là “lên”, vì có thể lên cõi trời, nhả đến đạo vô thượng, cho nên gọi là lên. Lại nữa, giới còn có tên là “học”, học điều phục tâm, trí huệ và các căn, cho nên gọi là học.

Thiện nam tử! Hoặc có người đầy đủ một giới, nghĩa là giới Ba la đề mộc xoa; hoặc đầy đủ hai giới, nghĩa là thêm định cộng giới; hoặc đầy đủ ba giới, nghĩa là thêm vô lậu giới; hoặc đầy đủ bốn giới, nghĩa là thêm nhiếp căn giới; hoặc đầy đủ năm giới, nghĩa là thêm vô tác giới.

Thiện nam tử! Giới ba la đề mộc xoa, chỉ ở hiện tại mới đắc được giới thể, còn định cộng giới, trong ba đời đều được giới thể.

Thiện nam tử! Nếu như có người lúc muốn thọ giới, chí tâm quán sát tội lỗi của nẻo sinh tử, công đức của sự giải thoát, tin tưởng vui mừng, người đó sẽ được hai giới tác và vô tác. Giới này tùy thọ mạng dài ngắn, sống lâu thì được giới thể dài, đoản mệnh thì được giới thể ngắn.

Vô tác giới này, do ba nhân duyên xả: (1) ít tu tập các pháp thiện, (2) tâm thường phóng dật, (3) lập nguyện không bền chắc. Không xả giới cũng có ba nhân duyên: (1) có bốn nguyện, (2) kiên quyết làm nghiệp thiện, (3) nhất tâm không buông lung.

Thiện nam tử! Ngoài mười nghiệp lành, mười nghiệp ác, thiện giới và ác giới ra, còn có nghiệp mà giới không nhiếp thu, tức là pháp thiện, ác. Các pháp thiện ác này cũng có tác nghiệp và vô tác nghiệp. Có người đầy đủ tác nghiệp và vô tác nghiệp. Nếu như trong niệm hiện tại đang làm việc thiện chưa xả bỏ, thì đầy đủ tác nghiệp và vô tác nghiệp; đến niệm kế tiếp, thì thành tựu tác nghiệp và vô tác nghiệp của quá khứ, tác nghiệp đã trở thành quá khứ, chỉ còn lại vô tác nghiệp mà không còn tác nghiệp.

Nếu có người được giới thể, tuy làm điều ác, người đó hiện đời thành tựu hai pháp: pháp ác có tác nghiệp, pháp thiện có vô tác nghiệp. Tác nghiệp và vô tác nghiệp này, do hai nhân duyên bị xả: (1) đồ bố thí đã bị dùng hết, (2) tâm xả bỏ việc làm thiện.

Tác nghiệp, trong hai đời thành tựu: quá khứ, hiện tại, còn vô tác nghiệp thì trong ba đời đều thành tựu.

Định cộng giới do hai nhân duyên xả: (1) lúc thoái thất đạo tâm, (2) lúc đoạn dứt căn lành. Lại có ba lúc xả định cộng giới: (1) lúc mệnh chung, (2) lúc thoái thất đạo tâm, (3) lúc sanh lên cõi trên. Vô lậu giới có ba lúc xả: (1) lúc thoái thất đạo tâm, (2) lúc chuyển từ độn căn sang lợi căn, (3) lúc chứng quả bậc trên.

Lúc sinh lên cõi trời thì nghiệp đạo của tâm thiện của ba cõi dưới mất, còn khi đoạn dứt thiện căn, thì nghiệp thiện của thân khẩu ý cùng lúc đều bị mất.

Thiện nam tử! Người nào đắc được cụ túc giới, định cộng giới, vô lậu giới, nhiếp căn giới, người đó hiểu rõ mười nghiệp đạo.

Thiện nam tử! Nhân vì mười nghiệp đạo mà thọ mạng của chúng sinh có tăng có giảm. Giảm, nghĩa là lúc thọ mạng còn mười năm; tăng, nghĩa là được thọ mạng vô lượng. Châu Uất đan việt thọ mạng cố định là một ngàn năm, châu Nam thiêm bộ này thọ mạng trăm năm, hai châu đông và tây, thọ mạng hai trăm năm mươi năm; nếu ở châu này thọ mạng vô lượng, thì ở hai châu đó cũng thọ mạng vô lượng.

Trời Tứ thiên vương thọ đến chín vạn năm, nhưng thọ mạng không nhất định, giống như ba châu nam, đông và bắc. Trời Đao lợi thọ đến một ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định. Trời Diêm ma thọ đến ba ngàn sáu trăm vạn năm, thọ mạng cũng

không nhất định. Trời Đâu suất thọ đến bảy ngàn hai trăm vạn năm, trừ các bậc hậu thân Bồ tát ra, tất cả các vị trời khác, thọ mạng cũng không nhất định. Trời Hóa lạc thọ đến một vạn bốn trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định. Trời Tha hóa tứ tại thọ đến hai vạn tám trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Tha hóa tứ tại dài bằng thời gian một ngày một đêm của Nhiệt địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến hai vạn tám ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Hóa lạc dài bằng thời gian một ngày một đêm của Đại thanh địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến một vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Đâu suất dài bằng một ngày một đêm của Tiểu thanh địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến bảy ngàn hai trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Diêm ma dài bằng một ngày một đêm của Chúng hợp địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến ba ngàn sáu trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Đao lợi dài bằng một ngày một đêm của Hắc tăng địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến một ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của trời Tứ thiên vương dài bằng một ngày một đêm của Hoại địa ngục. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, địa ngục đó thọ đến chín trăm vạn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

A tỳ địa ngục thọ mạng một đại kiếp, Đại nhiệt địa ngục thọ mạng nửa đại kiếp, chỉ có hai nơi này là thọ mạng nhất định.

Năm mươi năm ở cõi người dài bằng một ngày một đêm của cõi ngạ quỷ. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng

làm một năm, cõi nga quý thọ đến năm ngàn năm, thọ mạng cũng không nhất định.

Trong cõi súc sanh, ngoại trừ rồng Nan đà Bà nan đà, còn các loài khác, thọ mạng cũng không nhất định.

Một năm của A tỳ địa ngục dài bằng một ngày một đêm của trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, cõi trời đó thọ mạng tám vạn đại kiếp. Trời Vô sở hữu xứ thọ mạng sáu vạn đại kiếp, trời Thức vô biên xứ thọ mạng bốn vạn đại kiếp, trời Không vô biên xứ thọ mạng hai vạn đại kiếp.

Nếu có người chỉ còn rất ít phiền não, lại tham đắm “không định”, nên biết người đó sẽ sanh lên bốn cõi vô sắc.

Từ lúc loài người thọ mạng mười năm, tăng gia đến khi loài người thọ mạng tám vạn năm, lại từ thọ mạng tám vạn năm giảm xuống thọ mạng mười năm, tăng giảm như vậy mười tám lần thì gọi là một trung kiếp. Ba lần tiểu tai đói kém, ba lần tiểu tai tật bệnh, một lần tiểu tai đao binh, thì gọi là một tiểu kiếp. Qua năm lần thủy tai và hỏa tai, thì có một phong tai, qua năm lần phong tai thì gọi là một đại kiếp.

Lúc châu Diêm phù đề khởi kiếp đao binh, thì người ở hai châu đông và tây tạm thời khởi tâm sân hận. Lúc châu Diêm phù đề khởi kiếp tật bệnh, thì người ở hai châu kia hơi bị bệnh đau đầu, sức khỏe cũng hơi suy kém. Lúc châu Diêm phù đề khởi kiếp đói kém, thì người ở hai châu kia thường tưởng nghĩ đến thức ăn. Châu Uất đan việt hoàn toàn không có những tai ách như vậy.

Do nhân duyên không sát hại nên được thọ mạng dài lâu, do nhân duyên trộm cắp nên thọ mạng giảm sút.

Có hai loại kiếp: (1) kiếp thủy, (2) kiếp hỏa. Lúc kiếp hỏa phát khởi, chúng sinh địa ngục, nếu quả báo đã hết, đều được ra khỏi địa ngục, nếu như quả báo chưa hết, sẽ thác sanh vào các địa ngục ở phương khác. Nếu như tám địa ngục lớn ở cõi này không còn chúng sanh, thì gọi là chúng sanh thoát ly địa ngục. Tất cả chúng sanh trong bốn biển lớn, nếu nghiệp báo đã hết, đều được thoát ly, còn nếu nghiệp báo chưa hết, sẽ sanh vào các biển lớn ở phương

khác. Nếu trong biển không còn một chúng sanh nào, gọi là được thoát ly.

Từ mặt đất của cõi Diêm phù đề thẳng xuống khoảng năm trăm do tuần, có thành của vua Diêm vương, châu vi rộng bảy vạn năm ngàn do tuần. Nếu như trong thành, nghiệp báo của chúng sanh nọ đã hết, tất cả đều được ra khỏi, còn nếu nghiệp báo chưa hết, sẽ sanh vào thành Diêm vương ở phương khác. Nếu như trong thành không còn một chúng sanh nào, gọi là được thoát ly.

Lúc đó, có một người nhờ nhân duyên nội tâm, đắc được Sơ thiên, sau khi chứng đắc, bèn lớn tiếng kêu rằng: “Sơ thiên tịch tĩnh, Sơ thiên tịch tĩnh!” Mọi người nghe xong, liền tự tư duy, sau đó tất cả đều đắc được Sơ thiên, bèn xả thân người sinh lên Sơ thiên.

Lúc đó, trong cõi Sơ thiên, lại có một người, nhờ nhân duyên nội tâm, tu đắc Nhị thiên, sau khi chứng đắc, bèn lớn tiếng kêu rằng: “Nhị thiên tịch tĩnh, Nhị thiên tịch tĩnh!” Mọi người nghe xong, liền tự tư duy, sau đó tất cả đều đắc được Nhị thiên, bèn xả thân Sơ thiên sanh lên Nhị thiên.

Lúc đó, từ địa ngục A tỳ cho đến Sơ thiên đều trống không, không còn một chúng sanh.

Thiện nam tử! Phía ngoài của bốn châu có núi Do càn đà, trong đó có bảy mặt trời. Chúng sanh do nhân duyên phước đức nên chỉ có một mặt trời xuất hiện, và nhờ đó mà được mùa màng cây cối. Đến lúc kiếp hỏa, bảy mặt trời đồng thời xuất hiện, thiêu rụi tất cả, từ cây lúa hoa quả, núi sông đất đá, núi Tu di, nhả đến cõi Sơ thiên.

Lúc đó, chúng sanh cõi Nhị thiên thấy cảnh hỏa tai, bèn sinh lòng lo sợ. Các vị trời Nhị thiên sinh trước bèn bảo các vị trời mới sinh lên: “Các ông đừng sợ, chúng tôi đã từng thấy cảnh hỏa tai này, chỉ đến cõi Sơ thiên là ngừng, không lan đến cõi này.”

Từ lúc chúng sanh thọ mười tuổi tăng lên cho đến tám vạn tuổi, rồi từ tám vạn tuổi giảm xuống cho đến mười tuổi, trải qua quảng thời gian như vậy, sức nóng của kiếp hỏa vẫn chưa dứt, lúc đó, từ cõi Sơ thiên trung gian giáng xuống mưa lớn. Lại trải qua một khoảng thời gian thọ mạng loài người một lần tăng một lần giảm, do nhân duyên hành nghiệp của chúng sinh, phía dưới của thế giới này xuất hiện bảy tầng gió và mây để giữ nước mưa này lại. Lúc đó, mưa

tạnh, trên mặt nước sinh ra một lớp màng, giống như chất bơ. Giữa bốn châu, núi Tu di từ từ xuất hiện, trong nước tự nhiên có đầy đủ tất cả mọi loại hạt giống. Lúc đó, ở cõi Nhị thiên có một chúng sinh thọ mạng ngắn, phước hết, do nghiệp lực bèn sinh xuống thế gian, thọ mạng dài lâu, trên thân phát ra ánh sáng. Sống lâu một mình, tâm sinh phiền muộn, bèn nghĩ rằng: “Ta sống một mình đã lâu, nếu ta có phước, nguyện có người sanh đến đây làm bạn với ta.” Lúc khởi tâm niệm đó, ở cõi Nhị thiên có chúng sinh phước mỏng mạng chung, do nhân duyên nghiệp lực cũng sinh xuống thế gian. Người đó thấy có người mới đến, lòng sinh vui mừng, tự nghĩ rằng: “Người đó là do ta hóa sinh, ta có uy quyền đối với người đó.” Người mới đến cũng nghĩ rằng: “Ta do người ấy sinh ra, người ấy biến hóa ra ta, có uy lực đối với ta.” Do nhân duyên này, chúng sinh phát khởi ý tưởng ngã kiến.

Thiện nam tử! Âm, giới, nhập, v.v..., thế giới chúng sinh, thế giới quốc độ, đều là do nhân duyên mười nghiệp mà hiện hữu.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia có thể quán sát mười nghiệp đạo như vậy, điều này không khó. Bồ tát tại gia, quán sát mười nghiệp đạo như vậy, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mười Lăm - Nhẫn Nhục Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật trước đây đã nói về pháp Bồ thí và Trì giới Ba la mật. Bồ tát làm thế nào để tu Nhẫn nhục Ba la mật?”

Đức Phật nói: “Thiện nam tử! Nhẫn nhục có hai loại: (1) nhẫn nhục thế gian, (2) nhẫn nhục xuất thế gian.

Nếu như có thể nhẫn chịu sự đói khát, lạnh nóng, khổ vui, đây gọi là nhẫn nhục thế gian. Nếu như có thể nhẫn thọ: tín, giới, thí, nghe pháp, trí huệ, chánh kiến không sai lầm, nhẫn thọ Phật, pháp, tăng, nhẫn thọ sự nhục mạ, đánh đập, chửi rủa, việc ác, tham, sân, si, v.v..., tất cả đều có thể nhẫn thọ. Có thể nhẫn những việc khó nhẫn, có thể làm những việc khó làm, đây gọi là nhẫn nhục xuất thế gian.

Thiện nam tử! Bồ tát nếu gặp người khác đánh mắng, khinh miệt, hủy nhục, chửi rửa, lúc ấy, trong lòng không khởi tâm niệm báo thù. Bồ tát thực hành hạnh nhẫn nhục, không cầu quả báo hiện đời, mà cầu sự lợi ích đời vị lai. Nếu được đối xử tốt đẹp, Bồ tát tìm cách báo đáp. Nếu ai làm hại, Bồ tát cam tâm nhẫn chịu.

Thiện nam tử! Có nhẫn nhục mà không phải Ba la mật, có Ba la mật mà không phải nhẫn nhục, có nhẫn nhục mà vừa là Ba la mật, có vừa không phải nhẫn nhục vừa không phải Ba la mật.

Nhẫn nhục mà không phải Ba la mật, chẳng hạn như sự nhẫn nhục của thế gian, của Thanh văn, Duyên giác; Ba la mật mà không phải nhẫn nhục, chẳng hạn như Thiên Ba la mật; nhẫn nhục mà vừa là Ba la mật, chẳng hạn như bị kẻ khác chặt tay chân, móc mắt, chặt đầu, mà vẫn không khởi một niệm sân hận, hoặc là Bồ thí Ba la mật, Trì giới Ba la mật và Bát nhã Ba la mật; vừa không phải nhẫn nhục vừa không phải Ba la mật, chẳng hạn như sự trì giới, Bồ thí của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Nếu muốn tu nhẫn nhục, trước tiên phải diệt trừ tâm kiêu mạn, tâm sân hận, tâm si mê, không chấp tướng ngã, ngã sở, và tướng thường hằng của chủng tính. Nếu có thể quán sát như vậy, nên biết người đó có thể tu nhẫn nhục. Tu tập nhẫn nhục như vậy, tâm sẽ vui mừng. Người trí khi bị chửi rửa ác độc, nên nghĩ như vậy: “Những lời chửi rửa đó, không phải phát ra cùng một lúc. Lúc lời chửi trước được phát ra, lời chửi sau chưa có; lúc lời chửi sau được phát ra, lời chửi trước đã không còn. Nếu như những lời chửi rửa không hiện hữu cùng lúc, như vậy sự chửi rửa là vật gì? Chỉ là tiếng gió, tại sao ta phải giận dữ? Thân hiện nay của ta chỉ là sự hòa hợp của ngũ âm. Bốn âm kia không thấy được, không thể chửi rửa chúng được. Còn sắc âm do mười phần hòa hợp mà thành. Nhưng sự hòa hợp này, niệm niệm đều khác nhau. Nếu có sự khác biệt, ai là người bị chửi rửa? Hơn nữa, sự nhục mạ đó, chỉ là tiếng gió. Gió có hai loại: (1) ở ngoài, (2) ở trong. Đối với tiếng gió ở ngoài, ta đều không sinh tâm giận dữ, tại sao ta lại sinh tâm giận dữ với tiếng gió ở trong? Lời chửi rửa thế gian cũng có hai loại, một là đúng sự thực, hai là không đúng sự thực. Nếu như đúng sự thực, thì còn sân nổi gì? Còn nếu không đúng sự thực, người chửi

rửa sẽ bị người khác quở trách, đâu can dự gì đến ta, mà ta phải giận dữ. Nếu ta giận dữ, đó là tự làm ác. Vì sao? Vì giận dữ mà đọa lạc ba đường ác. Nếu như ta phải chịu khổ trong ba đường ác, tức là tự làm tự chịu khổ báo, cho nên nói tất cả thiện ác đều do thân mình tạo ra.

Thiện nam tử! Có năm điều kiện để tu hạnh nhẫn nhục: (1) không trả thù người làm ác đối với mình, (2) quán sát sự vô thường, (3) tu tập từ bi, (4) tâm không buông lung, (5) đoạn trừ tâm giận dữ.

Thiện nam tử! Người nào thành tựu năm điều kiện này, nên biết người đó có thể tu hạnh nhẫn nhục. Người nào ăn nói nhỏ nhẹ, làm thanh tịnh nghiệp thân và miệng, ôn hòa nhã nhặn, hỏi han chào đón, có thể quán sát tất cả nhân duyên khổ vui, nên biết người ấy có thể tu hạnh nhẫn nhục.

Người nào có thể tu “không tam muội”, quán sát chúng sinh đều là vô thường, nhận chịu sự khổ não, v.v..., lúc bị nhục mạ, có thể quán người nhục mạ giống như người cuồng, người si, trẻ con, đàn độn, nên biết người đó có thể tu hạnh nhẫn nhục.

Người trí nên quán sát rằng nếu người hơn ta chửi rửa, ta không nên giận dữ. Vì sao? Vì nếu ta sân, người đó có thể giết ta. Nếu người thua ta chửi rửa, ta cũng không nên báo thù. Vì sao? Không phải là người ngang hàng, nếu như báo thù, chỉ là tự làm nhục mình.

Ví như có người trao thuốc độc cho người khác, không ai trách hấn, nếu như hấn tự uống thuốc độc, ắt sẽ có người cười chê. Ta cũng như vậy. Nếu như giận đối người chửi rửa, ta sẽ chịu khổ não trong đời vị lai, tất cả hiền thánh sẽ quở trách ta. Do nhân duyên này, thân ta dù bị cắt xẻ từng phần, cũng không nên sinh lòng giận dữ. Phải nên quán sát sâu xa nhân duyên của nghiệp đời quá khứ, nên tu từ bi thương xót tất cả. Nếu như không thể nhẫn chịu việc nhỏ, ta làm sao có thể điều phục chúng sinh. Nhẫn nhục là chánh nhân của Bồ đề. A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, tức là quả của sự nhẫn nhục. Nếu ta không trồng hạt giống nhẫn nhục như vậy, làm sao có thể thu hoạch chánh quả.

Thiện nam tử! Nếu như người trí ưa tu hạnh nhẫn nhục, người ấy thường được đáng diệu ôn hòa, tính tình vui vẻ, mọi người thấy mặt đều

hoan hỷ, chiêm ngưỡng không chán; đối với người chịu giáo hóa, tâm không tham đắm. Người trí thấy kẻ oán thù đến gây sự, nên phát nguyện như sau: “Nguyện cho người oán thù này, trong đời vị lai sẽ thành cha mẹ, anh em, thân thuộc của ta, không còn giận ghét, oán hờn ta nữa. Những người thân hình tàn khuyết, diện mạo xấu xa, các giác quan không đầy đủ, thiếu thốn của cải, nên biết đều từ nhân duyên giận dữ mà bị quả báo, hiện nay sao ta lại không chịu tu hạnh nhẫn nhục.” Do nhân duyên này, người trí phải nên siêng tu hạnh nhẫn nhục.

Thiện nam tử! Lúc Bồ tát Ma ha tát tu hạnh nhẫn nhục, thường hay quán sát tội lỗi của sinh tử, ưa tu pháp hạnh, siêng năng đọc tụng, biên chép kinh điển của Như Lai, cúng dường sư trưởng cùng những bậc đức hạnh, chăm sóc người bệnh khổ, tu tập hạnh từ bi, thương xót tất cả chúng sinh, giúp người khác thoát ly khổ não. Thường ưa xuất gia, nhẫn đến trọn đời trì giới, tinh tiến, thu nhiếp sáu căn, không cho phát khởi nhân duyên phiền não, chẳng thà mất thân mạng, quyết không phá giới. Ưa lo lắng công việc cho người khác, thường có lòng hổ thẹn, ưa khen ngợi sự nhẫn nhục. Vì muốn điều phục chúng sinh, nên nhẫn chịu nhiều sự khổ sở; đối với kẻ oán còn có thể nhẫn nhịn, huống là người thân. Có thể nhẫn hai loại giận: một là giận loài hữu tình, hai là giận loài vô tình. Hy sinh sự vui của mình, để mọi người khác được vui. Không tưởng nghĩ đến người đem nhiều khổ đau đến cho mình, mà thường hay tưởng nghĩ đến người đem an vui cho mình dù rất ít. Xa lìa lời đâm thọc, không bao giờ nói khuyết điểm của người khác. Chỉ khuyên nhắc mọi người xa lìa phiền não, không bao giờ nói những điều mà người khác không thích nghe. Thanh tịnh các nghiệp thân khẩu ý, dứt trừ tất cả tội chướng. Nếu vì nhân duyên phiền não mà tạo tội, liền sinh lòng hổ thẹn, hối hận.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu hạnh nhẫn nhục, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu hạnh nhẫn nhục, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Sáu - Tinh Tiến Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Nhân chiềnh để tu hạnh sáu Ba la mật của bậc Đại Bồ tát là gì?”

- Thiện nam tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, chuyên tâm cần mẫn trừ diệt điều ác đã sinh, ngăn chặn điều ác chưa sinh, điều thiện chưa sinh làm cho sinh, điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng. Đây gọi là tinh tiến. Sự tinh tiến như vậy là nhân chính của sự tu hành Lục độ.

Sự tinh tiến như vậy, có thể làm cho hành giả thoát ly mọi cảnh giới phiền não.

Thiện nam tử! Nếu như có thể nhẫn thọ sự khổ ở ba đường ác, nên biết người đó thực sự có thể tu tập Tinh tiến Ba la mật, bình đẳng tu tập, không gấp rút, không hoãn đãi. Tinh tiến có hai loại: (1) chánh, (2) tà. Bồ tát sau khi xa lìa tà tinh tiến, tu tập chánh tinh tiến. Tu tập tín, thí, giới, vãng tuệ, từ bi, gọi là chánh tinh tiến; thường chí tâm tu tập, mỗi ngày ba thời tâm không hồi tiếc, đối với việc tu pháp lành, không bao giờ cảm thấy thỏa mãn. Tất cả sự học hỏi pháp thế gian và xuất thế gian đều gọi là tinh tiến. Bồ tát tuy không còn tham tiếc thân mệnh, nhưng vì muốn hộ trì Chánh pháp, thành thử phải trân trọng bảo hộ thân mệnh của mình.

Thường tu bốn uy nghi đúng như pháp, lúc tu pháp lành tâm không lười nghỉ. Dù mất thân mạng, cũng không đi ngược với Chánh pháp. Sự thành tựu của sáu Ba la mật đều do nhân duyên tinh tiến. Nếu tự mình đọc tụng, biên chép, suy ngẫm nghĩa lý của mười hai phần giáo, đây gọi là tự mình vì pháp mà siêng cần tu tập; nếu có thể đem những sự việc này, giáo hóa điều phục chúng sinh, đây gọi là vì người mà siêng cần tu tập.

Nếu vì giác ngộ mà tu tập đạo Bồ đề, bố thí, trì giới, đa văn, trí tuệ, tu học pháp thế gian, cúng dường cha mẹ, sư trưởng, những bậc đức hạnh, tu pháp xa ma tha, tỳ bà xá na, đọc tụng, biên chép mười hai phần giáo, lại có thể xa lìa tham lam, giận dữ, ngu si, v.v..., đây gọi là vì đạo Bồ đề mà siêng cần tinh tiến. Đây đều gọi là chánh tinh tiến, gọi là chánh nhân của sáu Ba la mật.

Thiện nam tử! Những người lười biếng, không thể trong một lúc bố thí tất cả, không thể trì giới, siêng cần tinh tiến, nhiếp tâm an định, nhẫn nhục việc ác, phân biệt thiện ác. Cho nên ta nói thành tựu sáu Ba la mật là do bởi sự tinh tiến.

Thiện nam tử! Có tinh tiến mà không phải Ba la mật, có Ba la mật mà không phải tinh tiến, có tinh tiến mà là Ba la mật, có vừa không tinh tiến vừa không phải Ba la mật.

Tinh tiến mà không phải Ba la mật, chẳng hạn như tà tinh tiến, tinh tiến làm việc thiện thế gian, tinh tiến của Thanh văn, Duyên giác; Ba la mật mà không phải tinh tiến, chẳng hạn như Bát nhã Ba la mật; có tinh tiến vừa là Ba la mật, chẳng hạn như năm Ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định; vừa không phải tinh tiến vừa không phải Ba la mật, chẳng hạn như sự bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ và tất cả việc thiện của tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập tinh tiến, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập tinh tiến, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Bảy - Thiên Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát tu tập Thiên định Ba la mật như thế nào?”

- Thiện nam tử! Thiên định tức là giới, từ, bi, hỷ, xả, xa lìa kiết phược, tu tập pháp lành, đây gọi là thiên định.

Thiện nam tử! Nếu không có thiên định, ngay việc thế gian còn không thành tựu, huống hồ là việc xuất thế gian? Cho nên các ông phải hết lòng tu tập.

Bồ tát muốn thành tựu thiên Ba la mật, trước tiên phải nên gần gũi chân thực thiện tri thức, tu tập các phương tiện để thành tựu tam muội, đó là giới giới, giới nhiếp các căn, dứt các tà mệnh, sống đúng như pháp. Tùy thuận lời dạy của sư trưởng, tu các pháp lành, tâm không nhàm chán; lúc tu pháp lành, tâm không ngừng nghỉ.

Thường ưa chỗ vắng lặng, xa lìa ngũ cái, tâm ưa suy ngẫm, quán lỗi lầm của sinh tử. Thường hết lòng tu tập pháp lành, không hề bỏ phé, đầy đủ chánh niệm, đoạn trừ những sự buông lung. Lời nói cẩn thận, giảm bớt sự ngủ nghỉ, ăn uống. Thân tâm thanh tịnh, không gần bạn xấu, không tới lui với người ác, không ưa việc đời. Biết thời, biết pháp, biết rõ tự thân. Quán sát tâm lý, hoặc vui, buồn, giận, nhu nhược, cố chấp. Biết rồi, có thể trừ diệt. Giống như người thợ bạc, khéo biết sự nguội nóng, không làm hư hoại. Ưa thích mùi vị cam lộ; dù ở trong pháp thế gian, thâm tâm không dao động, giống như núi Tu di, không bị bốn luồng gió làm cho khuynh động. Chánh niệm vững vàng, biết rõ lỗi lầm của pháp hữu vi. Nếu như ưa tam muội như vậy, không ngừng không nghỉ, nên biết người ấy có thể chứng đắc thiền định, ví như cọ cây lấy lửa, nếu cọ không ngừng, sẽ dễ bắt lửa.

Thiện nam tử! Nếu không tu tam muội, mà muốn được pháp thế gian cùng pháp Bồ đề xuất thế gian, ắt là vô lý.

Thiện nam tử! Tất cả tam muội, đều là căn bản của tất cả pháp lành, do nhân duyên này, cần phải nhiếp tâm. Giống như người cầm kính, ắt thấy tất cả những việc thiện ác, cho nên tam muội được gọi là sự trang nghiêm của Bồ đề.

Thân tâm được an lạc, gọi là tam muội; không tăng không giảm, gọi là đẳng tam muội. Từ lúc bắt đầu quán tưởng xương, nhãn đến khi đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, đều gọi là tam muội.

Tam muội này có bốn loại: (1) từ sự ham muốn, (2) từ sự tinh tiến, (3) từ tâm niệm, (4) từ trí tuệ. Do bốn duyên này, được vô lượng phước, tăng trưởng tất cả thiện pháp.

Lại có ba loại: (1) từ sự nghe pháp, (2) từ sự tư duy, (3) từ sự tu tập. Tu pháp này, từ từ phát sinh thiền định.

Lại có ba thời: (1) lúc sinh khởi, (2) lúc an trụ, (3) lúc tăng trưởng.

Thiện nam tử! Trong cõi dục giới, có chủng tử tam muội; do nhân duyên chủng tử, được ba loại Bồ đề. Ba loại tam muội này có thể thoái thất, an trụ, hoặc tăng trưởng. Nếu ở cõi Tứ thiên, thể tính của tam muội ắt sẽ kiên cố. Nếu theo thứ lớp, từ cõi Sơ thiên lên đến cõi Phi tướng phi phi tướng, thì cõi trên thù thắng hơn cõi dưới.

Trong căn bản thiên thì có sự hỷ lạc, còn trong trung gian thiên thì không có. Sáu pháp thân thông cũng thế, ở trong căn bản thiên chứ không ở chỗ khác. Tam muội đó gọi là Bồ đề trang nghiêm. Do tam muội này mà được các giai vị Học và Vô học, bốn Vô lượng tâm, ba giải thoát môn, lợi mình lợi người, vô lượng thần túc thông, tha tâm thông, có thể điều phục chúng sinh, vô lượng trí tuệ, ngũ trí tam muội, chuyển hóa độn căn thành lợi căn, đoạn trừ tất cả sinh lão bệnh tử, có thể thành tựu Nhất thiết chủng trí, thấy tất cả pháp tánh, giống như nhìn qua lớp lụa mỏng.

Thiện nam tử! Người trí nên quán sát như sau: “Tất cả phiền não đều là oán thù lớn của ta. Vì sao? Vì phiền não có thể phá hoại tất cả, cho nên ta phải tu tập tâm từ bi, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, và vì muốn được vô lượng pháp lành thanh tịnh.”

Nếu có người nói: “Lìa tâm từ bi vẫn có thể được pháp lành.” Đây là điều phi lý. Lòng từ bi có thể đoạn trừ pháp bất thiện, làm cho chúng sinh lìa khổ được vui, hủy diệt cõi dục. Lòng từ nếu duyên với cõi dục, thì gọi là lòng từ của cõi dục.

Thiện nam tử! Người nào có thể tu tập tâm từ, người ấy sẽ được vô lượng công đức. Lúc tu tâm từ, nếu có thể trước tiên đem sự an vui đến cho kẻ oán thù, đây gọi là tu tập tâm từ.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh có thể chia làm ba loại: (1) kẻ oán thù, (2) người thân thích, (3) người không thân không thù. Ba loại như vậy gọi là cảnh duyên của tâm từ. Người tu tập tâm từ, trước tiên nên bắt đầu từ những người thân thích, muốn làm cho họ thọ hưởng sự an lạc, sau khi thành tựu điều này, kế đó mới đến kẻ oán thù.

Thiện nam tử! Sự sinh khởi của tâm từ, có khi nhân trì giới mà phát sanh, có khi nhân bố thí mà phát sanh. Nếu như có thể quán sát kẻ oán thù như đứa con của mình, đây gọi là chúng được tâm từ.

Thiện nam tử! Tâm từ chỉ có thể đoái hoài, mà không thể cứu khổ. Tâm bi thì không thế, vừa đoái hoài vừa cứu khổ.

Thiện nam tử! Nếu người nào có thể quán sát việc lành, dù nhỏ mảy may, của kẻ oán thù, không thấy việc ác của họ, nên biết người ấy đang tu tập tâm từ. Giả như có người, kẻ oán thù mắc

phải bệnh khổ, mà có thể đến thăm hỏi, chăm sóc, cung cấp những vật cần dùng, nên biết người đó khéo tu tập tâm từ.

Thiện nam tử! Nếu có thể tu hành nhẫn nhục, nên biết đó là nhân duyên tu tâm từ. Tâm từ là nhân duyên của tất cả mọi sự an lạc. Người nào có thể tu tập tâm từ, nên biết người đó có thể diệt trừ tất cả nhân duyên của sự kiêu mạn, có thể thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, như pháp tu hành.

Nếu có người tu định, nên biết người ấy đang tu tập phước đức của Phạm thiên, vì được thân Phạm thiên, nên được gọi là phước đức Phạm thiên. Nếu có người quán sát tội lỗi của sinh tử, công đức của Niết bàn, thì dù bàn chân người ấy có dẫm phần ấu, cũng phải nên đội đầu cung kính. Người ấy có thể nhẫn được những việc khó nhẫn, làm được những việc khó làm, có thể tu tứ thiền, tứ không định, cùng pháp bát giải thoát.

Lại nên nghĩ như vậy: “Tất cả chúng sinh tạo ác nghiệp thân khẩu ý, trong đời vị lai sẽ thọ quả báo khổ, ta nguyện nhận chịu tất cả. Còn nếu ta có tạo được quả báo lành nào, nguyện cho tất cả chúng sinh sẽ được cùng ta hưởng thọ.” Lòng từ bi đó, nếu cảnh duyên rộng lớn, thì sẽ rộng lớn, còn nếu cảnh duyên nhỏ hẹp, thì sẽ nhỏ hẹp. Từ bi có ba loại: thượng, trung, hạ. Lại có ba loại: (1) duyên với người thân, (2) duyên với kẻ thù, (3) duyên với người không thân không thù. Lại có ba loại: (1) duyên với tâm tham, (2) duyên với chúng hữu tình, (3) duyên với chúng vô tình. Những cảnh duyên như thế, đều gọi là tam muội. Các tâm bi, hỷ, xả, cũng giống như vậy.

Thiện nam tử! Có thiền định mà không phải Ba la mật, có Ba la mật mà không phải thiền định, có thiền định vừa là Ba la mật, có vừa không phải thiền định vừa không phải Ba la mật.

Thiền định không phải Ba la mật, chẳng hạn như thiền định của thế tục, Thanh văn, Duyên giác; Ba la mật không phải thiền định, chẳng hạn như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến; thiền định vừa là Ba la mật, chẳng hạn như Kim cương tam muội; vừa không phải thiền định vừa không phải Ba la mật, chẳng hạn như các thiện pháp phát sinh từ văn, tư của tất cả chúng sinh, cùng Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập thiền định thanh tịnh, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập thiền định thanh tịnh, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Phẩm Hai Mươi Tám - Bát Nhã Ba La Mật

Thiện Sinh bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Bồ tát tu Bát nhã Ba la mật thanh tịnh như thế nào?”

Thiện nam tử! Nếu có Bồ tát trì giới, tinh tiến, đa văn, chánh niệm, tu hạnh nhẫn nhục, thương xót chúng sinh, tâm thường hổ thẹn, xa lìa sự đố kỵ, chân thực biết rõ các phương tiện lành, vì chúng sinh chịu khổ mà không hối tiếc, thoát lui, ưa làm việc bố thí, có thể điều phục chúng sinh, khéo biết chỗ phạm tội là nặng hay nhẹ, siêng năng khuyên nhắc chúng sinh làm việc phước thiện, biết chữ biết nghĩa, tâm không kiêu mạn, gần gũi bạn lành, có thể làm lợi ích cho mình và người; cung kính Tam Bảo, sư trưởng, hòa thượng, các bậc trưởng lão đức hạnh, đối với thân tu tập Bồ đề, không khởi tâm khinh rẻ, có thể quán sát công đức thâm diệu của Bồ đề; biết rõ tướng thiện ác, biết tất cả thanh luận của thế gian và xuất thế gian, biết rõ nhân quả, biết phương tiện đầu tiên và căn bản, nên biết người ấy có thể được trí tuệ.

Trí tuệ có ba loại: (1) từ văn phát sinh, (2) từ tư phát sinh, (3) từ tu phát sinh. Từ văn tự mà hiểu nghĩa, gọi là từ văn phát sinh; từ sự suy ngẫm mà hiểu nghĩa, gọi là từ tư phát sinh; từ sự tu tập mà hiểu nghĩa, gọi là từ tu phát sinh.

Có thể đọc tụng mười hai phần giáo của Như Lai, phá trừ lưới nghi, đọc tụng tất cả thế luận, thế sự, khéo léo phân biệt nẻo tà nẻo chánh, đây gọi là trí tuệ.

Có thể phân biệt mười hai phần giáo, nhân quả, chữ nghĩa của âm, nhập, giới, v.v..., tướng của tỳ bà xá na, xa ma tha, thiện, ác, vô ký

và tứ diên đảo, kiến đạo, tu đạo, có thể khéo léo phân biệt những sự việc như vậy, gọi là trí tuệ.

Thiện nam tử! Người trí muốn chứng đắc thập lực, tứ vô sở úy, đại bi, tam niêm xứ, phải thường gần gũi Đức Phật và đệ tử của Ngài. Trong đời không có Phật pháp, thường theo ngoại đạo xuất gia tu học, tuy theo tà đạo, thường cầu Chánh pháp; thường tu tập từ, bi, hỷ, xả và pháp ngũ thông. Sau khi chứng được ngũ thông, quán sát bất tịnh và sự vô thường; có thể nói rõ tội lỗi của pháp hữu vi. Vì chánh ngữ, dạy chư chúng sinh học tập thanh luận. Có thể làm cho chúng sinh xa lìa bệnh khổ của thân tâm, ưa đem việc đời dạy dỗ người khác; thành tựu sự nghiệp không ai hơn được, chẳng hạn, chú thuật, các loại thuốc thang, khéo làm ra tiền của, biết cách giữ gìn, tiêu dùng đúng chỗ, như pháp bố thí. Tuy hiểu biết tất cả, không sinh lòng kiêu mạn, được công đức lớn, vẫn không tự mãn; có thể dạy dỗ chúng sinh chánh tín, bố thí, trì giới, đa văn, trí tuệ. Biết rõ phương tiện là thiện, ác hoặc vô ký, khéo biết nhân duyên học hành thứ lớp; biết rõ đạo Bồ đề và sự trang nghiêm Bồ đề; biết rõ căn cơ thượng, trung, hạ của chúng sinh. Biết thanh luận thế gian, tâm không đắm nhiễm; biết rõ chúng sinh, tùy căn cơ mà điều phục; biết rõ thế gian hữu tình và vô tình, biết từ đâu đầy đủ sáu Ba la mật.

Thiện nam tử! Có trí tuệ không phải Ba la mật, có Ba la mật không phải trí tuệ, có trí tuệ vừa là Ba la mật, có vừa không phải trí tuệ vừa không phải Ba la mật.

Trí tuệ không phải Ba la mật, chẳng hạn tất cả trí tuệ của thế gian, trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác. Ba la mật không phải trí tuệ, không có nghĩa này. Trí tuệ vừa là Ba la mật, tức là tất cả sáu Ba la mật. Vừa không phải trí tuệ vừa không phải Ba la mật, chẳng hạn như sự bố thí, trì giới, tinh tiến của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Thiện nam tử! Nếu có người siêng năng tu tập sáu Ba la mật, thì đó là người cúng dường sáu phương, có thể tăng trưởng tài sản và thọ mạng.

Thiền nam tử! Bồ tát có hai hạng: một là tại gia, hai là xuất gia. Bồ tát xuất gia tu tập trí tuệ thanh tịnh, điều này không khó. Bồ tát tại gia tu tập trí tuệ thanh tịnh, điều này mới khó. Vì sao? Vì người tại gia bị nhiều ác duyên ràng buộc.

Lúc nói pháp ấy, một ngàn vị ưu bà tắc, trưởng giả Thiện Sinh, v.v..., phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Sau khi phát tâm, từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ Đức Phật, rồi trở về bản xứ.

Hết